

KHUẤT NGUYỄN



SỞ TỪ



VĂN HỌC

KHUẤT NGUYỄN

SỎ' TÙ'

Người dịch và chú thích

ĐÀO DUY ANH và NGUYỄN SĨ LÂM

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

HÀ NỘI — 1974

Dịch từ nguyên bản chữ Hán

KHUẤT NGUYỄN VÀ TÁC PHẨM CỦA ÔNG

Cũng như Kinh Thi, « Sở từ » với giá trị hiện nhiên của nó, từ lâu vẫn được công nhận là đỉnh cao của thơ ca cổ đại Trung-quốc. Nhưng so với Kinh Thi, Sở từ đạt tới bước phát triển rất lớn về mặt chủ đề cũng như về mặt nghệ thuật thể hiện, nhất là về sử dụng từ ngữ cũng hết sức đẹp đẽ và phong phú. Chính vì vậy với tư cách là một thể loại văn học mới, Sở từ xuất hiện vào thế kỷ thứ 4 trước công nguyên ở nước Sở (nam Trung-quốc) ngay tức khắc rọi sáng thi đàn thời ấy và họ tên của Khuất Nguyên — người sáng tạo thể loại đã được coi là nhà thơ vĩ đại đầu tiên trên lịch sử Văn học Trung-quốc.

Thời đại Khuất Nguyên sống (390-278 trước công nguyên) được mệnh danh là « Chiến Quốc »

khi 12 nước lớn thời Xuân Thu đã hợp thành 7 nước lớn giành giật quyền bính từ tay nhau, nhằm thống nhất Trung-quốc. Lúc bấy giờ nước Sở - tổ quốc của Khuất Nguyên từng là xứ sở hùng mạnh đang bước vào thời kỳ suy vong. Khuất Nguyên - nhà tư tưởng và chính trị lớn đương thời tuy được Sở Hoài vương trọng dụng phong làm tả thừa (một chức quan gần gũi nhà vua) nhưng các chủ trương cải cách chính trị của ông ngày một mâu thuẫn với quyền lợi của các đại thần trong triều. Bọn chúng gồm thượng quan đại phu Cần Thuợng, lệnh doãn Tử Lan, tư mã Tử Tiêu, nam hậu của Hoài Vương Trình Tự... lập mưu gièm pha Khuất Nguyên một cách hiểm độc. Hoài vương ngu muội và bất lực dần dần xa lánh Khuất Nguyên, thậm chí còn bắt ông đem đi đày. Trải hơn 20 năm phiêu bạt, Khuất Nguyên một mực trung thành với lý tưởng của mình, không hề khoan nhượng, thỏa hiệp với tập đoàn thống trị hủ bại. Ông cũng không bao giờ xa rời tổ quốc nước Sở, ngược lại ông ngày một quan tâm đến cuộc sống, nỗi khổ và nguyện vọng của nhân dân xứ sở. Và lời nói qua thơ ca của ông cũng ngày một vang lên mạnh mẽ:

Chỉ thở dài mà gạt lệ a
Thương nhân dân còn khổ nhiều
(Ly tao)

Muốn vùng dậy mà chạy vung a
Thấy khổ dân mà phải lặng
(Trừu tư)

Hoàng thiên mệnh chẳng chắc a
Đề trăm họ phải điêu tàn
Dàn ly tán mà lạc nhau a
Chạy sang Đông tháng trọng xuân
(Ai sinh)

Có thể nói Khuất Nguyên không bao giờ viết như một người đứng ngoài quan sát lạnh lùng mà như một ca sĩ giàu lòng yêu nước, ông hát với tình cảm sâu sắc toát lên từ đáy lòng. Đối với ông nỗi khổ đau của đất nước và nhân dân cũng chính là nỗi bất hạnh của mình. Và sự phồn vinh của đất nước, hạnh phúc của nhân dân cũng chính là hạnh phúc của riêng ông. Cho đến khi chết ông vẫn trung thành với lòng tin yêu ấy. Chính ông đã mở ra con đường của chủ nghĩa yêu nước trong sáng tác nghệ thuật của các nhà thơ

Trung-quốc từ bao nhiêu thế kỷ nay, khiến ông trở thành nhà thơ vĩ đại đầu tiên được cả nhân dân Trung-quốc suốt 2.000 năm qua luôn luôn tưởng nhớ. Hàng năm cứ đến ngày 5 tháng 5 tương truyền là ngày nhà thơ yêu nước Khuất Nguyên tự vẫn trên dòng Mịch la, thuộc tỉnh Hồ-nam bây giờ, nhân dân khắp nơi lại bơi thuyền rồng trên sông, ăn bánh gói lá rồi ném bánh xuống sông, mong giao long ăn bánh mà chở cò ria xác Khuất Nguyên.

Về các sáng tác của Khuất Nguyên, theo sử liệu của Tư mã Thiên cũng như của các nhà nghiên cứu Sở từ sớm nhất vào thời Hán là Lưu Hương, Vương Dật và các nhà nghiên cứu hiện đại như Quách mạt Nhược, Mã mậu Nguyên..., tuy có nhiều dự đoán khác nhau về thời gian, song nói chung đều thiên về ý kiến cho rằng những tác phẩm chính của Khuất Nguyên phần lớn được viết sau khi Khuất Nguyên bị vương triều ruồng bỏ. Như « Ly tao », « Cửu chương », « Cửu ca », « Thiên vấn »... Riêng trong « Cửu chương » tuy có một số bài thuộc các tác phẩm sáng tác ở thời gian đầu, nhưng phần lớn vẫn là những bài viết vào lúc cuối đời của nhà thơ yêu nước. Về khối lượng tác phẩm, cũng theo tư liệu trong « Hán thư, Nghệ Văn Chí », « Sở từ chương

củ» của Vương Dật, «Sở từ tập chú» của Chu Hi, «Sử ký, liệt truyện Khuất Nguyên»... có thể khẳng định: Khuất Nguyên đã viết tới 23 trước tác nổi tiếng bao quát một phạm vi nội dung phong phú. Đó là thiên «Quất tụng» xinh xắn, giản dị, «Cửu ca» tươi tắn và linh hoạt, «Thiên vấn» hùng tráng và kỳ lạ, «Ly tao» cùng phần lớn của «Cửu ca» sôi sục như mưa giông, chớp giật, vừa huy hoàng rực rỡ lại vừa cô đọng sâu lắng. Tất cả những sáng tác ấy đều được viết trong mối quan hệ hữu cơ với sự phát triển của xã hội, phản ánh sâu sắc mỗi xung đột to lớn của lịch sử xã hội, tinh thần chính nghĩa bị chà đạp, số phận đau thương của đất nước và tâm lòng cao thượng ôm ấp lý tưởng nhưng bị dầy vò không có lối thoát đến trở thành dằn vặt, đau khổ. Có thể nói ngòi bút của ông là ngòi bút của nhà tư tưởng chân chính đã vạch ra ý đồ của xã hội đương thời bằng nhiệt tình mạnh mẽ, đồng thời với nhạy cảm của nhà nghệ thuật vĩ đại, ông phơi bày không thương tiếc những mâu thuẫn trong đời sống xã hội.

Như mọi người đều biết, đặc điểm của thời đại Khuất Nguyên là cuộc đấu tranh giữa «thất hùng» nhằm giành quyền thống trị ngày càng trở nên gay

gắt, diễn biến thành những cuộc chiến tranh khốc liệt, kéo dài. Chủ đề đó đã được đề cập trong tác phẩm của Khuất Nguyên – « Quốc thương ». Ở đây bằng nhiệt tình sôi nổi, nồng bỏng, ông ca ngợi khí phách hiên ngang, tinh thần dũng cảm của các anh hùng, chiến sĩ yêu nước hy sinh trên chiến trận. Đặc biệt là tác phẩm tiêu biểu « Ly tao » xuất hiện với chiều dài 373 câu, 2473 chữ là thiên « trường ca » đầu tiên lớn nhất trên lịch sử văn học Trung-quốc. Mã mậu Nguyên gọi đây là « ngọn hải đăng rực rỡ, rọi sáng con đường phát triển của thơ ca Trung-quốc từ 2.000 năm nay.

Thật vậy, « Ly tao » với tinh thần dân sâu sắc của nó thể hiện một cách chân thực số phận, thái độ chính trị, lòng căm giận, tinh thần kiên quyết không chịu thỏa hiệp và lòng yêu nước nồng nàn của tác giả, qua đó nói lên thái độ, yêu cầu và nguyện vọng của nhân dân nước Sở sống dưới ách thống trị, bóc lột nặng nề của vương triều nước Sở đang ngày một suy đồi. Hơn nữa tinh thần dân của tác phẩm này còn được biểu lộ ở chỗ nhà thơ đã tố cáo một cách sắc bén cuộc sống xa hoa, bon chen, giả dối, bệnh hoạn của các triều thần, chỉ ra nền chính trị hủ bại của vương triều nước Sở đi ngược lợi ích của nhân dân.

Đề so sánh, nhà thơ giàu tài năng này đã tìm về những trang đẹp nhất trên lịch sử Trung-quốc, miêu tả sinh động các thời đại của vua Nghiêu, vua Thuấn trong truyền thuyết thần thoại. Đó đó trong sáng tác của mình nhà thơ đã làm hòa hợp thành một khối việc lý tưởng hóa lịch sử trước kia với những cảnh tượng suy tưởng và thần thoại khiến tác phẩm « có tầm bao quát rộng lớn này phản ánh một cách huy hoàng tình cảm của nhân loại. Mặt khác tác phẩm « Ly tao » còn nói lên những thử nghiệm sâu sắc trong đời sống của nhà thơ, đạt tới mẫu mực của tác phẩm thơ tự truyện, trữ tình tuyệt mỹ, diễn tả toàn bộ thân thể sự nghiệp, tình cảm và hoài bão chính trị « trị quốc, tu thân » của bản thân nhà thơ.

Những người nghiên cứu « Sở từ » đời sau thường nói: « Ở cương vị nhà chính trị Khuất Nguyên là một nhà thơ nhiệt thành nhưng trên cương vị nhà thơ Khuất Nguyên lại bộc lộ rõ khuynh hướng chính trị của mình ». Theo ông « trị quốc » và « tu thân » chỉ là một. Đọc « Ly tao », người xem có thể dễ dàng nhận thấy hầu như trong toàn bài, tác giả đều nói đến « khoáng hoa thơm, mang cỏ lạ »... Chính là tượng trưng cho việc tự sửa mình. Và cũng xuất phát từ

yêu cầu này, ông nêu lên niềm mong ước của mình về cải cách chính trị. Ông nêu lên những thí dụ về các thành quân, hiền tướng và cũng kể ra hàng loạt những thí dụ về các « hôn quân » làm hỏng việc nước :

Nghiêu, Thuấn sáng lớn a
Theo đường chính mà đặc đạo.
Kiệt Trụ luống tưởng a
Đi đường tà mà khuynh đảo.

Từ đó Khuất Nguyên nêu lên yêu cầu lớn của xã hội, đòi hỏi vương triều cải cách chính trị và chính bản thân nhà thơ đã kiên trì, giữ vững lý tưởng và yêu cầu đó của mình cho đến phút cuối cùng. Chính vì vậy những nội dung cụ thể của những điển hình do Khuất Nguyên xây dựng trên đây không những chỉ phản ánh mâu thuẫn của hiện thực mà còn phản ánh sâu sắc những mâu thuẫn và đau khổ trong nội tâm của tác giả, khiến « Ly tao » không những mang hơi thở của thời đại, đồng thời còn mang dấu ấn cá tính đậm nét trong sáng tác của nhà thơ thiên tài.

Hoặc như « Cửu ca » vốn là một thể ca khúc cổ đại được Khuất Nguyên tiếp thu một cách sáng tạo

đề viết nên 11 bài thơ cũng với đầu đề « Cừu ca », nhưng mang phong cách rất độc đáo. Tất cả 11 bài thơ này bao phủ trong màu sắc thần thoại và tưởng tượng diệu kỳ mà hình thức lại hết sức tươi tắn, nội dung sinh động và súc tích... Hầu hết các nhân vật « thần », kể cả thần trong giới tự nhiên như thần nước, thần núi, thần sao, thần mặt trời, thần mây... đều được tác giả nhân cách hóa, thể hiện tinh thần cường tráng theo đuổi lý tưởng, tình cảm mãnh liệt, tâm hồn khoáng đạt của bản thân người viết. Bên cạnh đó vẫn thấy toát lên những mâu thuẫn gay gắt của hiện thực và nội tâm tác giả. Chẳng khác nào các vị thần, trong yêu đương mà vẫn thấy buồn phiền, dần vật. Và người đọc dễ dàng nhận thấy đằng sau những miêu tả phức tạp ấy chính là sự tỏ bày, thò lộ tình cảm chính trị vô cùng đau khổ của ông.

« Thiên văn », tác phẩm kỳ lạ này của Khuất Nguyên viết dưới dạng những câu hỏi. Với trên 170 câu mang kiến thức uyên bác, tác giả nêu lên hàng loạt vấn đề về cấu tạo của thiên thể, về truyền thống lịch sử cổ đại, về tín ngưỡng tôn giáo, về truyền thuyết thần thoại, về quan niệm nhân sinh. Riêng đối với cấu tạo của thiên thể, nhà thơ hỏi: Thiên thể do ai sáng tạo? Tại sao lại chia thành 12 phần đều nhau?

Mặt trời, mặt trăng, các vì sao tại sao không rơi xuống? Mặt trời ngày đi bao dặm đường, đêm trốn đi đâu? Mặt trăng sao khi tròn, khi khuyết? v.v... Qua những câu hỏi đó chứng tỏ: đối với các hiện tượng trong giới tự nhiên, Khuất Nguyên không chỉ đơn thuần là nhà thơ giàu trí tưởng tượng mà còn là nhà khoa học đi tìm hiểu chân lý. Điều ấy cũng thật dễ hiểu, vì trên lịch sử Trung quốc, thời đại Khuất Nguyên chính là thời đại hoàng kim của nền văn hóa đang đà phát triển rực rỡ, nảy sinh hàng loạt nhà tư tưởng chính trị, thiên văn, số học... xuất sắc. Khuất Nguyên với tài năng, vị trí của ông thời đó không thể không chịu ảnh hưởng của các học thuyết của các nhà khoa học đương thời, khiến trí tuệ của ông đạt tới mức phát triển toàn diện. Trên vị trí của nhà thơ giàu trí tưởng tượng bay bổng, Khuất Nguyên đồng thời có đôi mắt sắc sảo của chim đại bàng luôn luôn phát hiện những mâu thuẫn trong xã hội, những chân lý trong cuộc sống, tạo nên tính tư tưởng sâu sắc trong các tác phẩm trữ tình, độc đáo. Người đời sau nối tiếp qua bao thế hệ vẫn tìm thấy ở « Thiên văn » nguồn tài liệu quan trọng nghiên cứu tư tưởng, học vấn của Khuất Nguyên cũng như tư tưởng, lịch sử xã hội Trung-quốc cổ đại.

Chín bài trong « Cửu chương » là do người đời Hán sưu tầm sáng tác của Khuất Nguyên tập hợp lại thành sách, nên các bài ở đây không phải là tác phẩm thuộc cùng một thời kỳ của người viết. Trong đó những tác phẩm viết về sau mang nặng tình cảm ai oán, phẫn uất như « Ai sinh », « Hoài sa »... Thời kỳ này vương triều nước Sở liên tiếp bị nước Tần lừa gạt, đến nỗi Hoài vương cũng bị Tần dụ đi, rồi bị bắt làm tù binh, chết ở nhà tù nước Tần. Con trai Hoài Vương là Khoảnh tương vương kế vị lại còn ngu muội hơn cha... Đến năm 21 Khoảnh tương vương (278 trước công nguyên) đại binh phe Tần công phá Sinh đồ — kinh thành nước Sở, thiêu hủy các lăng mộ của các triều đại nước Sở, đầy cơ đồ nước Sở đến chỗ xụp đổ. Lúc này Khuất Nguyên 62 tuổi, đứng trước quang cảnh đất nước điêu linh, ông trút niềm uất hận vào bài « Ai sinh » và trước khi chết lại viết « Hoài sa ».

Qua các tác phẩm chủ yếu trên đây của Khuất Nguyên có thể thấy ông là nhà thơ yêu nước có tư tưởng chính trị cao đẹp, đồng thời cũng là nhà thơ luôn quan tâm đến cuộc sống của nhân dân. Lý tưởng của ông vào lúc đó là phù hợp với nguyện

vọng của nhân dân nhưng không được vương triều nước Sở chấp nhận và cuối cùng ông đã đem cả sinh mệnh của mình hiến dâng cho lý tưởng, cho quê hương nước Sở. Kết thúc bi thảm đó của cuộc đời nhà thơ thiên tài khơi lên mỗi đồng cảm, đồng tình sâu sắc và lòng kính yêu của đông đảo nhân dân Trung quốc đối với ông qua các thời đại.

Kể từ thời Chiến quốc tới cuối Tây Hán trải trên 400 năm trong « Sở từ chương cú » do Vương Dật biên soạn, những cuốn đầu là tập hợp các tác phẩm của Khuất Nguyên. Sau đó qua thời đông Hán tới Đường, Tống... ảnh hưởng của Khuất Nguyên trong thơ ca Trung-quốc vẫn cứ tiếp diễn cho mãi tới cuối đời Thanh vẫn không hề giảm sút. Có thể nói thể loại « Sở từ » trong văn học Trung-quốc đã được phát triển là nhờ có Khuất Nguyên sáng tạo nên. Các tác gia lớn như Tống Ngọc, Cảnh Sai cũng người nước Sở, Giả Nghị Hoài nam tiều sơn, Đồng Phương Sóc, Nghiêm Kỳ, Vương Bao, Lưu Hương, Vương Dật... người thời Hán sáng tác phủ đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của Khuất Nguyên, khiến thể « Tao » (tức Sở từ) cùng với Kinh Thi trở thành hai thể loại tiêu biểu cho hai giai đoạn của lịch sử thơ ca cổ điển Trung-quốc.

Nhưng nếu đặt bên nhau, người đọc sẽ dễ dàng nhận thấy một số tác phẩm của Kinh Thi tuy có mang dấu ấn cá tính của tác giả nhưng nhìn chung vẫn là những sáng tác có tính chất quần chúng. Chỉ ở tác phẩm của Khuất Nguyên mới thực sự mang dấu ấn cá tính rõ nét, thể hiện lý tưởng, số phận, nỗi khổ đau, nhiệt tình và toàn bộ cuộc đời của tác giả. Do vậy tác phẩm của Khuất Nguyên thực sự là sáng tác của nhà thơ có tài năng. So với Kinh Thi, sáng tác của Khuất nguyên về cú pháp, khuôn khổ cũng như về phương pháp thể hiện đều đạt tới bước phát triển, đổi mới về căn bản, phù hợp với việc thể hiện những nội dung tương đối phức tạp. Do đó đứng về mặt lịch sử văn học mà xét, tác phẩm của Khuất Nguyên kết thúc một thời đại, đồng thời mở ra một thời đại mới trong sáng tác thơ ca và bản thân Khuất Nguyên cũng trở thành người cách mạng thơ ca vĩ đại trong lịch sử văn học Trung-quốc. Ông mở rộng văn học dân gian trở thành thể loại văn học mới, phù hợp với đời sống, đưa thơ ca của quần chúng nhân dân lên trình độ sáng tạo, nghệ thuật, mở ra con đường sáng tạo cho vô số các nhà thơ nối tiếp sau ông. Một đặc điểm nữa trong sáng tác của Khuất Nguyên là tác giả đã xây dựng được một loạt hệ thống hình

tượng sinh động và phong phú, nhằm phản ánh chân thực mâu thuẫn của hiện thực cũng như mâu thuẫn, xung đột trong nội tâm của mình Ở « Ly tao » tác giả miêu tả rất nhiều về « cô thom », « người đẹp » — « cô thom sánh với hành vi cao đẹp, « Người đẹp » nói lên lý tưởng mà tác giả theo đuổi. Mặt khác tác giả còn sử dụng hàng loạt thủ pháp miêu tả có tính thần thoại « Ăn cúc non », « uống sương sa » — « thoát tới núi thần, vút lên thiên đình »; mặt trời, vành trăng, mây mưa, gió bão được tác giả tự do sai khiến... Trong những miêu tả lý kỳ nhiều về ấy có lúc ngọn bút của tác giả sôi lên như sóng cả gầm thét, có lúc lại trôi đi êm ả như mưa phùn, gió nhẹ, trải ra trước mắt người đọc những hình tượng đẹp đẽ, hoàn chỉnh. Và người đọc lập tức nhận ngay thấy ở đằng sau đó là lý tưởng, tình cảm mãnh liệt, tâm hồn rộng lớn cùng hoài bão to lớn của người viết.

Về mặt hình thức, Khuất Nguyên đã vận dụng sáng tạo âm luật tự nhiên của ca dao, phá vỡ thể thơ 4 chữ, chuyển phong cách thơ tả thực thành phong cách thơ lãng mạn, đạt tới hiệu quả nghệ thuật rất cao. Thí dụ nổi bật là những câu chốt ở đoạn 5 của « Ly tao ». Tác giả viết cảnh bay bổng trên khoảng không: « Hạp cả đoàn nghìn xe a, Đều

chuông ngọc mà cùng ruổi» cũng là viết về phẩm chất cao quý, khi phách hào hùng của chính tác giả. Đoạn miêu tả này đạt tới đỉnh: « Cho tinh thần bay vọi vọi ». Rồi đột ngột tác giả chuyển nhạc điệu, thể hiện nỗi sầu muộn cũng tới tột cùng: « Bỗng nhác thấy ngay làng quê, tở sinh bi mà ngơ nhớ chuông a. Đều ngoái nhìn thôi chẳng đi »... Tác phẩm lớn « Ly tao » đã kết thúc vào đúng lúc nỗi đau khổ trong nội tâm đầy mâu thuẫn của tác giả đạt tới điểm nút và kết cấu của tình tiết cũng đạt tới cao trào, để lại trong người đọc ấn tượng sâu sắc đầy tinh kịch. Đây chính là thành công rực rỡ trong nghệ thuật sáng tác của tác giả. Cho đến nay hai nghìn năm đã trôi qua, đọc tác phẩm của Khuất Nguyên, chúng ta luôn luôn tìm thấy hiện thân tinh cách vĩ đại, tình cảm chân thật lúc dạt dào sôi nổi, lúc thiết tha trầm lắng mà những đợt sóng lớn của ngôn ngữ đã đưa truyền đi tri tưởng tượng kỳ diệu và những câu từ lớn lao của chính bản thân người viết.

Và những hình tượng nghệ thuật do nhà thơ lớn Khuất Nguyên sáng tạo trải 20 thế kỷ vẫn giữ nguyên sức sống mạnh mẽ khiến người đọc ngày nay rung động, cảm phục.

NGUYỄN ĐẠI

LỜI NHỮNG NGƯỜI DỊCH

Có mấy điểm cần xin bạn đọc chú ý :

Văn bản *Sổ từ* xưa nhất là văn bản của Vương Dật đời Đông Hán (trong *Sổ từ bồ chú*). Nhưng bản này sai và sót nhiều. Chúng tôi tham khảo thêm văn bản của Mã Mậu-nguyên (*Sổ từ tuyền*) và văn bản của Quách Mạt-nhược (*Sổ từ kim dịch*) cùng mấy bài dẫn trong *Khuất nguyên liệt truyện* của Tư-mã Thiên (*Sử ký*) mà hiệu đính thành một văn bản chúng tôi cho là tương đối chính xác để dịch. Về tự nghĩa và điển tích chúng tôi cũng tham khảo cả các sách trên mà lựa chọn ý kiến xác đáng nhất.

Như bạn đọc đều rõ *Sổ từ* là một thể văn đặc biệt được gọi là « Tào » có cách đây ngót 2.000 năm. Dịch những tác phẩm thuộc thể loại này là một việc rất khó, nhất là về mặt truyền cảm. Về phía người dịch chúng tôi đã cố bám sát ý và từ của nguyên tác, đồng thời chú ý dịch theo đúng thể cách của tác phẩm nhằm cung cấp cho các bạn đọc làm công tác nghiên cứu một bản dịch tương đối trung thành với nguyên tác.

Riêng về chữ *hề*, âm xưa của nó là *a*, đó là tiếng đệm trong câu hát xưa của Trung-quốc, cũng giống như tiếng *ê* tiếng *a* là tiếng đệm trong câu hát xưa của ta, chúng tôi dịch là *a*, chứ không theo cách dịch của người trước.

Chắc hẳn bản dịch này còn nhiều thiếu sót, mong các bạn góp ý kiến để bản dịch sau này có thể tốt hơn.

I. CỬU CA

(Đ. D. Anh dịch)

Phiên âm

ĐÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

- 1 Cát nhật hề thi lương,
Mục tương du hề Thượng hoàng.
Phủ trường kiếm hề ngọc nhĩ,
Cử tương minh hề lâm lang.
Dao tịch hề ngọc trấn,
- 6 Hạp tương bá hề quýnh phương.
Huệ hào chung hề lan tạ,
Diện quố tửu hề tiêu tương.
Dương phu hề phủ cò,
Sơ hoãn tiết hề an ca,

- 11 Trần vu sát hề hạo xướng.
Linh yền kiên hề giáo phục ;
Phương phi phi hề mãn đường.
Ngũ am hề phiên hội ;
Quân hân lân hề lạc khang.

ĐÔNG QUÂN

- 16 Đôn tương xuất hề đông phương.
Chiếu ngô hạm hề phù tang.
Phủ dư mã hề an trì.
Dạ hạo hạo hề ký minh,
Giá long châu hề thừa lời ;
- 21 Tái văn kỳ hề ủy đà ;
Trường thái tức hề tương thượng ;
Tâm đề hời hề cố hoài.
Khương thanh sắc hề ngu nhân ;
Quan giả dâm hề vong qui.
- 26 Căng sắt hề giao cò ;
Tiêu chung hề đao cử ;
Minh trì hề xuy vu,
Tư linh bảo hề hiền khóa.
Huyer. phi hề thủy tăng.

- 31 Triền thi hề hội vũ,
 Ứng luật hề hợp tiết.
 Linh chi lai hề tế nhật.
 Thanh vân y hề bạch nghề thường.
 Cử trường thi hề xạ Thiên lang ;
36 Thao dư hồ hề phản luân giáng ;
 Viện Bắc đầu hề chúc quế tương.
 Soạn dư bí hề cao trì tường ;
 Điều minh minh hề dĩ đông hàng.

VÂN TRUNG QUÂN

- Dục lan thang hề mộc phương.
41 Hoa thái y hề nhã anh (ang).
 Linh liên quyền hề ký lưu,
 Lạn chiêu chiêu hề vị ương.
 Kiền tương đảm hề thọ cung.
 Dữ nhật nguyệt hề đồng quang.
46 Long giá hề dĩ phục,
 Liêu cao du hề chu chương.
 Linh hoàng hoàng hề ký giáng.
 Diệm viễn cử hề vân trung.
 Lâm Kỳ châu hề hữu dư ;

- 51 **Hoành tứ hải hề yên cùng.**
Tư phù quân hề thái tức.
Cực lao tâm hề sung sung.

TƯƠNG QUÂN

- Quân bất hành hề di do,**
Kiên thủy lưu hề trung châu.
- 56 **Mỹ yếu điều hề nghi tu,**
Bái ngô thừa hề quốc châu.
Lệnh Nguyên Tương hề vô ba ;
Sứ Giang thủy hề an lưu.
Vọng phù quân hề vị lai,
- 61 **Xúy sâm sai hề thủy tư.**
Giá phi long hề Bắc chinh,
Triền ngô đạo hề Động đình.
Bệ lệ phá hề huệ trừu ;
Tôn nhiều hề lan tinh ;
- 66 **Vọng Sâm dương hề cực phổ ;**
Hoành Đại giang hề dương linh.
Dương linh hề vị cực,

- Nữ thuyền viên hề vị dư thái tức.
 Hoành lưu thổ hề sần viên;
 71 Ân tư quân hề phi trắc.
 Quế trạo hề lan tiết.
 Trắc băng hề tích tuyết.
 Thái bệ lệ hề thủy trung.
 Kiền phù dung hề mộc mạc.
 76 Tam bất đồng hề môi lao;
 Ân bất thậm hề khinh tuyết.
 Thạch lại hề thiên thiên;
 Phi long hề phiến phiến.
 Giao bất trung hề oán trường;
 81 Kỳ bất tín hề cáo dư dĩ bất nhân.
 Triều sinh vụ hề Giang cao;
 Tịch my tiết hề Bắc chữ.
 Điều thứ hề ốc thượng;
 Thủy chu hề đường hạ.
 86 Quyền dư quyết hề Giang trung;
 Di dư bội hề Lễ phổ.
 Thái phương châu hề đồ nhả,
 Tương dĩ di hề hạ nữ.
 Thì bất khả hề tái đắc,
 91 Liêu tiêu dao hề dung dư.

TƯƠNG PHU NHÂN

- Đế tử giáng hề Bắc chữ.
Mục điều điều hề sâu dư.
Niều niều hề thu phong;
Động đình ba hề mộc điệp hạ.
- 96 Dăng Bạch phiên hề sinh vọng.
Dữ giai kỳ hề tịch trương.
Điều hà tụy hề tần trung;
Tăng hà vi hề mộc thượng.
Nguyên hữu chi hề Lễ hữu lan,
- 101 Tư công tử hề vị cảm ngôn.
Hoảng hốt hề viễn vọng,
Quan lưu thủy hề sản viên.
Mì hà thực hề đình trung;
Giao hà vi hề thủy duệ.
- 106 Triều tri dư mã hề Giang cao;
Tịch tế hề tây thệ.
Văn giai nhân hề triệu dư,
Tương đẳng giá hề giai thệ.
Trúc thất hề thủy trung;
- 111 Tiếp chi hề hà cái.
Tồn bích hề tử đàn;

- Bá phương tiêu hề thành dương.
 Quế đồng hề lan liêu ;
 Tân di my hề thuộc phòng.
- 116 Vồng bệ lệ hề vi duy ;
 Tịch huệ miên hề ký trương.
 Bạch ngọc hề vi trấn ;
 Sơ thạch lan hề vi phương ;
 Chỉ nhung hề hà ốc ;
- 121 Liêu chi hề đồ hành ;
 Hợp bách thảo hề thực đình ;
 Kiến phương hình hề vu môn.
 Cửu nghi bàn hề tinh nghinh.
 Linh chi lai hề như vân.
- 126 Quyên dư duệ hề Giang trung ;
 Di dư điệp hề Lễ phố,
 Kiên đình châu hề đồ nhả,
 Tương dĩ di hề viễn giả.
 Thì bất khả hề sâu đặc,
- 131 Liêu tiêu dao hề dung dữ.

DẠY TƯ MỆNH

Quảng khai hề Thiên môn,
 Phan ngô thừa hề huyền vân.

Lệnh phiêu phong hề tiên khu,
Sử đồng vũ hề sái trần.

136 Quân hồi tường hề dĩ hạ.
Du Không-tang hề tông nữ.
Phân tông tông hề cứu châu,
Hà thọ yêu hề tại dư.
Cao phi hề an tường;

141 Thừa thanh khí hề ngự âm dương;
Ngô dữ quân hề tề tốc,
Đạo đế chi hề cứu khang.
Vân y hề bị bị;
Ngọc bội hề lục ly.

146 Nhất âm hề nhất dương.
Chúng mạc tri hề dư sở vi.
Chiết sơ ma hề dao hoa,
Tương dĩ di hề ly cư.
Lao nhiễm nhiễm hề kỷ cực.

151 Bất tâm cận hề dư sơ.
Thừa long hề lân lân;
Cao tri hề xung thiên.
Kết quả chi hề diên trử,
Khuông dữ tư hề sâu nhân.

- 156 Sầu nhân hề nại hà.
 Nguyên nhược kim hề vô khuỵ.
 Cố nhân mệnh hề hữu đá.
 Thực ly hợp hề hà vi.

THIỆU TỬ MỆNH

- Thu lan hề my vu.
161 La sinh hề đường hạ.
 Lục điệp hề tổ chi.
 Phương phi phi hề tập dư.
 Phù nhân hề tự hữu mỹ tử.
 Tôn hà dĩ hề sâu khổ.
166 Thu lan hề thanh thanh.
 Lục điệp hề tử hành.
 Mãn đường hề mỹ nhân.
 Hốt độc dư dư hề mục thành.
 Nhập bất ngôn hề xuất bất từ;
171 Thừa hồi phong hề tái vân kỳ.
 Bi mạc bi hề sinh biệt ly;

Lạc mạc lạc hề tân tương trí.

Hà y hề huệ đới,

Thúc nhi lai hề hốt nhi thệ.

176 Tịch túc hề đế giao,

Quân thủy tu hề văn chi tế.

Dữ như mộc hề Hàm trì;

Hy như phát hề dương chi a.

Vọng mỹ nhân hề vị lai,

181 Lâm phong hoàng hề hạo ca.

Không cái hề thủy tinh,

Đăng cửu thiên hề phủ tuệ tinh.

Đồng trường kiếm hề ứng ấu ngái.

Tôn tộc nghi hề vi dân chính.

HÀ BẢ

186 Dữ như du hề cửu hà.

Xung phong khí hề thủy dương ba.

Thừa thủy xa hề hà cái.

Giá lưỡng long hề tham ly.

Đăng Côn lôn hề tứ vọng.

- 191 Tâm phi dương hề hạo dăng.
Nhật tương mộ hề trường vong quy.
Duy cực phổ hề ngụ hoài.
Ngư lân ốc hề long đường.
Tử bối khuyết hề châu cung.
- 196 Linh hà vi hề thủy trung.
Thừa bạch ngoan hề trục văn ngư.
Dữ nhữ du hề hà chí chữ.
Lưu tư phân hề tương lai hạ.
Tử giao thú hề Đông hành ;
- 201 Tống mỹ nhân hề Nam phổ.
Ba thao thao hề lai nghinh ;
Ngư lân lân hề dừng dự.

SƠN QUÍ

- Nhược hữu nhân hề sơn chi a.
Bị bệ lệ hề dới nữ la.
- 206 Kỳ hàm đệ hề hựu nghi tiểu.
Tử mộ dư hề thiện yếu diệu.
Thừa xích báo hề tông văn lý ;

- Tân di xa hề kết quế kỳ ;
 Bị thạch lan hề đới đồ hành ;
- 211 Chiết phương hình hề di sở ty.
 Dư xử u hoàng hề chung bất kiến thiên ;
 Lộ hiềm nan hề độc hậu lai.
 Biều độc lập hề sơn chi thượng ;
 Văn dung dung hề nhi tại hạ.
- 216 Điều minh minh hề khương trú hối ;
 Đông phong phiêu hề thần linh vũ.
 Lưu linh tu hề đảm vong quy,
 Tuế ký yển hề thực hoa dự.
 Thái tam tú hề ư sơn gian ;
- 221 Thạch lỗi lỗi hề cát man man.
 Oán công tử hề trưởng vong quy ;
 Quân tử ngã hề bất đặc nhân.
 Sơn trung nhân hề phương đồ nhĩ,
 Âm thạch tuyền hề ẩm tùng bá.
- 226 Quân tử ngã hề nhiên nghi tác.
 Lôi diên diên hề vũ minh minh ;
 Viên thu thu hề dứ dạ minh.
 Phong táp táp hề mộc tiêu tiêu ;
 Tư công tử hề độc ly ưu.

QUỐC THƯƠNG

- 231 Tháo Ngô qua hê bị tề giáp,
Xa thác cốc hê doãn binh tiếp.
Tinh tế nhật hê địch nhược vãn;
Thi giao trụ hê sĩ tranh tiên.
Lãng dư trận hê liệt dư hàng,
236 Tả tham ế hê hữu nhĩn thương.
Mai lưỡng luân hê trấp tứ mã.
Viện ngọc phù hê kích minh cò;
Thiên thì trụ hê uy linh nộ,
Nghiêm sát tận hê khí nguyên dã.
241 Xuất bất nhập hê vãng bất phản;
Bình nguyên hốt hê lộ siêu viễn.
Đái trường kiếm hê hiệp Tần cung;
Thủ thân ly hê tâm bất trùng.
Thành ký dũng hê hựu dĩ vũ,
246 Chung cương cường hê bất khả lãng.
Thân ký tử hê thần dĩ linh;
Hồn phách nghị hê vi quĩ hùng.

LỄ HỒN

Thành lễ hề hội cò,
Truyền ba hề đại vũ.

251 Khóa nữ xương hề dung dữ.
Xuân lan hề thu cúc,
Trường vô tuyết hề chung cò.

Dịch nghĩa

THẦN ĐÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

*1 Ngày tốt a thời lành,
Kính sửa soạn vui a dâng dâng thượng hoàng,
Cầm quơ dài a mũi đeo ngọc,
Ngọc cù kêu a leng keng.
Chiếu cò dao a trán bằng ngọc,
Sao chẳng cầm a cành quỳnh thơm.
Thịt chưng bọc huệ a cơm lột lan,
Cùng rượu quế a tương tiêu.*

*Dơ dui a đánh trống,
Nhịp khoan khoan a hát dịu dàng,
11 Bày khèn và đàn sắt a hát to.
Hồn uốn éo a mặc đẹp,
Thơm phưng phức a đầy nhà.
Năm âm rộn a hợp điệu,
Ngài hân hoan a vui yên.*

THẦN ĐÔNG QUÂN

*Hung hừng sắp mọc ra a ở phương Đông,
Chiều lan can ta a cây phù tang.
Thăng ngựa ta a toan đi đâu?
Đêm tung tung a đã sáng.
Ngồi xe rồng a cỡi sấm;
21 Chở cờ mây a lượn đi,
Thò dài a mà lên xe,
Lòng bồi hồi a ngoái lại nhớ.
Thanh sắc sao a vui người!
Người xem vui lòng a quên về.
Đàn gảy gập a đánh trống đối;
Khua chuông a lay già treo;*

- Rúc sáo lớn a thổi kèn.
Nghĩ linh a hiền và đẹp,
Thân nhẹ nhõm a như chim thủy bay.*
- 31 *Xướng thơ a cùng nhau múa,
Đúng âm luật a hợp nhịp.
Linh đến a che cả mặt trời,
Áo như mây xanh a xiêm như ráng trắng.
Giơ tên dài a bắn sao Thiên lang,
Cầm cung ta a lại chìm xuống.
Giơ sao Bắc đẩu a rót rượu quế.
Năm dây cương ta a ruổi bay cao,
Tối mù mù a mà đi về phương Đông.*

THẦN VÂN TRUNG QUÂN

- Tầm thang lan a gọi nước thơm;*
- 41 *Áo ngũ sắc a hoa đỏ nhả.
Linh uốn lượn a đã ở đây,
Sáng rực rỡ a vờ cùng,
Sấp yên vị a ở tầm cung.
Cùng nhật nguyệt a ngang ánh sáng;
Cỡi xe rồng a áo ngũ sắc như năm đẽ,
Lại bay du lãm a khắp nơi.*

Linh huy hoàng a đã giáng,
Lại vụt cất a trong mây.
Xem Kỳ châu a và hơn nữa.
51 Khấp bốn biên a sao cùng?
Nhớ ngài a thỏ dài.
Lòng rất nhọc a buồn rầu.

THẦN TƯƠNG QUÂN

Ngài không đi a cứ do dự,
Ai giữ lại a ở trong bãi?
Đẹp bao nhiêu a sửa sang!
Ta cỡi lướt a thuyền quế,
Bảo sông Nguyên-tương a đừng nổi sóng.
Khiến sông Giang a êm dòng.
Trông mong Ngài a chưa lại,
61 Thời ông tiêu a nhớ ai!
Cỡi thuyền rồng a bay lên Bắc,
Ta chuyền đường a sang Động-dinh.
Lựa bằng bệ lẹ a trêu bằng huệ;
Chèo lái bằng gỗ tòn a tua cờ bằng lan.
Trông Sầm-duyên a cửa sông xa tít.
Qua sông lớn a linh bay,

- Linh bay a chưa đến,
 Chị em gái a vì ta thờ dài.
 Lệ chảy ngang a đàn đưa,
 71 Ngăm nhớ Ngài a bồn chồn.
 Mãi chèo bằng quế a lái bằng lan,
 Chém bằng a chưa tuyết.
 Hái hoa bệ lệ a trong nước;
 Bè hoa phù dung a ngọn cây.
 Lòng chàng cùng a luống nhọc mỗi;
 Ăn chàng sâu a dứt dễ dàng.
 Ghèn đá a nước chảy xiết,
 Ròng bay a phăng phăng.
 Tình không trung hậu a oán dài.
 81 Hẹn chàng tin chắc a lại bảo rằng không rồi.
 Sớm ruồi ngựa a vụng sông,
 Tối yên nghỉ a bãi Bắc.
 Chim đậu a trên nóc,
 Nước quanh a dưới nhà.
 Vút vòng ngọc của ta a trong sông Giang,
 Quăng chuỗi đeo của ta a của sông Lã.
 Hái đỗ nhả a trên bãi thơm,
 Toan gởi cho a phụ nữ hạ giới.
 Thời không thề a được trở lại,
 91 Hãy tiêu dao a cho thành thời.

TƯƠNG PHU NHÂN

Để từ (con vua) xuống a bãi Bắc,
Mắt dăm dăm a sâu vì ta.
Hiu hắt a gió thu,
Động-đinh nổi sóng a lá cây rụng.
Lên Bạch-phiền a trông ngóng,
Vội ai hẹn a chiều hôm.
Chim núi đậu a trong bụi tần;
Lưới cá sao bủa a trên ngọn cây?
Sông Nguyên có bạch chi a sông Lẽ có lan.

101 Nhớ công từ a chưa dám nói.

Mù mờ a xa trông;
Nhìn nước chảy a ròng ròng.
Hươu nai sao ăn a trong sân?
Thường luồng sao a lên bờ nước?
Sớm ruồi ngựa a trên vụng sông;
Tối vượt sang a bờ phía tây.
Nghe giai nhân a gọi ta,
Sẽ cỡi bay a cùng đi.
Xây nhà a trong nước;

111 Lọp nóc a bằng lá sen.

Vách gỗ tôn a nền tổ từ bời.
Rải tiêu thơm a ở trên nhà.
Đòn nóc gỗ quế a cột hiên gỗ lan.

Mỹ cửa bằng tân di a phòng bằng bạch chi.
 Kết bệ lệ d làm màn;
 Đan hoa huệ a làm trướng;
 Ngọc trắng a làm trần;
 Rải thạch lan a cho thơm;
 Bạch chi kết a nóc là sen;
 121 Bước quán a bằng đồ hành;
 Hợp trăm giếng cỏ a đầy sân;
 Dụng hành lang và cửa a bằng cỏ thơm.
 Thần trên núi Cửu-nghi a rộn rước,
 Các thần đến a như mây.
 Vút áo ngấn ta a trong sông Giang;
 Quãng áo dài ta a ở cửa sông Lễ.
 Hải trên bãi a cây đồ nhā,
 Đề gởi biểu a người ở xa.
 Thời không thề a được với vàng.
 131 Hỡi tiêu dao a cho thành thời.

THẦN ĐẠI TỬ MỆNH

Mở rộng a cửa trời,
 Ta cỡi a mây huyền rộn.
 Sai gió xoáy a đi trước,
 Khiến mưa to a quét bụi,

Ngài bay lượn a mà xuống,
Vượt núi Không-tang a theo Ngài.
Người đông đúc a khắp chín châu,
Sao mệnh thọ yếu a đều ở ta!
Cao bay a liệng nhẹ,

141 Cỡi khí trong a chi phổi âm và dương.
Ta với Ngài a cùng mau chóng,
Dem uy trời đi a khắp chín châu.
Áo mây a lướt thướt,
Chuỗi ngọc a huy hoàng.
Một âm a một dương,
Chúng chẳng ai biết a ta làm gì!
Bẻ cây sớ ma a hoa ngọc dao,
Muốn dè tặng a người ở lìa xa.
Già sông sọc a tuổi đã hết,

151 Chàng gần gửi a lại xa nhau.
Cỡi xe rồng a rầm rầm,
Rudi cao a tận trời
Kết càn quế a đứng lặng,
Càng nghĩ ngợi a khiến người sầu.
Sầu người a làm sao được!
Nguyên như nay a chẳng suy vi.
Vốn mệnh người a đã định,
Lìa hay hợp a làm sao được!

THẦN THIẾU TU MỆNH

- Hoa thu lan a mầm my ou,
161 Mọc lan man a ở dưới nhà.
Lá xanh a cành trắng,
Thơm phoi phới a say ta.
Mỗi người đều có a người đẹp.
Sao Ngài lại a khô sầu?
Thu lan a muôn muốt,
Lá xanh a cọng tia;
Đầy nhà a người đẹp,
Bồng riêng với ta a liếc mắt đưa tình.
Vào chẳng nói a ra chẳng chào;
171 Cõi gió xoáy a chờ cò mây.
Buồn chẳng gì buồn bằng a sống ly biệt;
Vui chẳng gì vui bằng a mới biết nhau.
Áo sen a dài huệ,
Thoắt mà đến a thoắt mà đi.
Tối ngủ a gần trời,
Ngài chờ ai a bên mây?
Cùng Ngài gọi a ở Hàm-trì,
Ngài phôi tóc a góc núi phía nam.
Trông người đẹp a chưa lại,
181 Hưng gió buồn rầu a hát to.*

*Lòng lòng công a cò lòng chả,
Lên chín tầng trời a vỗ sao chồi.
Cầm guơm dài a ôm mầm non,
Ngài riêng được a năm sinh mệnh của người.*

THẦN HÀ PÁ

*Cùng Ngài chơi a chín sông,
Tùng gió nổi lên a cuộn sóng.
Cỡi xe nước a mũi lá sen;
Thăng đôi rồng a đồng con ly.
Lên Côn-lôn a nhìn bốn phía,
191 Lòng phấn khởi a thấy mệnh mang.
Ngày gần chiều a khuấy quên về;
Chợt tỉnh nhớ a cửa sông xa tit.
Vầy cá lộp nóc a nhà vẽ rồng;
Cửa sơn từ bồi a cung giát châu.
Ngài làm gì a ở trong nước?
Cỡi ngao trắng a đuổi cá hoa.
Cùng Ngài chơi a trên bãi sông,
Nước tung tóe a rời rớt xuống.
Ngài chấp tay a đi về phía Đông,*

201 Đưa người đẹp a về cửa sông miền Nam.
Sóng cuồn cuộn a lại rước;
Cà hàng hàng a đưa ta.

THẦN NÚI

Giống như có người a ở góc núi,
Áo khoác bằng bề lẹ a dài bằng nữ la.
Đã liếc mắt a lại nhoèn cười,
Người mến ta a khéo yêu điệu.
Cỡi báo đỏ a chồn vằn đi theo.
Xe tàn đi a kết cò quế.
Áo khoác thạch lan a dài đỏ hành.

211 Bè cảnh hương a gọi tặng người mình nhớ.
Ta ở rừng sâu a trợn chầng thấy trời;
Đường hiểm khó a mỉnh ta đến sau.
Đứng một mình a ở trên núi,
Mây ùn ùn a ở phía dưới.
Sao mịt mù a ngày tối sẫm!
Giò đông thời a mưa thần ứng theo.
Chờ đợi Ngài a buồn quên về.
Tuổi đã muộn a ai làm ta trẻ lại?
Hải tam tử a ở trong núi.

221 Đá lờm chớm a dầy dăng dặt.

Oán công từ a buồn quên về.

Chàng nhớ ta a chẳng được rồi.

Người trong núi a như đồ nhả thơm,

Uống nước suối đá a che bóng tùng bà.

Chàng nhớ ta a song còn ngờ.

Sấm vang vang a mưa mù mịt.

Vượn hú hú a tâu gọi đêm;

Gió phe phây a cây lung lay;

Nhớ công từ a lưỡng buồn rầu.

HỒN LIỆT SĨ

231 Cầm qua nước Ngô a mang giáp da tẻ.

Xe vương trực nhau a đánh nhau bằng

khí giới ngàn.

Cờ che mặt trời a quân địch như mây;

Tên chéo nhau rớt a binh sĩ tranh lên trước,

Lướt trận ta a vượt hàng ta.

Ngựa tả chết a ngựa hữu bị thương.

*Ngập hai bánh xe a bốn ngựa như trời.
Múa dùi ngọc a đánh trống vang ;
Trời như sập a quì thần giận.
Chết trận hết a bỏ đồng nội.*

- 241 *Ra chẳng vào a đi chẳng về.
Đồng bằng mệnh mông a đường xa xôi.
Deo guom dài a cấp cung Tần.
Đầu mình lia a lòng chẳng sợ.
Gan đã đông a lại giới võ,
Vẫn cương cường a chẳng thè lãn.
Thân đã chết a thần còn thiêng,
Hồn phách mạnh a làm anh hùng quí.*

LỄ HỒN

- Lễ xong a đánh trống dồn ;
Giới hoa a múa làn lượt.*
- 251 *Đồng nữ đẹp hát a thông thả,
Dâng lan mùa xuân a cúc mùa thu.
Dài chẳng dứt a muôn đời.*

ĐÔNG HOÀNG THÁI NHẤT

- 1 Giờ lành a ngày tốt,
Hón hớ a kính Ngài.
Võ gương dài a cán đeo ngọc;
Ngọc leng keng a ánh sáng ngời;
Chiếu cơ dao a trấn bằng ngọc,
6 Sao chẳng cầm a cảnh quỳnh tươi!
Bọc huệ a đồ nấu,
Lót lan a mâm xôi.
Rượu quế a dâng cúng;
Rung trống a múa dùi.
Khoan nhịp a dịu hát,
11 Khèn đàn a hòa vui.
Bóng mặc đẹp a múa dẻo,
Hương đầy nhà a phơi phơi.
Năm cung bậc a hợp điệu,
Ngài hân hoan a tươi cười.

ĐÔNG QUẢN

- 16 Hùng sắp lên a ở phương Đông.
Sôi lơn ta a cây phù tang.

Ta thắng ngựa a đi đâu nhĩ ?
Đem dần dần a đã sáng choang.
Cỡi xe rồng a sấm vang.

21 Chờ chờ mây a lượn phôi.
Than thở dài a lên xe,
Lòng bồi hồi a ngoái lại.
Tiếng hay cùng a sắc đẹp.
Người xem vui a mãi quên.

26 Gảy đàn a đánh trống.
Lay giá a chuông rền,
Rúc sáo a thổi kèn,
Nghĩ Bóng a xinh đẹp,
Nhẹ nhõm a thúy bay,
31 Hát lên a múa nhịp.
Cung thương a hợp điệu,
Ngài tới a huy hoàng,
Áo may xanh a xiêm rắng bạc,
Phóng tên dài a bắn Thiên lang.

36 Mang cung ta a lại lặn xuống,
Cầm Bắc đầu a rót rượu nồng.
Đóng dây cương a ta cao rudi,
Trời mịt mù a trở lại Đông.

VÂN TRUNG QUÂN

- Tầm thang lan a gọi hương.
41 Mặc tươi sáng a y thường.
Bóng uốn lượn a đã đến,
Sáng rực rỡ a vô cương.
Bèn yên vui a nhà tầm,
Cùng nhật nguyệt a đồng quang.
46 Áo ngũ sắc a ngồi long giá,
Bay chu du a khắp bốn phương.
Ngài huy hoàng a đã giáng,
Bổng vụt lên a lưng chùng.
Xem Ký châu a chưa đủ,
51 Đạo bốn biển a khôn xong!
Tướng nhớ Ngài a than thở,
Lòng thần thức a phập phồng.

TƯƠNG QUÂN

- Ngài do dự a không đi,
Lưu luyến ai a bãi sông?
56 Yêu điệu xinh a dáng vẻ,
Lướt thuyền quẽ a rồng rồng.

- Bảo Nguyên-tương a dìm sóng,
 Khiến Đại-giang a êm dòng.
 Trông Ngài hoài a chưa đến,
- 61 Thôi sáo ngọc a chốc mòng.
 Cõi phi long a lên Bắc,
 Quay trở về a Động-dinh.
 Lụa bệ lệ a trừu huệ,
 Chèo lái tôn a cờ quỳnh.
- 66 Trông Sầm-dương a bến nọ,
 Qua Đại-giang a bay linh.
 Linh bay mãi a chưa đến,
 Thị nữ thương a thở dài.
 Chan nước mắt a dàn dựa,
- 71 Ngắm bồn chồn a nhớ ai.
 Mái chèo quế a lái lan,
 Chém băng tuyết a sáng ngời.
 Bẻ bệ lệ a trong nước.
 Trèo lên cây a hái sen.
- 76 Tâm không đồng a mối nhọc,
 Nghĩa chẳng nặng a dễ quên.
 Đá ghềnh a nước xiết,
 Phăng phăng a bay thuyền.
 Tình chẳng bền a dài oán,

- 81 Hẹn không giữ a bạn liền.
Sớm vụng sông a đuổi sóng,
Tối dừng đỗ a bãi xanh.
Trên nóc nhà a chim đậu,
Dưới thềm nhà a nước quanh.
- 86 Ném vòng tay a xuống nước,
Quăng chuỗi đeo a bên duyên.
Hái đỗ nhả à bãi thơm,
Đem cho gái a cỗi người.
Thời chẳng lui a vùn vụt,
- 91 Hãy tiêu dao a thánh thời.

TƯƠNG PHU NHÂN

- Đế tử xuống a bãi Bắc,
Mắt dăm dăm a ta sâu.
Gió thu nhẹ a hiu hắt,
Động-dinh sóng a lá vèo.
Lên Bạch-phiền a ta ngóng,
- 96 Cùng ai hẹn a trời chiều.
Trong bụi tần a chim núi đậu.

- Chài cá bủa a ngọn cây cao.
 Chỉ sông Nguyên a lan sông Lẽ,
 101 Nhớ công tử a chẳng hé môi.
 Vời chấp chờn a trông mãi,
 Nhìn nước chảy a xuôi xuôi.
 Hươu hoẵng sao a vào sân?
 Thường luồng sao a ở cạn?
 106 Sớm rong ngựa a vụng sông,
 Chiều bờ tây a qua bến.
 Nghe giai nhân a gọi ta,
 Cùng cỡi gió a cánh chấp.
 Trong nước a dựng nhà,
 111 Lá sen a nóc lợp.
 Vách tôn a sân bối tía,
 Rải tiêu a cả nhà trên.
 Dòn đồng a bằng gỗ quế,
 Cột hiên a gỗ mộc lan.
 116 Mi tân di a phòng bạch chỉ,
 Kết bệ lệ a làm màn che.
 Đan trướng a bằng hoa huệ,
 Ngọc trắng a làm trấn dè.
 Thạch lan rải a ngào ngạt,
 121 Buộc quán bằng a đồ hành.
 Hộp trăm hoa a đầy ò,

- Cò thơm rụng a lang quanh.
Cửu-nghe đón a nô nức,
Thần rườn rướt a hoan nghinh.
126 Ném áo ngắn a xuống nước,
Quăng áo dài a bên duềnh.
Hái đỗ nhả a trên bãi,
Đề tặng người a xa xôi.
Thời tốt lành a khó được,
131 Hãy tiêu dao a thành thời.

ĐẠI TỪ MỆNH

- Cửa trời a mở toang,
Ta cỡi a mây sấm.
Gió quạt a dẫn đường,
Mưa quét a bụi bặm.
136 Ngải quay về a hạ giới,
Vượt Không-tang a xăm xăm.
Khắp chín châu a bốn biển,
Tuổi thọ yểu a ta cầm.
Trong từng cao a ta bay liệng,
141 Cỡi khi trong a trị âm dương.

- Cùng với Ngải a đều rong ruổi,
 Dem uy Trời a khắp chín phương.
 Áo mây a phấp phới,
 Chuỗi ngọc a huy hoàng.
- 146 Một âm với a một dương
 Ai biết ta a chủ trương?
 Bè hoa gai a trắng nõn,
 Đề gởi tặng a người xa.
 Tuổi sông sọc a đã hết,
- 151 Chẳng gần gũi a lại sơ.
 Côi rỗng a rượt rượt,
 Ruổi cao a tận trời.
 Xoắn càn quế a đứng lặng.
 Cùng nghĩ ngợi a rồi bời.
- 156 Rồi bời lòng a sao được?
 Nguyên như nay a chẳng sai.
 Mệnh người a đã định,
 Hợp tan a tự ai?

THIỆU TỰ MỆNH

- Nở lan man a khắp dưới lầu,
 161 Hoa thu lan a dọt my vu.

- Lá xanh a cành tổ,
 Hương thơm a ngát ngào.
 Ai cũng có a người đẹp,
 Sao Ngài độc a túi sầu?
 166 Thu lan a vườn mượt,
 Cọng tia a lá xanh.
 Đây nhà a người đẹp,
 Riêng với ta a đưa tình.
 170 Khi đến a chẳng nói,
 170 Khi đi a chẳng chào.
 171 Gió xoáy cõi a cờ mây phất,
 Buồn sao buồn a sống cách nhau.
 Vui sao vui a mới biết nhau.
 Áo sen a dải huệ,
 Thoắt đến a thoắt bay.
 176 Tối ngủ a gần trời,
 Dợi ai a trên mây?
 Cùng Ngài tắm a ao ngọc,
 Tóc đón nắng a xoa phơi.
 Trông người đẹp a chưa đến,
 181 Hăng gió buồn a hát chơi.
 Lọng không tước a cờ phí thúy,
 Lên chín tầng a sờ sao chồi.
 Cầm gương dài a ôm mầm non,
 Minh Ngài quản a mệnh trẻ con.

HA BA

- 186 Cùng Ngài dạo a chín sông,
Gió nổi tuôn a sóng réo.
Ngồi xe nước a mũi sen,
Thằng đòi rồng a cho kéo.
Lên Côn-lôn a đưa mắt,
191 Phấn khởi nhìn a mệnh mang.
Khuấy quên về a gần tối,
Nhớ bến xa a băng khuâng.
Váy cá lợp nóc rồng vẽ gác,
Bồi tía sơn cửa cung giát châu.
196 Ngài làm gì a mãi trong nước?
Đuôi cá hoa a cỡi bạch ngao.
Cùng Ngài giỡn a bên bờ bến,
Bắn tung tóe a nước trắng ngần.
Ngài chấp tay a về Đông quách,
201 Xướng bến Nam a đưa mỹ nhân.
Sóng cuộn cuộn a xô lại rước,
Cá tiễn đưa a lội rần rần,

SƠN QUỖI

Như có người a trên góc núi,
Khoác bộ lệ a đeo nữ la.

- 206 Liếc khóe mắt a cười tùm tùm,
Tĩnh dịu dàng a đáng thương tha.
Cõi báo đả a dặt chồn vện,
Xe tân di a cò quế chi.
Khoác thạch lan a đeo đồ hành,
- 211 Bề cảnh hương a gọi tương tri.
Ta ở rừng a không thấy sáng,
Đường gấp ghềnh a chậm tới đây.
Đứng một mình a trên đầu núi,
Dưới ùn ùn a thấy nổi mây.
- 216 Sao mịt mù a ngày xẩm tối?
Gió đông dập a lại mưa dờn.
Chờ đợi Ngài a quên về mất,
Trẻ lại sao a tuổi đã chồn?
Hái cỏ chi a trong núi Vu,
- 221 Đá lờm chớm a dây lẩn man.
Giận công tử a quên trở về.
Chàng nhớ ta a mà chẳng nhận.
Người trong núi a thơm đồ nhả,
Uống nước suối a ngồi bóng tùng.
- 226 Chàng nhớ ta a còn nghi hoặc?
Sấm vang vang a mưa mịt mù.
Vượn hú nhau a tườu đêm gọi;
Gió phe phầy a cây lay rung.
Nhớ công tử a luống khổ lòng.

QUỐC THƯƠNG

- 231 Cầm qua Ngô a mang giáp tê,
Xe vương trực a đánh giáo mác.
Cờ rợp trời a địch như mây,
Tên chéo vút a quân giành trước.
Phá tung trận ă rồi hàng ngũ,
- 236 Ngựa tả chết a hữu bị thương.
Bánh xe ngập a trời bốn ngựa,
Múa dùi ngọc a trống khua vang.
Mệnh trời hồng a giận uy linh,
Chết trận hết a bỏ còn bãi,
- 241 Ra chẳng vào a đi chẳng về.
Bãi mệnh mang a đường xa ngái.
Deo gươm dài a đeo cung khỏe,
Đầu mình rời a khí vẫn hào.
Gan đã đồng a võ lại giỏi,
- 246 Vẫn cứng rắn a chẳng hề nao.
Thân chết rồi a thần vẫn linh,
Hồn rắn rỏi a làm quỉ tinh.

LỄ HỒN

Lễ xong rồi a đồn trống,
Giơ hoa múa a thay nhau.

251 Đồng nữ hát a thông thả,
Dàng lan xuân a cúc thu.
Muôn đời mãi a tuyết mù.

Tham khảo

Bản dịch QUỐC THƯƠNG của Nguyễn Đức Văn

Khiên năm vũng da tề mặc áo,
Xe tung hoành gươm giáo chạm tay.
Cờ rợp bóng, giặc như mây,
Quân giành lên trước, tên bay rào rào.
Vượt hàng ngũ ào ào xông miết,
Ngựa hai bên một chết một thương,
Năm dùi đánh trống ầm vang,
Xe chôn hai bánh, ngựa rãng bốn con.
Trời ảm đạm mây đồn gió giục,
Rợn rừng ghe quí khóc thần gào.
Đầy đồng xác chết chồng cao,
Giết phẳng không sót móng nào được tha.
Bao chiến sĩ có ra không lại,
Chôn xa trường vùi vùi xa xôi.
Cấp cung lớn, vác gươm dài,

Đầu dù lìa xác không rời lòng son.
Đã hùng mạnh lại còn oai vệ,
Tinh cương cường ai dễ khinh mà:
Chết rồi thần vẫn không nhòa,
Phách hồn rần ròi làm ma anh hùng.

II. BỐC CƯ

(Đ. D. Anh dịch)

Phiên Âm

- 1 Khuất Nguyên ký phóng,
Tam niên bất đắc phục kiến.
Kiệt trí tận trung,
Nhi tế chướng ư sàm.
Tâm phiên lự loạn.
- 6 Bất tri sở tòng.
Nãi vãng kiến thái bộc Trịnh Chiêm Doãn viết:
Dư hữu sở nghi.
Nguyện nhân tiên sinh quyết chi.
Chiêm Doãn nãi đoan sách phát qui viết:
- 11 Quân tương hà dĩ giáo chi?
Khuất nguyên viết:
Ngô ninh khồn khồn khoán khoán phác dĩ trung hồ?
Tương tống vãng lao lai tư vô cùng hồ?
Ninh tru sử thảo mao dĩ lực canh hồ?

- 16 Tương du đại nhân dĩ thành danh hồ?
 Ninh chính ngôn bất hủ dĩ nguy thân hồ?
 Tương tòng tục phú quý dĩ du sinh hồ?
 Ninh siêu nhiên cao cử dĩ bảo chân hồ?
 Tương xúc xỉ lạt tư ốc y nhu nhi dĩ sự phụ nhân
 hồ?
- 21 Ninh liêm khiết chính trực dĩ tự thanh hồ?
 Tương đột the hoạt kẻ như chí như vì dĩ dư khiết
 doanh hồ?
 Ninh ngang ngang nhược thiên lý chi câu hồ?
 Tương phiếm phiếm nhược thủy trung chi phù
 dĩ ba thượng hạ du dĩ toàn ngộ khu hồ?
 Ninh dữ kỳ ký kháng ách hồ?
- 26 Tương tùy nô mã chi tích hồ?
 Ninh dữ hoàng học tử dục hồ?
 Tương dữ kẻ vụ tranh thực hồ?
 Thử thực cát thực hưng?
 Hà khứ hà tòng?
- 31 Thế hỗn trọc nhi bất thanh;
 Thiên dục vi trọng,
 Thiên quân vi khinh;
 Hoàng chung ủy khí,
 Ngõa phũ lối minh;
- 36 Sàm nhân cao trương,
 Hiền nhân vô danh.

Hu ta mặc mặc hề!

Thùy tri ngô chi liêm trình?

Chiêm Doãn nãi thích sách nhi tạ viết;

41 Phù xích hữu sở đoán,

Thốn hữu sở trường;

Vật hữu sở bất túc,

Trí hữu sở bất minh;

Số hữu sở bất đệ,

46 Thần hữu sở bất thông.

Dụng quân chi tâm,

Hành quân chi ý,

Qui sách thành bất năng tri thử sự.

Dịch nghĩa:

1 Khuất Nguyên đã bị đuổi ba năm,

Không được thấy vua trở lại.

Hết tri hết trung,

Mà bị gièm pha che lấp;

Lòng phiền lo rối,

Không biết theo lối nào,

Đến gặp quan thái bôc Trịnh Chiêm Doãn nói

Ta có điều ngờ,

Muốn nhờ tiên sinh quyết đoán cho.

Chiêm Doãn bèn sắp thẻ và lau phôi vỏ rùa,

11 Nói: Ngài muốn dạy điều gì đây?

Khuất Nguyên nói:

*Ta nên khàn khàn khoản khoản thành thực hết
trung à?*

Hay nên vất vả tới lui đến vô cùng à?

Nên hết sức cuộc xáo cò tranh mà lực cạnh à?

*Hay nên giao du các bậc quyền quý để thành
danh à?*

Nên nói ngay chẳng kiêng mà nguy mình à?

Hay nên theo tục mà giàu sang để sống tạm à?

Nên siêu thoát cao thượng mà giữ chân lý à?

*Hay nên lựa lời chiều ý hề hà nhu nư mà thờ
đàn bà à?*

21 *Nên liêm khiết chính trực mà trong mình à?*

*Hay nên mềm dẻo trơn tru như mỡ như da mà
nịnh chiều à?*

Nên ngang tàng như ngựa nghìn dặm à?

*Hay nên lénh đanh như vịt nước ở trong nước
theo sóng chìm nổi để tạm trọn mình ta à?*

Nên ganh đua với ngựa ký à?

Hay nên theo dấu ngựa tời à?

Nên cùng chim học vâng đua cánh à?

Hay nên cùng gà vịt tranh ăn à?

Đấy, cái gì tốt cái gì xấu?

Điều gì nên bỏ điều gì nên theo?

31 *Đòi ngàu đục mà không trong;
Cánh ve là nặng,
Nghìn cân là nhẹ;
Chuông vàng bỏ xó,
Nồi đất kêu oang;
Người gièm được đề cao,
Người hiền sĩ thì không tiếng.
Than ôi! Vàng lạng a,
Ai biết ta là liêm và trung?
Chiêm Doãn bèn buông thõng mà tạ rằng:*

41 *Phàm thước có chỗ ngắn,
Tấc có chỗ dài;
Vật có chỗ không đủ,
Trí có chỗ không sáng;
Số có chỗ không xiết,
Thần có chỗ không suốt.
Như ngài dụng tâm,
Như ngài hành ý,
Rùa thò thực không thò biết việc ấy.*

Dịch thư

1 Khuất Nguyên bị đuổi,
Ba năm không được gặp lại chúa,

Dốc trí hết trung,

Mà bị gièm bỏ.

Lòng buồn lo rối,

6 Chẳng biết làm sao,

Rèn đi tìm Chiêm Doãn xin bói.

Rằng : Có điều nghi ngại.

Xin tiên sinh đoán cho.

Chiêm Doãn bèn đặt thẻ và lau vỏ rùa :

11 Ngài toan dạy gì đây ?

Khuất Nguyên liền đáp ngay :

Ta nên khàn khàn khoản khoản mà giữ trung à ?

Hay nên thủ ứng tới lui cho đến cùng à ?

Ta nên cuộc xáo vỡ vạc ra sức cày à ?

16 Hay nên giao du quyền quý mà thành danh à ?

Nên nói ngay chẳng kị mà nguy mình à ?

Hay nên theo đòi giàu sang mà cầu vinh à ?

Nên cất mình cao thượng mà giữ lẽ phải à ?

Hay nên e a nhu nhơ mà thờ con gái à ?

21 Nên liêm khiết chính trực mà trong veo à ?

Hay nên mềm dẻo trơn tru như mỡ như da mà
nịnh chiều à ?

Nên ngang tàng như ngựa nghìn dặm à ?

Hay nên lênh đênh như vọt nước theo dòng chìm
nổi mà cầu sống tạm à ?

Nên cùng kị kỵ đua đòi à ?

- 26 Hay nên theo dấu ngựa tời à ?
Nên cùng hồng học mà thi cánh à ?
Hay cùng gà vịt mà giành mảnh à ?
Cái gì tốt cái gì xấu ?
Gì nên theo gì nên bỏ ?
- 31 Đòi ngàu đục mà chẳng trong ;
Cánh ve nặng trĩu,
Nghìn cân nhẹ bong ;
Chuống vàng bỏ xó,
Chính đất kêu oang.
- 36 Kẻ gièm đặc chí,
Người ngay mũi lõng.
Ôi sao vắng lặng a ?
Ai biết ta liêm trung ?
Chiêm Doãn bèn buông thò mà tạ rằng :
- 41 Phàm thước có chỗ ngắn,
Tấc có chỗ dài ;
Vật có chỗ không đủ,
Trí có chỗ không ngơi ;
Số có chỗ không xiết,
- 46 Thần có chỗ không soi.
Dụng tâm như ngải,
Hành chí như ngải,
Thò rùa thực không thò biết được.

III NGƯ PHỦ

(Đ. D. Anh dịch)

Phân âm

1 Khuất Nguyên ký phóng.

Du ư Giang đàm.

Hành ngâm trạch bạn,

Nhân sắc tiêu tụy.

Hình dung khô khao.

6 Ngư phủ kiến nhi văn chi viết:

Tử phi Tam lư đại phu dư?

Hà cố chí ư tư?

Khuất Nguyên viết:

Cử thế giai trọc ngã độc thanh,

11 Chúng nhân giai tụy ngã độc tỉnh,

Thị dĩ kiến phóng.

Ngư phủ viết:

Thánh nhân bất ngưng trệ ư vật,

Nhi năng dĩ thế suy dĩ.

16 Thế nhân giai trọc,

Hà bất quật kỳ nê nhi dương kỳ ba?

Chúng nhân giai túy,

Hà bất bỏ kỳ tao nhi xuyết kỳ lý?

Hà cố thâm tư cao cử,

21 Tư lệnh phóng vi?

Khuất Nguyên viết:

Ngô văn chi

Tân mộc giả tất đàn quan,

Tân dục giả tất chấn y.

26 An năng dĩ thân chi sát sát,

Thụ vật chi vấn vấn giả hồ?

Ninh phó Tương lưu,

Táng ư giang ngư chi phúc trung.

An năng dĩ hạo hạo chi bạch,

31 Nhi mông thế tục chi trần ai hồ?

Ngư phủ hoan nhĩ nhi tiếu,

Cồ tiết nhi khứ.

Nãi ca viết:

Thương lang chi thủy thanh hề,

36 Khả dĩ trạc ngã anh ;

» Thương lang chi thủy trọc hồ.

Khả dĩ trạc ngã túc.

Toại khứ.

Bất phục dữ ngôn.

Dịch nghĩa :

Khuất Nguyên đã bị đuổi,

Đi dạo trên đầm sông.

Vừa đi vừa ngâm trên bờ chằm,

Sắc mặt tiêu tụy,

Dáng người gầy khô.

Ông chài trông thấy mà hỏi rằng:

Ngài có phải là Tam lu đại phu không?

Có sao lại đến thế này?

Khuất Nguyên nói:

Khắp đời đều đục mình ta trong;

1) *Mọi người đều say mình ta tỉnh;*

Vì thế mà bị đuổi.

Ông chài nói:

Thánh nhân không câu nệ ở vật,

Mà có thể cùng với đời đời đời.

Người đời đều đục,

Sao không sục bùn mà dậy sóng lên?

Mọi người đều say,

Sao không ăn cả bã mà uống cả hèm?

Cớ gì cứ nghĩ sâu làm cao,

21 *Đề khiến bị đuổi?*

Khuất Nguyên nói:

Ta nghe rằng,

Người mới gọi ắt phải mũ;

Người mới tắm ắt dũ áo;

Sao có thể đem cái thân sạch sẽ,

Mà chịu lấy nhớp nhơ của vật?

Thà nhảy xuống dòng Tương,

Mà chôn trong bụng cá rồng!

Sao có thể đem cái tiết trắng phau phau.

31 *Mà phủ lấy bụi bặm của thế tục?*

Ông chài mỉm cười,

Khua mái chèo mà đi,

Bèn hát rằng:

Nước Thương lang trong a,

Có thể giặt dải mũ của ta.

Nước Thương lang đục a,

Có thể rửa chân của ta.

Bèn đi,

Không nói với nữa.

Dịch thơ

- 1 Khuất Nguyên bị đuổi,
Đạo trên bờ đầm.
Vừa đi vừa ngâm,
Về mặt tiêu tụy,
Dáng người gầy còm.
- 6 Ông chài trông thấy liền ước hỏi:
Tam-lu đại phu đây phải không?
Vì sao mà đến nông nổi ấy?
Khuất Nguyên bèn đáp lại ung dung:
Mọi người đều say, mình ta tỉnh;
- 11 Khắp đời đều đục, mình ta trong.
Vì thế mà bị đuổi.
Ông chài nói:
Thánh nhân không câu nệ.
Theo đời mà biến thông.
- 16 Mọi người đều say,
Sao không uống tràn cho ngáy ngất đi?
Khắp đời đều đục,
Sao không theo dòng mà sục ngầu lên?
Lại cứ nghĩ sâu làm cao;
- 21 Đè đến nỗi bị đuổi nào!
Khuất Nguyên nói:
Ta nghe:

Người mới gọi thì phải khăn ;

Người mới tắm thì dũ áo.

- 26 Ai lại đem tắm thân trong vát,
Mà nhuộm lấy nhơ nhớp của vát?

Thà nhảy xuống dòng Tương,

Chôn trong bụng thường luồng!

Sao lại đem cái tiết sáng ngời,

- 31 Mà vùi vào bụi bặm của đời?

Ông chài tùm tùm cười,

Chèo thuyền mà đi,

Hát vang sông :

Nước Thương-lang trong a,

- 36 Thì ta giặt khăn đầu.

Nước Thương-lang đục a.

Thì ta rửa chân vào.

Chèo thuyền thẳng đi,

Không nói thêm gì.

IV. — LY TAO

(Đ.D. Anh dịch)

Phiên âm

- 1 Đế Cao Dương chỉ miêu duệ hê,
Trăm hoàng khảo viết Bá Dung.
Nhiep đề trình vu mạnh trâu hê,
Duy canh dân ngô dĩ giáng.
Hoàng lâm quỹ dư sơ độ hê,
6 Triệu tích dư dĩ gia danh.
Danh dư viết Chính tắc hê,
Tự dư viết Linh quân.
Phân ngô ký hữu thù nội mỹ hê,
Hữu trùng chi dĩ tu năng.
11 Hồ giang li dữ tích chi hê,
Nân thu lan dĩ vi bội.
Cốt dư nhược tương bất cập hê,
Khủng niên tuế chi bất ngô dữ.

- Triều khiên Tì chi mộc lan hề,
 16 Tịch lâm châu chi túc mị.
 Nhật nguyệt hốt kỳ bất yêm hề,
 Xuân dũ thu kỳ đại tự.
 Duy thảo mộc chi linh lạc hề,
 Khủng mỹ nhân chi trì mộ.
 21 Bất phủ tráng nhi khí uế hề,
 Hà bất cái hồ thử độ.
 Thừa kỳ ký dĩ trì sinh hề,
 Lai ngô đạo phù tiên lộ!
 Tịch tam hậu chi thuần túy hề,
 26 Cổ chúng phương chi sở tại.
 Tạt thân tiêu dũ khuẩn quế hề,
 Khởi duy nân phù huệ chi.
 -Bì Nghiêu Thuấn chi cảnh giới hề,
 Ký tuân đạo nhi đắc lộ.
 31 Hà Kiệt Trụ chi xương phì hề,
 Phù duy tiếp kính dĩ quần bộ.
 Duy phù đảng nhân chi du lạc hề,
 Lộ u muối dĩ hiềm ái.
 Khởi dư thân chi dạn ương hề,
 36 Khủng hoàng dư chi bại tích.
 Hốt bôn tầu dĩ tiên hậu hề,
 Cập tiền vương chi chúng vũ.

Thuyền bắt sát dư chi trung tình hề,
Phản tín sàm nhi tế nộ.

- 41 Dư cố tri kiên kiên chi vi hoạn hề,
Nhãn nhi bất năng xá giả.
Chỉ cứu thiên dĩ vi chính hề,
Phù duy linh tu chi cố giả.
Viết hoàng hôn dĩ vi kỳ hề,
46 Khương trung đạo nhi cái lộ.
Sơ ký dữ dư thành ngôn hề,
Hậu hối dộn nhị hữu tha.
Dư ký bất nan phù ly biệt hề,
Thương linh tu chi sắc hóa.



- 51 Dư ký tư lan chi cứu uyên hề,
Hựu thụ huệ chi bách mẫu.
Huê lưu di dữ yết xa hề,
Tập đồ hành dữ phương chi,
Ký chi điệp chi tuần mậu hề,
56 Nguyễn sĩ thì hồ ngò tương ngái.
Tuy úy tuyệt kỳ điệp hà thương hề,
Ai chúng phương chi vu ướ.

- Chúng giai cạnh tiến dĩ tham lam hề,
 Bằng bất yếm hồ cầu sách,
 61 Khương nội thứ kỷ dĩ lượng nhân hề,
 Các hưng tâm nhi tạt đồ.
 Hốt trì vụ dĩ truy trực hề,
 Phi dư tâm chi sở cấp.
 Lão nhiễm nhiễm kỳ tương chi hề,
 66 Khùng tu danh chi bất lập.
 Triều âm mộc lan chi truy lộ hề,
 Tịch xan thu cúc chi lạc anh.
 Cầu dư tình kỳ tín khóa dĩ luyện yếu hề,
 Trường kham hạm diệc hà thương!
 71 Lâm mộc căn dĩ kết chi hề,
 Quán bệ lệ chi lạc nhai.
 Kiều khuôn quế dĩ nan huệ hề,
 Tác hồ thăng chi si si.
 Kiền ngô pháp phù tiền tu hề,
 76 Phi thế tục chi sở phục
 Tuy bất chu ư kim chi nhân hề,
 Nguyên y Bành Hàm chi di tác.
 Trường thái tức dĩ yếm thế hề,
 Ai dân sinh chi đa gian.
 81 Du tuy hiếu tu khóa dĩ cơ ky hề,
 Kiền triều dốt nhi tịch thế.

- Kỳ thế dư dĩ huệ tương hề,
 Hựu thân chi dĩ lâm chi.
 Diệc dư tâm chi sở thiện hề,
 86 Tuy cứu tử kỳ do vị hối
 Oán linh tu chi hạo dăng hề,
 Chung bất sát phù dân tâm.
 Chúng nữ tậ dư chi nga mi hề,
 Dao trác vị dư dĩ thiện dâm.
 91 Cổ thì tục, chi công xảo hề,
 Miến quy củ nhi cải thổ.
 Bội thăng, mặc dĩ truy khúc hề,
 Cạnh chu dung dĩ vi độ.
 Dồn uất ấp dư-sá-sế hề,
 96 Ngó độc cùng khốn hồ thử thì già!
 Ninh kháp tử dĩ lưu vong hề,
 Dư bất nhẫn vi thử thái già!
 Chí điều chi bất quan hề,
 Tự tiền thế nhi cố nhiên.
 101 Hà phương viên chi năng chu hề?
 Phù thực dị đạo nhi tương yên!
 Khuất tâm nhi ức chí hề,
 Nhẫn vuu nhi nhượng cấu.
 Phục thanh bạch dĩ tử trực hề,
 106 Cổ tiền thành chi sở hậu.



- Hối tương đạo chi bất sát hề,
 Diên trử hồ ngô tượng phán!
 Hồi trăm xa dĩ phục lộ hề,
 Cập hành mê chi vị viễn.
- 111 Bộ dư mã u lan cao hề,
 Trì tiêu khâu thả yên chi tức,
 Tiến bất nhập dĩ ly vuu hề,
 Thoái tương phục tu ngô sơ phục.
 Chế kỹ hà dĩ vi y hề,
- 116 Tập phù dung dĩ vi thường.
 Bất ngô tri kỳ diệc dĩ hề,
 Cầu dư tinh kỳ tín phương!
 Cao dư quan chi ngập ngập hề,
 Trường dư bội chi lục ly.
- 121 Phương dư trạch kỳ tạp nữ hề,
 Duy chiêu chất kỳ do vị khuy,
 Hốt phán cố dĩ du mục hề,
 Tương vãng quan hồ tử hoang.
 Bội bán phán kỳ phồn sức hề,
- 126 Phương phi phi kỳ di chương.
 Dân sinh các hữu sở nhạo hề,
 Dư độc hiếu tu dĩ vi thường.

Tuy thề giải ngộ do vị biến hề,
Khởi dư tâm chi khả trùng?



- 131 Nữ tu chi thiền viên hề,
Thân thân kỳ lệ dư.
Viết: Còn hãnh trực dĩ vong thân hề,
Chung nhiên yêu hồ Vũ chi dã,
Như hà bác kiên nhi hiếu tu hề,
- 136 Phán độc hữu thử khóa tiết.
Tư lục thi dĩ doanh thất hề,
Phán độc ly nhi bất phục.
Chúng bất khả hộ thuyết hề,
Thục văn sát dư chi trung tình?
- 141 Thế tịnh cử nhi hiếu bằng hề,
Phù hà quynh độc nhi bất dư thỉnh?
Y tiền thánh dĩ tiết trung hề,
Khoái bằng tâm nhi lịch tư.
Tế Nguyên Tương dĩ nam chinh hề,
- 146 Tụ Trùng hoa nhi trần từ.
Khải cứu biện dữ cứu ca hề,
Hạ khang ngu dĩ tự tưng.

- Bất cố nạn dĩ đồ hậu hề,
 Ngũ tứ dụng thất hồ gia hạnh.
 151 Nghệ đàm du dĩ dật điền hề,
 Hựu hiếu xạ phù phong hồ.
 Cố loạn lưu kỳ tiền chung hề,
 Xác hựu tham phù quyết gia.
 Ngáo thân bị phục cường ngũ hề,
 156 Túng dục nhi bất nhãn.
 Nhật khang ngu nhi tự vong hề,
 Quyết thủ dụng phù điền văn.
 Hạ Kiệt chi thương vi hề,
 Nãi toại yên nhi phùng ương
 161 Hậu Tân chi trư hải hề,
 Ân tông dụng chi bất trường.
 Thang Vũ nghiêm nhi chi kính hề,
 Chu luận đạo nhi mạc sai.
 Cử hiền tài nhi thụ năng hề,
 166 Tuần thăng mặc nhi bất pha.
 Hoàng thiên vô tư a hề,
 Lãm dân đức yên thổ phụ.
 Phù duy thánh triết dĩ mậu hạnh hề,
 Cầu đắc dụng thử hạ thờ.
 171 Chiêm tiền nhi cố hậu hề,
 Tướng quan dân chi kế cực.

Phù thực phi nghĩa nhĩ khả dụng hề ?

Thực phi thiện nhĩ khả phục ?

Điểm dư thân nhĩ nguy tử hề,

176 Lạm dư sơ kỳ do vị hối.

Bất lượng tác nhĩ chính nhưế hề,

Cố tiền tu dĩ trư hải.

Tăng hư hi dư uất áp hề,

Ai trăm thì chi bất đáng,

181 Lạm như huệ dĩ yếm thế hề,

Chiếm dư khâm chi lằng lằng.

Quy phu nhảm dĩ trần từ hề,

Cánh ngộ ký đắc thử trung chính.



Tứ ngọc củ dĩ thừa ế hề,

186 Kháp ai phong dư thượng chinh.

Triều phát nhĩn ư Thương-ngô hề,

Tịch dư chí hồ Huyền-phố.

Dục thiều lưu thử linh tòa hề,

Nhật hốt hốt kỳ tương mộ.

191 Ngộ linh Hy Hòa nhĩ tiết hề,

Vọng Yếm-tu nhĩ vật bách.

Lộ man man kỳ tu viễn hề,
Ngô tương thượng hạ nhi cầu sách.
Ấm dư mã ư Hàm-trì hề,

196 Tông dư bí hồ Phù tang,
Chiết nhược mộc dĩ phát nhật hề,
Liêu tiêu điều dĩ tương dương.
Tiền Vọng Thư sử tiên khu hề,
Hậu Phi Liêm sử bốn chúc.

201 Loạn hoàng vị dư tiên giới hề,
Lôi sư cáo dư dĩ vị cụ.
Ngô linh phượng điều phi đằng hề,
Kế chi dĩ nhật dạ.
Phiêu phong đồn kỳ tương ly hề,

206 Suất văn nghệ nhi lại nhạ.
Phân tông tông kỳ ly hợp hề,
Ban lục li kỳ thượng hạ.
Ngô linh Đế hôn khai quan hề,
Ý xương hạp nhi vọng dư.

211 Thì ái ái kỳ tương bãi hề,
Kết u lan nhi diện trử.
Thế hỗn trọc nhi bất phân hề,
Hiếu tế mỹ nhi tạt đồ.
Triều ngô tương tế ư Bạch thủy hề,

- 216 Đấng Lãng phong nhi tiết mã.
 Hốt phản cổ dĩ lưu thế hề,
 Ai cao khâu chi vô nữ.
 Kháp ngô du thủ Xuân cung hề,
 Chiết quỳnh chi dĩ kế bội,
- 221 Cặp vinh hoa chi vị lạc hề,
 Tướng hạ nữ chi khả di.
 Ngô linh Phong long thừa vân hề,
 Cầu Phục phi chi sở tại.
 Giải bội tương dĩ kết ngôn hề,
- 226 Ngô linh Kiên Tu dĩ vi lái.
 Phân tòng tòng kỳ li hợp hề,
 Hốt vĩ hoạch kỳ nan thiên.
 Tịch quy thứ ư Cùng-thạch hề,
 Triều trạc phát hồ Vi - bàn.
- 231 Bảo quyết mỹ dĩ kiều ngạo hề,
 Nhật khang ngu dĩ dâm du,
 Tuy tín mỹ nhi vô lễ hề,
 Lai vi khí nhi cải cầu,
 Lãm tướng quan ư tứ cực hề,
- 236 Chu lưu hồ thiên dư nãi hạ.
 Vọng Dao dài chi yền kiên hề,
 Kiến Hữu Nhung chi dật nữ.
 Ngô linh trăm vi môi hề,
 Trăm cáo dư dĩ bất hảo.

- 241 Hùng cưu chi minh thế hề,
 Dư do ố kỳ diêu xảo.
 Tâm do dự nhi hồ nghi hề,
 Dục tự thích nhi bất khả.
 Phượng hoàng ký thụ di hề,
- 246 Khủng Cao Tân chi tiên ngã.
 Dục viễn tập nhi vô sở chi hề,
 Liêu phù du dĩ tiêu diêu.
 Cập Thiếu Khang chi vị gia hề,
 Lưu Hữu Ngụ chi nhị diêu.
- 251 Lái nhược nhi môi chuyết hề,
 Khủng đạo ngôn chi bất cố,
 Thế hỗn trọc nhi tạt hiền hề,
 Hiếu tể mỹ nhi xung ác.
 Khuê trung ký dĩ thúy viễn hề,
- 256 Triết vương hựu bất ngộ,
 Hoài trăm tình nhi bất phát hề,
 Dư yên năng nhãn dữ thử chung cồ.

★
 ★★

- Sách quỳnh mao dĩ đình chuyên hề,
 Mệnh Linh phân vi dư chiêm chi.
- 261 Viết: Lương mỹ kỳ tất hợp hề,
 Thực tín tu nhi mộ chi?

Tư cứu châu chi bác đại hề,
Khởi duy thị kỳ hữu nữ?
Viết: Miễn viễn thế nhi vô hồ nghi hề.

266 Thực cầu mỹ nhi thích nhữ?

Hà sở độc vô phương thảo hề,
Nhĩ hà hoài hồ cổ vũ.
Thợ u muối, dĩ huyền diệu hề,
Thực vân sát dư chi thiện ác?

271 Đan hiệu ố kỳ bất đồng hề,

Duy thử đẳng nhân kỳ độc dị.
Hộ phục ngải dĩ doanh yêu hề,
Vị u lan kỳ bất khả bội.
Lãm sát thảo mộc kỳ do vị đắc hề.

276 Khởi trình mỹ chi năng đương.

Tồ phần nhượng dĩ sung vi hề,
Vị thân tiêu kỳ bất phương.
Dục tòng Linh phân chi cát chiêm hề,
Tam do dự nhi hồ nghi.

281 Vu Hàm tương tịch giảng hề,

Hoài tiêu sở nhi yêu chi.
Bách thần ế kỳ bị giảng hề.
Cửu nghi bản kỳ tịnh nghênh.
Hoàng điểm điểm kỳ dương linh hề

286 Gáo dư dĩ cát cổ.

Viết Miễn thăng giáng dĩ thượng hạ hề,

Cầu củ hoạch chi sở đồng.

Thang Vũ nghiêm nhi cầu hợp hề,

Chỉ Cao Dao nhi năng điều.

291 Cầu trung tình kỳ hiếu tu hề,

Hựu hà tất dụng phù hành moi?

Duyệt thao trúc ư Phó-nham hề,

Vũ Đinh dụng nhi bất nghi.

Lã Vọng chi cớ đao hề,

296 Tao Chu Văn nhi đặc cử.

Nịnh Thích chi ầu ca hề,

Tề Hoàn văn dĩ cai phụ.

Cập niên tuế chi vị án hề,

Thì diệc do kỳ vị ương.

301 Khùng đề quyết chi tiên minh hề,

Sử phù bách thảo vị chi bất phương.

Hà quỳnh hội chi yên kiên hề,

Chúng ái nhiên nhi tế chi.

Duy thú đảng nhân chi bất lượng hề,

306 Khùng tạt đồ nhi chiết chi.

Thì bản phân kỳ biến dịch hề,

Hựu hà khả dĩ yem lưu.

Lan chi biến nhi bất phương hề,

Thuyền huệ hóa nhi vi mao.

- 311 Hà tích nhật chi phương thảo hề,
 Kim trục vi thử tiêu ngải già.
 Khởi kỳ hữu tha cổ hề.
 Mặc hiếu tu chi hại già.
 Dư ký dĩ lan vi khả thị hề,
- 316 Khương vô thực nhi dung trường.
 Ủy quyết mỹ dĩ tòng tục hề.
 Cầu đắc liệt hồ chúng phương.
 Tiêu chuyên nịnh dĩ mạn thao hề.
 Sát hựu dục sung phù bội vi.
- 321 Kỳ can tiến nhi vụ nhập hề,
 Hựu hà phương chi năng chi.
 Cổ thì tục chi lưu tòng hề.
 Hựu thực năng vô biến hóa?
 Lãm tiêu lan kỳ nhược tư hề,
- 326 Hựu hướng yết xa dĩ giang ly.
 Duy tư bội chi khả quý hề.
 Ủy quyết mỹ nhi lịch tí tư.
 Phương phi phi nhi nan khuy hề,
 Phần chí kim do vị muội.
- 331 Hòa điệu độ dĩ tự ngu hề,
 Liêu phù du nhi cầu nữ.
 Cập dư sức chi phương tráng hề,
 Chu lưu quan hồ thượng hạ.



- Linh phân ký cáo dư dĩ cát chiêm hề,
 336 Lịch cát nhật hồ ngô tương hàng.
 Chiết quỳnh chi dĩ vư tu hề,
 Tinh quỳnh my dĩ vi tương.
 Vĩ dư giá phi long hề,
 Tạp dao tượng dĩ vi xa.
- 341 Hà ly tâm chi khả đồng hề,
 Ngô tương viễn thệ dĩ tự sơ.
 Triền ngô đạo phù Côn-lôn hề,
 Lộ tu viễn dĩ chu lưu.
 Dương vân nghe chi yếm ái hề,
- 346 Minh ngọc loan chi thu thu.
 Triều phát nhãn ư Thiên tân hề,
 Tịch dư chí hồ Tây cực.
 Phượng hoàng dục kỳ thừa kỳ hề,
 Cao cao tường chi dục dục.
- 351 Hốt ngô hành thử Lưu sa hề,
 Tuân Xích thủy nhi dung dữ.
 Huy giao long sử lương tân hề,
 Chiêu Tây hoàng sử thiệp dư.
 Lộ tu viễn dĩ đa gian hề,
- 356 Dăng chúng xa sử kính đãi.
 Lộ Bất chu dĩ tả chuyền hề,
 Chi Tây hái dĩ vi kỳ.

- Đồn dư xa kỳ thiên thặng hề,
Tề ngọc đại nhi tịnh trì.
- 361 Giá bát long chi uyển uyển hề,
Tái vân kỳ chi ủy dà.
Ức chí nhi nhĩ tiết hề,
Thần cao trì chi mạc mạc.
Tấu Cửu ca nhi vũ Thiệu hề,
- 366 Liêu hạ nhật dĩ du lạc.
Trắc thặng hoàng chi hách hỷ hề,
Hốt lâm nghệ phù cữu hương.
Bộc phu bi dư mã hoài hề,
Quyền cục cố nhi bất hàng.
- 371 (*Loan viết*) Dĩ hỷ tai!
Quốc vô nhân mạc ngã tri hề,
Hựu hà hoài hồ cố đô.
Ký mạc túc dĩ vi mỹ chính hề,
Ngô tương tòng Bành Hàm chi sở cư.

Dịch nghĩa

- 1 Dòng dõi vua Cao Dương a,
Thân phụ qua đời của ta là Bá Dung.
Năm dần đúng tháng giêng (tháng dần) a,
Vào ngày canh dần ta lọt lòng.

*Cha xem xét thời đầu của ta a,
Bắt đầu cho ta tên hay.
Tên chính ta là Chính-tắc a,
Tên tự ta là Linh-quân.
Ta đã có bề trong tốt đẹp ấy a,
Lại thêm có tài năng lạ.*

*11 Hái giang ly và bạch chi a,
Xâu lan mùa thu làm vòng đeo.
Ta vội vàng như không kịp a.
Sợ tuổi tác chẳng chờ ta.
Sớm bẻ mọc lan ở núi Tỳ a,
Chiều hái tức mục trên bãi.
Ngày tháng vùn vụt chẳng dừng a,
Xuân cùng thu đắp đổi nhau.
Nghĩ cây cỏ héo tàn a,
Sợ người đẹp sẽ già muộn.*

*21 Không nhân trẻ trung mà lau nhớp a?
Sao không đòi đường ấy đi?
Cời kỳ ký mà rong ruidi a,
Lại đây ta trở cho đường trước.
Xưa ba vua thuần túy a,
Nên mọi giống thom đều ở đó.
Lấn thân tiêu cùng nhục quế a,
Há chỉ xâu huệ và chử!*

*Nghiêu Thuân kia sáng lớn thay a,
Đã theo đạo mà trảng đường.*

*31 Sao Kiệt Trụ dâm loạn thế a,
Theo đường tà mà vấp bước?
Nghĩ bọn bè đảng tạm vui a,
Đường âm u mà dốc hẹp.
Thân ta há sợ tai ương a,
Sợ xe vua sẽ đồ hư.
Vội chạy vạy lên trước xuống sau a;
Cho kịp bước theo tiền vương.
Thuyền (chỉ vua) chẳng xét tình ngay của ta a,
Lại tin gièm mà nổi giận.*

*41 Ta vốn biết khăn khăn là mối lo a,
Nhịn mà không thề bỏ được.
Trò chín từng trời lấy làm chứng a,
Chỉ vì có nhà vua vậy.
Rằng chàng vụng làm kỳ hẹn a,
Sao giữa đường lại đòi lời?
Buổi đầu đã hẹn lời với ta a,
Sau lại hời mà có ý khác.
Ta đã chẳng khó mà li biệt a,
Xót nhà vua nhiều đòi chí.*

*51 Ta đã vun lan chín uyen a,
Lại trồng huệ được trăm mẫu.*

Trông lưu di cùng yết xa a,
Lăn đổ hành cùng phương chủ.
Mong cảnh là tốt rậm a,
Nguyên chờ thời ta sẽ cắt.
Tuy tàn hèo cũng chẳng đau xót a,
Thương các hoa um rậm cỏ.
Chúng đều ganh nhau vì tham lam a,
Thỏa mãn chẳng chán lòng đời hời.

- 61 Sao trong rộng với mình mà hẹp với người a,
Đều dấy lòng mà ghét ghen.
Vội rong ruổi mà theo đuổi a,
Chẳng phải cái mà lòng ta muốn gấp.
Già sông sọc sắp đến a,
Sợ danh hay chứa đựng được.
Sớm uống mọc rớt ở cây mọc lan a,
Tối ăn nhụy non của hoa cúc.
Vi dù lòng ta tốt thật mà bền vững a,
Ta cầm cõi luôn cũng chẳng xót.
- 71 Lấy rẽ cây mà kết bạch chi à,
Xâu hoa tươi cây bẹ lẹ;
Ướt nhục quế mà xâu huệ a,
Thành chuỗi thơm dài và đẹp.
Ta theo phép người hiền trước a,
Chẳng phải điều thế tục hay làm.

Tuy không hợp người đời nay a,
 Nguyên theo di tặc của Bành Hàm.
 Thở dài mà gạt nước mắt a,
 Thương nhân dân nhiều giàn khổ.
 81 Ta tuy ham đẹp tốt mà bị lụy a,
 Đề sớm xong mà tới hồng.
 Đã phá vòng huệ của ta a,
 Ta lại lấy vòng bạch chử.
 Lòng ta cũng vẫn cam a,
 Tuy chín chết mà vẫn chưa hối.
 Oán nhà vua chèn mả a,
 Rớt chẳng xét lòng của dân.
 Chúng con gái ghét ta mà ngại a,
 Bịa đặt bảo ta là thích tà dâm.
 91 Vốn thói tục khéo léo a,
 Bỏ quy củ mà đòi cần.
 Bỏ thẳng mặc mà theo cong vạy a,
 Đua chiều nịnh làm phép thường.
 Buồn uất ức ta sưng sờ a,
 Ta độc cùng khốn như thế này sao vầy!
 Thà chết quách mà trời mất a,
 Ta chẳng nỡ làm thói này.
 Chìm ưng không hợp bày a,
 Từ đời trước vẫn như thế.

- 101 Sao vương và trồn có thể khớp nhau a,
 Ai khác đạo mà cùng hiệp nhau được?
 Dẫn lòng mà nên chí a,
 Nhấn tai họa mà chịu xấu hổ.
 Giữ trong trắng mà chết ngay thẳng a,
 Vốn là điều thánh xưa quý trọng.
 Hồi hận xem đường mà chẳng xét kỹ a,
 Dừng lạng ta toan lui lại.
 Quay xe ta đề trở lại đường a,
 Cho kịp khi đường làm trước chưa xa mấy.
- 111 Ngựa bước chậm trên chằm lan a,
 Lên gò tiêu mà dừng nghỉ.
 Tiến không xong lại gặp họa a,
 Thoái về toan sửa mặc đồ cũ.
 Chế lá súng lá sen làm áo a,
 Kết hoa phù dung để làm xiêm.
 Chẳng biết ta cũng thôi a,
 Vì dù lòng ta là thơm thực.
 Mũ ta cao ngất ngất a,
 Chuỗi ta dài mà huy hoàng.
- 121 Thơm cùng thời lẫn lộn a,
 Chỉ chất của ta không đổi sai.
 Bồng ngoài lại mà đưa mắt quanh a,
 Toan đi xem quanh bốn phương.

Tràng hoa đeo tươi thắm rực rỡ a,
Thơm phới phới thêm sắc sáng.
Dân sinh mỗi người có sở thích a,
Riêng ta lấy ham tốt làm việc thường.
Tuy thân nát ta vẫn chưa đổi a,
Hà lòng ta lại khá sợ.

131 Chị em gái bạn lòng a.

Từng nhiều lần mắng mỏ ta,
Rằng Còn quá thẳng mà bỏ thân a,
Rốt cùng chết ở nội núi Vũ.
Ngươi sao cứ khấn khấn mà ham tốt a,
Một mình giữ tiết lạ ấy?
Cây tư cây lục cây thì chất đầy nhà a,
Chỉ một mình ngươi không chịu mặc.
Người ta không thể bảo với từng người a,
Ai xét được lòng ngay của ta!

141 Đời tất cả là ham bè đảng a,

Ai lại tro trọi một mình mà đi nghe ta!
Theo thánh xưa mà dè lòng a,
Than ôi! đau lòng đến thế này!
Vượt sông Nguyên-tương mà trày Nam a,
Đến chỗ vua Thuấn mà bày lời;
Khải được Cửu biện và Cửu ca a,
Cả vui chơi mà lương tướng.

- Chàng đòi nạn mà lo sau a,
 Dè Ngụ tử đến mất nghiệp nhà.
 151 Nghê dâm dật mà mê sẵn bản a,
 Lại ham bản loài chồn lớn.
 Vỡn kẻ dâm loạn ít được trọn chết a,
 Xác lại tham mà cướp vợ con.
 Ngáo cây mạnh mà bạo ngược a,
 Thả lòng dục mà không nhịn.
 Ngày vui chơi mà tự quên a,
 Đến đầu mình phải roi rụng.
 Vua Kiệt nhà Hạ thường trái a,
 Nên làm sao chẳng gặp tai họa!
 161 Hậu Tân (vua Trụ) thích bầm vằm a,
 Dạng nhà Ân vì thế không lâu dài.
 Vua Thang vua Vũ nghiêm mà kính a,
 Nhà Chu bản đạo mà chẳng lỗi.
 Cát người hiền dùng người tài a,
 Theo thẳng mực mà chẳng trái.
 Hoàng thiên không tây vị a,
 Xem đức dân mà giúp đỡ.
 Phàm người thánh triết đức hạnh tốt a,
 Hần đặc dụng trong thiên hạ.
 171 Xem trước mà đoán sau a,
 Xem xét việc dân cho tỷ mỹ.

Ai phi nghĩa mà có thể dùng a?

Ai phi thiện mà có thể phục sự?

Dù thân ta phải nguy chết a,

Ta vẫn còn chưa hối hận.

Không lường hòng mà tra cán a,

Nên hiền xưa bị bãm vằm.

Luôn than thở mà ấp úc a,

Thương hại ta thời chẳng dăng.

181 *Hải huệ mềm mà gạt nước mắt a,*

Thấm vạt áo ta rùng rùng.

Quì trên vạt áo trái mà bày lời a,

Ta đã tỏ rõ được niềm trung chinh ấy.

Ngồi xe cù ngọc và cỡi phượng hoàng a,

Chờ gió nổi ta bay lên.

Sớm ra đi từ Thương-ngô a,

Tối ra đến chưng Huyện-phổ.

Muốn dừng lại một chút đất thiềng này a,

Ngày vùn vụt đã gần tối.

191 *Ta bảo Hy Hòa thông thả a,*

Trông núi Yêm-tu mà chớ gáp.

Đường man mác mà dài xa a,

Ta toan lên xuống mà tìm tòi.

Cho ngựa ta uống ở Hàm-trì a,

Buộc dây cương ta ở cây Phù tang.

- Bè cây Nhược mà che mặt trời a,
 Hãy bay liệng mà tiêu điều.
 Sai Thần Trăng đi trước a,
 Khiến Thần Gió tiếp đi sau.
- 201 Chim loan vì ta báo trước a,
 Lời sư báo ta là chưa sẵn sàng.
 Ta bảo chim phượng bay lên a,
 Bay suốt cả ngày đêm.
 Gió cuốn cuộn mà lia cùch a,
 Xua mây rặng lại ngăn cản.
 Cù dập dờn khi tan khi hợp a,
 Rồi ren ren mà lên mà xuống.
 Ta bảo Đế Hôn mở cửa (trời) a,
 Chỉ dựa cửa mà nhìn ta.
- 211 Thời xâm xâm gần hết ngày a,
 Ta xoắn vòng u lan mà đứng lặng.
 Đời ngẫu đực chẳng phân biệt a,
 Hay che đẹp mà ghét ghen.
 Sớm ta toan vượt sông Bạch-thủy a,
 Lên núi Lăng-phong mà buộc ngựa.
 Bỗng ngoảnh lại mà chảy nước mắt a,
 Thương núi cao không có gái đẹp.
 Bỗng ta chơi Xuân cung kia a,
 Bè càn quỳnh mà đeo tiếp.

- 221 Vừa hoa tươi chưa rụng a,
Xem gái hạ giới có thể tặng
Ta sai Thần Mây cỡi mây a,
Tìm chỗ ở của Phục phi.
Cởi vòng hoa mà ước lời a,
Ta sai Kiền Tu làm mối lái.
Cứ dập dờn khi tan khi hợp a,
Lòng chềnh mảng khó dời dời.
Tối về ở Cùg-thạch a,
Sớm chải tóc ở Vi-bàn.
- 231 Giữ sắc đẹp mà kiêu ngạo a,
Ngày vui chơi mà dâm dăng.
Tuy đẹp thật mà vô lễ a,
Thời bỏ quách mà đi tìm nơi khác.
Tìm xem xét cả bốn phương a,
Tìm khắp trời ta bèn xuống.
Trông Dao đài cao chót vót a,
Thấy gái đẹp họ Hữu Nhung.
Ta bảo chim trăm làm mối a,
Trăm cáo ta rằng không tốt.
- 241 Chim cuu đục vừa bay vừa kêu a,
Ta còn ghét là điều xảo.
Lòng do dự và hồ nghi a,
Muốn tự đi mà không thể được.

- Phượng hoàng đã trao lễ a,
 Sợ Cao Tân được trước ta.
 Muốn đi xa mà không biết đến đâu a.
 Hãy lang thang mà tiêu dao.
 Kịp Thiệu Khang chưa thành gia thất a,
 Giữ hai nàng họ Hữu Ngu.
- 251 Lái yếu mà mỗi vụng a,
 Sợ nói dùm chẳng vững vàng.
 Đời ngàu đục mà ghét hiền a,
 Hay đim đẹp mà khen xấu.
 Buồng trong đã xa thăm a,
 Vua sàng lại không tỉnh ngộ.
 Cưu tình ta mà chẳng tỏ ra được a,
 Ta sao chịu được thế đến trọn đời?
 Lấy cỏ thi và thê trúc a,
 Sai đồng cốt bói cho ta.
- 261 Rằng hai người đẹp tất hợp nhau a,
 Người tốt thật ai mà không mộ!
 Nghĩ chín châu rộng lớn a,
 Há chỉ đây có gái đẹp!
 Rằng gắng đi xa mà chờ hồ nghi a,
 Ai cầu người đẹp mà lại bỏ người!
 Sao lại riêng người không có cỏ thơm a,
 Người sao cứ khu khu nơi vườn cũ!

- Đời tôi tâm mà mà quáng a,
 Ai xét được thiện ác của ta!
 271 Dân yêu ghét không giống nhau a,
 Chỉ riêng bọn bè đảng ấy là lạ đời!
 Người ta mang ngải đầy lưng a,
 Bảo u lan không thề đeo.
 Xét có cây còn chưa được (rạch rời) a,
 Há ngọc đẹp dễ đâu so sánh.
 Lấy phần thờ cho đầy túi a,
 Bảo thân tiêu là không thơm.
 Muốn theo lời đồng cốt bói tốt a,
 Lòng còn do dự mà hồ nghi.
 281 Vu Hàm gần tôi là xuống a,
 Mang tiêu và gạo mà đón rước.
 Trăm thần che rợp mà giáng đủ a,
 Núi Cửu-nghi nô sức mà nghênh tiếp.
 Thần rõ rõ mà ứng linh a,
 Bảo ta là việc tốt.
 Rằng gang lên xuống trên dưới a,
 Cầu qui củ cho phù hợp.
 Vua Thang vua Vũ cầu hợp a,
 Nền Y Doãn và Cao Dao mới có thể điều hòa.
 291 Vì lòng ta ham tu dưỡng a,
 Lại cần gì dùng mới lái!

Duyệt đắp đất ở Phò-nham a,
Vũ Đình dùng mà chẳng ngờ.
Lã Vọng đương mùa dao a,
Gặp Chu Văn mà được cất nhắc.
Nịnh Thích đương ca hát a,
Tề Hoàn công nghe mà cho phù tá.
Kịp tuổi tác chưa muộn a,
Thời cũng còn chưa hết.

301 Sợ tu hú hát trước a,

Khiến trăm hoa vì thẽ mà không thơm nữa!
Sao vòng quỳnh tốt đẹp a,
Chúng lại hùa nhau mà che lấp?
Chỉ bọn bè đảng ấy là chẳng tin a,
Sợ ghét ghen mà bỏ đi.
Thời rồi ren mà biến đổi a,
Lại cái gì có thể được lâu!
Lan và chi biến đổi mà không thơm a,
Thuyền và huệ hóa mà thành cỏ khô.

311 Sao cỏ thơm ngày xưa a,

Đến nay lại hóa thành tiêu ngải thẽ?
Há bởi có gì khác đâu a,
Chẳng ham tu dưỡng mà nên hại vậy.
Ta cho lan là khả cậy a,
Sao không có thực mà chỉ vẽ đẹp thôi?

- Bỏ đẹp của mình mà theo tục a,
 Tam bộ được vào hàng các hoa thơm.
 Tiêu chuyên nịnh mà tự khoe khoang a,
 Thù du lại muốn sung vào túi đeo.
- 32/ Dã hãm hồ tiến lên mà cầu dùng a,
 Lại còn thơm gì mà có thể kinh yêu.
 Vốn thời tục chỉ theo dòng a,
 Lại ai có thể không biến hóa?
 Xem tiêu lan mà như thế a,
 Huống chi yết xa cùng giang ly!
 Chỉ vòng đeo này là khá qui a,
 Bỏ đẹp của nó mà đến thế này.
 Thơm phung phức mà khó phai a,
 Hương đến nay còn chưa hết.
- 33/ Hòa thái độ mà tự vui a,
 Hãy lang thang mà tìm gái đẹp.
 Kịp vòng trang sức của ta còn tươi tốt a,
 Mà đi khắp trên và dưới.
 Đồng cốt đã bảo ta là bói tốt a,
 Đến ngày tốt ta sẽ đi.
 Bề cảnh quỳnh làm món ăn a,
 Giã gạo quỳnh để làm lương.
 Vì ta thẳng rỗng bay a,
 Lăn ngọc dao và ngà để làm xa.

341 Sao lòng lìa mà có thề cùng ở a?
Ta toan đi xa đề tự xa lìa.
Quay đường ta sang Côn-lôn a,
Đường dài xa mà rộng khắp.
Giăng mây ráng rợp trời a,
Khua chuông ngọc tiếng leng keng.
Sớm ra từ Bến trời a,
Tối ta đến tận Tây cực.
Cánh phượng hoàng đỡ cờ a,
Bay liệng cao mà nở nước.

351 Bồng ta đi đến Lưu sa kia a,
Theo Xích thủy mà đi thông thả.
Vẫy giao long khiến bắc cầu a,
Bảo Tây hoàng khiến chở ta sang.
Đường dài xa mà nhiều gian hiểm a,
Vượt các xe bảo đi tắt mà chờ đợi.
Qua đường Bát-chu mà quay sang tả a,
Chỉ Tây hải mà hẹn nhau.
Hợp xe ta nghìn cỗ a,
Đều chuông ngọc mà cùng ruidi.

361 Tám ngựa rồng rườn rượt a,
Chở cờ mây mà kéo đi.
Nén chi mà từ từ a,
Tinh thần vượt cao mà bay xa.

*Tàu nhạc Cửu ca mà múa Thiều a,
Tạm ngày rồi mà vui vẻ.
Xuống lên đùa giỡn trong ánh sáng a,
Bỗng liếc nhìn thấy làng cũ.
Đầy tớ buồn mà ngựa nhớ chuồng a,
Đều ngoái lại nhìn mà chẳng đi nữa.
(Lời kết)*

*Thời xong rồi!
Nước không có người, chẳng ai biết ta a,
Còn nhớ gì đến kinh đô cũ.
Đã chẳng đủ cùng nhau làm chính trị tốt a,
Ta toan theo đến chỗ ở của Bành Hàm.*

Dịch thơ

- 1 Vốn dòng vua Cao Dương a,
Cố phụ ta là Bá Dung.
Đúng năm dần tháng dần a,
Ngày canh dần ta lọt lòng.
Xét thời lành ta sinh a,
- 6 Người vì ta chọn đặt tên.
Tên chính ta Chính-tắc a.

- Tên tự ta là Linh-quân.
Trong đã bầm chất tốt tươi a,
Lại thêm tài năng lối lạc.
- 11 Hái giang ly và bạch chi a,
Cùng thu lan xâu vòng khoác.
Ta vội vàng đường chẳng kịp a,
Sợ tuổi xanh ta không trở lại.
Sớm bẻ mọc lan núi Tỳ a.
- 16 Chiều tức mụ bãi sông hái.
Ngày tháng vùn vụt chẳng dừng a,
Đắp đổi hết xuân rồi thu.
Nghĩ cây cỏ tất khô héo a,
Sợ mỹ nhân cũng già nua.
- 21 Không nhân trẻ mà lau nhớp a,
Đường lối ấy sao chẳng thay?
Cõi kỳ kỳ mà rong ruổi a,
Đường trước lại ta trở bày.
Xưa Ba vua anh minh a,
- 26 Nền trăm hoa thường đua vẻ.
Cả thân tiêu cùng nhục quế a,
Hả chi xâu huệ cùng chi!
Nghieu Thuấn sáng lớn thay a!
Theo đường chính mà đặc đạo.

31 Kiệt Trụ lương tuồng thay a l
Đi đường tà mà khuynh đảo.
Nghĩ bề dang hứa vui tạm a.
Đường nguy hiểm rất âm u.
Ta há sợ tai vạ a,

• 36 Sợ hư hỏng mất xe vua.
Vội bốn tàu sau trước a,
Mong kịp bước theo tiền vương.
Chẳng xét ta ngay thẳng a.
Lại tin nịnh mà giận vang.

41 Ta vốn biết khăn khăn chỉ tồ lo a.
Đành chịu vậy không thể chối.
Vạch chín từng xin xét soi a,
Vi Bề trên bền một mối.
Vốn đã ước hẹn với ta a,

46 Sao nửa đường lại đổi lời.
Xưa vốn cùng ta hẹn lời a,
Sau lại hối mà khác ý.
Ta vốn không sợ xa lìa a.
Xót Bề trên hay đổi chí.



51 Ta đã trồng lan chín vườn a,
Lại trồng huệ hàng trăm vĩa.

- Trồng lưu di lẫn yết xa a,
Thêm dỡ hành cùng phương chỉ.
Mong cảnh lá xum xuê a,
56 Đợi đến mùa cắt dành đỏ.
Dù tàn héo cũng chẳng sao a,
Thương các hoa um rậm cỏ.
Chúng tranh nhau mà tham những a,
Đề thỏa thích mấy chẳng nhàm.
61 Với mình rộng với người hẹp a,
Đều sinh lòng mà ghét gièm.
Vội chạy vạy mà theo đuổi a,
Chẳng phải chuyện ta gấp mong.
Già sòng sọc sắp đến a,
66 Sợ tiếng tốt chưa dựng xong.
Sớm uống mồi mọc lan a,
Hôm ăn cúc non mới nở.
Chỉ cần lòng thành giữ bền a,
Dù còm cõi ta chẳng sợ.
71 Lấy rễ cây buộc bạch chỉ a,
Ta xâu luôn hoa bệ lệ.
Lại xâu cả hoa huệ a,
Thành chuỗi dài bằng nhục quế.
Hiện xưa ta theo phép a,

- 76 Đánh thế tục chẳng ai ưa.
 Tuy đời nay không hợp a,
 Nguyễn Bành Hâm noi phép dư.
 Chỉ thờ dài gặt lệ a,
 Thương nhân dân còn khổ nhiều.
- 81 Ta ham tốt lại bị lụy a,
 Khiến nên sớm mà hư chiều,
 Đã phá vòng huệ của ta a,
 Còn bạch chi ta lại đời.
 Ta cũng vẫn cam lòng vậy a,
- 86 Dù cứu tử mà chưa hối.
 Oán Bề trên quá vô tâm a,
 Chẳng đoái xét lòng ngay thật.
 Lũ tỳ thiếp ghen mây ngải a,
 Bày đặt vu ta dâm dật.
- 91 Đánh thời tục khéo thêu dệt a,
 Bỏ qui củ mà đời đời.
 Bỏ thẳng mặc theo cong vậy a,
 Đua nịnh nọt mà chiều người.
 Ta sùng sờ mà uất ức a,
- 96 Há khốn mãi như ngày nay!
 Thà chết quách mà trời mất a,
 Chớ không nỡ làm thói này.
 Chim ưng không hợp bày a,
 Từ đời xưa vốn là nghiệp.

- 101 Sao vương tròn khớp nhau a,
Ai khác đạo mà cùng hiệp?
Dần lòng mà nén chí a,
Chịu họa mà đành xấu hổ.
Giữ trong trắng cam chết a,
106 Vốn tiết cao hiền thánh cồ.

★
★★

- Hối xem đường mà chẳng xét a,
Đứng lạng ta toan lui lại.
Quay xe ta muốn trở về a,
Đường lăm trước chưa xa mấy.
111 Ngựa bước một trên chằm lan a,
Lên gò tiêu mã nghi đồ.
Tiến chẳng lọt mà vương họa a,
Thoái về toan mặc như cũ.
Chằm lá sen lăm áo a,
116 Kát hoa sen mà làm xiêm.
Chẳng biết ta cũng kệ a,
Miễn lòng ta thực là thơm.
Cao ngất ngất mũ ta a,
Rực rỡ thay vòng đeo dài.

- 121 Thơm cùng thối lẫn lộn a,
Miễn chất ta không đòi đời.
Bống ngoái đầu buồng nhìn a,
Toan đi xem quanh bốn mặt.
Tràng hoa đeo thắm tươi a,
126 Sắc huy hoàng hương ngào ngạt.
Mỗi người có thích riêng a,
Độc ta ham tốt cứ chuyên cần.
Tuy nát thân chẳng đòi a,
Há lòng ta lại sợ răn!



- 131 Bạn gái ta những bạn lòng a,
Tùng nhiều lời mà mắng mỏ:
Cồn quá thẳng mà bỏ thân a.
Rốt bị giết ở núi Vũ.
Người sao khăn khăn ham tốt a.
136 Mà một mình thành cô độc ?
Tư lực thì chất đầy nhà a,
Người một mình không chịu mặc.
Chúng không thề bảo từng người a,
Ai xét được ta chân thành!

- 141 Khấp đời chi ham bẻ dằng a,
Ai trơ trọi mà nghe mình!
Theo thánh xưa mà dè lòng a,
Ôi! đau khổ đến thế này!
Vượt Nguyên-tương mà xuống Nam a,
- 146 Tìm vua Thuấn mà tỏ bày.
Khải được Cửu biện Cửu ca a,
Nhưng vui chơi mà bữa bãi.
Không đoái nạn mà lo sau a,
Đến Ngũ tử nhà bại hoại.
- 151 Hậu Nghệ say mê săn bắn a,
Thích bắn nhất loài chồn bự.
Bọn dâm loạn ít chết lành a,
Bị Xác giết tranh lấy vợ.
Ngáo cậy mạnh mà tàn bạo a,
- 156 Cứ lòng tuồng thả sức chơi.
Chi dâm dật mà tự quên a,
Đến cuối cùng đâu phải rơi.
Kiệt chúa quá bạo ngược a,
Sao tránh được gặp tai ương!
- 161 Trụ vương thích bầm vằm a,
Nhà Ân há được cứu trường!
Thang Vũ nghiêm mà kính a,

- Chu trọng đạo mà chẳng lỗi.
Cất hiền mà dùng tài a,
166 Giữ thẳng mặc mà không trái.
Hoàng thiên không tây vị a,
Xem đức hạnh mà phù tá.
Người thánh triết đức cao a,
Hắn dắc dụng trong thiên hạ,
171 Xem trước mà nghiệm sau a.
Xét đời dân đến tóc tơ.
Ai phi thiện được làm a?
Ai bất thiện được dùng chưa?
Dù thân ta phải chết a,
176 Giữ sơ tâm chẳng ăn năn.
Không đo hòng mà tra cán a,
Nên hiền xưa phải hãm thân,
Luôn áp ức mà thờ than a,
Thương hại ta thời chẳng ngộ.
181 Hái huệ nuốt mà gạt châu a,
Vạt áo ta dẫm lệ rỏ.
Quì áo trái mà trình lời a,
Niềm trung trinh ta bày tỏ.

*
* *

- Cõi cù ngọc và phượng hoàng a,
186 Chờ gió nổi lên chín tầng.

- Sớm Thương-ngô ra đi a,
Chiều Huyền-phổ ta về dừng.
Muốn tạm đỡ đất thần a,
Mà trời hôm sắp tối sầm.
- 191 Bảo Hy Hòa khoan khoan a,
Tới Yêm-tư chớ xăm xăm.
Đường man man dằng dặc a,
Lên rồi xuống ta tìm suốt,
Đến Hàm-trì ngựa uống a,
- 196 Góc phù tang cương ta buộc.
Che mặt trời bề cảnh nhược a,
Hãy tiêu dao mà chẳng vội.
Khiến Thân Trăng dẫn trước a,
Bảo Thần Gió sau tiếp nối.
- 201 Loạn vì ta báo trước a,
Thiên lôi báo chưa sẵn sàng.
Sai chim phượng lên thẳng a,
Luôn ngày đêm chẳng trễ tràng.
Gió cuốn cuộn tấp tới a,
- 206 Lúa mây ráng ra cản ngăn.
Cứ dập dờn mà tụ tán a,
Lên rồi xuống rồi ren ren.
Bảo Đế hôn mở cửa trời a,
Chỉ dựa cửa nhìn hờ hững.

- 211 Trời xam xăm gần tối a,
Ta xoắn vòng mà đứng sững.
Đời ngầu đục lộn xộn a,
Hay dìm đẹp mà ghét ghen.
Sáng ta toan vượt Bạch-thủy a,
216 Trèo Lãng-phong buộc ngựa lên.
Bổng quay lại mà rơi lệ a,
Thương núi cao thiếu ngọc dung.
Bề cảnh quỳnh ta đeo tiếp a,
Thoát ta dạo đến Xuân cung.
221 Vira hoa thắm chưa phai a,
Có thề dâng gái hạ giới.
Sai Thần Máy ruồi mây a,
Nơi Phục phi tìm ngay tới.
Cời vòng hoa mà ước lời a,
226 Sai Kiền Tu đứng làm mối.
Cứ dập dờn mà hợp tan a,
Lòng chềnh mảng khó dời dời.
Tối về ở Cùngthạch a,
Sớm chải tóc bên Vi-bàn.
231 Cậy sắc đẹp mà kiêu ngạo a,
Ngày mài miệt cuộc truy hoan.
Tuy có đẹp mà vô lễ a,
Dành đời khác chốn cầu thân.

- Đạo xem cả bốn phương a,
 236 Tim khắp nơi lại xuống trần.
 Trông Dao dài chót vót a,
 Thấy Hữu Nhung con gái trưởng.
 Sai chim trăm lăm mối a,
 Trăm bảo rằng không xứng đáng.
 241 Cu gáy vốn khéo gáy a,
 Ta lại ghét là không thực.
 Lòng do dự hồ nghi a,
 Muốn tự đến mà chẳng được.
 Phụng hoàng đã trao lễ a,
 246 Sợ Cao Tân được trước rồi.
 Muốn đi xa mà không biết chỗ nào a,
 Đánh lang thang tiêu dao thôi.
 Thiếu-Khang chưa thành gia a,
 Giữ Hữu Ngu đòi yêu kiều.
 251 Lái yếu mà mối vụng a,
 Sợ nói dùm chưa đủ điều.
 Đời ngàu đục ghét hiền a,
 Hay chê đẹp mà khen xấu.
 Bỗng trong đã thăm xa a,
 256 Quân vương lại không tính ngọ.
 Tình ta không tỏ bày a,
 Sao chịu nổi đến cùng số!



- Lấy cỏ thi và thẻ trúc a,
Nhờ đồng cốt bói xem sao.
- 261 Trai tài gái sắc tất hợp a,
Người tốt thực ai chẳng yêu !
Nghĩ chín châu rộng lớn a,
Há chi đây có gái quý ?
Gắng đi xa chờ ngờ a,
- 266 Cầu tốt ai bỏ người thế ?
Đâu chẳng có hoa thơm a,
Sao khu khu nơi vườn cũ !
Đời u ám mù quáng a,
Ai xét được ta tốt xấu ?
- 271 Dân mỗi người mỗi về a,
Chỉ bè đảng là lạ đời.
Họ đeo ngải kín lưng a,
Bảo u lan là giống tồi.
Cỏ cây xấu tốt còn không rành mạch a,
- 276 Hương ngọc tốt đâu dễ so !
Chứa phẫn thờ đầy túi a,
Bảo thân tiêu chẳng thơm tho.
Muốn theo lời đồng cốt a,
Lòng do dự mà ngờ vực.
- 281 Đồng gần tối là giáng a,
Tiêu cùng gạo mà đón rước.

- Rách thân rợp giáng đủ a,
 Cửa-nghe hân hoan nghinh tiếp.
 Thần rõ rõ ứng linh a,
 286 Cho biết việc ta tốt đẹp.
 Cố lên xuống mà bốn tàu a,
 Gầu qui củ cho hiệp đồng.
 Thang Vũ dốc cầu hợp a,
 Y Cao mới được thỏa lòng.
 291 Ví thực tình ham tốt a,
 Thì cần gì phải mối manh.
 Duyệt đắp đất Phó-nham a,
 Vũ Định tin mà định ninh.
 Lã Vọng từng múa dao a,
 296 Chu Văn gặp mà cất nhắc.
 Nịnh Thích dương mãi hát a,
 Tề Hoàn nghe mà cho rước.
 Tuổi còn trẻ chưa chầy a,
 Thời ta cũng còn chưa hết.
 301 Ghét tu hú kêu sớm a,
 Khiến trăm hoa đà rụng tiết.
 Vòng quỳnh đẹp quý thế a,
 Sao người ta lại dè dìm?
 Vì bè đảng chẳng tin a,
 306 Lại ghét ghen mà chê gièm.
 Trò đời hay biến đổi a,

- Có cái gì mà được lâu,
 Lan chỉ biến mà rụng a,
 Thuyền cùng huệ thành cỏ khô.
- 311 Sao cỏ thơm ngày trước a,
 Lại biến thẳng ra thành ngải?
 Há còn bởi có gì a?
 Không ham tốt mà nên hại!
 Ta cho lan khá cậy a,
- 316 Sao vẻ đẹp mà không thực?
 Bỏ chất quý theo tục a,
 Miễn đứng hàng hoa thơm được.
 Tiêu chuyên nịnh khoe khoang a,
 Thù du muốn vào túi đeo.
- 321 Đã hãm hờ cầu dùng a,
 Còn thơm gì mà đáng yêu!
 Thời tục chỉ theo đòi a,
 Ai giữ được không biến đi?
 Biêu lan còn như thế a,
- 326 Huống yết xa và giang ly.
 Chỉ vòng này đáng quý a,
 Vì bị ruồng mà ra vậy,
 Thơm phưng phức khó phai a,
 Hương đến nay còn dưm dấy.
- 331 Hòa thái độ mà tự vui a,

Hãy lang thang tìm cho gặp.
Cần vòng ta còn tươi a.
Trên đến dưới đi tìm khắp.

★
★★

- Dồng cốt bảo bói tốt a,
336 Chọn ngày lành ta lên đường,
Bè canh quỳnh làm rau a,
Giã gạo quỳnh ta làm lương.
Vì ta thắng ngựa rồng a,
Lấy ngọc ngà mà khảm xe.
341 Khắc lòng sao cùng ở a,
Toan tềch xa mà chẳng về.
Quay đường sang Cồn-lôn a,
Đường dài xa mà rộng rãi.
Giăng mây ráng rợp trời a,
346 Gióng chuông ngọc cho xe trầy.
Sớm ra tự bến Ngân a,
Chiều ta đến miền Tây cực.
Cánh phượng hoàng đồ cờ a,
Bay liệng cao mà nô nức.
351 Bồng ta vượt Lưu sa a,
Theo Xích thủy đi dần dà.
Vẫy giao long bắc cầu a,

- Bào Tây hoàng chở ta qua.
Đường dài xa gian hiểm a.
356 Truyền xe tất mà đợi chờ.
Qua Bất-chu sang tả a,
Chí Tây hải mà hẹn hò.
Hợp cá đoàn nghìn xe a,
Đều chuông ngọc mà cùng ruổi.
361 Tám ngựa rồng rườn rượt a,
Chở cờ mây mà theo đuôi.
Nén chí hăng từ từ a,
Cho tinh thần bay vởi vởi.
Tấu Cửu ca mà múa nhạc Thiều a.
366 Tạm vui chơi trong lúc rồi.
Đang đùa giỡn ánh sáng a,
Bỗng nhạc thấy ngay làng quê.
Tờ sinh bi ngựa nhớ chuông a,
Đều ngoái nhìn thôi chẳng đi.
(Lời kết)
371 Thôi xong rồi!
Nước không người chẳng ai biết ta a,
Còn nhớ gì đến đô cũ!
Đã chẳng đủ cùng làm chính tốt a,
Ta toan tìm Bành Hàm nơi yên ngủ.

Tham khảo

Bản dịch LY TAO của N.T.

I

Bá Dung nhớ cha ta thuở nọ,
Vốn dòng vua về họ Cao Dương.
Tháng giêng đầu tiết xuân sang,
Cõi đời ta xuống, giữa dương ngày Dần.
Buổi trứng nước ân cần săn sóc,
Biết bao nhiêu khó nhọc công cha.
Chữ hay kén đặt cho ta:
Tên là Chính-tắc, tự là Linh-quân.
Trong ta đã mười phần lộng lẫy,
Chải chuốt càng thêm nẩy xinh tươi.
Sói ngàn nhai bãi khoác ngoài,
Tết lan thu lại làm dai đeo thương.
Sợ chẳng kịp, ta càng mê mải.
Tuổi xanh nào có đợi gì ai!
Mộc lan sớm cắt trên đồi,
Đồng thanh chiều hái bên ngoài bến sông.
Ngày tháng vút đi không trở lại,
Vừa xuân qua đã lại thu sang!

Đoái trông cô ấy cây vàng,
Sợ con người đẹp muộn màng lỡ duyên!
Tuổi đang trẻ nét quen cần rõ,
Thế mà không dỗi sửa cho đành.
Ngựa hay cười lấy! Đi nhanh!
Lại đây! Ta chi cho mình đường quang.
Đời Ba vua thuở dương rực rỡ,
Các giống thơm hơn hờ dưa tươi.
Hoa tiêu, hoa quế lộn mùi,
Cứ gì hoa huệ được người yêu dương!
Theo đạo chính nhằm đường ngay thẳng,
Nghieu Thuấn xưa thiệt đáng minh quan.
Cớ sao Kiệt Trụ ngu dân,
Đam dầu lối tắt, sa chân đường cùng!
Hám vui bọn chúng không biết sợ,
Đường tối tăm hiểm trở xiết bao!
Xe loan e lúc dồ nhào,
Phải rằng ta sợ thiệt vào đến thân!
Cổ theo kịp gót chân vua trước,
Quân chi công xuôi ngược long dong!
Tình ta mình chẳng xét cùng!
Nghe lời ton hót đem lòng giận ta!
Nói thẳng vẫn biết là có hại,
Biết vậy mà nín mãi không đành!

Chín lần trời hãy chứng minh,
Chỉ vì ta quá yêu mình đấy thôi!
Trước cùng ta nặng lời hẹn ước,
Sau vì đâu biếng nhác đơn sai?
Biệt ly ta chẳng quản nài,
Xót mình lòng dạ đòi dòi bao phen.
Chín vườn lan, lại nghìn sào huệ,
Một mình ta chăm chỉ hôm mai.
Tử tiều bạch chi xen vai,
Kệ trong đồ nhược, bao ngoài tân đi.
Mong cành lá có khi đua nầy,
Chờ đến mùa hái lấy hoa tươi.
Bỏ rơi ta thiết chi đời,
Thấy trăm hoa chịu lạc loài mà thương!
Chúng chen chúc trên đường vụ lợi,
Tắm lòng tham, tham mãi tham hoài!
Đem dạ mình, độ bụng người,
Sinh tình ghen ghét, đặt lời gièm pha!
Mỗi phú quý cố mà theo đuổi,
Phải lòng ta có vội thế đâu!
Cái già sông sộc theo nhau,
E không dè được về sau tiếng lành.
Ăn hoa rụng bên hành thu cúc;
Uống sương sa dưới gốc mộc lan.

Tình yêu khôn đẹp muôn vàn,
Khát hoài! đời mãi! phàn nàn mà chi!
Rút rễ cây ta xe sợi chi,
Xấu cánh hoa thiên lý xinh xinh.
Cánh lan cánh huệ trắng tinh.
Giấy ngàn bền dẻo tết manh áo ngoài.
Áo như thế thói đời chẳng mặc!
Ta cứ theo phép tắc người xưa.
Dẫu rằng đời có chẳng ưa,
Thì xin theo lối cũng như Bành Hàm.
Đời người khổ kè làm sao xiết!
Dành than dài, gạt vết lệ hoen!
Làm xinh ta khéo vô duyên!
Sớm vừa can gián, chiều liền sa cơ!
Sa cơ mặc, nhờn nhờn vẫn thế!
Vẫn đeo lan, giắt huệ như xưa!
Lòng ta đã thích đã ưa,
Dẫu rằng chín chết có chừa được đâu!
Trách mình chẳng suy sau xét trước,
Mãi mãi không rõ được thói đời!
Cháng ghen ta có mây ngải,
Phao cho ta tiếng con người lằng lơ!
Người đời thật đã thừa khôn khéo,
Dua nhau theo mức vẹo thước cong,

Khuôn vuông mẫu thẳng chẳng dùng,
Cúi lườn cầu cạnh một dòng như nhau!
Một mình chịu nuốt sâu ngậm túi,
Nói ai hay nông nổi lúc này?
Thà cho sống dọa thác đây,
Lòng ta không nở để lay thói thường!
Loài chim cắt ngang tàng bay bổng,
Vốn xưa nay là giống không đàn.
Vuông tròn vốn chẳng cùng làn!
Khúc đường ai để yên hàn cho ai?
Tránh điều lỗi, mặc lời xoi mói!
Nén chí xưa, cam nổi xót xa,
Thánh hiền xưa cũng như ta:
Thẳng ngay mà chết, ấy là chết trong!
Tiếc nhận lỗi, mà không biết lỗi,
Liệu về thôi, ở lại chi lâu?
Lạc đường cũng chưa xa đâu,
Quay xe trở lại cho mau còn vừa!
Giục vó ngựa lên bờ Lan dã;
Sang gò Tiêu thông thả nghỉ ngơi.
Tiến ra chẳng hợp với đời,
Lui về sửa lại mặc ngoài cho xinh.
Hải sen súng, cắt mạnh áo đẹp;
Cắt phù dung may nếp xiêm dài.

Đời không biết đến mặc đời,
Tình ta ví hân vện mười thơm tho !
Mũ ta đội xốc cho cao ngất ;
Đai ta đeo buông thật dịu dàng.
Khắp mình thơm nức sáng choang,
Đẹp còn giữ được chất thường chưa phai.
Chợt quay lại liếc chơi ta muốn,
Đi xem cho khắp bốn cõi hoang.
Rung rinh bao thú diễm trang !
Ngạt ngào càng thấy rõ ràng mùi thơm.
Đời ai cũng riêng ham từng món,
Như ta đây chỉ muốn làm xinh.
Phân thây xé xác cũng dành !
Lòng này hồ để dễ dành được sao !

II

Tiếng cô chị bước vào léo xéo,
Mắng ta rằng : « Rõ khéo ngàn ngờ.
« Bướng như chàng Cồn ngày xưa,
« Bỏ mình núi Vũ bây giờ ai thương ?
« Sao em thích khoe khoang chải chuốt,
« Riêng một mình giữ một vẻ xinh ?

«Dây nhà dây dợ, có tranh,
«Người ta mặc cả sao mình lại không?
«Nói với chúng để hồng gói xiết!
«Ai là người xét biết lòng ta?
«Đời đều bề dằng gian tà,
«Một mình ta nói, nói là ai nghe!»
Trong đạo thành liệu bề theo rồi,
Đến chi đây xiết nổi tan toan!
Sang Nam qua ngọn Tương Ngoan,
Tới đền vua Thuấn, ta than vài lời:
«Mê hát xướng kia đời nhà Hạ,
Vua Thái Khang thỏa dạ vui chơi,
Chẳng lo chẳng nghĩ lâu dài,
Năm con mới phải lạc loài bốn phương.
Vua Nghiê chỉ ham đường săn bắn,
Say chim muông quên hẳn việc thường.
Tham vui vua Xác hoàng toàng,
Cả hai đều phải thịt xương tan tành!
Đến vua Ngáo cậy mình sức khỏe,
Chẳng giữ gìn phi chí ăn chơi.
Quên mình ngày tháng dòng dài,
Quá ra khi đã đề rơi cả đầu!
Hạ Kiệt có biết đau đạo cả,
Lần lửa trông tai vạ đến nơi.

Vua Tân ướp món thịt người,
Cũng vì thế mới hết đời nhà Thương!
Lại xét đến Vũ Thang, Văn Võ
Kính mà nghiêm chẳng bỏ đạo hằng.
Cất dùng toàn bọn tài năng,
Theo khuôn giữ mực thẳng băng một chiều!
Ông trời chẳng riêng yêu ai hết!
Xem thấy ai đức nết thì nên.
Xưa nay chỉ bậc thánh hiền,
Thương dân mới được cầm quyền trị dân.
Trông sau trước xét lần sự thế,
Hãy đề tâm suy nghĩ cho cùng.
Làm đâu được việc bất công!
Những phường bất nghĩa có dùng được đâu!
Lòng này nghĩ trước sau như một,
Dầu chết ngay chẳng chút nôn nao!
Người xưa oan thác biết bao!
Then vương lựa có vào sao lỗ tròn!
Nức nở khóc lo buồn đầy dạ.
Tủi cho thân sinh đã lỗi thời!
Gạt sầu bút cánh huệ tươi!
Áo khăn lã chã lệ rơi ướt đầm!
Quỳ khép áo lăm rằm khăn vái:
«Xin dốc theo lẽ phải đường ngay!»

Quay ra đập gió rẽ mây,
Cưỡi rồng gióng phượng định ngày chơi xa:
Sớm Thương-ngô, chiều qua Huyền-phố,
Đền thần linh xa ngó cửa ngoài.
Chốn này muốn tạm nghỉ ngơi,
Chiều hôm bàng lãng mặt trời xuống nhanh.
«Hy Hòa hỡi nê tình ta với!
Lối non đồi chờ vội xông pha.
Quần bao nước thăm non xa,
Đề ta tìm kiếm cho ra bạn lòng!»
Cho ngựa uống bên đồng Dục-nhật,
Buồng dầy cương ở đất Phù-tang.
Nhờn nhờ chốc lát dọc đường,
Bẻ cành nhuộc mộc chằng ngang mặt trời.
Chị trắng phải nhanh chân tiến trước,
Dì gió cho lần bước theo sau.
Chim loan mở lối đi đầu,
Nhưng thần sấm sét dốc hầu chưa xong!
Ta giục phượng gia công bay mãi,
Suốt ngày đêm rong ruổi cho mau.
Cơn giông bão táp theo hầu!
Cầu vòng móng cụt đem nhau đến chào!
Khắp các ngả trước sau tấp tểi,
Dù mọi mầu trên dưới tới bởi...

Ta truyền mở cửa nhà trời!
Lính canh lại tựa cửa ngoài nhìn ta.
Người mỗi mệt, ngày đã sầm tối,
Dừng bờ phờ tay với bông lan!
Cõi đời như dục muôn vàn,
Ghét tài ghét đẹp, thói cần đã quen.
Sớm đóng ngựa qua miền Bạch thủy,
Lên Lăng-phong ta sẽ dừng cương.
Không ai là gái đảm dang,
Trông về nước Sở gặt hàng lệ rơi.
Chơi cung Xuân này nơi thanh nhã,
Đeo giắt thêm hai đóa hoa quỳnh.
Hoa tươi còn chứa lila cành,
Xem ai là gái hữu tình ta đưa.
Sai thần mây đi mưa về gió,
Cung Phục-phi tìm rõ tới nơi.
Mỗi may ta lại cậy người,
Cởi giây đeo đề ngỏ lời giao hoan!
Trải mấy độ qua ngàn vượt núi,
Bồng dọc ngang đường lối khó thông.
Chiều hôm về nghỉ non Cùg
Sớm ra gội tóc trên sông Vi-bàn.
Nàng cậy đẹp khinh nhờn quen thói,
Quên tháng ngày, mê mãi dong chơi.

Đẹp nhưng mất nét xin thôi,
Bỏ tìm chốn khác lấy người đoan trang.
Vùng trời rộng bốn phương man mác,
Xem khắp rồi lại bước xuống đời.
Hữu Nhung trông với cõi ngoài,
Long lanh đèn ngọc, thấy người gái xinh.
Mượn chim trăm mối manh nói hộ,
Trăm trả lời «Việc đó không xuôi!»
Kìa chim tu hú đại đời,
Ta còn ghét nó là loài tinh ranh.
Mình khuấy khuấy lấy mình chẳng nổi,
Lòng hồ nghi trăm mối vấn vương.
Chịu lời ta đã phượng hoàng,
Chỉ e ta đến sau chàng Cao-tân.
Xa tìm chốn yên thân chẳng có,
Đành lênh đênh đây đó biết sao!
Thiếu-khang đang lúc ba đào,
Họ Kiều hai gái sánh vào vừa xinh.
Lý đã kém mối manh lại vụng,
Chỗ hẹn lời e cũng không bền.
Người đời bạn tuổi nhỏ nhen,
Chuông bên gian ác, ghét bên hiền tài.
Buồng the đã là nơi cách trở,
Nhà vua còn đương ở mê say,

Ôm lòng biết ngỏ ai hay ?
Bước đời nhịn mãi nước này được sao ?

III

Chê năm cỏ Quỳnh-mao làm thê,
Mượn Linh-phân gieo quẻ nhân duyên.
Quẻ rằng : « Ao ước thì nên,
Bên tài, bên sắc, đôi bên cùng lòng.
Nghĩ chín cõi mệnh mong rộng rãi,
Phải riêng đây có gái kén chồng ?
Đường xa xin chớ ngại ngùng,
Người xinh ai chẳng đem lòng khát khao ?
Cỏ thơm kè nơi nào chẳng có,
Thương tiếc chi quê cũ nữa anh !
Quáng lừa bao kẻ chung quanh,
Dở hay ai xét cho mình nữa đâu !
Lòng yêu ghét khác nhau biết mấy !
Bọn chúng coi thật thấy lạ đời.
Cỏ hôi đeo giắt đầy người !
Hoa lan thơm ngát chê bai chẳng dùng.
Loài cây cỏ còn không phân biệt,
Giống ngọc lạnh xét biết đâu mà !

Phân tro xếp đồng dày nhà!
Cánh hời, cánh quế cho là không thơm!
Quế dạy thế, ở làm chi nữa!
Nhưng lòng còn lưỡng lự chưa đi.
Chiều nay sắp đặt lễ nghi,
Mời Vu Hàm lại ta thì hỏi han.
Chín dãy núi chập chờn đón rước.
Trăm vị thần chững chạc tới nơi.
Hào quang rực rỡ đầy trời,
Vì ta dạy hết mọi lời thủy chung.
Rằng : « Lên xuống cố công tìm hỏi,
Ai cùng mình khuôn lối như in.
Vũ Thang kén lựa tôi hiền :
Chỉ Cao Dao được chúng tin yêu vì.
Quả là đẹp, cứ gì tốt mới !
Giá ngọc lành há phải bán rong !
Duyệt xưa đắp đất ngoài đồng,
Vũ Đinh tìm gặp tin dùng chẳng nghi.
Lã Vọng trước làm nghề bán thịt,
Gặp Văn Vương mới biết tướng tài.
Chặn trâu Nịnh Thích hát chơi,
Tề Hoàn nghe đã cho vời làm quan.
Tuổi chưa muộn lo toan còn kịp,
Thời đương vừa thu xếp đi cho !

Véo von đề quyết gọi thu,
Trăng hoa e lúc thơm tho chẳng còn !
Vòng hoa quỳnh đẹp đôn biết mấy,
Che lấp đi, ai biết vẻ xinh !
Ghét ghen chúng chẳng thương tình,
E khi dập gẫy tan tành biết đâu.
Trách thời tiết thật mau thay đổi,
Nào lữa lần được mãi cho cam !
Hoa lan giờ đã hết thơm,
Hoa nhài hoa huệ hóa làm cỏ tranh...
Bao nhiêu giống hương thanh sắc đẹp,
Đều dốc đời đời kiếp hồi tanh !...
Không năng chái chuốt làm xinh,
Tại ai đâu chỉ tại mình đấy thôi !
Lan ta tưởng đáng nơi tin cậy,
Có ngờ đâu bóng bầy mà hư !
Theo đời, bỏ vẻ đẹp xưa,
Đua đòi cầu thả cũng như mọi loài.
Tiêu bọ dờ nịnh đời ra mặt !
Túi thuốc trừ nhét chặt thù du.
Dem thân cầu cạnh bon xu,
Còn đâu giữ được thơm tho tính trời !
Thối thường vốn theo thời thay đổi,
Ai giữ mình cho khỏi suy đi !

Tieu lan còn chả ra gì,
Trách chi đến sỏi, kẻ chi đến nhài!
Riêng hoa quỳnh thật loài đáng quý,
Tới nay còn giữ vẻ năm xưa.
Hương còn thoang thoảng xa đưa,
Đẹp còn nguyên vẹn vẫn như ngày nào!
Tự an ủi, theo vào mực thước;
Ngắm hoa đeo hồi trước còn xinh.
Khắp vùng trời đất mông mênh,
Tìm chọ thấy bạn hữu tình mới thôi.
Linh phán dạy: « Quê coi tốt lắm! »
Chọn ngày lành ta sắm sửa đi.
Hoa quỳnh bẻ lấy phòng khi,
Cành thì làm bánh, cành thì làm cơm.
Lộn gà ngọc đóng làm xe cỡi;
Kéo xe ta phát phối rồng bay.
Đi cho vắng mặt khuất mây!
Lòng lia, thế bất thân này phải xa!
Đường thăm thăm trông ra quanh quất,
Hãy vòng xe qua đất Côn-lôn.
Vang vang nhạc ngọc thét đồn,
Mây màu lấp lánh vây tròn trước sau.
Sớm bên trời bắt đầu rong ruổi,
Chiều hôm ta tới cõi cực tây!
Trước xe đón ngọn cờ bay,
Phượng hoàng vỗ cánh tung mây tuyết vời.

Chốc ta lại qua chơi bờ Cát
Theo dòng sông bát ngát đỏ ngầu!
Thường luông sửa bến cho mau!
Bảo Tây hoàng phải bắc cầu ta sang.
Xa thăm thăm cõi đường hiềm trở,
Đón các xe giúp đỡ ta cùng!
Bắt Chu lối tả di vòng,
Hẹn ngày tháng chỉ qua vùng bờ Tây.
Đều tay sắp giắt giây cương ngọc,
Nghìn xe cùng một lúc ra đi.
Tám rồng bay lộn trước xe.
Cờ mây phát phối, bóng che rợp trời.
Hãy ngừng bước, tạm nguôi dạ tui;
Buông thần hồn lên cõi cao xa,
Múa Thiều hát khúc Cửu ca,
Tháng ngày thông thả liệu mà làm khuấy.
Cát mình khoảng trời mây rộng rãi,
Chợt ngánh đầu trông lại quê hương.
Ngựa buồn, đầy tớ thảm thương.
Co ro, nhón nhác, ngại đường chẳng đi.

Văn rằng:

Thôi! thương tiếc làm chi cho cực!
Biết ta đâu một nước không người.
Chính lành làm sức với ai?
Bành Hàm đâu đó, ta thời đi theo!

V. CỬU CHƯƠNG

(Đ. D. Anh dịch,

Phiên âm

QUẤT TỤNG

- 1 Hậu hoàng gia thụ,
Quất lai phục hề.
Thụ mệnh bất thiên,
Sinh Nam quốc hề
Thâm cố nan tỳ.
- 6 Cánh nhất chi hề.
Lục diệp tố vinh,
Phân kỳ khả hỷ hề.
Tăng chi diệm cực,
Hoàn quả đoàn hề.
- 11 Thanh hoàng tạp nữu,
Văn chương lạn hề.
Tinh sắc nội bạch,

- Loại khả nhiệm hề,
 Phân uân nghi tu,
 16 Khóa nhi bất xú hề.
 Ta nhĩ ấu chí,
 Hữu dĩ dĩ hề!
 Độc lập bất thiên,
 Khởi bất khả hý hề
 21 Thâm cổ nan tỹ,
 Khoách kỳ vô cầu hề!
 Tô thế độc lập,
 Hoành nhi bất lưu hề.
 Đế tâm tự thận,
 26 Chung bất thất quá hề.
 Bình đức vô tư,
 Tham thiên địa hề.
 Nguyên tuế tinh tạ,
 Dữ trường hữu hề.
 31 Thục lý bất dâm,
 Ngạnh kỳ hữu lý hề.
 Niên tuế tuy thiếu,
 Khả sư trường hề.
 Hạnh tỹ Bá Di,
 36 Trí dĩ vi tượng hề.

TÍCH TỤNG

Tích tụng dĩ tri mẫn hề,
Phát phần dĩ trừ tình.
Sở phi trung nhi ngôn chi hề,
Chi thương thiên dĩ vi chúng.

41 Lệnh ngũ đế sử chiết trung hề,
Giới lục thần dữ hưởng phục.
Tý sơn xuyên dĩ bị ngự hề,
Mệnh Cao Dao sử thính trực.
Kiệt trung thành dĩ sự quân hề,

46 Phân ly quần nhĩ chuế vu.
Vong huyền mị dĩ tội chúng hề,
Đãi minh quân kỳ tri chi.
Ngôn dữ hành kỳ khả tích hề,
Tình dữ mạo kỳ bất biến.

51 Cổ tướng thần mạc nhược quân hề,
Sở dĩ chúng nhĩ bất viễn.
Ngô nghị tiên quân nhĩ hậu thân hề,
Khương chúng nhân nhĩ sở cù giả.
Chuyên duy quân nhĩ vô tha hề,

56 Hựu chúng triệu chi sở thù giả.
Nhất tâm nhĩ bất dự hề,
Khương bất khả bảo giả.

- Tật thân quân nhĩ vô tha hề,
 Hữu chiêu họa chi đạo giả.
- 61 Tự quân kỳ mặc ngã trung hề,
 Hốt vong thân chi tiện bản.
 Sự quân nhĩ bất nhị hề,
 Me bất tri sủng chi môn.
 Trung hà tội dĩ ngộ phạt hề.
- 66 Diệc phi dư chi sở chí giả.
 Hành bất quần dĩ diện việc hề,
 Hựu chúng triệu chi sở hai giả.
 Phan phùng vuu dĩ ly báng hề,
 Kiền bất khả thích giả.
- 71 Tình trăm ức nhĩ bất đạt hề,
 Hựu tế nhĩ mặc chi bạch giả.
 Tâm uất ấp dư sá sế hề,
 Hựu mặc sát dư chi trung tình.
 Cố phiền ngôn bất khả kết di hề,
- 76 Nguyễn trần chí nhĩ vô lộ.
 Thoái tĩnh mặc nhĩ mặc dư tri hề,
 Tiến hô hào hựu mặc ngô văn.
 Thân sá sế chi phiền hoặc hề,
 Trung muộn mâu chi đồn đồn.
- 81 Tích dư mộng đăng tiên hề,
 Hồn trung đạo nhĩ vô hàng.

- Ngô sử Lệ thần chiêm chi hề,
 Viết hữu chí cực nhi vô bằng.
 Chung nguy độc dĩ ly dị hề,
 86 Viết quan khả tư nhi bất khả thị.
 Cố chúng khâu kỳ thước kim hề,
 Sơ nhược thị nhi phùng đãi.
 Trùng ư canh nhi xuy tê hề,
 Hà bất biến thử chí già.
 91 Dục thích giai nhi dăng thiên hề,
 Do hữu năng chi thái già.
 Chúng hải cự dĩ ly tam hề,
 Hựu hà dĩ vi thử bạn già.
 Đồng cực nhi dị lộ hề,
 96 Hựu hà dĩ vi thử viện già?
 Tấn Thân sinh chi hiếu tử hề,
 Phụ tín sần nhi bất hảo.
 Hạnh hãnh trực nhi bất dự hề,
 Cồn công dụng nhi bất tựu.
 101 Ngô văn tác trung dĩ tạo oán hề,
 Hốt vị chi quá ngôn.
 Cửu chiết tý nhi thành y hề,
 Ngô chí kim nhi tri kỳ tín nhiên.
 Tằng đặc cơ nhi tại thượng hề,
 106 Ủy la trương nhi tại hạ.
 Thiết trương bích dĩ ngu quan hề,

- Nguyên trắc thân nhi vô sở.
 Dục chiến hồi dĩ can tế hề.
 Khủng trùng hoạn nhi ly vu.
 111 Dục cao phi nhi viễn tập hề,
 Quân vãng vị như hà chi.
 Dục hoành bốn nhi thất lộ hề.
 Cái chí kiên nhi bất nhẫn.
 Bối ung phán dĩ giao thống hề,
 116 Tam uất kết nhi vu chân.
 Đảo mộc lan dĩ kiều huệ hề,
 Tạc thân tiêu dĩ vi lương.
 Bá giang ly dữ tư cục hề,
 Nguyên xuân nhật dĩ vi khứ phương.
 121 Khủng tình chất chi bất tín hề,
 Cổ trùng trước dĩ tự minh.
 Kiều tư my dĩ tư xử hề.
 Nguyên tăng tư nhi viễn thân.

TRỪU TỬ

- Tam uất uất chi ưu tư hề,
 126 Độc vĩnh thân hồ tăng thương.
 Tư kiên sản chi bất thích hề,

- Man tao dạ chi phương trường.
 Bi thu phong chi động dung hề,
 Hà hồi cực chi phù phù.
 131 Sở duy tôn chi đa nộ hề,
 Thương dư tâm chi ưu ưu.
 Nguyên dao khí nhi hoành môn hề,
 Dâm dân vuơ dĩ tự trấn.
 Kết vi tình dĩ trần từ hề,
 136 Kiều dĩ di phù mỹ nhân.
 Tích quân dữ ngã thành ngôn hề,
 Viết hoàng hôn dĩ vi kỳ.
 Khương trung đạo nhi hồi bạn hề,
 Phán ký hữu thử tha chí.
 141 Kiều ngô dĩ kỳ mỹ hảo hề,
 Lãm dư dĩ kỳ tu l hóa.
 Dữ dư ngôn nhi bất tín hề,
 Cái vi dư nhi tạo nộ.
 Nguyên thừa gián nhi tự sát hề,
 146 Tâm chấn diệu nhi bất cảm.
 Bi di do nhi ký tiến hề,
 Tâm dật thương chi dâm dâm.
 Lịch tư tình dĩ trần từ hề,
 Tồn dương lung nhi bất văn.

- 151 Cố thiết nhân chi bất mỹ hề,
 Chúng quả dĩ ngã vi hoạn.
 Sơ ngô sở trần chi cảnh trước hề,
 Khởi chí kim kỳ dung vong.
 Hà độc lạc tư chi kiên kiên hề,
- 156 Nguyễn tôn mỹ chi khả quang.
 Vọng tam ngũ dĩ vi tượng hề,
 Chí Bành Hàm dĩ vi nghi.
 Phù hà cực nhi bất chí hề,
 Cố viễn văn nhi nan khuy.
- 161 Thiện bất do ngoại lai hề,
 Danh bất khả dĩ hư tác.
 Thực vô thi nhi hữu báo hề.
 Thực bất thực nhi hữu hoạch.
 (Thiếu ca viết)
 Dữ mỹ nhân chi trưu tư hề,
- 166 Tinh nhật dạ nhi vô chứng.
 Kiêu ngô dĩ kỳ mỹ hảo hề,
 Ngạo trăm từ nhi bất thính.
 (Xương viết)
 Hữu điều tự Nam hề,
 Lai tập Hán bắc.
- 171 Hảo khóa giai lệ hề,
 Phán độc xử kỳ dị vực.

- Ký quynh độc nhi bất quân hề,
 Hựu vô lương môi lại kỳ trắc..
 Đạo trắc viễn nhi nhậ vong hề,
 176 Nguyễn tự thân nhi bất đắc.
 Vọng Bắc sơn nhi lưu thế hề,
 Lam lưu thủy nhi thái tức.
 Vọng mạnh hạ chi đoan dạ hề,
 Hà hối minh chi nhược tuế.
 181 Duy Sinh lộ chi liêu viễn hề,
 Hồn nhất tịch nhi cứu thế.
 Tăng bất tri lộ chi khúc trực hề,
 Nam chi nguyệt dữ liệt tình.
 Nguyễn kính thế như vị đắc hề,
 186 Hồn thức lộ chi dinh dinh.
 Hà linh hồn chi tin trực hề,
 Nhân chi tâm bất dữ ngô tâm đồng.
 Lái nhược nhi môi bất thông hề,
 Thượng bất tri ngô chi thung dung.
 (Loạn viết)
 191 Trường lại suyền lưu, tố giang đàm hề.
 Cuồng cố nam hành, liêu dĩ ngu tâm hề.
 Chàn thạch đi ngôi, kiên ngô nguyện hề.
 Siêu hời chí độ, hành ăn tiến hề.
 Đề hời di do,

196 Túc Bắc-cô hề.

Phiền oan mâu dung,

Thực bái tô hề.

Sầu thán khồ thần,

Linh dao tư hề.

201 Lộ viễn u xứ,

Hựu vô hành môi hề.

Đạo tư tác dụng liễu dĩ tự cứu hề.

Ưu tâm bất toại tư ngôn thùy cáo hề.

TU MỸ NHÂN

Tư mỹ nhân hề,

206 Lãm thế nhi trử di.

Môi tuyết lộ trở hề.

Ngôn bất khả kết nhi di.

Kiền kiền chi phiền oan hề.

Hãm trệ nhi bất phát.

211 Thân đán dĩ thư trung tình hề,

Chí trăm uất nhi mạc đạt.

Nguyên ký ngôn ư phù vân hề,

Ngộ Phong Long nhi bất tương.

Nhan qui điều nhi trí từ hề.

216 Khương túc cao nhi nan dương.

Cao Tân chi linh thịnh hề,

Tao huyền điều nhi trí di.

Dục biến tiết dĩ tòng tục hề,

Quý dịch sơ nhi khuất chí.

221 Độc lịch niên nhi ly mẫn hề,

Khương bằng tâm do vị hóa.

Ninh ăn mẫn nhi thọ khảo hề,

Hà biến dịch chi khả vi.

Tri tiền triệt chi bất toại hề,

226 Vị cải thứ độ.

Xa ký phúc nhi mã diện hề,

Kiên độc hoài thứ dị lộ.

Lặc kỳ ký nhi cánh giá hề,

Tạo phủ vị ngã tháo chí.

231 Thiên tuần thứ nhi vật khu hề,

Liêu giả nhật dĩ tu thì.

Chi Phan-trùng chi Tây ôi hề,

Dữ huân hoàng dĩ vì kỳ.

Khai xuân phát tuế hề,

236 Bạch nhật xuất chi du du.

Ngô tương dăng chi nhi du lạc hề,

Tuân Giang Hạ dĩ ngu ưu.

- Lâm đại bạc chi phương chi hề,
 Khiên trường châu chi túc mụ
- 241 Tích ngô chi bất cập cồ nhân hề,
 Ngô thù dĩ ngoạn thử phương thảo ?
 Giải biên bạc dĩ tạp thái hề,
 Bị dĩ vi giao bội.
 Bội bán phân dĩ liêu chuyên hề.
- 246 Toại ủy tuyết nhi ly dị.
 Ngô thả chiền hồi dĩ ngu ưu hề,
 Quan Nam nhân chi biến thái.
 Thiết khoái tại trung tâm hề,
 Dương quyết bằng nhi bất sĩ.
- 251 Phan úc úc kỳ viễn chung hề,
 Mãn nội nhi ngoại dương.
 Tình dữ chất tín khả bảo hề,
 Khương cư tế nhi văn chương.
 Linh bệ lệ dĩ vi lải hề,
- 256 Dạn cử chi nhi duyên mộc.
 Nhân phù dung nhi vi môi hề,
 Dạn kiên thường nhi nhu túc.
 Đẳng cao ngô bất duyệt hề,
 Nhập hạ ngô bất năng.
- 261 Cổ trầm hình chi bất phục hề,
 Nhiên dung dữ nhi hồ nghi.

(Loạn viết)

Quảng toại tiền hoạch hề,

Vì cải thử độ già.

Mệnh tắc xử u, ngô tương bãi hề,

266 Nguyễn cập bạch nhật chi vị mộ già.

Độc quynh quynh nhi Nam hành hề,

Tư Bành Hàm chi cố già.

BI HỒI PHONG

Bi hồi phong chi dao huệ hề,

Tâm oan kết nhi nội thương.

271 Vật hữu vi nhi văn tính hề,

Thanh hữu ăn nhi tiên xương.

Phù hà Bành Hàm chi tạo tư hề,

Ký chí giới nhi bất vương.

Vạn biến kỳ tình khởi khá cái hề,

276 Thục hư nguy chi khá trường.

Điều thú minh dĩ hiệu quần hề,

Thảo tư tỷ nhi bất phương.

Ngư tiếp lân dĩ tự biệt hề,

Giao long ăn kỳ văn chương.

281 Cố đồ tể bất đồng mẫu hề,

Lan chi u nhi độc phương.

Duy giai nhân chi vĩnh đo hề,

Cánh thống thế dĩ tự hương.

- Điều viễn chí chi sở cập hề,
286 Lân phù vân chi tương dương.
Giới điều chí chi sở hoặc hề,
Thiết phú thi chi sở minh (mang).
Duy giai nhân chi độc hoài hề,
Chiết nhĩ tiêu dĩ tự xử.
- 291 Tăng hu hy chi ta ta hề,
Độc ăn phục nhi tư lự.
Khấp thế giao nhi thế thế hề,
Tư bất miên dĩ chí thụ.
Chung trường dạ chi man man hề,
- 296 Yềm thử ai nhi bất khứ.
Ngộ thung dung dĩ chu lưu hề,
Liêu tiêu dao dĩ tự thị.
Thương thái tức chi mẫn lân hề,
Khí ư ấp nhi bất khả chi.
- 301 Củ tư tâm dĩ vi tương hề,
Biên sầu khổ dĩ vi ung.
Chiết nhược mộc dĩ tế quang hề,
Tùy phiêu phong chi sở nhưng.
Tồn phương phát nhi bất kiến hề,
- 306 Tâm đồng được kỳ nhược thang.
Phủ bội nhậm dĩ án chí hề,
Sieu vông vông như toại hàng.

- Tuế hốt hốt kỳ nhược đời hề,
 Thì diệc nhiễm nhiễm kỳ tương chi.
- 311 Phiên hành khao nhi tiết ly hề,
 Phương dĩ yết nhi bất tỷ.
 Lan tư tâm chi bất khả trùng hề,
 Chứng thử ngôn chi bất khả liêu.
 Ninh khắp tử nhi lưu vong hề,
- 316 Bất nhân vi thử chi thường sầu.
 Cô tử ngâm nhi văn lệ hề,
 Phóng tử xuất nhi bất hoàn.
 Thục năng tư nhi bất ăn hề,
 Chiêu Bành Hàm chi sở văn.
- 321 Đẳng thạch loan dĩ viễn vọng hề,
 Lộ điều điều chi mặc mặc.
 Nhập ảnh hưởng chi vô ứng hề,
 Văn tính tướng nhi bất khả đắc.
 Sầu uất uất chi vô khoái hề,
- 326 Cư thích thích nhi bất khả giải.
 Tam cơ ky nhi bất khai hề,
 Khí liêu chuyền nhi tự để.
 Mục điều điều chi vô ngán hề,
 Mãng mang mang nhi vô nghi.
- 331 Thanh hữu ăn nhi tương cảm hề,
 Vật hữu thuần nhi bất khả vi.

- Mạc mạn mạn chi bất khả lượng hề,
 Phiêu miên miên nhi bất khả vu.
 Sầu sảo sảo chi thường bi hề,
- 336 Phiên minh minh chi bất khả ngu.
 Thượng cao nham chi tiểu ngạn hề,
 Xử thư nghề chi tiêu diên.
 Cứ thanh minh nhi sự hồng hề,
 Toại thúc hốt nhi môn thiên.
- 341 Hấp trạm lộ chi phù lương hề,
 Thấu ngưng sương chi phân phân.
 Y phong huyết dĩ tự tức hề,
 Hốt khoảnh ngộ dĩ thiên viên.
 Bằng Côn-lôn dĩ hám vụ hề,
- 346 Ẩn Mạn sơn dĩ thanh giang.
 Đạn đông suyền chi khắp khắp hề,
 Thỉnh ba thanh chi hung hung.
 Phân dung dung chi vô kinh hề,
 Vống mang mang chi vô ký.
- 351 Loát dương dương chi vô tông hề,
 Trì ủy di chi yên chí.
 Phiêu phiên phiên kỳ thượng hạ hề,
 Dục dao dao kỳ tả hữu.
 Phiếm quyết quyết kỳ tiền hậu hề,
- ❖356 Bạ trương thi chi tín kỳ.

- Quan viêm khí chi tương nhưng hề,
 Khuy yên dịch chi sở tích.
 Bi sương tuyết chi câu hạ hề,
 Thỉnh triều thủy chi tương kích.
 361 Tá quang ảnh dĩ vãng lai hề,
 Thi hoàng cực chi ưỡng sách.
 Cầu Giới Tử chi sở tồn hề,
 Kiến Bá Di chi phóng tích.
 Tam diệu độ nhi phát khứ hề,
 366 Khắc trước chí chi vô thích.
 Lãng đại ba nhi lưu phong hề,
 Thác Bành Hàm chi sở cư.
 (Loạn viết)
 Ngô oán vãng tích chi sở ký hề
 Diệu lai giả chi dịch dịch.
 371 Phù Giang Hoài nhi nhập hải hề,
 Tông Tử Tư nhi tự thích.
 Vọng Đại hà chi châu chủ hề,
 Bi Thân Đồ chi kháng tích,
 Sậu gián quân nhi bất thỉnh hề,
 376 Nhiệm trọng thạch chi hà ích!
 Tam quá kết nhi bất giải hề,
 Tứ kiên sản nhi bất thích.

THIỆP GIANG

- Dư ấu hiệu thứ kỳ phục hề,
Niên ký lão nhi bất suy.
- 381 Dối trường kiếp chi lục ly hề,
Quan thiết vãn chi tồi ngời,
Bị minh nguyệt hề bội bảo lộ,
Thế hỗn trọc nhi mạc dư tri hề,
Ngô phương cao trì nhi bất cố.
- 386 Giá thanh cù hề tham bạch ly,
Ngô dũ Trùng Hoa du hề dao chú phổ.
Đăng Côn lôn hề thực ngọc anh,
Dữ thiên địa hề đồng thọ,
Dữ nhật nguyệt hề đồng quang.
- 391 Ai Nam Di chi mạc ngô tri hề,
Đán dư tế hồ Giang Tương.
Thừa Ngạc chữ nhi phản cố hề,
Ai thu đông chi tự phong.
Bộ dư mã hề sơn cao,
- 396 Đề dư xa hề phương lâm.
Thừa linh thuyền dư thượng Nguyên hề,
Tề ngô bảng dĩ kích thái.
Thuyền dung dũ nhi bất tiến hề,
Yem hồi thủy nhi ngưng trệ.

- 401 Triều phát Uông chú hề,
 Tịch tức Thì - dương.
 Cầu dư tâm kỳ đoan trực hề,
 Tuy tịch viễn chi hà thương.
 Nhập Tự phổ dư chiến hồi hề,
 406 Mê bất tri ngô sở như.
 Thâm lam điều dĩ minh minh hề,
 Nãi viên dứ chi sở cư.
 Sơn tuần cao dĩ tể nhật hề,
 Hạ u hối dĩ đa vũ.
 411 Tán tuyết phân kỳ vô ngần hề,
 Văn phi phi nhi thừa vũ.
 Ai ngô sinh chi vô lạc hề,
 U độc xử hồ sơn trung.
 Ngô bất năng biến tâm nhi tòng tục hề,
 416 Cổ tượng sâu khồ nhi chung cùng.
 Tiếp Dư khôn thủ hề,
 Tang Hồ lỏa hàng.
 Trung bất tất dụng hề,
 Hiền bất tất dĩ.
 421 Ngụ Tử phùng ương hề,
 Tỷ Can trư hải.
 Dữ tiền thế nhi giai nhiên hề,
 Ngô hựu hà oán hồ kim chi nhân.
 Ngô tương đồng đạo nhi bất dự hề,

- 426 Cổ tương trùng hôn nhi chung thân.
 (Loạn viết)
 Loạn điều phượng hoàng, nhật dĩ viễn hề,
 Yến tước ô thước, sào đường đàn vè.
 Lộ thân tàn di, tử lâm bạc hề.
 Tanh tao tịnh ngự, phương bất đắc bạc hề,
 431 Âm dương dịch vị, thì bất dương hề.
 Hoài tín sá sế, hốt hồ ngô tương hành hề.

AI SINH

- Hoàng thiên chi bất thuận mệnh hề,
 Hà bách tính chi chán khiên.
 Dân ly tán nhi tương thất hề,
 436 Phương trọng xuân nhi Đông thiên.
 Khứ cố đô nhi tự viễn hề,
 Tuần Giang Hạ dĩ lưu vong.
 Xuất quốc môn nhi chần hoài hề,
 Giáp chi triều ngô dĩ hàng.
 441 Phát Sinh do nhi khứ lưu hề,
 Siêu hoàng hốt kỳ yên cực?
 Tiếp tề dương dĩ dung dự hề,
 Ai kiến quân nhi bất tái đắc.
 Vọng trường thu nhi thái tức hề,

- 446 Thế dâm dâm kỳ nhược tán.
Quá Hạ thú nhi Tây phù hề,
Cổ Long môn nhi bất kiến.
Tâm thiên viên nhi thương hoài hề,
Điều bất tri kỳ sở chích.
- 451 Thuận phong ba dĩ tòng lưu hề,
Yên dương dương nhi vi khách.
Lãng Dương hầu chi phiếm lạm hề,
Hốt cao tường chi yên bạc.
Tâm quái kết nhi bất giải hề,
- 456 Từ kiên sản nhi bất thích.
Tương vận chu nhi hạ phù hề,
Thượng Động-dinh nhi hạ Giang.
Khứ chung cò chi sở cư hề,
Kim tiêu dao nhi lai Đông.
- 461 Khương linh hồn chi dục qui hề,
Hà tu du nhi vọng phản.
Bội Hạ phố nhi Tây tư hề,
Ai cố đô chi nhật viễn.
Đẳng đại phần dĩ viễn vọng hề,
- 466 Liêu dĩ thư ngô ưu tâm.
Ai châu thổ chi bình lạc hề,
Bi Giang giới chi di phong.
Dương Lãng-dương chi yên chí hề,
Điều Nam độ chi yên như.

- 471 Tăng bất tri hạ chi vi khấu hề,
 Thực lương Đông môn chi khả vu,
 Tam bất di chi trường cửu hề,
 Ưu dữ sầu kỳ tương tiếp.
 Duy Sính lộ chi liễu viễn hề,
- 476 Giang dữ Hạ chi bất khả thiệp.
 Hốt nhược khứ bất tín hề.
 Chí kim cửu niên nhi bất phục.
 Thâm uất uất nhi bất thông hề,
 Kiên sá sế nhi hàm thích.
- 481 Ngoại thừa hoan chi xước ước hề,
 Thâm nhâm nhược nhi nan trì.
 Trung trạm trạm nhi nguyện tiến hề,
 Đố bị ly nhi chương chi.
 Nghiêu Thuấn chi kháng hạnh hề,
- 486 Liễu điều điều nhi bạc thiên.
 Chúng sâm nhẩn chi tạt đồ hề,
 Bị dĩ bất từ chi nguy danh.
 Tăng uần luân chi tu mỹ hề,
 Hiếu phù nhân chi kháng khái.
- 491 Chúng tiếp điệp nhi nhật tiến hề,
 Mỹ siêu viễn nhi du mại.
 (Loạn viết)
 Man dư mục dĩ lưu quan hề,

Ký nhất phản nhi hà thì.
Điều phi phản cố hương hề,
496 Hồ tử tất thủ kỳ (khâu).
Tín phi ngô tội nhi khí trục hề,
Hà nhật dạ nhi vong chi!

HOÀI SA

Thao thao mạnh hạ hề,
Thảo mộc mụ mụ.
501 Thương hoài vĩnh ai hề,
Cốt tư Nam thổ.
Thuấn hề điều điều,
Không tĩnh ư mặc.
Uất kết vu chân hề,
506 Ly mấn nhi trường cúc.
Phủ tình hiệu chí hề,
Oan khuất nhi tự ức.
Ngoan phương dĩ vi viên hề,
Thường độ vị thế.
511 Dịch sơ bản dịch hề,
Quân tử sở bì.
Chương hoạch chí mặc hề,

- Tiền đồ vị cái.
Nội hậu chất chính hề,
516 Đại nhân sở thịnh.
Xảo thù bất trác hề,
Thục sát kỳ bất chính.
Huyền văn xử u hề,
Mông tau vị chi bất chương.
521 Ly Lau vi đệ hề,
Cồ dĩ vi vô minh.
Biển bạch dĩ vi hắc hề,
Đảo thượng dĩ vi hạ.
Phượng hoàng tại nô hề,
526 Kê vụ tường vũ.
Đồng nữ ngọc thạch hề,
Nhất khái nhi tương lượng.
Phù duy đảng nhân chi bi cố hề,
Khương bất tri dư chi sở tàng.
531 Nhiệm trọng tái thịnh hề,
Hãm trệ nhi bất tế.
Hoài can ác du hề,
Cùng bất tri sở thị.
Ấp khuyển chi quần phệ hề,
536 Phệ sở quái giả.
Phi tuần nghi kiệt hề,

- Cổ dung thái già.
 Văn chất sơ nội hề,
 Chúng bất tri dư chi dị thái.
- 541 Tài phác ủy tích hề,
 Mặc tri dư chi sở hữu.
 Trọng nhân tập nghĩa hề,
 Cần hậu dĩ vi phong.
 Trùng Hoa bất khả ngộ hề,
- 546 Thục tri dư chi thung dung.
 Cồ cố hữu bất tịnh hề,
 Khởi tri kỳ hà cố già.
 Thang Vũ cừ viễn hề,
 Mặc nhi bất khả mộ già.
- 551 Trùng vi cái phần hề,
 Ưc tâm nhi tự cường.
 Ly mẫn nhi bất thiên hề,
 Nguyên chí chi hữu tượng.
 Tiến lộ Bắc thứ hề,
- 556 Nhật muội muội kỳ tương mộ.
 Thư ưu ngu ai hề,
 Hạn chi dĩ đại cố.
 (Loạn viết)
 Hạo hạo Nguyên Tương,
 Phan lưu cốt hề,

- 561 Tu lộ u tế,
 Đạo viễn hốt hề.
 Hoài chất bảo tình,
 Độc vô thất hề.
 Bá Nhạc ký một,
 566 Ký yên trình hề.
 Dân sinh bầm mệnh,
 Các hữu sở thổ hề.
 Định tâm quảng chí, dư hà sở úy cụ hề.
 Tăng thương viên ai, vĩnh than khoái hề,
 571 Thế hỗn trọc mạc ngô tri,
 Nhân tâm bất khả vị hề.
 Tri tu bất khả nhượng,
 Nguyên vật ái hề.
 Minh hạo quân tử,
 576 Ngô tương dĩ vi loại hề.

TÍCH VĂNG NHẬT

Tích văng nhật chi tăng tín hề,
 Thụ mệnh chiếu dĩ chiếu thì.
 Phụng tiên công dĩ chiếu hạ hề,
 Minh pháp độ chi hiềm nghi.

- 581 Quốc phú cường nhi pháp lập hề,
Chức trình thần nhi nhật hỷ,
Bỉ mật sự chi tái tâm hề,
Tuy quá thất do phát trị.
Tam thuần bàng nhi bất tiết hề,
- 586 Tao sàm nhân nhi tạt chi.
Quan hàm nộ nhi dãi thần hề,
Bất thanh triệt kỳ nhiên phủ.
Tế hối quan chi thông minh hề,
Hư hoặc ngộ hựu dĩ khi.
- 591 Phất tham nghiệm dĩ khảo thực hề,
Viễn thiên thần nhi phất tư.
Tín sàm du chi hỗn trọc hề,
Thịnh khí chí nhi quá chi.
Hà trình thần chi vô cô hề,
- 596 Bị ly báng nhi kiến vuu.
Tạm quang ảnh chi thành tín hề,
Thần u ăn nhi bị chi.
Lam Nguyên Tương chi huyền uyên hề,
Toại tự nhần nhi trầm lưu.
- 601 Tốt một thân nhi tuyệt danh hề,
Khủng ủng quân chi bất chiêu.
Quan vô độ nhi phát sát hề,
Sử phương thảo vi tâu u.
Yên thư tình nhi trưu tín hề,

- 606 Diêm tử vong nhi bất liễu.
 Độc chương ủng nhi tể ăn hề,
 Sử trình thần nhi vô do.
 Văn Bách Lý chi vi lỗ hề,
 Y Doãn phanh ư bào trù.
- 611 Lã Vọng đồ ư Triều-ca hề,
 Nịnh Thích ca nhi phan ngư.
 Bất phùng Thang Võ dũ Hoàn Mục hề,
 Thế thực vân nhi tri chi.
 Ngò tín sàm nhi phát vị hề,
- 616 Từ Tư tử nhi hậu ưu.
 Giới tử trung nhi lập khô hề,
 Văn quân ngộ nhi truy cầu
 Phong Giới - sơn vi chi cấm hề,
 Báo đại đức chi ưu du.
- 621 Tư cứu cố chi thân thân hề,
 Nhân cảo tổ nhi khốc chi,
 Hoặc trung tín nhi tử tiết hề,
 Hoặc dĩ man nhi bất nghị.
 Phát tình sát nhi án thực hề,
- 626 Thính sàm nhân chi hư từ.
 Phương dũ trạch kỳ tạp nữ hề,
 Thực thân dân nhi biệt chi ?
 Hà phương thảo chi tảo yêu hề,
 Vi sương giáng nhi bất giới.

631 Lượng bất thông minh nhi tế ủng hề,

Sử sàm du nhi nhật đắc.

Tư tiên thế chi tậ hiền hề,

Vị huệ nhā kỳ bất khả bội,

Đổ giai dạ chi phân phương hề,

636 Mộ mẫu giáo nhi tự hảo.

Tuy hữu Tây Thi chi mỹ dung hề,

Sàm đổ nhập dĩ tự đại.

Nguyên trần tình dĩ bạch hạnh hề,

Đắc tội quá chi bất ý.

641 Tình oan kiến chi nhật minh hề,

Như liệt tú chi thác trí.

Thừa kỳ ký nhi trì sinh hề,

Vô bí hàm nhi tự tái.

Thừa phiếm phu dĩ hạ lưu hề,

646 Vô chu tiếp nhi tự bị.

Bội pháp độ nhi tâm trị hề,

Tý dư thù kỳ vô dị.

(Loạn viết)

Ninh khắp từ nhi lưu vong hề,

Khủng họa ương chi hữu tái.

651 Bất tất từ nhi phó uyên hề,

Tích ủng quân chi bất thức

CA TỤNG QUÝT

1 Cây tốt của đất trời,
Quít đã quen thủy thò a.
Chịu mệnh mà chẳng dòi,
Sinh ở nước Nam a.
Sâu vũng khó dòi,
Chuyên một chi a.
Lá xanh hoa trắng,
Tươi khá mừng a.
Cành rậm gai nhọn,
Quả tròn xoay a.

11 Xanh vàng lẫn nhau,
Màu vẽ sáng a.
Sắc tinh lòng trắng,
Đại loại có thể dùng a.
Xinh xắn như trau dùi,
Đẹp mà chẳng xấu a.
Ôi! mày còn trẻ,
Mà có chí lạ a.
Độc lập chẳng rời,
Há chẳng khá mừng a!

- 21 *Sầu vũng khó đời,
Chẳng cầu gì cả a.
Tĩnh đời độc lập,
Mà không theo đời a.
Lòng tự thân trọng,
Rốt chẳng làm lỗi a.
Giữ đức không riêng,
Tham cùng trời đất a.
Nguyện đến tuổi cùng tàn tạ,
Cùng nhau bè bạn dài a.*
- 31 *Dù ly biệt cũng không hờa bầy,
Cứng thẳng giữ lý a.
Tuổi tác tuy ít,
Mà khá làm thầy làm trưởng a,
Hạnh so Bà Di,
Lấy làm gương a,*

TIẾC LÀM THƠ CA

*Tiếc làm thơ ca mà đến khò a,
Phát giận mà tỏ tình.
Động lòng trung mà nói ra a,
Chỉ trời xanh lấy làm chứng.*

- 41 Sai năm để phân xét a,
 Bảo sáu thần đổi chất.
 Sai núi sông hầu chục a,
 Bảo Cao Dao nghe mà xú.
 Hết trung thành đề thờ vua a,
 Lại lẻ loi như bướu thừa.
 Quên nịnh hót nên trái chúng a,
 Chờ vua sáng biết đến cho.
 Nói và làm có thề khờ a,
 Lòng và mặt chẳng biến dời.
- 51 Cho nên xem biết bề tôi không ai bằng vua a,
 Vì thấy rõ thực mà không xa.
 Ta lo nghĩ a đến vua trước mà đến mình sau a,
 Sao chúng người lại lấy làm cừ?
 Chuyên vì vua mà không gì khác a,
 Sao chúng dân lại lấy làm thù?
 Một lòng mà chẳng do dự a,
 Sao không có thề giữ (mình) được?
 Gấp muốn gần vua mà chẳng có gì khác a,
 Đó là đường chiêu họa.
- 61 Lo vua chẳng ai trung như ta a,
 Bỗng quên mình là hèn nghèo.
 Thờ vua mà không hai lòng a,
 Mà không biết cửa yêu riêng.

*Trung tội gì mà bị phạt a,
Cũng chẳng phải điều lòng ta muốn.
Làm lẽ loi mà bị ngā nhào a,
Lại bị chúng dân cười chê.
Rồi gặp họa mà bị gièm a,
Rốt chẳng có thể giải thích.*

*71 Tinh uất ức mà chẳng tỏ được a,
Lại bị che mà chẳng biện bạch được.
Ta uất ức mà sờ sững a,
Lại chẳng xét tình ngay của ta.
Vồn nói lắm chẳng có thể thành thơ a,
Nguyễn bày chi mà không có đường nào.
Lui im lặng mà chẳng ai biết ta a,
Tiến kêu gào lại chẳng ai nghe ta.
Càng sững sờ mà bối rối a,
Lòng buồn rồi mà lo lắng .*

*81 Xưa ta mộng lên trời a,
Hồn nửa đường mà không thuyền lái.
Ta bảo Lẹ thần bói xem a,
Rằng có chí lớn mà không có ai giúp.
Cuối cùng chỉ một mình mà bị ly dị a,
Rằng chúa có thể lo mà không thể cậy.
Cho nên mệnh nhiều người làm chày vàng a.
Trước như phải mà gặp tai họa,*

*Người bị hồng canh mà thôi đưa a,
Sao chẳng đòi chỉ ấy đi?*

91 *Muốn bỏ thang mà lên trời a,
Còn giữ thói ngày trước vậy!
Chúng sợ hãi mà lia lòng a,
Sao cứ làm bạn với cái ấy?
Cùng tốt chi mà đi khác đường a,
Sao cứ vin lấy cái ấy?
Thần sinh nước Tấn là con hiếu a,
Cha tin gièm mà không yêu.
Hạnh quá thẳng mà không do dự a,
Còn dụng công mà không thành.*

101 *Ta nghe trung mà gây oán a,
Bỗng bảo là lời nói bậy.
Chín lần gãy tay mới thành thầy thuốc a,
Ta đến nay mới biết là đúng vậy.
Tên và máy bắn ở trên a,
Sập và lưới giăng ở dưới.
Bày giăng pháp luật để vui vua a,
Muốn ghê mình mà không có chỗ.
Muốn quanh quẩn mà xin dùng a,
Sợ lại thêm hoạn mà gặp nạn.*

111 *Muốn bay cao mà ở xa a,
Vua lại bảo người đi đâu?*

Muốn chạy vung cho mất đường a,
 Vì bền chí mà chẳng nỡ.
 Lưng và ngực đều đau đớn a,
 Lòng uất kết mà vò ngăm.
 Già mọc lan và nghiền huệ a,
 Già thân tiêu đề làm lương.
 Trồng giang ly cùng vun cúc a,
 Nguyên ngày xuân làm bột hương.
 121 Sợ tình và chất đều chẳng tin a,
 Nền nhiều lần mà tự bày tỏ ra.
 Lấy bấy nhiều hương thảo mà tự cung a,
 Nguyên nghĩ nhiều mà lạnh thân xa.

RÚT BÀY TÂM TU

Lòng uất uất và lo âu a,
 Riêng than mãi mà thêm đau xót.
 Nghĩ tức tối chẳng khuấy được a,
 Lại gặp đêm quá dài.
 Buồn gió thu cảnh xác xơ a,
 Sao xoay quá liền miền thế!
 131 Nghĩ tôn (chỉ vua) giận nhiều lắm a,
 Xót lòng ta cứ đau đớn.
 Muốn vung dậy mà chạy vung a,

Thấy khờ dân lại tự trấn tĩnh,
 Kết tình mọn mà bày lời ca a,
 Đề gởi tặng người đẹp.
 Xưa vua cùng ta đã ước lời a,
 Rằng lấy hoàng hôn làm kỳ hẹn.
 Sao nửa đường lại quay lại a,
 Lại đã có chi khác ấy?
 141 Ngạo với ta về qui báu a,
 Cho ta xem về tốt đẹp
 Cùng ta nói mà chẳng thực a,
 Lại vì ta mà nổi giận.
 Nguyên thừa nhàn mà tự giải tỏ a,
 Lòng lại run sợ mà không dám.
 Buồn do dự mà muốn tiến a,
 Lòng đau xót mà cứ bồi hồi.
 Nay vạch tình mà bày lời a,
 Tôn (chỉ vua) lại giả điếc mà chẳng nghe.
 151 Vốn người ngay thẳng không nịnh hót a,
 Chúng lại quả quyết cho ta là mối lo.
 Trước ta trình bày đã rõ rệt a,
 Há đến nay lại quên được!
 Sao riêng vui mà khấn khấn a,
 Mong tôn (chỉ vua) tốt được hoàn toàn.
 Trông Tam hoàng Ngũ đế làm gương a,

*Chỉ Bành Hàm lấy làm mẫu mực.
Xa thế nào mà chẳng đến được a,
Nên tiếng tăm nghe xa mà khó dứt.*

*161 Thiện không do từ ngoài lại a,
Danh không thề do hư mà có.
Ai không cho mà có trả lại a,
Ai không gieo mà được gặt?*

(Ca nhỏ)

*Cùng người đẹp rút bày oản a,
Luôn ngày đêm không ai chứng cho.
Khoe đẹp tốt với ta a,
Ngao lời ta mà chẳng nghe.*

(Xương rằng)

*Có chim từ phương Nam a,
Đến đậu ở Hàn bắc.*

*171 Dịu dàng xinh đẹp a,
Là ở một mình nơi đất lạ.
Đã cô độc mà lẻ loi a,
Lại không có mối lành ở bên cạnh.
Đường xa xôi mà ngày càng bị quên a,
Nguyện tự bày tỏ mà không được.
Trông núi Bắc mà chảy nước mắt a,
Đến dòng nước mà thở dài.
Trông đầu hè đêm ngán a,
Sao tối tăm dài như năm!*

*Tò từ làm bài ca, đề tam tự cú a.
Lòng buồn chẳng toại, lời này cáo với ai a?*

NHỚ NGƯỜI ĐẸP

*Nhớ người đẹp a,
Gạt nước mắt dăm dăm nhìn.
Mỗi dứt đường ngăn a,
Lời không thề kết thành thơ.
Ngay thẳng mà buồn oan a,
Sa lầy mà không đi tới được.*
211 *Tỏ rõ đề giải lòng ngay a,
Chỉ uất ức mà không thông.
Nguyễn gọi lời cho mây nổi a,
Nhưng Phong-Long chẳng thấu tình.
Nhờ chim về mà gọi lời a,
Nhưng bay cao mà khó đương.
Vua Cao Dương linh tốt a,
Gặp chim huyền mà gọi tin.
Muốn biết tiết mà theo tục a,
Thẹn đời sơ tâm mà khuất chí.*
221 *Độc trải bao năm mà gặp đau buồn a,
Mà lòng giữ vững chưa thay đời.*

Thà ăn nhả mà chết già a,
 Chứ biến đổi sao làm được!
 Biết dấu xe trước không thông a,
 Mà vẫn chưa đổi đường ấy.
 Xe đã dò mà ngựa đã ngã a,
 Độc cứ bám đường lạ lòng ấy.
 Buộc kỳ kỳ mà đổi xe a,
 Tạo phụ vì ta mà cầm cương.
 231 Đi thông thả mà chờ thúc a,
 Tạm rồi rồi mà chờ thời.
 Chỉ núi tây Ba-trùng a,
 Cùng hẹn đến chàng vạng làm kỳ.
 Mỏ xuân đầu năm a,
 Ngày bạc sẽ thư thả.
 Ta sẽ thả lòng mà vui vẻ a,
 Theo sông Giang sông Hạ mà khuấy buồn.
 Hài bạch chỉ ở bãi lớn a,
 Ngắt tức mụ ở bãi dài.
 241 Tiếc ta chẳng kịp người xưa a,
 Ta cùng ai thương thức cỏ thơm ấy?
 Hài biên súc cùng rau vặt a,
 Săn đề làm vòng đeo chéo nhau.
 Cuốn nhiều vòng mà đeo a,
 Rồi khô hẻo cũng bỏ lìa.

*Ta lại quanh quẩn đề khuây buồn a,
Xem thói lạ của người Nam.*

*Trộm vui ở trong lòng a,
Xua phiền muộn mà không chờ.*

*251 Hương ngào ngạt thù bay xa a,
Đầy ở trong thù ngoài phải đầy.
Tình và chất mà chắc giữ được a,
Dù ở ăn danh cũng nghe xa.
Nhờ bề lệ làm lái (mỗi lái) cho a,
Sợ cắt chân mà treo cây.
Nhờ phù dung làm mối cho a,
Sợ vên xiêm mà uớt chân.
Treo cao ta chẳng thích a,
Xuống thấp ta không có thể.*

*261 Vốn mình ta không quen a,
Nên đo dự mà hờ nghi.*

(Lời kết)

*Rộng theo kẻ sách trước a,
Chưa đòi phép này.
Mệnh là ở tới ta cũng thôi a,
Nguyện cùng ngày trăng chưa đến hôm.
Bơ vơ mà rào bước về Nam a,
Vì có nhớ Bành Hàm vậy.*

BUỒN GIÓ XOÁY

- Buồn gió xoáy lay huệ a,
Lòng oan ức mà trong đau xót.*
- 271 *Vật thì nhỏ mà tình dễ rung a (huệ),
Tiếng thì nhẹ khi mới bắt đầu (gió).
Sao nhớ Bành Hàm thế a,
Mến chi lớn mà chẳng quên.
Muốn biến hóa mà tình há dầy được a,
Ai hư nguy mà khá lâu dài được?
Chim muông kêu đề gọi bầy a,
Hoa cỏ héo thì không thơm nữa.
Cá phò vầy đề tự phân biệt a,
Giao long lại giấu màu sắc.*
- 281 *Cho nên cây đờ và cây tẽ không trồng cùng
một chỗ a,
Cây lan và cây chú ở tối mà thơm một mình.
Chỉ giai nhân là đẹp mãi a,
Vượt cả đời mà tự trỗi.
Chỉ cao xa mong theo kịp (người xưa) a,
Thương mây nổi cứ chơi vơi.
Chỉ cao xa nên khó hiểu a,
Trộm làm thơ mà bày tỏ.
Chỉ giai nhân là độc nhớ a,
Bề nhả tiêu mà tự xử trí.*

- 291 Luôn thở dài mà kêu than a,
Chỉ nấp nấu mà lo nghĩ.
Lệ rờn rờn mà thề thắm a,
Nghĩ chẳng ngủ đến bình sáng.
Suốt đêm dài dằng dặc a,
Ôm buồn ấy mà chẳng thôi.
Tĩnh thông thả mà dạo quanh a,
Tạm tiêu dao mà tự vui.
Xót thở dài mà đau thương a,
Khi áp ức không thề ngót.
- 301 Kết tâm tư mà làm dải a,
Bện sầu khổ mà làm áo lót ngực.
Bè cây nhuộm mà che ánh sáng a,
Theo gió phầy đến đâu thì đến đó.
Còn phượng phất mà chẳng thấy a,
Lòng nhày nhót như nước sôi.
Sờ chuỗi ngọc và vạt áo đề yên chỉ a,
Mơ băng khuâng mà đi tới.
Năm vùn vụt như đồ a,
Thời cũng sông sọc mà đến già.
- 311 Cây thiền cây hành khô mà lia đốt a,
Hương cũng hết mà không còn.
Thương lòng nhớ không thề trị a,
Chứng lời gièm không phải là vừa.

Thà chết đi mà trời mất a,
Không chịu được sầu luôn thế này.
Con còi than mà gát lệ a,
Con bỏ đuôi mà không về.
Ai lại nhớ mà chẳng đau xót a,
Mới rõ tiếng của Bành Hàm.

321 Lên lên đá mà trông xa a,
Đường miền man mà lạnh phắc.
Tìm bóng và vang mà không thấy ứng a,
Lặng tưởng nghe mà không thề được.
Sầu uất uất chẳng vui a,
Ở buồn rầu mà không thề khuây.
Lòng bức bối mà không hà được a,
Khí xoắn vặn mà tự buộc.
Thăm mờ mịt mà không ngán a,
Rộng mông mênh mà không chừng mực.

331 Tiếng thì lạnh mà cảm nhau a,
Vật tuy thuận mà không thề tạo ra.
Xa miền man không thề lường a,
Dài dằng dặc không thề vo.
Sầu đặng đặng mà thường bi a,
Hồn bay lên vời vọi mà vẫn không thỏa.
Lên bờ hẻm núi cao a,
Dừng chót vót trên rừng đỏ.

Lên cao xanh mà cỡi mống a,
Bền vọi vàng mà mó trời.

341 Uống nước trong mắt rượu a,
Hớp sương giá trắng phau phau.
Dưa hốc gió mà nghi ngại a,
Bổng tỉnh lại mà bồi hồi.
Dưa núi Côn-lôn mà nhìn mù a,
Nếp núi Mân-son mà xem sông trong.
Sợ nước cuốn cuộn chảy ầm ầm a,
Nghe tiếng sóng kêu ào ào.
Rối miên man mà không thấy giềng a,
Rộng mênh mông mà không thấy mối.

351 Bất ngát chẳng biết là đâu a.
Rong ruổi như không cùng đường.
Bay phôi phôi như lên xuống a,
Xê xa xa như tả như hữu.
Đời đập như trước như sau a,
Theo kỳ hạn khi dâng khi ròng.
Xem khi nóng bốc theo nhau a,
Xem mây khói nơi tích tụ.
Buồn sương tuyết cùng xuống a,
Nghe nước triều đập vào nhau.

361 Nhờ ánh sáng mà đi lại a,
Vụt roi cong bằng hoàng cực,

*Tìm dấu còn của Giới tử a,
Tìm vết xa của Bá Di.
Lòng quyến luyến mà chẳng đi a,
Ghi vào chi mà chẳng đi đâu nữa.
Lướt sóng lớn mà theo gió a,
Gởi vào chỗ ở của Bành Hàm.*

(Lời kết)

*Ta giận ngày trước đã lường mong a,
Thương người sau còn tranh đua nhau.
371 Trôi theo sông Giang sông Hoài mà vào biển a,
Tự đi theo Ngũ Tử Tư.
Trông bên bãi sông lớn a,
Xót dấu vết ngày thăng của Thân Đồ.
Vội can vua mà chẳng nghe a,
Ôm đá thấy (mà tự trầm) có ích gì!
Lòng uất kết mà không khuấy a,
Trí bức tức mà không nguôi.*

QUA SÔNG GIANG

*Ta từ trẻ đã ham kỳ phục áy a,
Tuổi đã già mà không đổi.
381 Deo gươm dài sắc sỡ a,
Dội mũ thiết vạm cao ngất.*

Khoác áo giắt châu minh nguyệt a,
 Deo chuỗi ngọc qui.
 Đồi ngầu đục mà chẳng ai biết ta a,
 Ta nên rudi cao mà chẳng đoài.
 Thằng cù xanh a đóng ly trắng,
 Ta cùng vua Thuấn chơi a chốn vườn Dao.
 Lên Côn-lôn a ăn tinh ngọc.
 Cùng trời đất a đồng tuổi thọ.
 Cùng nhật nguyệt a đồng ánh sáng.
 391 Thương người Nam Di chẳng ai biết ta a,
 Sớm ta vượt sông Giang và sông Tương.
 Lên Ngạc chủ mà ngoài lại a,
 Than gió mùa thu đông.
 Cho ngựa đi bước một a ở chằm núi;
 Bỏ xe ta a ở trong rừng.
 Cỡi thuyền ta ngược sông Nguyên a,
 Đều tay chèo mà đập sóng.
 Thuyền dùng dăng mà chẳng tiến a,
 Vương nước xoáy mà ngừng trệ.
 401 Sớm ra từ Uông chủ a,
 Tới ngủ ở Thì-duong,
 Vì lòng ta mà ngay thẳng a,
 Tuy xa lạnh cũng chẳng xót thương.
 Vào Tụ phổ ta bồi hời a,
 Mè chẳng biết ta đi đâu.

Rừng sâu vắng mà mù mịt a,
 Là chỗ ở của vườn tườu.
 Núi cao dốc mà che mặt trời a,
 Dưới tối tăm mà nhiều mưa.
 411 Đầy tuyết phủ mà không ngán a,
 Máy phơi phơi mà phủ nóc nhà.
 Thương đời ta chẳng vui a,
 Một mình ở kín trong rừng núi.
 Ta chẳng có thể đổi lòng mà theo tục a,
 Cổ nhiên phải sâu cho đến cùng.
 Tiếp Du trọc đầu a,
 Tang Hồ trần trường mà đi.
 Trung chẳng hẳn được dung a,
 Hiền chẳng hẳn được lấy.
 421 Ngủ Từ gặp họa a,
 Tỷ Can bị bãm vằm.
 Đời trước đều như vậy cả a,
 Ta lại oán gì người đời nay!
 Ta cứ theo chính đạo mà chẳng do dự a,
 Cổ nhiên gặp hôn ám mãi đến tận đời.
 (Lời kết)
 Chim loan chim phượng ngày càng xa a.
 Chim yến tước chim ô thước làm tở ở
 đường dài a.

Bò đồng tàn di chết ở bãi rừng a.

*Tanh tao đều được dùng mà thom chẳng
được chuộng a.*

431 Âm dương đời vì thời chẳng đúng a.

Ôm trung tin mà sưng sờ ta cam đi a.

THƯƠNG SINH ĐỒ

Mệnh của hoàng thiên chẳng thường a,

Sao trăm họ chấn động khở sở thế!

Dân lia tan mà lạc nhau a,

Vừa tháng giữa xuân dời sang Đông.

Bỏ đồ cũ mà đi xa a,

Theo sông Giang sông Hạ mà lưu vong.

Ra cửa đô mà đau nhớ a,

Sáng ngày Giáp ta ra đi.

441 Ra từ Sinh đồ mà bỏ xóm a,

Hoàng hốt biết đến bao giờ xong!

Mãi chèo dơ đều mà dùng dăng a,

Thương chẳng được gặp lại vua.

Trông cây tử cao mà thờ dài a,

Nước mắt rờn rờn như mưa.

Qua cửa Hạ mà trôi về Tây a,

Ngoài nhưn Long môn mà chẳng thấy.

- Lòng bịn rịn mà nhớ thương a,
 Xa vời chẳng biết đặt chân ở đâu.*
- 451 Theo sóng gió mà trôi a,
 Lênh đênh đến đâu mà làm khách.
 Lướt Duong hầu (sóng) đương ngập tràn a.
 Bồng bay lên cao đến đâu thôi!
 Lòng uất kết mà chẳng khuây a,
 Trí bức tức mà không nguôi được.
 Toan quay thuyền cho trôi xuống a,
 Vào Động đình mà xuống sông Giang.
 Bỏ chỗ ở từ bao thuở a,
 Nay tiêu dao mà sang Đông.*
- 461 Linh hồn thường muốn về a,
 Sao phút chốc lại quên trở lại!
 Ngược cửa Hạ mà nhớ phía Tây a,
 Thương đồ cũ ngày thêm xa.
 Lên gò cao mà trông xa a,
 Tam khuấy lòng ta sầu muộn.
 Thương đất bãi giàu vui a,
 Nhớ thời cũ miền sông Giang.
 Cõi sông đào đi đâu a,
 Mệnh mỏng vượt xuống Nam mà về đâu?*
- 471 Từng chẳng biết Đồ thành hóa gò a,
 Ai hay hai cửa Đông đều có thề rậm cỏ.*

Lòng chẳng vui lâu mãi a,
Lo và buồn cứ tiếp nhau.
Nghĩ đường về Sinh xa ngái a,
Sông Giang và sông Hạ không thể vượt.
Bỗng nghe gièm mà chẳng tin nữa a,
Đến nay chín năm mà không trở về.
Thảm uất uất mà chẳng thông a,
Tri sưng sờ mà ngậm tủi.

481 Người nịnh nọt mà được yêu a,
Thực yếu đuối khó cầm được nổi.
Trung trinh trọng mà mong tiền a,
Lại bị ghen mà che lấp.
Vua Nghiêu vua Thuấn đức hạnh cao a,
Sáng ngời ngời mà ngất trời.
Bọn gièm pha ghen ghét a,
Lại gia cho tiếng bậy là bất từ.
Người kín đáo ngay ngắn thì lại ghét a,
Ưa người (gian) mà về khàng khải.

491 Chúng nó chạy vạy mà ngày càng tiến a,
Người cao thượng thì ngày càng xa.
(Lời kết)

Mắt ta man mác nhìn quanh a,
Mong được về, đến bao giờ?
Chim bay xa trở về làng cũ a,

*Chồn chết ắt quay đầu về núi.
Trung tín chẳng phải tội của ta mà bị ruồng
đuôi a,
Sao ngày đêm mà quên được!*

NHỚ TRƯỜNG SA

*Bùng bùng tiết đầu hè a,
Cây cỏ tốt vườn mượt.
501 Tường nhớ thương xót mãi a,
Rào mau về phương Nam.
Trông vời mù mịt a,
Lặng lẽ phăng phắc.
Uất ức rồi đau a,
Gặp sầu khổ mà cùng khổn hoài.
Suy tình xét chí a,
Oan khuất mà tự dẫn lòng.
Đeo vương cho tròn a,
Phép thường (của ta) chưa thay!
511 Đồi đầu bỏ gốc a,
Người quân tử lấy làm hờ.
Rõ vạch đúng mực a,
Ý đồ trước chưa đời.*

Trong dày chất thẳng thần a,

Dại nhân ưa thích.

Thợ khéo chẳng đo a,

Ai xét được là thẳng cong.

Màu sắc ở trong tối a,

Kẻ mù bảo là không đẹp.

521 Ly Lâu lim rim mắt a,

Kẻ lòa bảo rằng (mắt anh ta) không sáng.

Lấy trắng làm đen a,

Đào trên làm dưới.

Phượng hoàng ở lồng a,

Gà vịt múa may.

Lộn lẫn ngọc đá a,

Nhất loạt lường sánh nhau.

Nghĩ người bề đảng chặt hẹp ngoan cổ a,

Chẳng biết ta chứa giống gì.

531 Gánh nặng chờ nhiều a,

Sa lầy không qua được.

Mang ngọc cần cầm ngọc du a,

Khốn chẳng biết gior cho ai.

Chó trong ấp sủa bày a,

Sủa vì thấy quái dị.

Chê tuần ngộ kiệt a,

Vốn là thói của kẻ hèn.

- Văn thì sơ mà chất thì chắc a,
 Chúng người chẳng biết về lạ của ta.
- 541 Tài năng bỏ xó a,
 Chẳng ai biết ta có gì.
 Trọng nhân theo nghĩa a,
 Lấy cần thận trọng hậu làm giàu có.
 Vua Thuần chẳng gặp được a,
 Ai biết ta là ung dung đứng dân.
 Thánh hiền xưa vốn chẳng cùng sánh nhau a,
 Hà biết là vì có gì.
 Vua Thang vua Vũ xa lâu rồi a,
 Xa xôi rồi không thề mển.
- 551 Nén túi nhin hờn a,
 Dân lòng mà tự găng.
 Gặp đau khổ chẳng dờn a,
 Nguyên chi làm mẫu mực.
 Đường tiến về Bắc a,
 Ngày xâm xâm gần tối rồi.
 Khuây buồn người thương a,
 (Đời) có hạn ở cái chết.
 (Lời kết)
 Mệnh mong sông Nguyên-tương.
 Chia đường chảy mau a.
- 561 Đường dài tới tận
 Nẻo xa mù tit a.

Mang chất ôm tình,
 Cô đơn chẳng cùng ai a.
 Bà Nhạc đã mất,
 Ngựa ký ai xem được a.
 Dân sinh đều có mệnh,
 Mỗi người yên chỗ a.
 Lòng vững chi rộng ta có sợ hãi gì a.
 Xót thương nhiều than thở mãi a.
 571 Đời ngẫu đực chẳng ai biết ta,
 Lòng người không có thể phô cho (thiên hạ) a.
 Biết chết không thể tránh,
 Nguyên chó yêu tiếc (thân mình) a,
 Bạc quân tử sáng suốt,
 Ta lấy làm mẫu mực a.

TIẾC NGÀY TRƯỚC

Tiếc ngày trước từng được tin a,
 Chịu chiếu mệnh mà làm sàng thời.
 Vâng công đời trước mà soi xuống cho dân a,
 Làm rõ điều hiềm nghi của pháp độ.
 581 Nước giàu mạnh mà phép được định a,
 Quan trung trình mà ngày càng vui vẻ.

- Việc bí mật đều để lòng a,
 Tuy có làm lỗi mà (vua) cũng không trị.
 Lòng thuần hậu mà không tiết lộ a,
 Lại gặp người gièm mà bị ghét.
 Vua mang giận mà dãi bề tôi a,
 Chẳng thấu suốt chuyện phải chăng.
 Che lấp tai mắt của vua a,
 Bịa chuyện láo mà lừa dối.
- 591 Chẳng so nghiệm mà xét thực a,
 Đuôi xa bề tôi mà chẳng nghĩ.
 Tin bọn gièm nịnh làm ngầu đục a,
 Nời giận dữ mà quá chừng.
 Sao tôi trung không tội a,
 Bị gièm pha mà khốn cùng.
 Thẹn sảng tôi không rạch ròi a,
 Nền thân ăn náu mà đề phòng.
 Đến vực sâu sông Nguyên-tương a,
 Bèn tự nhấn mà nhầy xuống dòng.
- 601 Rớt cuộc mất thân mà dứt danh a,
 Tiếc vua bị che lấp không sáng soi.
 Vua không giữ phép mà chẳng xét a,
 Khiến lan thorn âm u trong rừng.
 Sao tỏ được tình mà lấy lại lòng tin a,
 Cam chết quách mà chẳng quản.

Chỉ độc ngăn lấp mà che giấu a,
Khiến tôi trung không đường lối.
Nghe Bách-lý làm nô a,
Y Doãn nấu nướng trong bếp núc.

611 Lã Vọng mò thịt ở Triều-ca a,
Nịnh Thích hát mà cho trâu ăn.
Chẳng gặp vua Thang vua Võ cùng Hoàn công
Mục công a,
Thì đời ai biết được họ?

Ngô tin gièm mà chẳng biết a,
Tử Tư chết mà sau sinh họa.
Giới tử trung mà ở tại rừng khô a,
Văn công (Tân) tỉnh ngộ mà theo tìm.
Khoanh Giới sơn làm rừng cấm a,
Bảo đức lớn khi chạy nạn.

621 Nhớ người cũ gần gũi mình a,
Nên mặc áo gai trắng mà khóc.
Có người trung tin mà tử tiết a,
Có người man trá mà lại chẳng ngờ.
Không xét kỹ mà nắm sự thực a,
Nghe lời bịa đặt của người gièm.
Thơm cùng thối lẫn lộn a,
Ai sáng suốt mà phân biệt!
Sao cô thơm lại sớm chết a,
(Vị) sương nhỏ xuống mà chẳng phòng.

631 *Tai và mắt bị che lấp a,*

Khiến kẻ gièm nịnh ngày đặc chi.

Từ đời trước vẫn ghét người hiền a,

Bảo huệ và đồ nhả không thề đeo được.

Người đẹp phơi phới thì ghen a,

Mụ già làm đóm mà tự cho là đẹp.

Tuy có sắc đẹp của Tây Thi a,

Gièm ghen vào thì cũng là bỏ.

Nguyện bày tình mà tỏ rõ a,

Dù đặc tội cũng là không cố ý

641 *Tình oan ức ngày càng rõ a,*

Như tình tú thấy sáng bày.

Cõi kỳ ký mà rong ruổi a,

Không có cương hàm thà cho tự chạy.

Cõi bè mảng mà xuôi dòng a,

Không có mái chèo mà cho tự tiện.

Trái pháp độ mà lấy lòng riêng xử sự a,

So với thế cũng không khác gì.

Thà chết quách mà trôi mất a,

Sợ tai vạ còn lại gặp nữa.

(Lời kết)

651 *Không hết lời mà gieo xuống vực a,*

Tiểu vua hôn chẳng biết được.

QUẤT TỤNG

1 Quít trời cung a,
Đã quen thủy thồ.
Sinh phương Nam a,
Chịu mệnh chẳng bỏ.
Vững vàng không dỗi a,

6 Một tiết bền.
Lá xanh hoa trắng a,
Khá vui tin.
Cành rậm gai nhọn a,
Quả tròn xoáy.

11 Xanh vàng xen lẫn a,
Tươi biết mấy!
Lòng trắng sắc tình a,
Khá trọng dùng.
Xinh xắn như trau a,

16 Đẹp vô cùng!



Ôi! Tuổi trẻ trung a,
Mà có chí lạ.

- Độc lập chẳng nao a,
 Há không hả dạ!
 21 Vững vàng không đổi a,
 Tuyệt chẳng cầu gì.
 Tinh táo ngay thẳng a,
 Ngang nhiên chẳng tùy.
 Kín lòng thận trọng a,
 26 Rốt không làm lỗi.
 Giữ đức không thiên a,
 Đất trời cùng phối.
 Hết mùa cùng héo a,
 Làm bạn lâu dài.
 31 Không nao không núng a,
 Vì lý tưởng hoài.
 Tuổi dù còn trẻ a,
 Làm thầy vẫn soi.
 Nguyên sánh Bá Di a,
 36 Treo gương chối lỗi.

TÍCH TỤNG

Tiếc làm thơ nên khờ a,
 Bày tình do nhức nhối.

- Động lòng trung thốt lời a,
Vạch trời xanh mà nói.
- 41 Khiến Năm đế chiết đoán a,
Bào Sáu thần đối chất.
Sai Núi Sông chực hầu a,
Nhờ Cao Dao xử xét.
Thờ chúa hết trung thành a,
- 46 Mà lẻ loi như bấu thờa.
Không nịnh nên trái chúng a,
Chúa biết thấu còn phải chờ!
Ngôn và hành hợp nhất a,
Lòng và mặt vẫn một màu.
- 51 Biết tôi ai bằng chúa a,
Vì thấy mà chẳng cách nhau.
Ta lo chúa trước thân sau a,
Mà chúng người sao căm ghét?
Chuyên vì chúa chẳng gì khác a,
- 56 Mà người ta thù đến chết!
Một dạ chẳng do dự a,
Thế mà sao không tự giữ?
Gấp gần vua chẳng gì khác a,
Đó là đường mua vạ dử.
- 61 Lo vua ai trung như ta a,
Bỗng quên mình là nghèo hèn.

- Thờ vua chẳng hai lòng a,
Cửa dua nịnh ta không quen.
Trung tội gì mà bị đường a,
66 Thực lòng ta chẳng có nài.
Làm khác đời mà nhào ngã a,
Lại bị người cứ chê bai.
Gặp lộn xộn mà bị-gièm a,
Dù trăm miệng khôn giải thích.
71 Tình oan ức chẳng tỏ được a,
Lại bị chê khôn bộc bạch.
Lòng uất ức ta sưng sờ a,
Chẳng xét ta dạ trung lương.
Nói nhiều cũng chẳng tỏ hết a,
76 Muốn bày chí mà không dường.
Làm thịnh thì chẳng ai biết a,
Kêu lên chẳng ai nghe được.
Càng sưng sờ bối rối a,
Lòng tơ vò thêm buồn bực.
81 Xưa ta mộng lên trời a,
Hồn nửa vời mà chờ vợ.
Khiến Lệ thần bói xem a,
Rằng chí lớn thiếu chỗ nhờ.
Rốt cô độc mà bị đường a,

86 Răng chúa khá lo mà không khá cạy.

Vì lời gièm chầy vàng a,

Vốn mình thẳng mà hóa vạy.

Trượt vỏ dừa tránh vỏ dừa a,

Sao nứt cũ vẫn không chữa?

91 Muốn lên trời mà bỏ thang a,

Sao thói ơ cũ cứ trơ trơ?

Mọi người sợ mà lánh xa a,

Lại làm sao còn cứng cồ?

Cùng một chí mà khác đường a,

96 Lại làm sao còn ngoan cố?

Tấn Thân sinh con hiếu a,

Cha tin gièm mà chẳng yêu.

Hạnh quá thẳng không do dự a,

Còn dụng công mà hồng keo.

101 Ta nghe trung trực mà gây thù a,

Bỗng cho là lời nói bậy.

Chín gãy tay mới hay thuốc a,

Nay mới tin quả như vạy.

Ở trên thì cung tên bắn a,

106 Ở dưới thì lưới giăng cùm.

Bủa giò bẫy chó vui chúa a,

Cầu ghé thân khó chỗ dung.

Muốn quanh quần mà xin dùng a

Sợ lại rui vương nguy khốn.

- 111 Muốn bay cao mà chạy xa a,
Sợ chúa bảo sao bỏ trốn?
Muốn chạy vung cho mất lối a,
Vì chỉ bèn chẳng nở nào.
Lưng ẽ ngực nhói liên miên a,
116 Lòng uất kết mà rối đau.
Giã mộc lan với huệ a,
Cùng thân tiêu làm lương cất.
Trồng giang ly và vun cúc a,
Phòng ngày xuân làm hương bột.
121 Sợ tình chỉ chẳng được tin a,
Nên dinh ninh mà bày ra.
Lấy bấy nhiều mà tự cung a,
Nguyễn sâu nghĩ mà lánh xa.

TRỪU TỬ

- Lòng uất ức mà lo âu a,
126 Chạnh than hoài càng đau xót.
Nghĩ tức tối mà chẳng khuấy a,
Suốt đêm trường luôn trần trọc.
Buồng gió thu cảnh xơ xác a,
Sao xoáy lăm như thế hoài!

- 131 Nghĩ chúa sao giận quá chừng a,
 Khiến lòng ta than thở dài.
 Muốn vùng dậy mà chạy vung a,
 Thấy khò dân mà phải lạng.
 Kết tình mọn làm bài ca a,
- 136 Lên người đẹp ta gởi tặng.
 Xưa Người cùng ta đã ước a,
 Hẹn chiều hôm thì gặp nhau.
 Sao nửa chừng lại nỡ trái a,
 Mà với ta đã lòng nào!
- 141 Lại lờn đẹp với ta a,
 Khoe với ta về yêu điệu.
 Nói với ta mà chẳng tin a,
 Lại vì ta mà nổi cáu.
 Mong thừa lúc bọc bạc a,
- 146 Lòng run sợ mà lại thôi.
 Buồn do dự mà muốn tiến a,
 Lòng đau xót mà bồi hồi.
 Nay vạch tình mà tỏ lời a,
 Bề trên chẳng nghe giá diếc.
- 151 Vốn người ngay mà chẳng nịnh a,
 Chúng quyết bảo đờ hồng việc.
 Ta trình bày vốn rõ rệt a,
 Há đến nay mà đã quên!
 Ta sao riêng vui khăn khăn a,

156 Nguyên Bề trên đức sáng lên.

Tam hoàng Ngũ đế trông gương a,

Nhắm Bành Hàm làm mẫu mực.

Xa xôi mấy mà chẳng đến a,

Khiến nơi nơi danh đều nức.

161 Thiện chẳng do ngoài lại a,

Danh với thực phải phù nhau.

Ai không cho mà có trả a,

Ai không gieo mà gặt đầu!

(Ca nhỏ)

Cùng người đẹp rút bày lòng a,

166 Luôn ngày đêm chẳng ai chứng.

Khoe tốt đẹp với ta a,

Ngạo lời ta mà chẳng khứng.

(Xướng)

Có chim từ Nam a,

Dừng đậu ở Hán bắc.

171 Xinh đẹp dịu dàng a,

Cò đơn ở nơi dị vực.

Chon von đứng lẻ a,

Lại không kẻ làm mối lành.

Đường cách xa bị lãng quên a,

176 Muốn giải bày mà chẳng thành.

Trông núi Bắc mà rơi lệ a,

Tới dòng trong mà rên siết.
Trông đêm đầu hè vốn ngắn a,
Sao dang dẳng mà không hết,
181 Nghĩ đường về Sính xa thăm a,
Hồn một đêm trăng chín tao.
Ta chẳng biết đường quanh thẳng a,
Nhắm miền Nam trắng và sao.
Mong đi tắt mà chẳng được a,

186 Hồn thấy đường dài dang dặc.
Linh hồn sao cứ ngay thẳng a,
Người với ta lòng sao khác!
Lái yếu mà mỗi chẳng thông a,
Vẫn chẳng biết ta mục thước,
(Lời kết)

191 Lên thác xuống ghềnh tả ngược sông a,
Vội ngoảnh về Nam mà tạm yên.
Đường khắp khềnh trái lòng ta a.
Vượt ý tả mà lặng tiến lên a.
Ngần ngừ do dự,

196 Đến Bắc-cô ngủ lại a.
Oan sầu bối rồi,
Cứ thế mà trôi nổi a.
Thờ than bi thảm.
Tâm thần nghĩ về đâu a?

201 Đường xa chốn lánh,
Lại chẳng mối manh nào a.
Nghĩ làm ca đề tự giải a.
Lòng chẳng thỏa cùng ai kêu a.

TU MỸ NHÂN

Nhớ người đẹp a,
206 Gạt lệ dầm dẫm xa.
Đường ngăn mối dứt a,
Lời không thề kết thành ca.
Ngay thẳng mà mang oan a,
Sa lầy khó di tới.
211 Tò rõ đề giải lòng a,
Chỉ uất ức mà không toại.
Mong gởi lời cho mây nổi a,
Nhưng Thần Máy chẳng thấu lòng.
Nhờ chim hồng mà nhân nhủ a,
216 Hồng bay cao nên khó trông.
Cao Tan đức thiêng sao a,
Gặp chim huyền đem cho trúng.
Muốn đời tiết theo đời a,
Lại xấu hổ mà không khứng.

221 Trái bao năm riêng sầu khổ a,
Mà giữ tiết vẫn chưa dời.
Thà ăn nhả mà chết già a,
Chứ đời dạ thì chịu thôi!
Biết dấu xe trước khó thông a,

226 Vẫn đường ấy mà đi tới.
Xe đã dờ ngựa đã nhào a,
Vẫn không dời đường kỳ quái.
Thăng ngựa ký mà dời giá a,
Nhờ Tào phủ đánh dùm xe.

231 Đi thông thả mà chớ thúc a,
Đề ung dung mà chờ thì.
Chỉ Ba-trùng núi phía Tây a,
Cùng hẹn nhau đến chạng vạng.
Khai xuân đầu năm a,

236 Ngày thư thái ánh chiều sáng.
Thả lòng ta vui vẻ a,
Theo Giang Hạ đề khuấy lòng.
Hái bạch chi trong bãi a,
Ngắt túc mụ trên bãi sông.

241 Tiếc không kịp cõ nhân a,
Cùng ai đeo phương thảo ấy?
Hái biên súc cùng rau vặt a,
Đề xâu luôn mà đeo lấy.
Quấn nhiều vòng mà khoác a,

246 Rồi khô hẻo cũng bỏ thôi.

Lại quanh quẩn mà khuấy lòng a,

Tục người Nam ta thăm chơi.

Trộm vui chút trong lòng a,

Xua phiền muộn không cần biết.

251 Hương ngào ngạt thì ngát xa a,

Trong đã đầy ngoài phát tiết.

Tinh với chất thực giữ được a,

Dù ăn dật danh xa rao.

Nhờ bề lẹ làm lái cho a,

256 Sợ cát gót phải trèo cao.

Nhờ phù dung làm mối cho a,

Sợ vèn xiêm mà chân lấm.

Lên cao ta vốn chẳng ưa a,

Xuống bùn ta cũng ngại lấm.

261 Vốn thân ta không quen a,

Nên do dự mà xem ngắm.

(Lời kết)

Vấn theo nếp cũ a,

Chứa đời đường lối này.

Mệnh ở tới ta chẳng quản a,

266 Nguyễn kịp trời sáng chưa hết ngày.

Bơ vơ trầy về Nam a,

Nhớ Bành Hàm không hề khuấy.

BI HỒI PHÒNG

- Buồn gió xoáy phe phất huệ a,
Lòng oan ức mà đau thương.
- 271 Vật nhỏ yếu mà dễ rụng a,
Tiếng mới nổi còn nhẹ nhàng.
Nhớ Bành Hàm sao thiết tha a,
Mến chí tiết mà khôn khuấy.
Muôn biến hóa vẫn khó dạy a.
- 276 Gian nguy giấu không lâu mấy.
Chim muông kêu mà gọi bọn a,
Hoa cỏ héo hương chẳng bay.
Cá mủ đua mà khoe vầy a,
Rồng lại nấu mà chờ mây.
- 281 Đồ và tể chẳng trồng chung a,
Lan chỉ kin thơm trợ trợ.
Chỉ giai nhân là đẹp mãi a,
Vượt cả đời mà tự trời.
Chí cao xa kịp người trước a,
- 286 Thương vật vờ như phù vân.
Chí cao xa người khó hiểu a,
Trộm ngậm nga mà phản trần.
Chỉ giai nhân là độc nhớ a,
Bé nhả tiêu mà tự xử.

- 291 Luôn ngậm ngùi mà than thở a,
Chạnh nấp nấu mà tư lự.
Lệ rờn rờn mà thê thảm a,
Nghĩ trần trọc đến bình minh.
Suốt đêm dài dằng dặc mãi a,
- 296 Chỉ ôm lòng mà buồn tênh.
Dây thông thả mà dạo chơi a,
Gượng tiêu dao mà tự tại.
Độc thở dài mà đau xót a,
Khí áp ức mà uất mãi.
- 301 Kết tơ lo mà làm dãi a,
Bện sợi sầu làm áo choàng.
Bẻ cây nhược che ánh sáng a,
Theo gió xiêu mà lang thang.
Cứ phương phát chẳng thấy gì a,
- 306 Lòng nhảy nhót như sôi nước.
Sờ vòng áo để yên tâm a,
Chỉ bàng hoàng mà tiến bước.
Nằm vùn vụt như muốn đồ a,
Đời thắm thoát mà đến già.
- 311 Phiền hành héo mà lìa đốt a,
Hương cũng lạt mà phôi pha.
Thương lòng nhớ không chữa được a,
Quả lời gièm nguy hại thực.
Thà chết quách mà trôi mất a,

- 316 Kèo lượn sâu không nhìn được.
Con côi than mà gạt lệ a,
Con bỏ đuôi đi vật vờ.
Ai lại nhớ mà chẳng xót a,
Rõ tiết tháo Bành Hâm xưa.
- 321 Lên núi đá mà trông xa a,
Đường mệnh mang mà lạng phắc.
Tìm vang bóng chẳng thấy gì a,
Lặng tưởng tượng không thể được.
Sầu uất uất mà nặng trĩu a,
- 326 Dạ canh cánh mà khôn khuây,
Lòng bức bối mà không hả a,
Khí xoắn kết như tơ vầy.
Thăm mờ mịt mà không hình a,
Rộng bao la mà không tượng.
- 331 Tiếng tuy lặng mà cảm nhau a,
Vật tuy thuần mà như ruộng.
Xa miên man không thể lường a
Dài dằng dặc không thể vờ.
Sầu dằng dẳng mà thăm mãi a,
- 336 Hồn bay bổng vẫn âm u.
Lên dốc hăm đỉnh núi cao a,
Đứng chót vót trên rặng đò.
Lên từng xanh mà cỗi mống a,
Bền vợi vàng da trời vổ.

- 341 Uống cam lồ thấy mát rượi a,
 Hớp sương giá giọt trắng phau,
 Tìm đ. gió mà nghỉ ngơi a,
 Bồng tinh lại mà lao đao.
 Dựa Côn-lôn ngó mây mù a,
 346 Nếp Mân-sơn xem sông lớn.
 Nước cuồn cuộn nghe âm âm a,
 Sóng ào ào mà nhào lộn..
 Nhìn đông tây không thấy mối a,
 Nhìn nam bắc không thấy giường.
 351 Mệnh mông chẳng biết đến đâu a,
 Rong ruổi như không hết đường.
 Xập xè như tả như hữu a,
 Phấp phới như lên như xuống.
 Dập dờn khi trước khi sau a,
 356 Theo nhịp khi tiêu khi trường.
 Nam hải mây nóng bốc lên a,
 Đông hải khói mù tích tụ.
 Bắc hải sương tuyết phủ khắp a,
 Tây hải nước triều dâng đồ.
 361 Dựa ánh sáng mà qua lại a,
 Quất cong hoàng cực khúc roi vàng.
 Tìm Giới tử trong Miên sơn a,
 Xem vết Bá Di đá Thử-dương.
 Quyển luyến không nở rời a,

- 366 Ghi lòng dạ không thề bỏ.
 Lướt sóng lớn mà theo gió a,
 Tìm Bành Hàm nơi yên ngủ.
 (Lời Kết)
 Giận ngày trước đã lường mong a,
 Thương kẻ sau tranh khư khư.
- 371 Cùng Giang Hoài trôi vào biển a,
 Đè theo đòi Ngụ Tử Tư.
 Trông bến bãi Đại hà a,
 Xót Thân Đồ tìm dấu vết.
 Vội can vua chẳng nghe a,
- 376 Ôm đá trầy mà liều chết.
 Lòng ấp ước khó khuây a,
 Ý bức bội mà uất kết.

THIỆP GIANG

- Tự nhỏ ta thích kỳ phục a,
 Đến tuổi già vẫn không thay
- 381 Mang kiếm dài sáng lấp lánh a,
 Đội mũ cao dựng từng mây.
- 383 Đeo chuỗi ngọc quý lung linh a,
 383 Khoác áo sức châu minh nguyệt.
 Đời ngàu đục chẳng biết ta a,

- Ta ruổi cao mà không thiết.
 386 Cõi thanh cũ a liền bạch ly.
 Với vua Thuấn a chơi Dao trì.
 Lên Côn-lôn a ăn tinh ngọc.
 Cùng trời đất a cao tuổi hạc.
 Chung ánh sáng a với trời trăng.
 391 Thương Man Di chẳng biết ta a,
 Sớm ta vượt Giang và Tương
 Lên Ngạc-chử mà quay nhìn a,
 Gió thu đông nghe than thở.
 Dóng ngựa ta trên chằm núi a,
 396 Bỏ xe ta trong rừng rú..
 Cõi thuyền ta ngược sông Nguyên a,
 Đập làn sóng đều mái chèo.
 Thuyền dùng dăng mà chẳng tiến a,
 Vì nước xoáy lượn quanh queo.
 401 Sáng ra đi từ Uông-chử a,
 Chiều vừa đến Thì-dương nghi.
 Vì lòng ta cứ ngay thẳng a,
 Dù đường bỏ không phần chí.
 Vào Tỵ-phố ta trừ trừ a,
 406 Mẹ man biết sẽ đi đâu!
 Rừng sâu rậm mà mù mịt a,
 Chính chỗ ở loài khỉ tầu.
 Núi cao che nhấp mặt trời a,

- Dưới tối tăm mà mưa nhiều.
411 Tuyết phủ dày không thấy ngấn a,
Mây phơi phơi nóc nhà bung.
Thương ta sống mà chẳng thú a,
Chỉ âm thầm trong núi rừng.
Ta không thề dỗi theo tục a.
416 Nền sâu khỗ đến tột đường.
Tiếp Dư trọc đầu a,
Tang Hồ thân ở trường.
Trung chẳng hân dùng a,
Hiền chẳng hân được cất.
421 Tỷ Can mờ gan a,
Ngự Tử phải tự sát.
Người xưa đều thế cả a,
Ta há oán gì người nay,
Ta theo đạo chẳng do dự a,
426 Nền gặp u ám trọn đời này.
(Lời kết)
Chim loan chim phượng ngày càng xa a,
Chim yến chim thước ở dài các a.
Tàn di bỏ chết đồng bãi rừng a,
Thơm thì đường hôi tanh lại chắc a.
431 Âm dương dỗi vị a,
Ôm trung tín sống sờ ta cam đời bước a.

AI SINH

- Hoàng thiên mệnh chẳng chắc a,
Đề trăm họ phải điều tàn.
Đan ly tán mà lạc nhau a,
436 Chạy sang Đông tháng trọng xuân.
Bỏ Cố đô đi xa a,
Theo Giang Hạ mà xiêu giạt.
Ra cửa thành mà đau thương a,
Ta khởi hành sáng ngày giáp.
441 Già Sinh đô mà hoảng hốt a.
Lìa quê cũ đến bao giờ?
Chèo đò nhịp mà dùng dăng a,
Thương thấy chúa chẳng được thờ.
Trông cây từ mã thờ dài a,
446 Nước mắt tuôn như mưa xối.
Qua cửa Hạ trôi về Tây a,
Đoái Long-môn mà mắt mỏi.
Lòng bịn rịn mà nhớ thương a,
Chẳng biết sẽ đặt chân đâu.
451 Theo sóng gió mà trôi nổi a,
Biết fênh đênh về chốn nào.
Lướt ba đào dương ngập tràn a,
Bổng bay lên cao vọi vọi.
Lòng buồn bực mà khó người a

- 456 Tý tức tối mà khôn cỏi,
Hãy quay thuyền mà thả xuống a,
Vào Động-dinh mà xuôi dòng,
Bỏ chỗ ở, từ bao thuở a,
Mà tiêu dao qua cõi Đông.
- 461 Linh hồn thường muốn về a,
Sao phút chốc quên trở lại?
Ngược cửa Hạ nhớ phía Tây a,
Thương Cổ đồ ngày xa ngái.
Lên gò cao mà trông ngóng a,
- 466 Dề tạm khuây nỗi bi ai.
Thương trung châu đất giàu vui a,
Xót thói cũ chốn sông ngòi.
Cõi làn sóng mà đi đâu a,
Vượt xuống Nam về đâu đó?
- 471 Chẳng biết Đồ thành hóa gò a,
Ai hay hai cửa Đông rậm cỏ!
Lòng chẳng vui như thế mãi a,
Lo và buồn cứ liên miên.
Đường về Sính xa xôi lắm a,
- 476 Giang với Hạ khó vượt lên.
Bỗng bị gièm mà mất tin a,
Nay chín năm chưa trở lại.
Lòng uất uất mà chẳng thông a,
Dáng sững sờ mà ngậm tủi.

481 Kề nịnh nọt mà được yêu a,
Thực yếu đuối làm được gì!
Trung trịnh trọng mà mong tiến a,
Lại bị ghen mà lấp che.
Nghieu Thuấn đức hạnh cao a,

486 Ngất đến trời mà vồi vọi.
Chúng gièm vì dố kỵ a,
Còn gán cho danh bạc bội.
Người tốt đẹp thì lại ghét a,
Ưa vẻ khàng khái phường gian tà.

491 Chúng chạy vạy mà tiến tới a,
Người cao thượng ngày càng xa.
(Lời kết)

Mất ta man mác nhìn quanh a,
Biết trở về là lúc nào?
Chim bay nhớ về tổ a,

496 Cáo chết gò quay đầu.
Tin chẳng phải tội mà bị đuổi a,
Đem như ngày quên làm sao!

HOÀI SA

Bưng bưng đầu hạ a,
Cây cỏ rướm rướm.

501 Đau thương không ngớt a,

Rảo vội về Nam.

Trông vời mịt mù a,

Bốn bề lặng lẽ.

Uất kết quặn đau a,

506 Ly sầu bi khốn mãi,

Suy tình xét chí a,

Oan khuất phải chịu vầy.

Chuốt vuông cho tròn a,

Nếp thường chẳng thay.

511 Theo đời lìa gốc a,

Quân tử không thích.

Mục ngay thước thẳng a,

Giữ lẽ dù rách.

Lòng trung chất chính a,

516 Thánh nhân mới dùng.

Thợ khéo không đeo a,

Ai biết thẳng cong!

Màu sắc ở tối a,

Mù răng xấu xí.

521 Ly Lau lim rìm a,

Lòa rặng cận thị.

Trên dưới xáo trộn a,

Đen trắng đổi thay.

Phượng hoàng bị nhốt a,

- 526 Gà trĩ múa may.
Ngọc đá hỗn hào a,
So nhau một lửa.
Bè đảng ghét ghen a,
Biết ta gì chưa!
- 531 Chở nhiều gánh nặng a,
Sa lầy khó qua.
Mang châu cầm ngọc a,
Cùng ai giờ ra!
Bầy chó sủa om a,
- 536 Sủa vì thấy quái.
Chê tuấn ngợ kiệt a,
Kẻ hèn vẫn thói.
Văn chất đúng thề a,
Vê lạ ta nào ai tường!
- 541 Tài năng bỏ xó a,
Của riêng ta nào ai màng!
Dây nhân nặn nghĩa a,
Lấy trọng hậu mà giữ đức.
Vua Thuấn chẳng gặp được a,
- 546 Ai biết ta trung trực!
Thánh hiền vốn không cùng thời a,
Há biết vì có sao!
Vũ Thang xa vắng a,
Luống dè ta ước ao.

- 551 Nén tử nuốt hờn a,
Dần lòng mà gắng sức.
Gặp khốn chẳng dờn a,
Nguyễn chi làm mẫu mực,
Đường đi về Bắc a,
- 556 Ngày xam xam tối rồi.
Khuây sầu người thương a,
Đời cũng đến chết thời.
(Lời kết)
Mệnh mông Nguyễn tương,
Cuồn cuộn sóng dờn a.
- 561 Đường xa man mác,
Ngất tạnh mù khơi a.
Ôm tình giữ chặt,
Đành phải mồ côi a.
Bá Nhạc đã mất,
- 566 Ngựa ký ai coi a.
Nhân sinh có mệnh,
Đều đã định rồi a.
Vững lòng rộng chí, ta chẳng sợ a.
Xót thương chẳng dứt, than thở mãi a.
- 571 Dời ngầu đục không biết ta,
Lòng người khó phơi a.
Biết chết không tránh được,

Nguyện không tiếc đời a,
Thánh hiện minh chính,
576 Ta mong theo đời a.

TÍCH VĂNG NHẬT

Tiếc ngày trước được tin a,
Chịu mệnh chúa mà soi đường.
Vâng công trước rọi xuống a,
Khiến pháp độ được rõ ràng.
581 Nước giàu mạnh mà phép định a,
Quan trung trình ngày vui vẻ.
Việc cơ mật đều đề lòng a,
Tuy lỗi lầm cũng không trị.
Lòng thuần hậu mà thận trọng a,
586 Gặp kẻ gièm lại ghét chê.
Chúa mang giận mà dãi tôi a,
Không thấu suốt điều thị phi.
Che tối tai mắt của chúa a,
Bịa chuyện lão mà lừa dối.
591 Chẳng nghiệm tình đề xét thực a,
Chẳng nghĩ lại mà đường xuôi.
Tin gian nịnh lời diên đảo a,
Nổi giận dữ mà quá đường

- 596 Sao tôi trung chẳng tội gì a,
 Bị gièm pha đến đáng thương.
 Thẹn sáng tối không rạch rời a,
 Nền ăn nấu mà dè chừng.
 Đến vực thăm sông Nguyên-tương a,
 Bèn tự nhấn mà liều nhảy.
- 601 Rớt thân mất mà danh dứt a,
 Tiếc chúa hôn mà chẳng thấy.
 Chúa hồ đồ mà chẳng xét a,
 Khiến hoa thơm phải u ần.
 Sao tỏ tình mà lấy tin a,
- 606 Cam bỏ mạng mà chẳng quản.
 Chỉ ngăn lấp mà che giấu a,
 Khiến tôi trung đành chán nản.
 Nghe Bách-lý làm nô lệ a,
 Y Doãn nấu ở bèo trù.
- 611 Lã vọng mờ ở Tiều-ca a,
 Nịnh Thích hát mà nuôi trâu.
 Không gặp Thang Võ Hoàn Mục a,
 Dời ai biết tài năng lớn!
 Ngò nghe gièm mà chẳng biết a,
- 616 Tử Tư chết rồi suy dốn.
 Tấn Văn tỉnh mà tìm kiếm a,
 Giới tử trung ần trong non.

- Khoanh Giới sơn làm rừng cấm a,
 Tường báo đáp tấm lòng son..
- 621 Nhớ người cũ gần gũi mình a,
 Áo gài trắng mà khóc vái.
 Có người trung nghĩa tử tiết a,
 Có người dối mà tin dại.
 Chẳng xét kỹ mà cầu thực a,
- 626 Nghe lời bịa kẻ gièm pha.
 Thơm cùng thối cho lẫn lộn a,
 Ai phanh phui mà vạch ra ?
 Cỏ thơm sao lại chết non a,
 Sương nhẹ xuống không phòng bị.
- 631 Đề tai mắt bị che lấp a,
 Khiến sàm nịnh ngày được quý.
 Từ đời trước hiền bị ghen a,
 Bảo lan huệ không thề đeo.
 Đẹp phơi phới thì bị ghét a,
- 636 Xấu làm bộ lại mỹ miều.
 Tuy sắc sảo như Tây Thi a,
 Gièm ghen vào cũng thành xấu.
 Nguyên trần tình mà tự bạch a,
 Dù nên tội không phải cố.
- 641 Tình oan ức ngày rõ ra a,
 Như tinh tú khắp sáng bày.

Cối kỳ ký mà rong ruổi a,
 Không cương hàm cứ chạy bay.
 Di bè mảng mà xuôi dòng a,
 646 Không chèo lái mà cứ thả,
 Trái pháp độ mà tùy lòng a,
 So thế ấy in nhau cả.
 Thà chết quách trời mất a,
 Sợ tai ương vẫn chưa rời.
 (Lời kết)
 651 Chưa dứt lời mà gieo vục a,
 Tiếc chứa hôn chẳng biết thời !

Thăm khảo

Bản dịch THIỆP GIANG của Phan Kế Bình

Ta thuở nhỏ đã mặc đồ lạ hề,
 Tuổi đã già mà chưa thôi,
 Đeo gươm dài chi lấp lánh hề,
 Đội mũ «Thiết vân» chi cao lời.
 Châu «minh nguyệt» hề ta đeo,
 Ngọc «Bảo lộ» hề ta có.
 Đời dục vẫn mà không ai biết ta hề,
 Ta cứ ruổi mau mà chẳng ngó.

Cưỡi con «thanh cầu» hề, kèm con «Bạch ly»,
Ta cùng với ông Trùng hoa hề ở Dao phố.
Trèo lên núi Cồn-lòn hề,
Ăn cánh hoa tươi.
Sánh tuổi thọ với trời đất hề,
Tranh sáng cùng mặt trăng mặt trời!
Thượng dân mọi chi không biết ta hề,
Sớm mai, ta sẽ vượt sông Tương.
Đứng bến Ngạc mà quay đầu trông lại hề,
Ào ào nổi tiếng gió chi bi thương.
Ruid ngựa ta hề chốn sơn cao,
Đậu xe ta hề đất Phương-lâm,
Bơi chiếc thuyền hề lên sông Nguyên.
Đều tay chèo hề sóng vỗ rầm,
Thuyền lững thững mà không đi hề,
Nước chảy quanh nên khó sang.
Sớm đi từ Uông-chư hề,
Chiều nằm ở Thần thang.
Nếu bụng ta chi ngay thẳng hề,
Dù xa quạnh có hà phương.



Vào bến Tự còn dùng dăng hề,
Ta chưa biết ở vào đâu.

Rừng sâu thăm thăm chi tối mờ mờ,
Toàn là hang vượn cùng hang hầu.
Núi cao vọi chi ngắt trời mờ mờ,
Dưới âm thum mà mưa dầm,
Tuyết rơi bởi chi khắp gần xa mờ mờ,
Mây dùn dùn mà kéo mau,
Thương cái sống của ta chi buồn bức mờ mờ,
Một mình ở trong núi sâu,
Ta không thay đổi lòng mà theo tục mờ mờ,
Đành ta trọn đời mà ôm sầu.



Kìa Tang Hồ còn phải đi trần mờ mờ,
Tiếp Dư còn phải tới gót dầm,
Người trung đã chắc gì được dùng mờ mờ,
Người hiền đã chắc gì ai cầu.
Người xưa mà còn như thế mờ mờ,
Ta còn oán gì người sau.
Ta cứ vững một lòng mà giữ đạo mờ mờ,
Thời chẳng quản gì buồn rầu!

VI. THIÊN VẤN (1)

(Nguyễn sĩ Lâm dịch)

Phiên âm

Viết:

Toại cồ (2) chi sơ,
Thùy truyền đạo (3) chi?
Thượng hạ vị hình (4),
Hà do khảo chi?

Minh chiếu mông ám (5)
Thùy năng cực chi?
Bằng dục (6) duy tượng.
Hà dĩ thức chi?

Minh minh ám ám (7)
Duy thời hà vi? (8)
Âm dương tam hợp (9),
Hà bản hà di (hóa) (10)?

★
★★

Viên tắc cứu trùng (11)
Thục doanh đặc (12) chi?
Duy tư hà công (13).
Thục sơ tác (14) chi?

Oát duy (15) yên hệ?
Thiên cực yên ky (gia) (16)?
Bất trụ hà dương (17)?
Đồng nam hà. khuy? (18)

Cửu thiên chi tế (19)
An phảng an chúc (20)?
Ngung ôi đa hữu,
Thùy tri kỳ tốc (số).

Thiên hà sở đáp (21)?
Thập nhị (22) yên phân?
Nhật nguyệt an chúc (23)?
Liệt tinh an trần (24)?

Xuất tự Dương cốc (25).
Thứ vụ Mông ti (26)
Tự minh cập hồi,
Sở hành kỳ lý. (27)?

- Ngao đối sơn biện (42)
Hà dĩ yên (an) (43) chi?
Thích chu Lãng hành (44)
Hà dĩ thiên chi (45)?



Cửu châu an thổ (46)
Xuyên cốc hà hộ (ô) (47)?
Đông lưu bất dật,
Thục tri kỳ cổ (48)?

Đông tây, nam bắc,
Kỳ tu thực đa?
Nam bắc thuận thỏa (49),
Kỳ diễn Kỳ hà (50)?

Côn lân Huyền phố (51)
Kỳ khao (52) an ti (tại)?
Tăng thành (53) cửu trùng,
Kỳ cao kỳ lý?

Tứ phương chi môn (54)
Kỳ thù tòng (55) yên?

Tay bắc tịch khái,
Hà khí thông yên (56)?

Nhật an bất đáo,
Chúc long hà táo (chiếu) (57)?

Hy Hòa (58) chi vị dương,
Nhược hoa hà quang (59)?

Hà sở đông noãn (60)?
Hà sở hạ hàn (61)?
Yên hữu thạch lâm (62)?
Hà thu năng nhan (ngôn) (63)?

Yên hữu long cầu (64),
Phụ hùng dĩ đầu (du) (65)? *

Hùng hủy (66) cứu thù,
Thúc hốt (67) yên tại?

* Hai câu này, bản chỉnh lý của Quách Mạt Nhược, để dưới hai câu « Ưng-long hà hoạch, hà hải hà lịch » ở đoạn dưới, nhưng chúng tôi thấy cứ theo nguyên bản để ở chỗ này, hợp với văn nghĩa và sự việc hơn

Hà sở bất tử (68)?

Trường nhân hà tái (thù) (69)?

Mỹ bình cứu cù (70)

Tỷ hoa an cư (71)?

Linh xà (72) thôn tượng,

Quyết đại hà như (73)?

Hắc thủy, Huyền chi (74)

Tam nguy (75) an ti (tại)?

Diên niên bất tử,

Thọ hà sở chi (76)?

Lăng ngư (77) hà sở?

Kỳ đôi (78) yên xử?

Nghệ yên tất nhật (79)?

Ồ yên giải vũ (80)?

★
★★

Đăng lập vi đế (81)

Thục đạo thượng (82) chi?

Nữ Oa hữu thê (83),

Thục chế tượng chi (84)?

Can (85) hiệp thời vũ.
Hà dĩ huy (hoài) (86) chi?
Bình hiệp mạn phu (87).
Hà dĩ phì chi (88)?

Bất nhiệm cốt hồng (89).
Sư hà dĩ thường (thượng) (90) chi?
Thiêm (91) viết hà ưu.
Hà bất khóa (92) nhi hàng (hành) chi?

Chi qui duệ hàm (93).
Còn hà thịnh (94) yên?
Thuận dục thành công (95).
Đế hà hình (96) yên?

Trở cùng tây chinh (97).
Nham (98) hà việc yên?
Hóa vi hoàng hùng.
Vu hà hoạt (99) yên?

Hàm bá cự, thứ (100).
Bồ, hoàn (101) thị doanh.
Hà do tinh đầu (102).
Nhi Còn tậ tu doanh (103)?

Vĩnh át tại Vũ sơn (104),
Phù hà tam niên bất thi (105)?
Bá Vũ phúc (106) Còn,
Phù hà dĩ biến di (hóa) (107)?

Toãn tự tiền tự (108)
Toại thành khảo công (109).
Hà tục sơ kế nghiệp,
Nhi quyết mưu bất đồng (110)?

Hồng tuyền (111) cực thâm,
Hà dĩ điền (112) chi?
Địa phương cứu tắc (113)
Hà dĩ hiền (phần) (114) chi?

Ưng long (115) hà hoạch?
Hà hải hà lịch (116)?

Còn hà sở doanh?
Vũ hà sở thành (117)?
Khang Hồi (118) băng nộ,
Địa hà cổ dĩ đông nam khuynh (119)?



Vũ chi lực hiển công (120)
Giáng tình hạ thổ phương (121)
Yên đặc bí Đồ sơn nữ (122)
Nhi thông chi vu Thai tang (123)?

Mẫn phi thất hợp (124)
Quyết thân thị kế (125)
Hồ vi thị bất đồng vị (126).
Nhi khoái triều bị (bão) (127)?

Khải đại Ích (128) tác hậu.
Thốt nhiên ly nghiệt (129).
Hà Khải duy ưu (130).
Nhi năng câu thị diệt (dật) (131)?

Giai quy xạ cúc (132).
Nhi vô hại quyết cung (133).
Hà hậu Ích tác cách (134)
Nhi vũ bá hồng (giáng) (135)?

Khải cực tân thương (136).
Cửu biện, cửu ca (137).
Hà cần tử đồ mẫu (138)
Nhi tử phân cánh đà (địa) (139)?

*
**

Đế giảng Di Nghê (140),
Cách nghịêt (141) Hạ dân.
Hồ thạch phù Hà bá,
Nhi thế bị Lạc tần (142)?

Bằng diêu lợi quyết (143),
Phong hy (144) thị thực (thạch).
Hà hiến chưng nhục, chi cao (145)
Nhi hậu để bất nhục (146)?

Xác thú Thuần Hồ (147),
Huyền thê Viên mi (muru) (148).
Hà Nghê chi xạ cách (149),
Nhi giao thôn quĩ (150) chi?

Bạch nghề anh phất (151),
Hồ vi thứ đường (152)?
Ăn đặc phù lương được (153),
Bất năng cổ tang (154)?

Thiên thức tung hoành (155),
Dương ly viên tĩ (tử) (156).
Đại diêu (157) hà minh;
Phù yên táng quyết thê (158)?

★
★★

Duy ngáo (159) tại hộ,
Hà cầu vu tàu?
Hà thiếu khang (160) trực khuyển,
Nhi diên văn quyết thâu (thủ)?

Nữ kỳ (161) phùng thường,
Nhi quan đồng viên chi.
Hà diên dịch quyết thủ,
Nhi thân dĩ phùng đề (đãi) (162)?

Thang mưu dịch lữ (163),
Hà dĩ hậu (164) chi?
Phúc châu (165) Châm tâm,
Hà đạo thâu (thủ) chi (166)?



Kiệt phạt Mông sơn (167),
Hà sở đắc yên?
Muội Hỷ hà tứ (168)?
Thang hà cửu (169) yên?

Duyên học sức ngọc (170),
Hậu đế thị hưởng (171).

Hà thừa mưu (172) Hạ Kiệt.
Chung dĩ diệt tãg (173)?

Đổ nãi giảng quan (174),
Hạ phùng Y Chiết (chí) (175).
Hà Điều phóng (176) trí phạt,
Nhi lệ phục (177) đại duyệt?

Giãn địch (178) tại đài,
Cốc hà nghi (179)?
Huyền điều trí di (180)
Nữ hà hy (hỷ) (181)?

★
★★

Thuấn mẫn (182) tại gia,
Phụ hà dĩ quan (183)?
Nghieu bất Điều cáo (184),
Nhị nữ (185) hà khoan (thân)?

Thuấn phục quyết đệ (186),
Chung nhiên vi hại (187).
Hà tứ khuyển thi,
Nhi quyết thân bất nguy bại (188)

Huyền đệ tịnh đàm (189).
Nguy hại quyết huông (huynh).
Hà biến hóa dĩ tác trá.
Nhi hậu tự phùng trường (190)?

★
★★

Cai bình quý đức (191).
Quyết phụ thị tang (192).
Hồ chung tộ vu Hữu hổ (193)
Mục phu ngư dương (194)?

Hữu hổ mục thụ.
Van hà nhi phùng (195)?
Kích sàng tiên xuất (196)
Kỳ mệnh hà tông (197)?

Hằng (198) bình quý đức.
Yên đắc phù phác ngư (199).
Hà vãng doanh ban lộc (200).
Bất dẫn hoàn lưu (lại) (201)?

Hôn vi tuân tích (202)
Hữu địch bất ninh (203)

Hà phồn điều tụy cực (204),
Phụ tử tử tình (205) ?

★
★★

Thành Thang đông tuần (206),
Hữu Sần viên cực (207).
Hà khát bí tiêu thần (208),
Nhi cát phi (209) thị đắc ?

Thủy tân chi mộc (210),
Đắc bí tiêu ti (tử) (211).
Phù-hà ố chi,
Dăng (212) Hữu sần chi phi (phụ) ?

Thang xuất Trùng tuyền (213),
Phù hà tội điều (vưu) ?
Bất thẳng tâm phạt đế (214),
Phù thủy sử khiêu (215) chi ?

Sơ Thang thần Chí (216),
Hậu tư thừa phụ (217).
Hà tốt quan Thang (218),
Tồn thực tông tự (219) ?

★
★★

Bí vương Trụ (220) chi cung,
Thục sử loạn hoặc (221),
Hà ố phụ bát (222)
Sâm siêm thị bặc (phục) (223) ?

Quyết manh (224) tại sơ,
Hà sở ứt (225) yên ?
Hoàng dài thập thành (226),
Thùy sở cực (227) yên ?

Tý can hà nghịch (228).
Nhi ức trăm (229) chi ?
Lôi Khai hà thuận (230),
Nhi tứ hãm (phong) chi ?

Hà thánh nhân chi nhất đức (231),
Tốt kỳ di phương (232) ?
Mai bá thụ hải (233),
Cơ tử (234) đương cường.

Hội triều (235) tranh minh,
Hà tiến ngô kỳ ?
Thương điều (236) quần phi,
Thục sử tụy (237) chi ?

Liệt kích (238) Trạ cung,
Thúc Đán bất gia (239).
Hà thân quĩ Phất (240).
Định Chu chi mệnh dĩ tư ta (241)?

Thụ Ân thiên hạ,
Kỳ vị an tha (thĩ) (242)?
Phản thành (243) nãi vong,
Kỳ tội (244) y hà?

Tranh khiên phạt khí (245)
Hà dĩ hàng (hành) (246), chi?
Tĩnh khu kích dục (247),
Hà dĩ tương (248) chi?

★
★★

Tắc duy nguyên tử (249)
Đế hà trúc (250) chi?
Đầu chi ư băng thượng,
Điều hà úc (251) chi?

Hà băng cung (252) hiệp thĩ.
Thù năng tương (253) chi?

Ký kinh để thiết khích (254),
Hà phùng trường (255) chi?

Bá Xương hiệu suy (256)
Bình tiên tác mục (257)
Hà linh triệt bi Kỳ xã (258),
Mệnh hữu Ân cốc (quốc) (259)?

Thiên tạng tựu kỳ (260),
Hà năng y (261)?
Ân hữu hoặc phụ (262)
Hà sở ky (cơ) (263)?

Thụ tứ tư hải (264),
Tay bá (265) thượng cáo.
Hà thân tựu thượng để phạt.
An chi mệnh dĩ bất cứu?

Sư Vọng tại tứ (266),
Xương hà chí (267)?
Cồ đao dương thanh (268),
Hậu (269) hà hí (hì)?

Vũ Phát sát Ân (270),
Hà sở ấp (271)?

Tái thi tập chiến (272).

Hà sở cấp ?

Bá lâm trĩ kinh (273).

Duy kỳ hà cổ ?

Hà cảm thiện ức địa (274).

Phù thùý úy cụ (275) ?

Hoàng thiên tập mệnh (276).

Duy. hà giới (277) chi ?

Thụ lễ (278) thiên hạ.

Hựu sử chí đại chi (279).

★
★★

Chiêu hậu thành du (280).

Nam thờ viên đề (281).

Quyết lợi duy hà ?

Phùng bí bạch trĩ (282).

Mục vương xảo mỗi (283).

Phù hà chu lưu ?

Hoàn lý (284) thiên hạ.

Phù hà sách cầu ?

Yêu phu duệ huyển (285),
Hà hào (286) vu thị ?
Chu U thủy tru (287) ?
Yên đặc phù Bao Tì (Tự) (288) ?

Thiên mệnh phản trắc,
Hà phạt hà vị (hựu) (289)
Tề Hoàn cứu hợp (290) ?
Tốt nhiên thân thi (sát) (291)



Bành Khanh châm trĩ (292),
Đế hà hưởng ?
Thọ mệnh vĩnh đa,
Phù hà trưởng (293) ?

Trung ương cộng mục (294),
Hậu (295) hà nộ ?
Phong nghi (296) vi mệnh,
Lục hà cố (297) ?

Kinh nữ thai vi (298),
Lộc hà vị (hựu) (299) ?

Bắc chí hồi thủy (300)

Tụy hà hi (301)?

Huynh (302) hữu phệ khuyển.

Đệ (303) hà dục?

Dịch chi dĩ bách lương (304)

Tốt vô lộc (305).

Ngô hoạch hất cò (306).

Nam nhạc thị chi (307).

Thục kỳ khứ tư (308).

Đắc lưỡng nam tì (tử). (309)

Huân Hạp Mộng sinh (310).

Thiếu ly tán vương (vong) (311).

Hà tráng vũ lệ (312).

Năng lưu quyết ngang (nghiêm) (313).

Ngô Quang tranh quốc, (314)

Cửu dư thị hân (thăng).

Hà hoàn xuyên tự lư xã khâu lãng (315).

Viên xuất Từ Văn (316).

Ngô cáo Đồ ngao (317).

Dĩ bất trường (318).

Hà thi thượng tự dư (319),
Trung danh di chương (320)?

Bạc mộ lời diện (321)
Qui (322) hà au (tru)?
Quyết nghiêm bất phụng (323)
Đế hà cầu (324)?

Phục nặc huyết xử (325),
Viên hà vân (326)?*
Kính huân tác sư (327),
Phủ hà phân (trường) (328)?
Ngộ quá cải canh,
Ngã hựu hà ngân (ngôn) (329)?

* Hai câu này, bản chỉnh lý của Quách Mạt Nhược, để ở trên hai câu «Ngô Quang tranh quốc, cứu dư thi thắng» trên đây, nói cảnh lưu vong, ẩn trốn của Ngô Quang khi chưa làm vua, nhưng chúng tôi thấy cứ theo như nguyên bản, để ở chỗ này, nói cảnh đi đầy ở Giang nam của tác giả, thì hợp với văn nghĩa và sự việc hơn.

Dịch nghĩa

Hỏi rằng:

- ✓ *Nguồn gốc vũ trụ, đâu đời viễn cổ,
Ai biết mà truyền thuật lại?
Khí trời đất chưa hình thành.
Bằng cứ vào đâu mà khảo cứu?*

*Sáng tối còn hỗn độn,
Ai có thể suy lẽ đến cùng?
Trạng thái chuyển vần, hun đúc,
Làm thế nào mà biết?*

*Sáng lại tối, tối lại sáng,
Đắp đời như thế để làm gì?
Hai khí âm dương hòa hợp với nhau,
Nguồn gốc thế nào, chuyển hóa thế nào?*



*Trời hình tròn và có chín tầng,
Ai người xây dựng qui hoạch?
Nghĩ đó công sức thế nào?
Ai người khởi công tầng trời đầu tiên?*

Vòng xoay buộc dây vào đâu?
Cực trời gác đầu vào đâu?
Tám cột núi chống ở chỗ nào?
Vùng đất đông nam sao lại bị huyệt?

Biên giới chín tầng trời,
Rộng tới đâu và phụ vào đâu?
Chung quanh rất nhiều cạnh góc,
Ai biết con số bao nhiêu?

Chỗ nào trời tiếp giáp với đất?
Vòng trời sao lại chia làm mười hai?
Mặt trời, mặt trăng treo ở nơi nào?
Các vì tinh tú bầy vào chỗ nào?

Mặt trời mọc ở hang Dương cốc,
Lặn ở bến Mông thủy.
Từ sáng đến tối,
Đi được bao dặm đường?

Mặt trăng có bản chất gì,
Chết rồi lại sống lại?
Hồng được cái lợi chi.
Mà ôm ấp con thỏ ở trong lòng?

Nữ Kỳ không lấy chồng,
Sao có chín con?
Bá Cường trú ngụ nơi đâu?
Áng mây đẹp xuất hiện ở chỗ nào?

Sao mặt trời lặn thì tối lại?
Mặt trời mọc thì sáng ra?
Khi phương đông còn lấp lánh sao Giắc,
Thì mặt trời ăn náu nơi nào?

Thần Bình Ế gào thét,
Làm thế nào mà đỡ được cơn mưa?
Thần Phi Liêm toàn thân giống con hươu,
Sao lại mang cái hình lạ như thế?

Con ngao đòi núi mà vỗ tay,
Sao tiên thánh được yên ổn?
Thuyền rời ra, núi trôi đi,
Sao tiên thánh phải phiêu bạt?

★
★★

Chín châu đặt lên chỗ nào?
Sông ngòi sao mà sâu đáy?

*Cháy mãi về đông mà biển không tràn,
Ai biết duyên do làm sao?*

*Đông sang tây, nam sang bắc,
chiều nào dài hơn chiều nào?
Nếu bảo chiều Nam bắc hẹp mà dài,
Thì số dài ra là bao nhiêu?*

*Đỉnh Huyền phổ trên núi Côn-lôn,
Gốc rễ nó bám vào đâu?
Lại đỉnh Tăng thành chín tầng,
Chiều cao là bao nhiêu dặm?*

*Bốn phía núi Côn đều có cửa,
Cửa ấy ai ra vào?
Cửa tây bắc thường mở,
Lưu thông luồng gió nào?*

*Sao mặt trời có chỗ không soi tới,
Được rồng chiếu sáng thế nào?*

*Hy Hòa chưa đóng xe lên đường,
Anh hoa nhược mộc sao sáng cả mặt đất?*

Xứ nào mùa đông lại ấm nóng?
Xứ nào mùa hè lại giá rét?
Rừng nào mọc cây đá?
Loài thú nào biết nói tiếng người?

Núi nào có giếng cầu long,
Cống con gấu mà dạo dong?

Con rắn độc chôn đầu,
Nó ở nơi nao, phút qua phút lại?
Nước nào sống lâu không chết?
Người dài kia sao lại giữ núi?

Đâu có giếng bèo chận cánh,
Lại nở hoa như hoa gai?
Rắn thần nuốt cả con voi
To lớn biết là đường nào?

Hắc thủy, Huyền chi, lại Tam nguy nữa,
Những sông núi ấy ở đâu?
Miền đỏ, nhân dân trường thọ,
Trường thọ đến đâu là giới hạn?

Biển nào có cá lừng?

Núi nào có chìm kỳ tước?

Nghê bắn mặt trời thế nào?

Đàn chim quạ sao rụng cả lông cánh?

★
★★

Phụ nữ lên ngôi đế vương,

Ai đã đề xương, suy tôn?

Nữ Oa thân hình kỳ dị,

Ai chế tạo nên thế?

Vua Thuấn mùa can buổi ấy,

Sao địch quốc lại quy thuận?

Sườn mập mập, da mịn màng!

Sao nhân dân được béo tốt?

Còn không có tài trị thủy,

Sao quần thần lại đề cử?

Quần thần rằng: «chẳng lo ngại gì».

Sao không khảo sát trước đã?

Đắp đê hình «cú rùa nổi đuôi»,

Còn sao lại làm thế?

*Theo phương pháp ấy, cũng muốn nên công,
Vua Thuần sao lại gia hình phạt?*

*Đường sang phía tây, đã bị ngăn chặn,
Còn sao vượt thoát núi Vũ?
Chết hóa con gấu vàng,
Thầy cũng sao làm sống lại được?*

*Đề dân có ruộng cấy! các giếng lúa,
Còn từng đập đập bãi lác sậy.
Sao cùng đầy đi cõi xa,
Tội Còn lại chông chết, đầy đầy?*

*Đã ba năm cấm cở tại núi Vũ,
Sao cuối cùng vẫn không tha tội chết?
Bà Vũ là con, Còn thường nuôi dưỡng,
Sao khéo biến đổi công trình của cha?*

*Kể tục sự nghiệp trước,
Hoàn thành tốt công cha.
Sao cũng nối tiếp việc làm cũ,
Mà quy hoạch lại khác nhau?*

*Nước lụt một làn mông mênh, thăm thăm,
Lấy đất đâu mà lấp bằng?*

*Chín châu chín bạc ruộng đất,
Làm thế nào mà phân biệt?*

*Con ưng long lấy đuôi vach đất thế nào?
Vua Vũ đã qua những vùng sông biển nào?*

*Còn trù hoạch thế nào?
Vũ thành công cách gì?
Khang Hồi con tức giận,
Cớ sao vùng đất đông-nam bị sụt xuống?*

★
★★

*Vũ vốn cần cù, cố công sức,
Chăm lo việc kinh lý bốn phương.
Còn lúc nào gặp gái Đồ sơn,
Cùng nhau kết hôn tại Thái tang?*

*Lo việc lựa đôi, kết hợp,
Vũ muốn có con nối dõi về sau.
Sao vội biến đổi khẩu vị,
Chỉ cầu khoái một bữa sớm mai?*

*Khải thay Ích làm vua,
Phút chốc trừ được họa hại.*

*Sao Khải biết mưu toan,
Mà thoát khỏi ách giam cầm?*

*Vây cánh đều bị bài xích,
Riêng bản thân Khải không mắc tai nạn.
Sao Ich đã đòi thay triều chính,
Mà dòng vua Vũ vẫn truyền mãi đời sau?*

*Khải mộng lên châu trời,
Được nhạc trời « cứu biền », « cứu ca »
Sao sinh con phải mỗ bụng mẹ,
Đề chết phân thây côi đất xa?*



*Thượng đế sai Di Nghê xuống đời,
Đề trừ hại cho nhân dân nhà Hạ.
Sao lại bắn đui mắt Hà bá,
Và giao hợp với cả nữ thần sông Lạc?*

*Cung khảm kéo căng, bao tay lạnh lẽ.
Nghê đã bắn chết con heo to lớn?
Sao khi tế dâng thịt béo,
Thượng đế lại không ưng ý? ,*

*Hàn Xác lấy Thuần Hồ,
Mê vợ Nghệ mà sinh mưu kế.
Sao Nghệ có tài bắn thủng áo giáp,
Lại thông đồng nhau mà hãm hại được?*

*Xiêm nghệ trắng, nếp mây lượn lờ,
Sao Hằng Nga lộng lẫy thế?
Lấy trộm châu liêu thuốc trường sinh,
Mà không giấu được hình ảnh trong trăng?*

*Quy luật thiên nhiên, dọc ngang khôn chống,
Duong thần đã thoát, người phải chết.
Giống chim lớn kia kêu gì,
Thề xác mị có tiêu mất đâu?*

★
★★

*Ngáo tới cửa phòng chị dâu,
Có tình ý gì?
Sao Thiếu Khang suyt chỗ sẵn,
Đầu Ngáo phụt đầu rơi rụng?*

*Nữ Kỳ may xiêm cho Ngáo,
Cùng nhau chung chạ một phòng.*

*Sao ai đã cắt làm đầu lâu,
Mà rốt cục, bản thân Ngáo vẫn bị hại?*

*Thiếu Khang mưu dấy nghiệp lớn,
Sao tập hợp được đông đảo dân chúng?
Nước Chăm tàn đã bị úp thuyền rồi,
Cách nào mà thu phục được?*



*Chúa Kiệt đánh nước Mông sơn,
Bắt được gì đem về?
Muội Hỷ dâm loạn thế nào?
Thành Thang sao lại đầy chúa Kiệt?*

*Đồ tể nam ngọc, nam ngà,
Chăm việc cũng lễ thượng đế.
Sao Hạ Kiệt cũng nổi dấy tiền vương,
Kết cục, lại bị diệt vong?*

*Thành Thang đi kinh lý địa phương,
Gặp được Y Chi hiền tài.
Sao đầy tội chúa tại đất Minh điều,
Dân chúng lại vui vẻ phục tnh?*

*Giàn địch ở trên đài ngoạ,
Để Cốc sao ưng ý?
Chim én đưa sinh lễ,
Gái Hữu Nhung sao vui mừng?*

★
★★

*Thuấn là người con hiếu, chăm lo việc gia đình,
Sao cha không lấy vợ cho?
Nghieu không báo gì với họ Diêu,
Sao gả hai con gái cho Thuấn?*

*Thuấn hết lòng cảm hóa em,
Em vẫn ngậm mưu hại.
Sao chó lợn tinh càn,
Mà bản thân lại được thoát tội?*

*Em đâu mê loạn, dâm dục!
Muốn giết anh, chiếm lấy chị dâu.
Sao con người biến trá, quý quái,
Dòng giống lại nối nghiệp lâu dài?*

★
★★

*Giữ gìn đức tốt, từ hồi tuổi trẻ,
Khải thường được cha khen ngợi!*

Sao phải mệt sức đánh nước Hữu-hồ,
Phế làm dòng chẵn trâu dê?

Bọn mục thụ Hữu hồ,
Sao gặp tai nạn ấy?
Khải tới đánh tận giường nằm,
Hữu hồ đã thoát trước mà trốn mạng nơi nao?

Đức tốt hời trề, Khải vẫn giữ trọn!
Đâu có cạp trâu lớn làm lẽ tẻ giờ?
Sao mà cầu được nhiều phúc lộc,
Không phải tẻ xong rồi trở về thôi?

Người có hành vi ám muội, man rợ,
Thân danh không thề bảo toàn!
Sao như giống chim cú đậu bụi gai,
Muốn gheo người phụ nữ công con?



Thành thang tuần hành miền đông,
Tìm tới nước Hữu Sần.
Sao muốn xin người tiểu thần,
Lại lấy được hiền phi?

*Trong lòng cây dâu bến sông,
Được dâu đưa bé sơ sinh.
Sao vua Hũu Sần ghét bỏ,
Bắt đi phục dịch cô dâu?*

*Thang bị đẩy đi Trưng tuyền,
Hỏi có tội lỗi gì?
Bản tâm không muốn đánh chúa Kiệt,
Ai đã bày mưu kế cho?*

*Trước Thang nhiệm dụng Y Chi,
Sau tiến làm phụ tá chúa Kiệt.
Sao cuối cùng lại về phò Thang,
Mà lẽ tể tông miếu nhà Thương truyền mãi
dòng sau?*

★
★★

*Cái thân chúa Trụ kia,
Ai làm cho giòng càn, mề hoặc?
Sao thù ghét người trung lương,
Tin dùng kẻ dèm nịnh?*

*Mầm mống xa xỉ mới chớm này,
Sao đã lường biết được ngay?*

*Đài ngọc mười tầng nguy nga, -
Ai suy luận tới việc làm cuối cùng đây?*

Tỳ Can trái ý gì vua,
Lại bị đim dập, tàn sát?
Lôi Khai chiều ý gì vua,
Lại được ban vàng, phong chức?

*Cùng bậc thánh nhân, đức hạnh thuần nhất,
Sao đến việc làm, mỗi người lại một chước?
Mai bá bị ướp thịt làm mắm,
Cơ tử phải giã diên giã đại.*

Một buổi sớm hội quân, các nước chư hầu
đưa nhau ăn thờ.
Sao ai hẹn ước mà tới nhất tề thế?
Chim ưng xanh tung bay hàng đàn,
Ai đã tập hợp cả trên mặt trận?

Trận hội chiến chùa Trục,
Chu công cho là chưa thuận lợi.
Sao khi mưu giúp Vũ vương,
Lo giữ vận mệnh nhà Chu với những lời
thận trọng?

*Nhà Ân được trao cả thiên hạ,
Trời thấy có đức gì mà cho ngôi ấy?
Trước trời tác thành, sau lại làm diệt vong,
Tất do tội ác chúa Trụ thế nào?*

*Các nước tranh cầm võ khí tác chiến,
Sao không ai thôi thúc mà tự làm?
Hai mặt tấn công hai sườn địch,
Sao không ai mệnh lệnh mà lại thừa hành?*

★
★★

*Hậu Tắc là con đầu lòng,
Sao thượng để lại riêng hậu tình?
Vút bỏ trên làn băng lạnh,
Sao có con chim tới ấp ủ?*

*Sao được ban đùng cung đồ tên đen?
Qui Lịch có tài năng đặc biệt.
Công lớn áp bên, đã làm vua kinh động,
Sao tước lộc hầu bá vẫn được lâu dài?*

*Bá Xương giữ hiệu lệnh thời nhà Ân suy vi,
Chỉ là một chức mục, chặn dặt nhân dân.*

Sao con cháu có thể triệt bỏ nền xã đất Kỳ
Hoàn toàn lấy được thiên hạ nhà Ân?

Cò công rời kho tàng tới đất Kỳ,
Sao được nhân dân nương tựa mà theo về?
Chúa Ân có người vợ làm mẹ hoặc,
Sao đề tiếng chê muôn thuở?

Trụ cho mâm thịt Mai bà,
Tây bá đem tế cáo thượng đế.
Sao bị thượng đế giáng phạt,
Mà vận mệnh nhà Ân không cứu vãn được?

Sư phụ Lã Vọng ở nơi quán thịt,
Vua Xương sao nhận biết?
Dao mổ khua tiếng keng keng,
Vua Xương sao vui mừng?

Vũ vương chặt treo đầu chúa Ân,
Sao có sự uất giận thế?
Thần chủ Văn vương chờ đi hội chiến,
Sao có sự cấp bách thế?

Treo cò chết tại đất Bá lam,
Duyên có bởi vì đâu?

Sao nổi oan cảm động cả trời đất,
Còn sợ gì mà không biện bạch?

Mệnh trời tập hợp vào người nào,
Sao người ấy phải luôn luôn răn sợ?
Đang ở ngôi vua được thiên hạ tôn sùng,
Bỗng trời lại khiến người khác đến thay thế!

★
★★

Cuộc tuần thú của Chiêu vương biến thành
cuộc đi du quan,
Bến nước miền nam là nơi dừng bước
cuối cùng.
Vương đã mưu đồ cái lợi gì?
Chỉ muốn đón chim bạch trĩ kia.

Mục vương khéo trò ham thích vui chơi,
Sao có cuộc du hành lạ lùng như thế?
Ngựa xe đông khắp thiên hạ,
Ý muốn mưu cầu sự gì?

Vợ chồng người yêu quí dắt nhau đi bán
hàng rong,
Sao cứ rao vác lên ở giữa chợ thế?

*Chu U vương muốn bắt tội ai?
Thế nào lại chuốc được nàng Bao Tự?*

*Mệnh trời vốn thường trao trả,
Khi sao trừng phạt? khi sao phù trì?
Tề Hoàn công làm lá chủ, chín lần hội chư
hầu,
Mà rốt cục chính mình lại bị tàn sát!*



*Bành Tò khéo nấu canh thịt chim trĩ,
Thượng đế sao hưởng lễ dâng ấy?
Ông được nhiều tuổi thọ như thế,
Đã bảo dưỡng bằng phương pháp nào?*

*Cùng là người chần dằn trên đất Trung quốc,
Sao vua các nước lại giận dữ, tranh giành
nhau?*

*Kìa ong kiến là loài vật nhỏ,
Sao sức chống cự của nó lại bền vững?*

*Hoàng sơ lời một phụ nữ, người hái rau vi
đánh lòng nhin đôi,
Sao được hươu trắng đến nuôi dưỡng?*

*Lần tới non Thú bên khúc sông phía bắc,
Vui thích gì mà trú ngụ ở nơi đó?*

*Vua anh có con chó dữ,
Người em sao lại muốn xin?
Nguyện đổi trăm cỗ xe cũng không được,
Rốt cục bị cướp hết tước lộc.*

*Nước Ngô được truyền danh đời sau,
Cũng do người tới hái thuốc núi Nam nhạc.
Ai hay lại vượt qua núi ấy.
Mà nước Ngô đón được hai chàng nam tử.*

*Hạp Lư là cháu Thọ Mộng,
Thuở nhỏ, từng gặp bước lưu vong.
Sao khi trưởng thành lại là người anh dũng;
Mà uy danh truyền đề đời đời?*

*Ngô Quang khi đã tranh được nước,
Từng một phen đánh phá nước ta.
Sao mà đào khắp làng xã, gò núi,
Đề kiếm cho được người như Từ Văn thời
trước.*

*Ta nói vua Đờ Ngao xưa,
Ở ngôi không được lâu dài!*

*Ta đâu muốn do sự hết lòng can vua,
Mà cái danh trung trực càng rạng tỏ?*

*Bóng chiều u ám, sấm chớp nổi cơn,
Đường về dù gian trở, cũng chẳng lo ngại gì?
Cỏ vua mà không được phụng sự,
Trời đã trách phạt gì ta?*

*Cái thân lần lút ở nơi hang hốc,
Không còn nói năng, can gián gì được nữa.
Quần Sờ thường dấy động mà cầu công,
Sức lực kia phỏng được bao lâu?
Nếu biết hối lỗi mà sửa đổi,
Ta còn nói sao?*

Dịch thơ

Hỏi:
Vũ trụ sơ khai,
Ai truyền gốc tích?
Trời đất chưa thành,
Xét đâu lai lịch?

Sáng tối hỗn độn
Ai suy cho rõ?
Máy tạo chuyện vãn,
Ai biết lúc đó?

Sáng tối, tối sáng,
Đắp dùi có sao?
Âm dương hợp hóa,
Nguồn gốc thế nào?



Trời tròn, chín tầng,
Ai xây dựng kiêu?
Tầng nào khởi đầu,
Thợ nào tay khéo?

Vòng trời buộc đâu?
Trục trời gác đâu?
Chống đầu tám cột núi?
Đòng nam sao biên sâu?

Biên giới chín tầng,
Rộng tới mô đó?
Góc nhiều cạnh lắm,
Ai rõ con số?

Đầu trời giáp đất?
Vòng chia thế nào?
Treo đầu vàng nhật nguyệt?
Bầy đầu các vì sao?

Hang Dương sớm học,
Bến Mông chiều xế.
Vàng nhật sớm chiều,
Đi bao dặm thế?

Vàng trắng chất gì,
Chết rồi lại sống?
Hồng được cái lợi chi,
Ấp thỏ nằm trong bụng?

Nữ Kỳ không chông,
Chín con sao có?
Thần Bá Cường trú đầu?
Mây diềm đầu rạng tỏ?

Đóng sao tối mịt?
Mở sao sáng choang?
Phương đông còn sao Giác,
Ăn đầu vàng thái dương?

Bình Ế gào thét,
Sao dồ mưa rào?
Phi Liêm mình hươu,
Sao nôi gió ào?

Ngao đội núi múa
Sao tiên được yên nơi?
Núi không thuyền chở,
Sao tiên lại bạt khơi?



Chín châu đặt đâu?
Sông ngòi sao thẳm đáy?
Sao nước biển đông,
Chứa mãi không đầy vậy?

Đông tây nam — bắc,
Chiều nào dài nhiều?
Nam bắc thon lại,
Số dài bao nhiêu?

Huyền phố núi Côn,
Đâu nơi bám rễ?

Tầng thành chín tầng,
Cao bao dặm thế?

Bốn bên cửa núi,
Ai người ra vào?
Cửa tây bắc thường mở,
Lưu thông luồng gió nào?

Bóng dương sao chẳng tới?
Đuốc rồng đâu sáng rọi?

Hy Hòa xe chứa dong,
Hoa nhược sao chiếu hồng?

Xứ nào đông ấm nóng?
Xứ nào hè rét trời?
Rừng nào mọc cây đá?
Thú nào nói tiếng người?

Núi nào có giống rồng,
Cống gấu mà dạo rong?

Rắn độc chín đầu,
Nơi nao lườn lủi?

Đâu có nước trường sinh,
Người dài sao giữ núi?

Bèo nào chín cánh,
Lại nở hoa gai?
Rắn nào nuốt voi,
To lớn lạ đời?

Hắc thủy đâu sông?
Chi, Ngụy đâu núi?
Miền ấy dân trường thọ,
Thọ đến đâu là cõi?

Cá lăng, chim kỳ.
Đâu hai giống lạ?
Nghệ bắn mặt trời sao?
Sao rụng cả lòng quạ?

★
★★

Phụ nữ lên làm vua,
Ai tôn ngôi ấy?
Nữ Oa có dị hình,
Ai cấu tạo vậy?

Vua Thuấn múa can,
Sao địch quốc hòa thân?
Sườn mập da mịn
Sao béo tốt nhân dân?

Không tài trị thủy,
Sao chúng cứ Cồn di?
Chúng rằng: «Chẳng ngại»,
Sao không khảo sát một khi?

Đề rùa đập cú,
Sao Cồn đập theo hình?
Chí rập nên công,
Vua bắt tội sao đành?

Sang tây lối cùng,
Vượt sao non mấy chặng?
Chết hóa gấu vàng,
Thầy mo sao làm sống dạng?

Đề dân trồng lúa,
Cồn ngăn đập bãi lầy.
Cũng đầy cỗi thắm,
Sao tội Cồn nặng thầy?

Ba năm tù núi Vũ
Sao không khỏi tử hình?
Bá Vũ là con Cồn
Sao khéo thay đổi công trình?

Kế tục sự nghiệp.
Hoàn thành công cha.
Sao cũng việc làm trước.
Mà phương kế khác xa?

Nước lụt đường vực thẳm,
Đất dầu lấp vào?
Chín châu chín cấp bạc,
Ruộng đất phân sao?

Đuôi rồng đầu khéo vạch?
Vũ qua bao biên, lạch?

Còn kinh doanh lối nào?
Vũ thành công cách gì?
Khang Hồi cơn tức giận,
Sao đất đông nam bị sụt đi?

★
★★

Vũ cố công gắng sức,
Chăm lo việc bốn phương.
Còn đâu gặp gái Đồ sơn
Mà kết hôn tại Thai tang?

Đôi lứa tìm người.
Nối đôi tình kẻ.
Sao vội thay khâu vị,
Chỉ cầu khoái một bữa thế?

Khái thay Ích làm vua,
Phút trừ kẻ thù địch
Sao Khải biết mưu toan,
Mà u tù thoát ách?

Vay cánh đều bị hại
Riêng Khải được ngoài trông.
Sao Ich đã thay ngôi,
Mà Vũ vẫn truyền dòng?

Khải mộng lên châu trời,
Được nhạc « cứu biện » « cứu ca ».
Sao sinh con phải mồ mẹ,
Đề chết phân thây tận cõi xa?

★
★★

Trời sinh Di Nghê,
Trừ hại cho dân.
Sao bắn đui mắt Hà bá.
Lại cùng Lạc thần ái ân.

Cung khảm kéo căng,
Bắn heo to nọ,
Sao thượng đế không hưởng,
Lẽ dăng món thịt đó?

Hàn Xác lấy Thuần Hồ,
Hiếu sắc mà manh tâm,
Sao Nghê tài bắn thế,
Giết hại khéo mưu ngầm?

Xiêm nghề lượn nếp.
Về sao xinh xinh?
Trộm đầu thuốc «bất tử»
Mà không phép tàng hình?

Luật trời tung hoành,
Dương là người thác,
Chim lớn kia kêu gì.
Nó có tiêu đầu thê xác?

★
★★

Tới phòng chị dâu,
Ngáo cầu gì đó?
Sao Thiếu Khang suyt chó,
Rừng sâu phút rơi sọ?

Nữ kỳ may xiêm,
Chung chạ, ăn ái.
Sao đã cắt làm đầu,
Mà Ngáo vẫn bị hại?

Thiếu Khang dấy nghiệp,
Tự sao dân chúng?
Chăm tâm úp thuyền rồi,
Cách nào mà thu dụng?

★
★★

Kiệt đánh Mông-sơn,
Được gì ở đấy?
Muội Hỷ dâm loạn sao?
Sao Thang đầy Kiệt vậy?

Đồ tể ngọc, ngà,
Cúng dâng Thượng đế,
Sao Kiệt nổi nghiệp xưa,
Trợn phải diệt vong thế?

Vua Thang tuần du,
Gặp được Y Chí,
Sao đất Diêu đầy vua,
Dân chúng lại hoan hỉ?

Giản Dịch trên đài,
Vua Cốc sao ưng?
Chim én đưa lễ,
Gái Nhung sao mừng?



Thuấn lo hiếu dưỡng,
Đơn bóng cớ sao?
Nghieu gả hai con gái,
Sao không báo họ Diêu?

Thuấn cảm hóa em,
Em vẫn ngấm hại.
Sao chó lợn bụng lòng,
Mà tính mạng không nguy bại?

Em dâu dâm ác,
Mưu hại anh hoài,

Sao con người quí quái.
Dòng giống lại truyền đời t

★
★★

Khải giữ gìn đức tốt
Vũ khen ngợi từ lâu.
Sao phải đánh Hữu hồ,
Phế theo dòng chẵn trâu?

Hữu hồ dòng kia,
Gặp nạn vì sao ?
Khải vào đánh tận giường,
Thoát mạng trốn nơi nao ?

Đức lành giữ trọn,
Tế dàu trâu to ?
Sao sau buổi tế trời,
Được nhiều phúc ban cho.

Hành vi man muội,
Thân danh dàu còn ?
Cú dàu đồ lùm gai,
Ai ghẹo người cống con ?

★
★★

Thang tuần miền đông,
Hữu Sần tới nước,
Sao cầu người tôi nhỏ,
Mà vợ hiền lại được?

Lòng cây bến sông,
Được đâu đứa bé?
Bắt di hầu cô dâu,
Vua Sần ghét chí thế?

Đầy di Trùng tuyền,
Thang có tội gì?
Bản tâm không đánh Kiệt
Ai đã bày mưu kia?

Xưa Thang được Chí,
Phò Kiệt từng tiến cử
Sao lại về Thang,
Truyền đời miếu thiên tử?

★
★★

Cái thân chúa Trụ kia,
Ai mê hoặc tâm tính?

Sao ghét trung lương,
Mà ưa gièm nịnh ?

Xa hoa mới chớm mầm,
Sao lường biết được ?
Dài ngọc mười tầng cao,
Ai kết luận trước ?

Tý Can trái ý gì,
Vua lại giết càn ?
Lôi Khai chiều ý gì,
Vua lại phong quan ?

Thánh nhân cùng một đức tốt,
Việc làm sao khác đường ?
Mai bá bị ướp mầm,
Cơ tử giả diên cường.

Hội minh một sớm,
Sao không hẹn mà nên ?
Đàn ung tung cánh,
Ai đồn ra trận tiền ?

Trận hội đánh chúa Trụ,
Chú công chứa quyết bài.

Sao mưu phò vua Vũ,
Lo yên vận nước những than lời?

Nhà Ân có thiên hạ.
Ngôi trời sao được trao?
Trao ngôi lại cất ngôi,
Trụ mặc tội ác sao?

Tranh nhau cầm võ khí,
Không thúc, sao quyết lòng?
Đột kích hai sườn địch,
Không lệnh, sao xung phong?

★
★★

Tắc vốn con đầu,
Trời sao hậu đãi?
Vút trên làn vắng lạnh,
Ấp ủ chim đầu lại?

Sao được mang cung tên?
Quý Lịch có dị tài.
Công lớn, vua kinh động,
Quyền vị sao lâu dài?

Văn vương cầm hiệu lệnh,
Chấn dân chi chức bá.
Sao sau được nước Ân,
Đất kỳ triệt nền xã ?

Cồ công rời đất Kỳ,
Sao dân theo về ?
Đất Kỳ mê hoặc chúa,
Sao đề tiếng chê ?

Trụ cho mắt thịt người,
Văn vương dâng cáo trạng.
Sao trời phạt nhà Ân,
Phút tiêu cả vận mạng ?

Lã vọng ngồi quán thịt,
Vua sao chú ý ?
Dao mổ khua đòn,
Vua sao hoan hỉ ?

Vũ vương treo đầu Trụ,
Giận gì nên nổi ?
Thần chú chở đi trận,
Hội quân sao vội ?

Treo cờ đất Bá lâm,
Bồi đầu duyên có ?
Nỗi oan thấu đất trời,
Sao còn e sợ ?

Mệnh trời đã dành cho,
Sao thường phải cảnh giác ?
Đang ở ngôi tôn sùng,
Trời bỗng thay người khác.

★
★★

Chiêu vương xa chơi,
Bến nam yên nghỉ.
Vương đã tham lợi gì,
Chỉ vì chim bạch trĩ ?

Muốn thỏa chí vui chơi,
Mục vương du hành sao ?
Ngựa xe khắp thiên hạ,
Mưu đồ sự gì nào ?

Người bán hàng yêu quái,
Rao gì trong chợ nọ ?
U vương bắt tội ai ?
Bao tự sao tiến vào đó ?

Mệnh trời tráo trở,
Sao phù, sao phạt?
Tề Hoàn làm bá chủ,
Rốt cục bị tàn sát!



Bánh Tò dâng canh trỉ,
Thượng đế sao hưởng?
Tuổi thọ nhiều như thế,
Cách nào bảo dưỡng?

Cùng giữ chức chăn dân,
Sao gây tranh cạnh?
Ong kiến loài vật nhỏ,
Sao có sức mạnh?

Rau vi nhện không ăn,
Sao hươu cho bú?
Non Thú lượn dòng sông,
Thích gì, cảnh đó?

Anh có con chó dữ,
Em sao muốn đòi?

Trăm cỗ xe, không cho,
Tước lộc mất truội!

Nước Ngô truyền danh,
Non Nam mở lối,
Ai hay cuộc xa chơi,
Đón được hai vua giỏi.

Hạp Lư cháu Thọ Mộng,
Hồi nhỏ lưu vong,
Trưởng thành sao anh dũng,
Truyền đề uy phong?

Ngô Quang tranh được nước,
Phá Sở khéo thừa cơ.
Sao đạo khắp làng xã, gò núi,
Tìm kiếm người như Tử Văn xưa?

Ta bảo Đồ Ngao,
Không được lâu dài!
Sao muốn mình can vua,
Trung trực tỏ danh hoài?

Chều hôm, trời sấm chớp,
Sá quân về xa?

Có vua không được phụng sự,
Trời phạt gì ta ?

Hạng hổ thân đầy dọa,
Nói năng gì nào ?
Quân Sở thường dấy động,
Hỏi sức được bao ?
Lỗi làm biết hối cái,
Ta còn nói sao ?

Chú thích

I. CÙU CA

Cửu ca vốn là tên bài ca nhạc rất xưa của Trung-quốc, theo lịch sử truyền thống thì có từ đời nhà Hạ. Người nước Sở thời Xuân thu Chiến quốc cũng dùng từ *Cửu ca* mà gọi những bài ca nhạc tế thần của mình. Tín ngưỡng của người nước Sở còn mang nhiều tính chất nguyên thủy cho nên các nhà nho Trung-quốc viết sách cho rằng người Sở thờ ma quỷ (Thượng quỷ) mà người Trung-quốc ở Trung-nguyên tuy cũng vẫn thờ quỷ thần nhưng giai cấp sĩ thì phần nhiều theo quan niệm của Khổng tử là đối với quỷ thần thì « kính nhi viễn chi ». Trong những buổi tế thần người nước Sở hay hát những bài hát tôn giáo có tính chất tương tự như những bài hát của thầy mo ở miền núi nước ta, thậm chí giống những bài hát châu bóng (châu văn) của người miền xuôi chúng ta. Các nhà nghiên cứu *Sở từ* đều cho rằng Khuất Nguyên cải biên những bài hát tế cũ, hoặc giả nhân tục nước Sở đó mà làm một số bài hát tế mới để mượn đó mà bộc bạch tâm

sự của mình. *Cửu ca* là cái tên vốn có từ trước chứ không phải là do con số chín bài, vì chương *Cửu ca* trong *Sổ từ* thực ra có đến 11 bài. Người ta cho rằng đây là một nhóm gồm nhiều bài hát, dùng chữ *cửu* mà chỉ số nhiều vì *cửu* tức chín là số cuối cùng. Thực ra đối với con số *chín* (*cửu*) đó ý kiến các nhà chú giải không nhất trí, đây xin không dẫn sợ rườm rà, tựu trung có ý kiến của Vương Phu-chi đời Thanh cho rằng *Cửu ca* vốn gồm 10 bài, còn bài thứ mười một « Lễ hồn » không phải là một bài tế thần riêng mà là bài tổng thần, sau mỗi bài tế thần riêng ở trên, khi tế xong đều hát bài « Lễ hồn » cả.

Mười bài tế thần riêng là :

— *Đông hoàng Thái nhất* tế thần lớn nhất trên trời, tức là Thượng đế, nhưng gọi là Đông hoàng vì lấy ý trời mới sáng là do phương Đông nên làm đền thờ thần ở phía Đông nước Sở.

— *Đông quân* tế thần mặt trời.

— *Vân trung quân* tế thần mây.

— *Tương quân* tế thần sông Tương là sông lớn nhất của nước Sở. Các nhà nghiên cứu đồng nhất hóa thần này với vua Thuấn là vị vua thánh theo truyền thuyết.

— *Tương phu nhân* tế nữ thần sông Tương, các nhà nghiên cứu đồng nhất hóa thần này với vợ vua Thuấn (Nga hoàng và Nữ anh nghe tin vua Thuấn chết ở Thương ngộ — truyền thuyết — thì tự trầm ở sông Tương mà thành thần).

— *Đại tư mệnh* tế thần bản mệnh của người ta, tức thần năm số mệnh thọ yếu của người.

Thiếu tư mệnh tế thần bản mệnh của trẻ con.

— *Sơn quỷ* tế nữ thần núi *Vu sơn*.

— *Quốc thương* rể các tướng sĩ chết vì nước.

Theo thứ tự các bài trong các bản *Sở từ* từ trước thì bài « Đông quân » ở sau bài « Thiếu tư mệnh ». Nhưng nhà học giả Văn Nhứt-đa gần đây căn cứ vào *Sử ký* và *Hán thư* mà cho rằng « Đông quân » vốn xếp ở trên « Vân trung quán ». Chúng tôi tán thành ý kiến xác đáng ấy mà xếp « Đông quân » ngay ở sau « Đông hoàng Thái nhất ».

1. *Ngài*: Chữ Hán là « thượng hoàng », tức Thượng đế.

Chúng tôi dùng từ *Ngài* viết hoa để chỉ vị thần Đông hoàng Thái nhất là Thượng đế hay Trời.

3.4. *Tả trang phục của người đứng chủ tế*: mang gươm và đeo ngọc, tức trang phục của người quý tộc xưa.

5. *Chiếu dao*: Chiếu dẹt bằng gỗ dao là một thứ có tính chất thiêng liêng.

Trấn ngọc: Đồ bằng ngọc dùng để đặt trên chiếu mà để chiếu cho khỏi bay lên hay co lại.

7. *Đồ nấu*: Đồ ăn (hào vị) thì bọc lá huệ mà nấu.

Mâm xôi: Chữ Hán là « lan tạ », nghĩa là tấm lót bằng lan. Quách Mạt-nhược dịch là « phạn dã hương » nghĩa là cơm cũng thơm. Chúng tôi dịch là « lan lót mâm xôi », vì tế thần có đồ ăn thì có thể có xôi hay cơm. Câu chữ Hán này dịch thành hai câu.

12. *Linh*: Trong *Cửu ca* chữ *linh* thường dùng để chỉ vũ nữ, tức cô đồng, nhưng cũng có lúc chỉ thần, phải tùy văn nghĩa mà phân biệt. Ở câu này *linh* chỉ cô đồng, nên dịch là bóng theo từ người ta thường dùng trong khi lên đồng, tương đương với *linh*.

Múa đẻo : Giống lối múa lên đồng của ta.

15. *Năm cung bậc* : Tức ngũ âm, chỉ âm nhạc.

16. *Ngải* : Chữ Hán là « quân », chỉ vị thần.

17. *Lơn* : Bao lơn, lan can.

Phủ tang : Cây thần ở chỗ mặt trời mọc — Câu này chỉ nơi thần ở.

18. *Thắt ngựa* : Buộc ngựa vào xe. Ngựa đây là rồng.

20. *Sấm vang* : Chỉ tiếng xe chạy.

22, 23. Tà tình linh mặt trời chấp chôn khi mới mọc —
Khuất Nguyên mượn đề tá tâm sự của mình.

24. Chỉ cảnh tượng hát múa đề tế thần.

25. *Lay giá* : Lung lay cái giá treo chuông cho chuông kêu.

30. *Thúy bay* : Cô đồng phất tay áo màn sắc nhìn giống như chim thúy (chim chă) bay.

34. *Xiêm rắng bạc* : Dịch chữ « bạch nghê thường ».

35. *Thiên lang* : Chòm sao theo quan niệm thiên văn xưa là ác tinh chủ xâm lược. Vị trí của sao Thiên lang chính hợp với vị trí của nước Tần mà sao Hồ thị (cung tên) ở phía Đông-Nam sao Thiên lang lại chính hợp với vị trí của nước Sở.

36. Câu này chỉ mặt trời lặn.

37. Sao Bắc đẩu lại mọc. Sao này hình như cái đấu mức rượu, ở phương Bắc, nên gọi tên thế.

39. Qua một đêm lại trở lại phương Đông đề sáng lại mọc.

40, 41. Chỉ cô đồng sửa soạn đề tế thần.

47. Thần mây bay khắp nơi.

50. *Kỷ châu* : Châu đứng đầu trong chín châu của Trung-quốc xưa ở về phía Bắc sông Hoàng-hà, tiêu biểu cho cả Trung-quốc.
53. Hai câu này cũng nói lên tâm sự tưởng nhớ vua của Khuất Nguyên.
54. Lời cô đồng hát mượn lời Tương phu nhân mà nói Tương quân.
56. Tương phu nhân tự nói.
62. Tương phu nhân tưởng tượng Tương quân xuất phát từ Cửu-ngihi (nơi chốn vua Thuấn, theo truyền thuyết) ngược sông Tương mà lên Bắc. (Xem chú 124).
64. *Bệ lệ* : Một giống cây thơm ở miền Nam. Hiện nay cũng có cây bệ lệ, cũng có tên là mộc liên, nhưng không phải cây bệ lệ đời xưa nói ở đây. *Lạ* là chỉ các cờ xi. *Trừu* là chỉ vật cuốn quanh cán cờ.
66. *Sầm dương* : Địa điểm ở phía bắc sông Sầm là sông của tỉnh Hồ-nam Trung-quốc.
67. *Đại giang* : Sông Dương-từ.
Bay linh : Thần bay qua. Chữ Hán là « dương linh » - Mã Mạo-nguyên (*Sở từ tuyền*) nói chữ *linh* vốn là thuyền viết lộn. Không ổn, vì « dương linh » ở bài *Lý tao* câu 68, 69 cũng có, cũng dùng theo nghĩa ở đây.
73. *Chèo quế* : Chèo bằng gỗ quế.
Lái lan : Lái bằng gỗ mộc lan.
 Chèo và lái chèo nước trong trắng như băng tuyết.
74. 76. Chỉ tình hình trái ngược, tức mong mà không gặp. Nghĩa như câu « Chạch đẻ ngọu đạ, sáo đẻ dưới nước » của ta.

- 74, 78. Khuất Nguyên gởi gắm tâm sự.
- 80, 82. Gởi gắm tâm sự.
- 83, 85. Hai câu này nói tới đến chỗ *bãi xanh* nghỉ lại mà chẳng gặp Tương quân, chỉ thấy trên nóc nhà có con chim đậu và quanh nhà là nước bao bọc — Bãi xanh đây tức là bãi ở phía Bắc (Bắc là chỗ Tương quân hẹn đến).
- 86, 87. Thất vọng nên ném vòng ngọc và chuỗi hoa xuống sông.
88. *Đổ nhũ*: Một giống cây lá có vị cay và thơm, tên khoa học là *Polliajaponica*.
89. *Gái côi người*: Chữ Hán là « hạ nữ ». Vương Dật đời Hậu Hán chú rằng hạ nữ là chi kẻ thần hạ. Mã Mạo-nguyên (*Sở từ tuyền*) thì chú hạ nữ là thị nữ, con gái theo hầu. Quách Mạt-nhược thì định là con gái nghèo khổ. Chúng tôi thấy ba cách hiểu ấy đều không ổn. Bài *Ly tao*, câu thứ 218 (bản dịch) cũng có chữ *hạ nữ*. Vương Dật thì chú rằng dùng để tỷ dụ người hiền ở dưới vua, cũng nghĩa như ở *Cửu ca*: Mã Mạo-nguyên thì chú là con gái ở hạ giới, chi Phục phi ở câu dưới. Quách Mạt-nhược thì dịch là « phụ nữ đáng yêu » (khả ái đích hương khuê). Chúng tôi thấy giải nghĩa thống nhất như Vương Dật là đúng, song chi nói chung đề thí dụ kẻ bề tôi mà không chú thích nghĩa thực. Dịch là con gái hạ giới, con gái côi người (trái với con gái thần tiên) như Mã Mạo-nguyên giải ở bài *Ly tao* là ổn hơn cả. Ở đây ý nói Tương phu nhân thất vọng vì chồng không trở về mà ném quăng cả đồ trang sức mà hái cây đổ nhũ

phân phát cho người trần gian. Khuất nguyên ngũ ý là mình chán nản không được gặp lại vua chỉ đem lòng thương yêu nhân dân để cho Khuất khỏa.

92. *Đế tử*: Chi Tương phu nhân (Nga hoàng và Nữ anh, hai vợ của Đế Thuấn, là con gái của Đế Nghiêu.

Bãi Bắc: Xem chú 62, 83.

95. *Động đình*: Hồ lớn thuộc tỉnh Hồ-nam, thông với sông Dương-tử. Sông Nguyên-tương chảy vào đấy.

97. *Bạch phiến*: Địa điểm ở hồ Động-đình, không rõ đích xác ở đâu.

98. *Cây tần*: Một giống cây mọc trong nước.

99. Tình hình trái ngược, như hai câu 75, 76. Chữ Hán chỉ có chữ *điền* là chìm. Quách Mạt-nhuộc cho rằng dịch phải nói rõ là *chìm núi* (sơn điền) mới rõ nghĩa vì nếu nói chìm không thì có thể là chìm nước mà đậu giữa cây tần thì chẳng lạ gì.

100. *Chi*: Tức cây bạch chi, một giống hương thảo.

Nguyên: Cũng gọi là Chi giang (có lẽ vì câu thơ của Khuất Nguyên) phát nguyên ở tỉnh Quý-châu, qua tỉnh Hồ-nam mà vào hồ Động-đình, người xưa cho là hợp với sông Tương mà vào hồ nên gọi là Nguyên-tương.

Lễ: Cũng gọi là Lan giang (cũng vì câu thơ của Khuất Nguyên), cũng chảy qua tỉnh Hồ-nam mà vào hồ Động-đình.

101. *Cống tử*: Cũng như đế tử ở trên, chi Tương phu nhân.

- 104, 105. Hai câu này cũng nói tình hình trái ngược như 98, 99.

108. *Giải nhân* : Chi Tương phu nhân.
112. Chữ Hán là « tôn bích » và « túc đàn » nghĩa là vách kết bằng cây tôn là một giống hương thảo và mặt sân tô bằng vôi sắc đỏ gọi là tứ bối.
113. Khắp nhà trên (đường), nhà chính thì rải lá tiêu. Đây là cây tiêu của Trung-quốc xưa, giống cây thụ du, có gai, chứ không phải cây hồ tiêu. Không nên liên hệ với Tiêu phòng. (Xem chú IV-27).
116. Mi cửa bằng gỗ tân di là một giống hương mộc, phương Bắc cũng gọi là mộc bút, phương Nam gọi là Vọng xuân. (Xem chú V-431).
Bạch chỉ : Xem chú 100.
117. *Bệ lệ* : Xem chú 64.
119. *Trấn đề* : Làm trấn đề đề chiếu. (Xem chú 5).
120. *Thạch lan* : Chữ Hán « So thạch lan hề vi phương » nghĩa là rải rắc hoa thạch lan là một giống hương thảo, cũng gọi là lan núi. Sau câu ấy còn có câu chữ Hán là « Chi tiếp hề hà ốc » nghĩa là lấy bạch chỉ lợp nóc nhà lá sen. Quách Mạt-nhược cho rằng ở trên đã có « hà ốc » là nóc lợp lá sen, ở đây lại lợp nóc lá sen bằng bạch chỉ, không có lý, nên ông cho rằng chữ « *tiếp* » chính là chữ « *nhung* » chỉ cái nệm, còn « *ốc* » chính là viết lộn, nghĩa là cái màn. Đối với ý kiến của Quách Mạt-nhược chúng tôi còn hoài nghi, nhưng không biết giải quyết thế nào. Chúng tôi thấy bỏ câu ấy đi không dịch cũng không hại.
121. *Đỗ hành* : Tức là cây mã đề hương, tục ta gọi là cây rau má đề.

122. *Đầy ò* : Chữ Hán là « thực đình » nghĩa là đầy sán. Đây chúng tôi bắt chước *Hoa liên kỹ* mà dịch « hoa đầy ò ».
123. *Lạng quanh* : Hành lang chạy quanh.
124. *Cửu nghi* : Tức thần núi Cửu-nghi là núi thuộc tỉnh Hồ-nam, cũng gọi là núi Thương-ngô, tương truyền là chỗ chôn vua Thuấn. Tương phu nhân đi tìm Tương quân (vua Thuấn) nên được các thần ở Cửu-nghi đón rước.
- 127, 128. Tương phu nhân gặp chồng mừng mà cười áo quăng cả.
129. *Người xa xôi* : Chỉ Tương quân mấy lần ở xa.
136. *Ngài* : Chỉ thần Đại tư mệnh.
137. *Không tang* : Tên núi trong thần thoại. Câu này ý nói thần đi đâu mình đi theo đó.
138. Chỉ tất cả loài người.
139. *Ta cầm* : Chỉ Đại tư mệnh cầm số mệnh thọ yếu của mọi người ở trong tay.
141. *Trị âm dương* : Cầm nắm việc sống chết của người ta.
144. *Áo máy* : Chữ Hán chép « linh y », có nhà cho rằng chữ *ván* bị lộn thành *linh*. Đây chúng tôi dịch theo *ván y*.
146. Chỉ sự sống sự chết.
151. Xin hầu hạ ngài lâu dài, tức xin được sống lâu.
152. Từ câu này trở đi, tuy nói thần nhưng kỳ thực Khuất Nguyên nói tâm sự của mình.

160. *Thu lan* : Một giống lan nở hoa về mùa thu.
My vu : Một giống hương thảo, cũng gọi là giang ly hay sơn khương.
162. *Cảnh lý* : Cảnh my vu có vẽ trong trăng.
169. Cò đồng tự nói.
179. *Ao ngọc* : Chữ Hán là Hàm-trì. Chỉ cái ao mặt trời tắm, chỗ mặt trời lặn. Liên hệ với Dao-trì, chúng tôi dịch là ao ngọc.
183. Long lông công, cò lông chim.
185. Tượng trưng sự chủ trì sinh mệnh của trẻ con.
186. *Mệnh trẻ con* : Chữ Hán là vi dân chính, nghĩa là người chủ trì việc dân. Đây chúng tôi theo ý nghĩa đặc biệt là chủ trì số mệnh của trẻ con mà dịch.
187. *Chín sông* : Chỉ tất cả các sông trong thiên hạ, cũng như chín châu là chỉ cả thiên hạ.
189. *Côn-lôn* : Dãy núi cao lớn nhất ở phía Tây Trung-quốc.
194. Núi Hà bá đi dạo chơi các sông mà chợt nhớ nhà. Khuất Nguyên tự ngụ.
196. 197. Tả nhà ở, cung điện của Hà bá.
Bối hoa : Từ bối, thứ sò nung thành vôi sắc đỏ sẫm.
199. *Ngao* : Rùa lớn ở biển.
Cá hoa : Chữ Hán là « văn ngư ». Vương Dật chú là cá chép, nhưng nhiều nhà khác cho là không phải. Chưa rõ đích xác là cá gì, chúng tôi dịch là *cá hoa*.
205. Chi thần núi.
206. *Bệ lệ* : Xem chú 64.

- Nữ la** : Một giống cây ký sinh, bám ở cành cây lớn mà tua tủa như tơ. Cũng gọi là thanh la.
208. Theo lời vấn thì thấy đây là nữ thần.
210. **Tân di** : Xem chú V-429.
211. **Thạch lan, Đổ hành** : Xem chú 120, 121.
219. **Linh** : Dịch là Ngải, Vương Dật cho là chỉ Hoài vương đã chết ở Tần.
223. **Dây** : Đây là các dây leo trong rừng.
223. **Cổng tử** : Chỉ người yêu của thần núi, cũng chỉ Hoài vương. (Xem chú 219). Từ câu này trở xuống Khuất Nguyên ngụ ý nói tâm sự của mình.
225. **Đỗ nhũ** : Xem chú 88.
232. **Qua Ngô** : Qua cửa nước Ngô. Qua đồng là vũ khí đặc biệt của miền Ngô Việt xưa — **Giáp tể** : Áo giáp làm bằng da tê ngu (ngựa).
233. Nhiều xe ra trận nên xe vương bánh nhau.
234. **Địch như mây** : Quân địch đông nhiều đen nghịt như đám mây.
235. **Quân giành trước** : Tương si tranh nhau lên trước.
238. Xe lút bánh không đi được nhường như ngựa bị trời.
242. Ra trận thì chỉ có chết mà không về.
250. **Lễ xong** : Vương Phu-chi đời Thanh cho rằng bài này là bài hát tổng thần kèm vào sau mỗi bài trống mười bài trên.
251. **Giơ hoa** : Chữ Hán là « truyền ba » tức là cô đồng cầm hoa giơ lên đề ra hiệu mà đánh trống và múa nháy.
253. **Đồng nữ** : Cô đồng.
254. **Muốn đời** : Sự thờ phụng tế lễ không bao giờ dứt.

II. BỐC CƯ

Bài *Bốc cư* và bài *Ngư phủ*, từ thời Hán đến thời Thanh, các nhà nghiên cứu *Sở từ* vẫn cho là tác phẩm của Khuất Nguyên. Song một số nhà nghiên cứu gần đây, đặc biệt là Quách Mạt-nhược lại lấy cớ rằng hai bài ấy nêu Khuất Nguyên làm ngôi thứ ba mà nói thì không có thể là của Khuất Nguyên mà là của người sống đồng thời với Khuất Nguyên, biết rõ văn chương và tâm sự của Khuất Nguyên nên viết giống hệt như văn chương của Khuất Nguyên, khiến người ta dễ lầm. Lý do nêu lên yếu ớt quá. Trong văn học không ít trường hợp tác giả đặt mình vào ngôi thứ ba mà tự thuật một cách có vẻ khách quan. Ví như câu đầu bài «Tặng Vương Luân» của Lý Bạch chẳng hạn (Lý Bạch thừa châu tương dục hành). Đó là một thủ thuật của văn học không hiểm lắm đâu. Do lý do ấy chúng tôi vẫn cứ xem hai bài này là chính tác phẩm của Khuất Nguyên.

Bốc cư là bói chỗ ở với ý nghĩa là bói đề biết nên ở vào chỗ nào, tức nên xử sự thế nào.

7. *Chiếm Đoãn* : Tên viên thái bốc của nước Sở bấy giờ.

Thái bốc là quan coi việc bói toán của Nhà nước.

10. *Thẻ* : Tức là nhánh có thi dùng làm thẻ mà bói.

Võ rùa : Gõp rùa của thầy bói dùng để gico quẻ.

14. *Cho đến cùng* : Chữ Hán là «tư vô cùng», nghĩa là luôn luôn cho đến chết mới thôi.

15. *Lực canh* : Ra sức mình mà cày ruộng.

17. *Theo tục* : Theo thói mọi người thường làm, theo đuổi giàu sang.
19. *Cất mình cao thượng* : Cất mình đứng ở chỗ cao thượng.
Giữ lễ phải : Chữ Hán là « bảo chân », tức là bảo vệ cái thật, chân lý.
20. *Sử ký* chép rằng Khuất Nguyên bị bọn sàm nịnh câu kết với vợ Hoài vương là Nam hậu ăn của đút của Trương Nghi mà làm hại.
21. *Giữ trong* : Giữ niềm trong trắng.
22. *Mềm dẻo như da, trơn tru như mỡ*.
23. *Ngựa nghìn dặm* : Ngựa tốt ngày chạy nghìn dặm, chữ Hán là « thiên lý mã ».
24. *Chầu sống tạm* : Chữ Hán nghĩa là tạm giữ trọn thân ta.
25. *Kỳ kỳ* : Giống ngựa tốt.
27. *Hồng học* : Chim hồng chim học là loài chim như ngỗng trời, bay rất giỏi. Chữ Hán là « hoàng học » tức chim học vàng.
28. *Tranh mảnh* : Tức là tranh miếng, tranh ăn.
 31. *Ngầu đục* : Chữ Hán là « hỗn trọc », tức là đục lộn ngầu lên.
 32. *Nghìn cân* : Chữ Hán là « thiên quân » mà mỗi quân là 30 cân, song chúng tôi dịch là « nghìn cân » cho dễ hiểu.
- 34, 35. Ta có câu tục ngữ : « Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chính ném ngoài bờ tre ».

39. *Liêm trung* : Liêm là trong sạch, trung là trung thành.
- 40, 41. Ví dụ con ngựa hay chạy ngày muôn dặm, nhưng có chỗ thua con mèo vì không bắt chuột được, con mèo là vật nhỏ mọn nhưng có chỗ hơn con ngựa kị là nó bắt chuột giỏi.

III. NGỮ PHÚ

2. *Giang đàm* : Vực sông. Đàm là chỗ nước sâu, ta thường dịch là *đầm*. Giang đàm là chỉ chỗ sông sâu và rộng. *Sử ký* (Khuất Nguyên liệt truyện) chép là « giang tân ». Sông đây có người bâng vào câu hát của ông chài mà nhận là sông Thương-lang, khoảng hạ lưu của sông Hán ở tỉnh Hồ-bắc. Lại có người cho là sông Nguyên, lấy cớ rằng Khuất Nguyên bị đày, cuối cùng tự trầm ở sông Mịch-la thuộc sông Tương, trước đó có qua sông Nguyên (xem bài « Thiệp Giang »). Cả hai thuyết đều sai. Trước hết không phải Khuất Nguyên gặp ông chài trên sông Thương-lang mới được nghe câu hát nước Thương-lang mà xưa kia Khổng tử đã từng nghe trẻ con hát câu ấy (xem *Mạnh tử* thiên Ly lâu thượng). Còn như nói trước khi tự trầm ở sông Tương, Khuất Nguyên có ở sông Nguyên thì có thể đúng, nhưng bắt tất phải gặp ông chài ở sông Nguyên. Câu hát nước Thương-lang có lẽ là một câu hát phổ biến ở nước Sở (Hồ-bắc Hồ-nam)

từ xưa, Khuất Nguyên có thể nghe nó ở bất cứ sông nào trong miền ấy, cho nên chúng tôi tưởng Giang đàn đây là nói chung chứ không cần chỉ sông nào.

7. *Tam lư đại phu* : Chức quan cuối cùng Khuất Nguyên đảm nhiệm. Theo thuyết cũ thì đó là chức quan chương quản các quan thuộc ba họ vương tộc của nước Sở là Khuất, Cảnh và Chiêu.
- 10, 11. Hai câu này cũng như hai câu 16, 18 ở dưới dịch đảo trật tự của nguyên văn, song xét không hại gì đến ý thơ.
12. *Khấp đời đều dục* : Chữ Hán là « Cù thế... ». Trước chúng tôi định dịch là « Cả đời » nhưng có ông bạn cho rằng như thế sợ lộn với nghĩa suốt một đời, chúng tôi bèn đổi dịch làm « Khấp đời », với ý nghĩa là khắp cả mọi người trong đời, phản ánh được đúng chữ *cử* là hết thảy, khắp cả.
17. *Sục ngẫu lên* : Chữ Hán là « quật kỳ nê nhị dương kỳ ba » nghĩa là sục bùn mà dâng sóng lên, chúng tôi dịch tắt là « sục ngẫu lên » tưởng cũng đủ nghĩa.
19. *Uống tràn* : Chữ Hán là « bỏ kỳ tao nhi xuyết kỳ ly » nghĩa là ~~ả~~ cả hèm và uống cả rượu, chúng tôi dịch ý là « uống tràn ».
24. Mới gội thì đầu sạch, phải phui khăn cho hết bụi mà đội thì đầu mới còn sạch được.
25. Mới tắm thì mình sạch, phải giữ áo cho hết bụi mà mặc thì mình mới còn sạch được.
- 35, 38. Câu hát này đã có chép trong sách *Mạnh tử*.

IV. LY TAO

Tư-mã Thiên dẫn lời của Hoài-nam vương Lưu An nói rằng «Ly tao» cũng như «ly ưu». Vương Dật giải thích *ly* là ly biệt, *tao* là sâu. Như vậy có thể nói «Ly tao» nghĩa là mối sâu ly biệt, mà ly biệt đây là do bị ruồng bỏ, tức bị đẩy xuống miền Nam.

1. *Cao Dương* : Tức là vua Chuyên Húc trong Ngũ đế của lịch sử truyền thống của Trung-quốc.
2. Chữ Hán là «Nhiếp đề trình ư Mạnh trâu hề». Nhiếp đề tức là năm Dần, Mạnh trâu tức là mệnh xuân tháng giêng, theo lịch nhà Hạ là tháng dần, chúng tôi dịch là «Năm dần tháng dần».
5. *Thời lành* : Chỉ ngày tháng năm sinh đều là tốt cả, vì theo tín ngưỡng xưa thì dần là tương đương với lúc người sinh trong trời đất (Trời mở ở Tý, Đất mở ở Sửu, Người sinh ở Dần).
6. Chữ Hán là «gia danh» nghĩa là tên tốt có thể đem đến cho điều may mắn.
7. *Chính tắc* : Khuất Nguyên tên là Bình, tự là Nguyên. Đất cao mà bằng (bình) là *nguyên*. *Chính tắc* nghĩa là công chính mà có phép tắc. Vương Dật cho rằng tên nêu rõ ý nghĩa của chữ *Bình*.
8. *Linh quân* : Vương Dật cho rằng Linh quân là nêu rõ ý nghĩa của chữ *Nguyên* là cao thiêng và đều đặn. Hai tên chính và tên tự ấy có quan hệ với lúc đẻ là được thời của đạo người, là ngày, tháng, năm đều *dần*.

11. *Giang ly* : Một giống hương thảo mọc ở trong sông, cũng gọi là my vu.
Bạch chỉ : Xem chú 1-100.
12. *Thu lan* : Xem chú 1-160.
15. *Mộc lan* : Một giống cây hương cũng gọi là mộc liên, đỗ lan, như cây ngọc lan, nên cũng gọi là tử ngọc lan.
Núi Tỷ : Núi ở phía Nam nước Sở.
16. *Túc mụ* : Túc là cây tử tô hay tia tô. Hai câu này có hàm nghĩa rằng mộc lan róc vỏ cũng không héo mà túc mụ thì mùa đông không khô, cho nên dùng đỗ tỷ dụ tính độc lập kiên cường. Sớm và chiều là tỷ dụ mùa xuân và mùa đông.
21. Câu này có ý nghĩa là sao không cải cách cho đẹp lòng người.
23. *Cỡi kỳ kỳ* : Chỉ dùng người tài năng.
25. *Ba vua* : Chỉ ba vua đầu khai thác nước Sở, là Hùng Dịch, Nhục Ngao. Phần Mạo.
Thuần túy : Nghĩa là công chính không riêng tây.
27. *Thán tiên* : Một giống hương mộc, gỗ cùng quả đều thơm, cũng gọi là hoa tiên, khác với hồ tiêu.
Nhục quế : Túc là cây quế. Nguyên chữ Hán là khuân quế.
28. *Bạch chỉ* : Một giống hương thảo. (Xem chú 1-100).
33. *Hòa tạm vui* : Hòa nhau mà tạm vui, chưa chắc được lâu dài.
36. *Sợ nước Sở sụp đổ*.

38. Vua trước có lẽ chỉ Sở Diệt vương, ông vua trước kia đã có hoài bão thống nhất Trung-quốc, nên trọng dụng Ngô Khởi trong mấy năm. Nhưng Ngô Khởi bị phái phản động ám sát, bọn phản động ấy hơn bảy chục nhà đều bị trị tội và tiêu diệt. Xem thêm chú V-581.
40. *Mà giận wang* : Mà nổi giận, tức nổi giận.
41. *Khẩn khẩn* : Khẩn vó một lòng.
43. *Vạch chín từng* : Vạch trời.
44. *Vì bề trên* : Vì vua.
47. *Xa lìa* : Xa lìa nhà vua.
49. Theo phép đo lường xưa, 6 thước là một bộ (bước), 100 bộ là 1 mẫu, 30 mẫu là một uyển. Nguyên chữ Hán là cứu uyển và bách mẫu, song những chữ cứu và bách chỉ là số nhiều, không phải con số chính xác, mà uyển và mẫu cũng không phải là diện tích cố định, cho nên « bách mẫu », chúng tôi dịch là « trăm via » cho hiệp vần.
53. *Lưu di, Yết xa* : Đều là hương thảo ở đất Sở, không rõ cụ thể là thể nào ?
54. *Đỗ hạnh* : Xem chú I-121.
Phương chi : Cây chi thơm. (Xem chú 1-100).
58. Thương người hiền tài bị bọn tiểu nhân che lấp.
62. Sinh lòng : Mưu mẹo.
72. *Bệ lễ* : Xem chú I-64.
74. *Nhục quế* : Xem chú 27.
78. *Nội phép dư* (phép tắc để lại cho đời sau) của Bành Hàm.
Bành Hàm : Theo Vương Dật thì Bành Hàm là hiền

thần nhà Ân, can vua Trụ không nghe, nháy xuống sông tự tử. Ngoài tác phẩm của Khuất Nguyên, sách xưa không hề chép tên Bành Hàm.

81. Ham đẹp : Tức là hiếu tu, *tu* là tốt đẹp.
Tự giữ : Giữ mình không theo thói xấu của đời.
89. *Lũ tỳ thiếp* : Chỉ bọn nịnh thần.
Mày ngài : Gái đẹp, chỉ người hiền đức.
92. Bỏ qui cũ cũ mà thay đổi bữa bãi.
102. Ý nói mình trung thực không thể cùng ở một chỗ với bọn gian nịnh được.
104. Cho nên đánh xấu hổ mà chịu đuổi chứ không thể ở chung.
109. Đau xót là mình hết lòng giúp vua mà không được vua soi xét.
109. Ý muốn về nhà làm người ăn dật.
- 111, 112. Hai câu nói cuộc sống ăn dật.
114. Về nhà lại mặc y phục xưa của thời chưa ra làm quan.
- 119, 120. Mũ cao và chuỗi ngọc là đồ thường dùng của người quý tộc xưa ở Trung-quốc, đặc biệt ở nước Sở.
131. *Bạn gái* : Chữ Hán là « nữ tu », từ trước người ta cho là tên người, hoặc cho là chị, hoặc cho là em gái của Khuất Nguyên, đều là không có xác chứng. Quách-Mạt-nhược dịch là « nữ bạn », người đàn bà đỡ dẫn như người bạn, có lẽ đúng hơn. Chúng tôi dịch là « bạn gái ».
133. *Cờn* : Thân phụ của vua Vũ nhà Hạ, trị thủy không xong, bị vua Thuấn giết ở núi Vũ.

137. Tư, lục, thì đều là những giống cây xấu tượng trưng
bọn tiểu nhân, nhưng đều là những giống cây nước ta
không có.
140. Đến đây là hết lời trách mắng của người bạn gái.
146. *Vua Thuấn*: Vua Thuấn là vua thánh đời xưa theo
lịch sử truyền thống của Trung-quốc.
147. *Khải*: Con vua Vũ nhà Hạ là người mở đầu xây dựng
chế độ quân chủ thế tập theo lịch sử truyền thống của
Trung-quốc.
Cửu biến và *Cửu ca* đều là những bản nhạc của trời
bị Khải trộm được đem xuống nhân gian, theo truyền
thuyết.
150. *Ngũ tử*: Các nhà chú giải trước cho « Ngũ tử » là năm
con của Khải. Quách Mạt-nhược đã chứng minh rằng
Ngũ tử tức là Vũ Quan (Ngũ với Vũ đọc theo âm Trung-
quốc là đồng âm) là con của Khải, chỉ có một người
chứ không phải năm. Điều lầm lẫn này thực ra đã
có từ *Sở ký* trở xuống, họ Quách nay mới đính
chính được.
151. *Hậu Nghệ*: Quán trưởng của bộ lạc Hữu Cùng thời
nhà Hạ, đời Thái Khang là con Khải, nhân loạn cướp
lấy chính quyền của nhà Hạ.
152. *Chồn bự*: Chồn Hán là phong hồ, tức loài chồn lớn
(bự nghĩa là lớn).
154. *Hàn Xác*: Đại thần thân tín của Hậu Nghệ.
Theo *Tả truyện* chép thì sau khi cướp chính quyền

của nhà Hạ, Hậu Nghệ hoang dã vô độ, Hàn Xác khiến gia thần của mình bắn giết Nghệ rồi cướp lấy vợ của Nghệ.

155. *Ngáo* : Tức là Quá Ngáo, con của Hàn Xác, giết vua nhà Hạ là Tương, sau lại bị con của Tương là Thiếu Khang giết.
159. *Kiệt* : Vua cuối cùng của nhà Hạ, tàn bạo quá, bị nhân dân bỏ, Thành Thang đánh giết mà dựng nhà Thương.
161. *Trụ* : Vua cuối cùng của nhà Thương-Ân. Trụ dâm dật, tàn bạo, bề tôi là Tỳ Can can, Trụ không nghe, mỗ bụng Tỳ Can lấy gan và bầm vằm nát thân thể ra để ướp muối. Bị Vũ vương nhà Chu đánh diệt.
163. Thang là vua Thành Thang dựng nhà Thương.
Vũ là vua Vũ dựng nhà Hạ.
164. *Chu* : Nhà Chu, triều đại Trung-quốc tiếp theo sau nhà Thương-Ân.
167. Ý nói không liệu cách a dua mà gió chiều nào che chiều ấy.
180. *Thời chẳng ngộ* : Chẳng gặp thời.
183. Trái vật áo mà quà để trình bày với vua Thuấn những việc từ Khái trở xuống, cho nên tiếp đó có câu « Sớm ra từ Thương-ngô ».
185. Từ đây bắt đầu cuộc mộng du lên trời và lên tiên.
187. *Thương-ngô* : Núi Thương-ngô tức núi Cửu-nghi thuộc tỉnh Hồ-nam là nơi chôn vua Thuấn, theo truyền thuyết, (Xem chú I-124).

188. *Huyền phổ* : Chòm núi thần ở trên dãy núi Côn-lôn.
191. *Hy Hòa* : Theo thần thoại thì Hy Hòa là người đánh xe cho thần Mặt trời để chạy trên trời — Câu này ý muốn bảo mặt trời đi từ từ đừng lặn vội.
192. *Yên tư* : Núi thần ở phương Tây, chỗ mặt trời về ngủ.
195. *Hàm trì* : Xem chú I-179.
196. *Phù lang* : Xem chú I-17.
195. *Cành nhược* : Tức cành cây nhược mộc là cây thần ở cực tây núi Côn-lôn.
199. *Vọng Thư* : Thần Trăng.
200. *Phi Liêm* : Thần Gió.
202. Trên trời chưa sẵn sàng để đón tiếp Khuất Nguyên.
- 207, 208. Hai câu này tả tình hình mây ráng ngăn trở.
209. *Đế Hôn* : Thần giữ cửa nhà Trời.
212. 213. Cửa trời không mở mà đã gần tối, bèn thần thờ mà đứng lặng, lòng bực bội nên tay xoắn vòng hoa đeo.
215. *Bạch thủy* : Sông trong thần thoại, phát nguyên ở Côn-lôn, uống nước sông ấy thì thành bất tử.
214. *Lăng phong* : Núi trong thần thoại, ở trên dãy núi Côn-lôn.
218. *Ngọc dung* : Mặt ngọc, tức mỹ nhân.
220. *Xuân cung* : Cung của Thanh đế ở lại phương Đông.
222. Chữ Hán là hạ nữ. Xem chú I-89.
223. *Phong Long* : Thần Mây.
224. *Phục phi* : Theo truyền thuyết là con gái vua Phục

Hy, chết đuối ở sông Lạc-thủy mà thành nữ thần sông ấy.

226. *Kiến Tu* : Tên người trong thần thoại, nhưng không rõ cụ thể thế nào. Các nhà chú giải xưa cho là bề tôi của vua Phục Hy.

Lời : Xem chú 251.

227. Cũng câu thể này, ở trên thì chỉ tình hình mây rãng khi hợp khi tan, ở đây thì chỉ thái độ của Phục phi khi bằng lòng khi từ chối.

229. *Cùng-thạch* : Tên núi trong thần thoại, chỗ phát nguyên của sông Nhược thủy. Cùng-thạch là chỗ ở của Hậu Nghệ thuộc bộ lạc Hữu-cùng. Trong bài « Thiên văn » của Khuất Nguyên có câu : « Đế giáng Di Nghê, cách nghịet Hạ dân. Hồ xạ phù Hà bá nhi thế bị Lạc-tân » nghĩa là : Trời cho xuống vua Di là Hậu Nghệ, để giải trừ tai họa cho dân Hạ. Sao lại bắn Hà bá mà lấy vợ của y là Lạc tân ? Lạc tân là Phục phi. Như vậy thì nói Phục phi về ngụ ở Cùng-thạch là có căn cứ ở thần thoại.

230. *Vĩ-bàn* : Không rõ ở đâu.

232. *Truy hoan* : Mải miết đắm đuối.

234. *Cầu thân* : Tìm người thân, tìm vợ.

237. *Dao đài* : Đài ngọc, chỉ chỗ ở trang nghiêm mỹ lệ. Giản Định khi chưa lấy chồng ở trên đài cao.

238. *Hữu Nhung* : Bộ lạc xưa, bà Giản Định là thú phi của vua Đế Cốc mẹ của Tiết, thủy tổ của nhà Thương. là người bộ lạc ấy.

Xem chú 245.

239. *Chim trắm* : Một giống chim ác hay ăn rắn, lông tím lục, có độc, người ta dùng để ngâm rượu làm thuốc bổ, tức là chim bìm bịp.
241. *Cu gáy* : Chữ Hán là hùng cun.
- 245, 246. Cao Tân tức là Đố Cốc. Truyền thuyết nói rằng Giản Định ở đài cao, Đố Cốc phải chim phượng hoàng (huyền diệu) đến làm mối, biểu trưng cho bà, bà ăn trứng mà có thai, đẻ ra Tiết là thủy tổ của nhà Thương.
249. *Thiếu Khang* : Vua trung hưng của nhà Hạ, giết được Quá Ngáo. (Xem chú 155).
250. Theo *Tả truyện* thì sau khi cha là Tương bị Quá Ngáo giết, Thiếu Khang chạy sang bộ lạc Hưu Ngu, quân trưởng Hưu Ngu đem hai người con gái gả cho.
251. *Lái* tức là mối. Chữ Hán là lý nghĩa là mối. Ta đọc là lái nên nói mối lái.
- 255, 256. Nói vua ở nơi thâm xa không thể gặp được, lại không tinh ngộ nên không rõ thấu được lòng trung thành của Khuất Nguyên.
258. *Cung số* : Nói mạng cái tình không tỏ được đó cho đến chết.
259. *Cổ thi* : Chữ Hán là quỳnh mao chi thứ cô qui dùng làm thẻ đề bói. Chúng tôi dịch thoát là cô thi là thứ cô thiêng xưa người Trung-quốc hay dùng đề bói. *Thẻ trúc* : Chữ Hán là đìnhh, thẻ trúc nhỏ dùng đề bói.
263. *Chín châu* : Gọi chung cả thiên hạ, vì Trung-quốc xưa chia làm chín châu là, Kỳ, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương, Ung.

266. Ý nói sao cũng gặp được vua giỏi biết dùng hiền tài.
271. Chữ Hán nghĩa là có người tốt, có người xấu.
273. *Đeo ngải* : Cây ngải, mùi hắc khó ngửi. Khuất Nguyên cho là một thứ ác thảo.
277. *Phấn thổ* : Đất mùn có thể dùng làm phân, chỉ đồ rác rưởi.
278. *Thần tiêu* : Xem chú 27.
281. Chữ Hán là « vu giáng ». Giáng nghĩa là xuống, nhưng theo tiếng Việt thì lại nói đồng lên.
282. *Tiểu* : Cây tiêu, tức thần tiêu, xem chú 27.
284. *Cửu nghị* : Xem chú I-124.
288. Cô đồng bảo là cố gắng tìm lấy người ý hợp tâm đầu mà phục sự.
289. Vua Thành Thang nhà Thương và vua Vũ nhà Hạ.
290. Y Doãn : Hiền thần của vua Thang nhà Thương.
Cao Dao : Hiền thần của vua Vũ nhà Hạ.
293. *Duyệt* : Phó Duyệt. Vua Cao tôn nhà Ân cầu hiền, tìm được Duyệt đương làm việc đào đắp ở Phó-nham, rước về cho làm tướng, nhân đó gọi là Phó Duyệt.
294. *Vũ Đinh* : Tức vua Cao tôn nhà Ân.
Đinh ninh : Ý tin cậy chắc chắn.
295. *Lã Vọng* : Tức là Khương Tử Nha, công thần khai sáng của nhà Chu, được phong ở đất Lã nên cũng có họ là Lã. Khi còn hàn vi, từng làm nghề mò thớt ở Triều-ca là kinh đô nhà Ân. Đến già làm nghề câu cá ở sông Vị Thủy, gặp Chu Văn vương ở đó, được trọng dụng, sau giúp Võ vương đánh Trụ.

297. *Nịnh Thích* : Người nước Vệ thời Xuân thu. Nhà nghèo, đánh xe thuê cho người ở nước Tề. Một hôm Tề Hoàn công đi chơi đêm, ra cửa đông thấy Nịnh Thích vừa cho trâu ăn ở dưới xe, vừa gõ sừng trâu mà hát. Hoàn công nghe câu hát cho là người kỳ, bảo Quản Trọng rước về, cho làm Thượng khanh.
301. Chữ Hán là *đề quyết*, tức là chim đỗ quyên, chim tu hú. Tu hú kêu là mùa hạ. Tu hú kêu trước là mùa hạ đến sớm, khiến trăm hoa phải tàn sớm hơn. Ý nói bọn gièm nịnh khiến người hiền tài đều phải sớm tiên diên.
309. *Lan chi* : Lan và bạch chi. Xem chú ở trên.
310. *Thuyền* : Một giống hương thảo, không rõ cụ thể là cây gì.
315. Lan là thứ cây Khuất Nguyên yêu quý. Nhưng Vương Dật cho *Lan* đây là chi Từ Lau, em ruột vua Hoài vương, làm lệnh đoãn, khuyên Hoài vương đến hội với Tần đến nỗi bị Tần bắt.
319. Theo Vương Dật thì *Tiểu* đây là chi Từ Tiêu, làm lệnh đoãn nước Sở đời Khoảnh-tương vương.
320. *Thú du* : Giống cây tiêu nhưng không thơm.
- 321-322. Chỉ những người chỉ lo bên cạnh mà cầu lợi lộc.
326. Yết xa và giang ly là những giống hương thảo thường. Giang ly cũng gọi là my vu. Xem chú 11.
328. Khuất Nguyên tự chỉ mình.
332. *Tìm cho gặp* : Tìm người đẹp.
343. *Cổn-lôn* : Xem chú I-189.

347. *Bến Ngán* : Từ trên trời trở xuống nên xuất phát từ bến Ngán hà.
348. *Tây cực* : Chỗ cuối cùng ở phương Tây.
351. *Lưu sa* : Sa mạc ở phía Tây Trung-quốc.
352. *Xích thủy* : Sông trong thần thoại, phát nguyên ở núi Côn-lôn.
353. Sai giao long lấy mình làm cầu.
354. *Tây hoàng* : Vị thần chủ phương Tây.
357. *Bất chu* : Tên núi trong thần thoại, ở phía tây bắc núi Côn-lôn.
361. *Tám ngựa rồng* : Rồng kéo xe.
365. *Cửu ca* : Xem chú 147.
Nhạc Thiệu : Tục điệu nhạc múa Cửu thiệu của vua Thuấn, theo truyền thuyết.
368. Tỉnh lại mà nghĩ đến quê hương.
369. *Tổ* : Đầy tổ đánh xe.
372. *Không người* : Nước không có người hiền minh.
374. *Chính tốt* : Việc chính trị tốt.
375. Có ý muốn tự trăm. Xem chú V-599.

V. CỬU CHƯƠNG

Cửu chương gồm chín bài riêng biệt, gộp lại làm một chương là bắt đầu từ Lưu Hương đời Tây Hán.

người đầu tiên nghiên cứu *Sổ từ*. Từ Vương Dật đời Đông Hán trở đi thì cái tên « Cửu chương » bèn thành cố định.

Chu Hy cho rằng chín bài ấy là những bài riêng rẽ, không phải là viết trong một thời ý kiến ấy nhiều nhà cho là chính xác. Đối với thứ tự của các bài do Lưu Hưởng và Vương Dật sắp xếp (Xem *Sổ từ bổ chú* : (Tích tụng, Thiệp Giang, Ai Sính, Trừu tư, Hoài Sa, Tư mỹ nhân, Tích vãng nhật, Quất tụng, Bì hồi phong) thì nhiều nhà nghiên cứu gần đây không thừa nhận. Quách Mạt-nhược theo thứ tự thời gian mà xếp (bằng cứ vào nội dung của các bài) có vẻ tương đối chính xác. Theo ý kiến ấy thì bài « Quất tụng » phải là làm sớm nhất, có thể là trước khi bị phóng trục. Tán thành ý kiến ấy, trong bản dịch này chúng tôi tạm xếp theo thứ tự do họ Quách đề ra, cho bài « Quất tụng » đứng đầu :

1. Quất tụng (ca ngợi quất)
2. Tích tụng (tiếc làm thơ)
3. Trừu tư (rút bầy tâm tư)
4. Tư mỹ nhân (nhớ người đẹp)
5. Bì hồi phong (buồn gió xoáy)
6. Thiệp Giang (qua sông Giang)
7. Ai Sính (hương Sính đô)
8. Hoài Sa (nhớ Trường sa)
9. Tích vãng nhật (tiếc ngày trước).

Theo ý riêng của chúng tôi thì hai bài *Tích tụng* và *Trừu tư* là viết trong thời Khuất Nguyên bị Hoài

vương đuổi lên Bắc. Còn 6 bài sau là viết trong thời bị Khoảnh-tương vương đuổi xuống Giang-tram.

Tuy những bài *Cửu chương* không phải là tác phẩm viết cùng một lúc như những bài *Cửu ca*, nhưng trừ bài « Quất tụng » thì xét kết cấu các bài khác giống nhau, đặc biệt là nối nhiều bài lại có phần « Loạn viết », cho nên gộp các bài ấy làm một chương cũng là thích đáng. Vả chẳng xem nội dung 8 bài thì thấy rằng đều là tác phẩm viết sau khi bị phóng trục, hoặc thời trước, hoặc thời sau.

1. Chữ Hán là «hậu Hoàng gia thụ». Vương Dật chú «hậu hoàng» là hậu thổ và hoàng thiên, tức là trời đất. Quách Mạt-nhưc dịch là huy hoàng thì có lẽ sai. Chúng tôi theo Vương Dật, nhưng vì chúng tôi dụng ý đặt câu bốn chữ làm thơ tứ ngôn nên xin bỏ từ đất mà nói trời không. « Gia thụ » là cây đẹp tốt, chúng tôi chuyển thành ý trời cung nên cho nó đẹp tốt.
- 3.4. Hai câu này dịch đảo trật tự của nguyên văn.
4. Nhận mệnh của trời mà vẫn giữ theo luôn, không dời bỏ đi chỗ khác.
16. Từ câu này trở lên là ca tụng cây quất.
17. Từ câu này trở xuống là ca tụng người, Khuất Nguyên tự ngụ.
24. *Chẳng tùy* : Không theo đuổi, a dua, không tùy ba trục lưu.
26. Rốt cuộc không phạm lầm lỗi.
27. *Không thiên* : Không thiên tư, tây vị.

30. Ta nguyện làm bè bạn lâu dài với người.
35. *Bá Di*: Con trưởng vua nước Cô-trúc thời nhà Ân. Khi nhà Chu diệt nhà Ân, Bá Di không đồng tình, cùng với em là Thúc Tề bỏ vào núi ẩn, không chịu ăn thóc của nhà Chu, chỉ ăn rau trừ hủ. Cuối cùng hai anh em chết đói ở núi Thúc-duong, người đời sau xem là thánh hiền đời xưa, có ý chí rất kiên cường. Ở trên Khuất Nguyên đã cho quất là « chịu mệnh chẳng bỏ » nên đây lại ví người với Bá Di.
37. Thương tiếc việc làm thơ mà sinh lụy vì do đó càng bị bọn quyền thần ghét gièm. Chữ tụng có nghĩa là làm thi ca, đặc biệt là có ý nghĩa phúng thích.
40. Lấy trời xanh làm chứng.
41. *Năm đế*: Năm vị thiên đế chủ năm phương.
42. *Sáu thần*: Các vị thần ở bốn phương và trên dưới.
43. *Núi sông*: Thần Núi và thần Sông.
44. *Cao Dao*: Pháp quan của vua Thuấn và của vua Vũ nhà Hạ, truyền thuyết cho là người sáng lập ra pháp luật, là tổ sư của ngành tư pháp ở Trung-quốc.
46. *Bướn thừa*: Không quan hệ gì với các bộ phận của cơ thể. Chữ Hán là « chuế vưu ».
48. Còn phải chờ đợi thì chúa mới thấu được, tức hiện chúa không biết đến.
53. Lo chúa trước lo thân sau.
66. Ta chẳng mong gì điều ấy.

83. *Lê thần* : Vị thần chủ sát phạt, không hiểu vì sao Khuất Nguyên lại nhờ bói ; có lẽ nhờ bói xem mình đã phải chết chưa ?
87. Ý nói lời gièm lợi hại lắm.
89. Chữ Hán nghĩa là vì húp phải canh nóng nên sợ mà ăn đưa cũng thôi. Chúng tôi dịch theo câu tục ngữ của ta cũng cùng nghĩa ấy.
90. Ý nói muốn được nhà vua tín nhiệm mà lại không có người tả hữu của vua điều dắt cho.
97. *Thần Sinh* : Thái tử con Tấn Hiếu công. Tả truyện chép rằng : Hiếu công nghe lời gièm của vợ là Ly Cơ mà bức Thần Sinh phải chết.
99. *Hạnh* : Đức hạnh.
100. *Cổn* : Xem chú IV-133.
103. Ta cũng có câu tục ngữ : « Gãy tay hay thuốc ».
105. Ba câu này ý nói bọn tiểu nhân bỏ trí pháp lệnh tàn bạo ở xung quanh vua để hãm hại người trung lương.
117. *Mộc lan* : Xem chú IV-15.
118. *Thần tiểu* : Xem chú IV-27
119. *Giang ly* : Xem chú IV-11.
120. Toàn món ăn của người thanh cao ăn đặt.
124. Đánh lòng đi xa, tức đi đây.
130. *Gió xoáy* : Người ta cho là tà phong, dùng để chỉ tà đạo, xem chú 269.
157. *Tam hoàng* : Ba vị vua thời thái cổ theo lịch sử truyền thống của Trung-quốc. Có thuyết cho là Toại Nhân

dạy người ta lấy lửa, Phục Hy dạy người ta chăn nuôi, Thần Nông dạy người ta cày cấy.

Ngũ đế : Năm vị hoàng đế ở sau Tam hoàng. Có thuyết cho là Hoàng đế, Chuyên Húc, Đế Cốc, Nghiêu, Thuấn.

158. *Bành Hàm* : Xem chú IV-78.

165. Rút lòng ra mà bày tỏ.

170. *Hán bắc* : Bài « Trừu tư » này chúng tôi đoán rằng Khuất Nguyên viết trong khi bị Hoài vương đuổi lên miền Hán-bắc (năm tr. 313). Hán-bắc là miền bắc sông Hán-thủy, cũng thuộc tỉnh Hồ-bắc ngày nay. Từ Nam lên tức là từ Sính đô bị đẩy đi.

177. *Núi Bắc* : Núi ở miền Bắc, chỗ Khuất Nguyên bị đẩy.

180. *Sính* : Tức là Sính đô, kinh đô nước Sở, ở về phía đông-nam huyện Giang-lăng tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

182. *Chín lần* : Chín lần, tức nhiều lần lắm. Con số chín là chỉ số nhiều.

189. Nhắm theo trăng và sao mà nhìn về Nam, tức nhìn về Sính đô.

Lái : Xem chú IV-251.

191. *Ngược sông* : Đây là ngược sông Hán.

196. *Bắc-cổ* : Địa điểm ở trên đường đi Hán-bắc.

211. *Phong Long* : Xem chú IV-223.

217. *Cao Tân* : Xem chú IV-245.

218. Bà Giản Định được chim huyền, chim phượng hoàng cho trứng. Xem chú IV-245.

220. *Khổng khường* : Không chịu.
225. Bốn câu này nói chính sách chống Tề thân Tần của Hoài vương là sai lầm, thế mà Khoảnh-tương vương vẫn cứ theo chính sách kỳ quái ấy.
229. Túc là nhiệm dụng hiền thần.
230. *Tạo phủ* : Người giỏi đánh xe thời Mục vương nhà Chu.
- 231, 232. Phải kiên nhẫn kính dĩnh mà chờ thời cơ.
233. *Ba trủng* : Núi ở phía tây nước Tần trong tỉnh Cam-túc ngày nay. Ý nói nhắm mục tiêu đánh Tần.
234. Đi mãi rồi cuối cùng cũng phải đạt đến mục đích.
235. Bốn câu này ý nói : khi Khoảnh-tương vương mới lên ngôi, tuổi còn trẻ, cục diện cũng có cơ đổi mới, có thể hy vọng phục hưng cho nên Khuất Nguyên lấy làm vui.
238. *Giang Hạ* : Giang là sông Trường giang, tức sông Dương-tử. Hạ là khúc hạ lưu của sông Hán, từ Thạch-thủ đến Hán-dương (mùa hạ nước sông Hán từ Thạch-thủ về đông lên rất lớn mà hợp với sông Giang).
239. *Bạch chỉ* : Xem chú 1-100.
240. *Túc mụ* : Xem chú IV-16.
Hai câu trên nói ý chuẩn bị bồi dưỡng nhân tài cho Nhà nước.
241. Phàn nân không được thấy cồ nhân, ý là sinh không gặp thời. Khoảnh-tương vương không phải là có chí lớn trung hưng như một số các vua đời xưa, nên những nhân tài chuẩn bị đó chẳng được dùng đâu.
243. *Biển súc* : Cũng gọi là biển trúc, một giống cây nhỏ mọc thành bụi. Hai câu này ý nói chỉ dùng bọn tiểu nhân.

246. Câu này nói bọn tiểu nhân rồi cũng điều tàn chứ không đặc chỉ được mãi đâu.
247. Từ câu này trở đi Khuất Nguyên nói mình.
250. Ý nói không cần biết đến nguyên do của điều phiền muộn. Sau câu này nguyên văn chữ Hán có hai câu : « Phương dữ trạch kỳ tạp nữ hề, Khương phương hoa tự trung xuất ». Quách Mạt-nhược nhận xét rằng hai câu này không hiệp vần với những câu trên dưới và cho là những câu chép thừa. Chúng tôi cũng theo ý kiến ấy mà bỏ hai câu ấy không dịch.
254. *Danh xa rao* : Danh đồn đến xa.
256. Vì bề lệt là cây cao.
257. Vì phù dung mọc trong bùn. Phù dung là hoa sen.
263. Hai câu này ý nói tình hình chính trị nước Sở vẫn theo nếp cũ, chưa hề thay đổi.
268. *Bành Hàm* : Xem chú IV-78.
269. *Gió xoáy* : Chữ Hán là « hồi phong », các nhà chú giải cho hồi phong là gió tã, gió lạnh, làm khô héo cây cối chứ không mát như gió xuân. Xem chú 130.
271. *Vật nhỏ yếu* : Chỉ hoa huệ.
272. Chỉ tiếng gió khi mới thổi.
274. *Khón khuấy* : Khó khuấy quên được.
275. *Muốn biến hóa* : Chữ Hán là « vạn biến », chỉ nghìn khoanh muôn khóe của bọn gian nịnh.
277. *Chìm xuống* : Chỉ bọn tiểu nhân.
278. *Hoa cỏ* : Chỉ người chính trực bị hại.

279. *Cá mủ* : Chỉ bọn tiểu nhân đặc chí.
280. *Rồng* : Chỉ người hiền phải ẩn.
281. *Đỗ* là rau đắng, *tế* là rau ngọt.
282. *Lan chi* : Lan là cây lan có nhiều thứ, hoa đều thơm.
Chi, xem chú I-100.
290. *Nhĩ tiếu* : Đỗ nhĩ và thân tiếu. Xem chú I-88 và chú IV-27.
Tự xử : Tự yên thân.
298. *Tự tại* : Tự do, thung dung.
300. *Ấp ức* : Chữ Hán là « khí ư ấp », tức là uất ức.
301. Kết điều lo nghĩ làm dài mà buộc quanh mình.
302. Chữ Hán « ung » là áo mặc che ngực. Đây vì văn chúng tôi dịch là « áo choàng ». Dệt sâu khổ làm áo mà khoác vào mình.
303. *Cây nhược* : Nhược mộc là cây thần. Xem chú IV-195.
307. *Sờ vòng áo* : Sờ vòng đeo và vật áo để tự trấn tĩnh.
311. Phiền và hành là hai giống phương thảo.
Hành : Xem chú I-121.
332. Chữ Hán là « vật hữu thuần nhi bất khả vi », Mã Mạo nguyên chú thích là nói bản tính thuần khiết mà bị gió xoáy tối tăm không thể vãn hồi được, nghĩa ấy khó thông. Quách Mạt-nhược thì dịch là « Có cái vật là vô vật mà không phải do ai tạo thành », theo quan niệm của Lão tử, chúng tôi thấy thông hơn. Chúng tôi theo ý ấy mà dịch : *Vật tuy thuần* nghĩa là vật trong vũ trụ là thuần nhất (phù hợp với quan niệm khoa học ngày nay) mà như là trống rỗng, hư vô (theo quan niệm lão học).

334. Sợi chỉ dài có hạn thì mới vô được, chứ dài vô cùng thì không thể vô lại được.
336. *Hồn bay bổng* : Hồn bay bổng lên cao mà vẫn cứ thấy tối tăm.
Theo Quách Mạt-nhược nhận định thì hai câu « Lãng đại ba nhi lưu phong hễ, Thác Bành Hàm chi sở cư » là ở dưới lộn lên. Chúng tôi theo ý kiến ấy mà chuyển hai câu này xuống cuối bài.
337. Từ câu này Khuất Nguyên tưởng tượng lên cao nữa, lên đến sát trời.
340. *Ở gió* : Chữ Hán là « phong huyệt ». Theo thần thoại là chỗ tụ gió ở trên núi Côn-lôn
346. *Mân-sơn* : Núi phát nguyên của sông Dương-tử.
Sông lớn : Tức sông Dương-tử hay Trường-giang.
- 349, 350. Nhìn đông tây nam bắc không thấy mối giường gì, tức là rộng mênh mông. Nguyên văn không có những từ đông, tây, nam, bắc. Quách Mạt-nhược dịch thêm mấy từ ấy vào, chúng tôi thấy rõ nghĩa hơn.
- 353, 354. Hai câu này dịch đảo với nhau. Câu trên chỉ thể sông uốn khúc, câu dưới chỉ thể sóng nhấp nhô.
356. *Khi tiêu, khi trường* : Chỉ nhịp độ của sóng và thủy triều, khi lên khi xuống, khi trường khi tiêu.
357. Bốn câu này chữ Hán không chỉ rõ trường sở của các hiện tượng. Quách Mạt-nhược theo nội dung mà thêm vào những chữ Nam hải, Đông hải, Bắc hải, Tây hải. Chúng tôi tán thành ý kiến ấy.
361. Chữ Hán là « tá quang ảnh ». Câu này rất phù hợp với quan niệm về ánh sáng của khoa học ngày nay. (Chữ này nên đọc là *đnh*).

362. **Hình tượng về chóp cong queo như cái roi vàng quất.**
Hoàng cực : Cây thần trong thần thoại. Theo chữ mà đoán là cây có gai vàng.
363. **Giới từ :** Xem chú 622.
Miền sơn : Tức là Giới sơn, lấy tên Giới Từ Thôi mà đặt cho núi.
364. **Bá Di :** Xem chú 35.
365. **Bành Hâm :** Xem chú IV-78.
 Hai câu 366, 367 là từ sau câu 336 đem xuống đây, theo ý kiến của Quách Mạt-nhược.
369. **Ngày trước :** Chỉ thời Hoài vương.
370. **Kể sau :** Người đời sau tranh nhau lợi mà nước Sở bị nước Tần diệt.
371. **Giang Hòai :** Giang là sông Dương-tử, Hoài là sông Hoài-hà.
372. **Ngự Tử Tư :** Người nước Sở thời Xuân thu, tên là Viên, bị Sở Bình vương giết cha, chạy sang nước Ngô, giúp vua Ngô Hạp-lư đánh nước Sở, năm trận đánh mà vào được Sính đô. Sau Hạp-lư đánh nước Việt thua chết, con là Phù-ta đánh được nước Việt, Việt xin hòa, Phù-ta cho, Tử tư can, Phù-ta nghe gièm bắt Tử Tư tự tử rồi ném xác xuống sông. Trước khi chết, Tử Tư bảo người nhà rằng : Khoét mắt ta mà treo ở cửa Đông để xem người Việt diệt nước Ngô. Chín năm sau Ngô bị diệt thực.
374. **Thần Đồ :** Tức là Thần Đồ-dịch, hiền sĩ cuối thời Ân, can vua Trụ không nghe, ôm đá nhảy xuống sông tự trầm.

379. Bài này viết nhân việc vượt qua sông Trường-giang mà xuống Nam.

Kỳ phục: Phục sức lạ đẹp, như gương thì gương dài lấp lánh mũ thì mũ cao, quần áo trang sức nhiều châu báu.

384. *Minh nguyệt*: Tên ngọc quý.

386. *Thanh củ*: Củ xanh. Củ là rỗng đục hai sừng.

Bạch ly: Ly trắng. Ly là rỗng cái không có sừng. (Theo thần thoại).

381. *Vua Thuấn*: Xem chú IV-146.

Dao trì: Chữ Hán là « dao phổ » tức vườn ngọc, vườn của trời. Đề hiệp vần, chúng tôi dịch là Dao trì, vì xét đều là tên thần thoại, đi chơi Dao phổ hay đi chơi Dao trì thì cũng là đi lên trời cả.

388. *Côn-lôn*: Xem chú I-189.

391. *Man Di*: Người Trung-quốc xưa gọi người miền Nam từ nước Sở trở xuống là Man Di.

392. *Sông Giang*: Sông Trường giang.

Sông Tương: Sông lớn của tỉnh Hồ-nam, chảy vào hồ Động-dinh.

393. *Ngọc chữ*: Địa điểm ở phía tây thành Vũ-xương thuộc tỉnh Hồ-bắc.

394. Nghe gió mùa thu đông, tức gió tây-bắc.

397. *Ngược sông Nguyên*: Khuất Nguyên thường qua lại miền sông Nguyên, sông Tương nhiều lần.

Sông Nguyên: Xem chú I-100.

401. *Uông chữ*: Bãi sông ở hạ lưu so với Thi-dương.

402. *Thị dương* : Một địa điểm trên sông Nguyên, tương đương với huyện lý Thị-kê tỉnh Hồ-nam ngày nay.
405. *Tự phở* : Địa điểm ở núi Vạn-sơn thuộc huyện Thị-kê.
412. Mây trùm phủ kín nóc nhà, chỉ chỗ ở âm u nhiều lam chướng.
415. *Đến tột đường* : Đến cuối cùng. Chữ Hán là «chung cùng».
417. *Tiếp Dư* : Ăn sĩ người nước Sở thời Xuân thu, cùng thời với Không tử. Sách *Luận ngữ* gọi là người cường nước Sở (Sở cường). Truyền thuyết nói rằng Tiếp Dư vốn xóa tóc già điên, về sau cạo trọc đầu để tỏ ý không hợp tác với bọn cầm quyền.
418. *Tang Hồ* : Ăn sĩ đời xưa, sách *Luận ngữ* gọi là Tử Tang Bá. Sách *Trang tử* gọi là Tử Tang Hộ. Sách *Không tử gia ngữ* nói rằng ông không đội mũ mặc áo, để mình trần truồng, đó là một cách biểu thị phản kháng bọn cầm quyền.
421. *Tỷ Can* : Xem chú IV-161 — Hai câu 421, 422 dịch đảo nhau.
422. *Ngạ Tử* : Xem chú 372.
423. *U ám* : Chỉ mình phải ở chỗ tối tăm không được vua soi đến.
428. *Chim loan chim phượng* : Chỉ người hiền tài, người quân tử.
428. *Chim yến chim thước* : Chỉ kẻ tiểu nhân.
Đài các : Chỉ nơi triều đình.

429. *Tân di* : Cây giống cây mộc lan, cũng gọi là mộc bút.
Tên khoa học là magnolia Kobus.
430. *Chác* : Cũng nói là chuốc, cầu cho có kỳ được.
431. *Âm dương đổi vị* : Âm dương đổi vị trí. Quân tử bị đim, tiểu nhân đắc chí.
432. *Cam dời bước* : Cam lòng đi xa.
433. *Mệnh chẳng chắc* : Mệnh trời không thường, khi cho dân thái bình, lại có khi bắt dân khổ sở.
434. Chi tinh binh khi Sính đồ bị quân Tần đánh chiếm.
436. *Chạy về Đông* : Túc triều đình Sở chạy sang Trần thành (huyện Hoài-dương tỉnh Hà-nam). « Sở thế gia » (*Sử ký*) nói rằng sau khi quan Tần phá Sính đồ thì Khoảnh-tương vương không đánh nữa mà chạy sang đông-bắc giữ Trần thành.
438. *Giang Hạ* : Sông Giang và sông Hạ. Sông Giang là Trường-giang, sông Hạ là đoạn hạ lưu của sông Hán. Xem chú 238.
441. Vương Phu-chỉ đòi Thanh nhận xét rằng trước khi Sính đồ bị phá, Khuất Nguyên có trở về rồi sau cùng chạy loạn với nhân dân thù đồ. Ngày chạy loạn ấy là ngày Khuất Nguyên từ giã Sính đồ lần cuối cùng mà cũng là ngày đánh dấu sự diệt vong của nước Sở, cho nên ông ghi rõ thời gian vào buổi sáng một ngày tháng hai trọng xuân.
445. *Cây tử* : Chi quê nhà.
447. *Cửa Hạ* : Cửa sông Hạ, thuộc huyện Vũ-xương tỉnh Hồ-bắc ngày nay.

- Về Tây : Đền đi về miền sông Nguyên, sông Tương.
448. Long môn : Chỉ cửa Đông thành Sính đô.
453. Dương hầu : Thần Sông. Lướt Dương hầu là lướt sông
Truyền thuyết nói rằng thần là tước hầu của nước
Lăng-dương, chết đuối mà thành thần.
458. Động đình : Xem chú I-95. Quay thuyền vào hồ
Động-dình đền vào sông Tương.
459. Tức là bỏ quê hương.
460. Qua côi Đông : Sau khi từ Hạ-khẩu ngược dòng sông
Dương-từ là về phía Tây, rồi quay thuyền mà xuôi
dòng vào hồ Động-dình tức là đi về phía Đông đền vào
sông Tương.
463. Ý nói nhớ Sính đô ở phía Tây mà muốn ngược lại
cửa Hạ
467. Sính đô ở trên sông Trường-giang là đất bãi sông.
472. Đông quan của Sính đô có hai cửa. Sau khi Sính đô
bị phá, cửa đông đã rậm cỏ rồi.
476. Khó lòng vượt trở lại sông Giang sông Hạ mà lên
đền về Sính đô.
478. Vượng Dật chú rằng năm Hoài vương thứ 16 (tr.313),
Khuất Nguyên bị đuổi. Sau Hoài vương hối, lại dùng
Khuất Nguyên. Sau Khoảnh-tương vương lên ngôi
(tr. 298) lại đuổi Khuất Nguyên về Giang-nam. Đây là
nói bị Khoảnh-tương vương đuổi đã 9 năm.
482. Chi bọn tiều nhàn nhàn hát thực ra thì nhu nhược
không thể trông cậy được việc gì, rốt cuộc rồi đến
thất bại.

485. Sách *Trang tử* có chỗ nói « Thuấn bắt tù, Nghiêu bắt hiếu ». Mấy câu này ý nói như Nghiêu Thuấn mà còn bị gièm chê thì còn ai mà không bị bọn nịnh hót gièm chê.
490. Bọn gian nịnh làm ra bộ khàng khái thì lại được ưa thích.
491. Bọn gian nịnh hôn cạnh mà tiến lên.
495. Chim bay xa cuối cùng cũng nhớ tổ mà bay về.
496. Ta cũng có câu tục ngữ: Cáo chết quay đầu về núi.
499. *Hoài Sa* là gì? Nhiều nhà nghiên cứu *Sở từ* căn cứ vào chỗ « Khuất Nguyên liệt truyện » của *Sử ký* nói Khuất Nguyên « bảo thạch » (ôm đá) mà nhảy xuống sông, lại thấy trong bài này nói « biết chết không tránh được à, nguyện không tiếc đời » mà cho rằng đây là bài tuyệt bút và « Hoài sa » có nghĩa là « ôm đá » (hoài là ôm, sa là cát tức đá). Nhưng Tường Ký (*Sơn đại các chú Sở từ*) bác ý kiến ấy mà cho rằng bài tuyệt bút là bài « Tích vãng nhật » có câu « Bắt tất từ nhi phó uyên » (chưa hết lời mà gieo vục) mà « Hoài Sa » nghĩa là « Nhớ Trường Sa » cũng như « Thiệp Giang » nghĩa là vượt Trường-giang và « Ai Sính » nghĩa là thương Sính đô. Nhưng tại sao Khuất Nguyên lại nhớ Trường-sa? Ông cho rằng *Phương dư kỷ thắng* và một số tác giả khác cho rằng Trường-sa là đất phong đầu tiên của Hùng Dịch là thù tở nước Sở. Chúng tôi tán thành ý kiến ấy và cũng nghĩ rằng Trường-sa có thể tiêu biểu cho sự sáng nghiệp của nước Sở cho nên sau khi thương Sính đô bị tàn phá, khi đi tới Trường-sa

thì nhớ Trường-sa xưa mà gởi gắm hy vọng của mình, cũng như các nhà văn của ta từ trước đến nay vẫn thường nhớ đến Phong-châu là nơi phát tích của Hùng vương, mỗi khi lòng yêu nước có xúc động.

Bằng bằng: Hình dung khí nóng ẩm của đầu mùa hạ.

502. Chỉ sự đi đây về phương Nam.

509. Chỉ thái độ thỏa hiệp.

510. Nếp thường: Tức nếp chính trực không hề thay đổi.

511. Chữ Hán là « dịch sơ » nghĩa là đổi sơ tâm, chúng tôi dịch là « lìa gốc ».

514. Chữ Hán là « Tiên đồ vị cái », nghĩa là sự mưu tính trước, tức những chủ trương cải cách, chưa hề thay đổi, chúng tôi dịch theo nghĩa bóng là « giữ lẽ dù rách » để vận dụng câu tục ngữ « giấy rách giữ lề ».

517, 520. Bốn câu này ý nói người hiền không ở triều đình thì ai rõ thị phi thế nào mà phân biệt.

521. *Ly Lâu*: Nhân vật truyền thuyết ở đời Hoàng đế, mắt sáng có thể nhìn rõ cái tơ lông ở cách xa trăm bước.

527. *Hỗn hào*: Lộn xộn.

533. Ngọc và đá mà cũng xáo trộn nhau đề cùng tính số như nhau.

535. Có biết nội dung của ta chứa những gì đâu!

536. *Thấy quái*: Thấy cái lạ, cái họ cho là kỳ quái.

537. *Tấn kiệt*: Chỉ người lỗi lạc xuất chúng.

538. Vẫn là thói thường của kẻ hèn hạ, tiểu nhân.

539. *Văn chất* : Văn là dáng vẻ ở ngoài, chất là nội dung ở trong, cả hai đều là đúng đắn, văn thì sơ sài, chất thì bền vững (văn sơ chất nội).
545. Chẳng gặp được vua thánh minh như vua Thuấn.
546. *Trung trực* : Chữ Hán là ung dung, ý nói lòng trung trực nên cử chỉ có vẻ thư thái khoan thai.
547. *Cùng thời* : Cùng sinh một thời.
549. *Vũ Thang* : Vũ là vua sáng nghiệp nhà Hạ, Thang là vua sáng nghiệp nhà Thương.
- 555, 556. Hai câu này ý nói ngày đã tối rồi thì muốn trở về Bắc (Sinh đồ) cũng không sao được nữa.
558. Đời người tất có hạn, nhất định ai cũng phải chết.
559. Nguyên tương : Xem chú I-100.
563. *Giữ chất* : Giữ bản tính.
565. *Bá Nhạc* : Người thời Xuân thu, tên là Tôn Dương, bề tôi của Tần Mục công, giỏi xem tướng ngựa.
566. *Ngựa ký* : Ngựa thiên lý.
567. Hai câu này ý nói mệnh của người chết hay sống đều đã định rồi.
577. Ngày trước từng được nhà vua tin dùng và giao cho thảo hiến lệnh.
578. *Soi đường* : Chữ Hán là « chiếu thời » nghĩa là soi cho đời sáng lên. Chúng tôi dịch là « soi đường », nghĩa là soi đường cho đời được sáng.
579. Kế thừa và phát dương công nghiệp của đời trước mà chiếu rọi xuống dưới cho nhân dân. Hơn bốn chục

năm trước khi Khuất Nguyên sinh. Sở Điệu vương từng trọng dụng Ngô Khởi làm tướng, Khởi từng thi hành một cuộc đại cải cách về chính trị, ở trong thì « minh pháp thâm lệnh » (rõ ràng pháp độ, xét kỹ chính lệnh), ở ngoài thì bình Bách Việt và đánh nước Tần, khiến nước Sở trở thành một nước lớn mạnh thời Chiến quốc.

580. Chữ Hán là « Minh pháp độ chi hiềm nghi »; nghĩa là làm sáng những điều hiềm nghi, đáng ngờ của pháp độ. Chúng tôi dịch ý là « khiến pháp độ được rõ ràng » cho người ta khỏi hiềm nghi.
582. *Trung trình* : Chi bày tôi giữ đạo trung với vua, với nước mà không đổi dời.
583. Chữ Hán là « bí mật sự » nghĩa là việc bí mật. Vương Dật chú là những việc như thiên tai địa biến. Quách Mật-nhược dịch là những việc cơ mật dễ hiểu hơn. Từ câu này là Khuất Nguyên tự chỉ.
584. Tuy có lầm lỗi nhỏ cũng được nhà vua khoan thứ.
589. Tai mắt của vua bị bọn gian nịnh che lấp.
599. Theo *Sử ký* thì Khuất Nguyên tự trầm ở sông Mịch-la, một nhánh sông về phía đông của sông Tương, ở sát phía nam hồ Động-dinh. Khuất Nguyên nói đến việc thăm sông Nguyên-tương là phiếm chỉ miền thuộc về lưu vực sông Nguyên-tương. Xem chú I-100.
602. *Chúa hôn* : Vua mờ ám.
604. Hoa lan thơm phải mọc ở chỗ âm u, tức người hiền tài phải ẩn dật.

609. *Bách-Lý* : Bách-lý Hề, người hiền thời Xuân thu, vốn làm đại phu nước Ngưu, trong cuộc chiến tranh giữa nước Ngưu và nước Tấn, bị bắt làm tù. Tấn Hiếu công bắt ông làm nô lệ đưa con gái mình sang gả cho vua nước Tấn, nhân đó chạy trốn, bị người thủ biên nước Sở bắt. Tần Mục công biết tài năng của ông ta, cho đem 5 tấm da cừu mà chuộc, cho làm đại phu, giúp Mục công làm nên nghiệp bá.
610. *Y Doãn* : Xem chú IV-290
Bào trử : Nhà bếp.
611. *Lã Vọng* : Xem chú IV-295.
612. *Nịnh Thích* : Xem chú IV-297.
613. *Thang Võ Hoàn Mục* : Thành Thang nhà Thương gặp Y Doãn, Võ vương nhà Chu gặp Lã Vọng, Hoàn công nước Tề gặp Nịnh Thích, Mục công nước Tần gặp Bách-lý Hề.
621. *Tử Tư* : Xem chú 372.
622. *Tấn Văn, Giới Tử* : Giới Tử Thôi, cũng gọi là Giới Chi Thôi, người thời Xuân thu, theo Tấn Văn công chạy ra ngoài trong 19 năm. Khi Văn công về nước làm vua Thôi không báo công, Văn công cũng quên công. Thôi đem mẹ về ẩn ở núi Miên-sơn thuộc tỉnh Sơn-tây ngày nay của Trung-quốc. Sau Văn công hối, cho đi tìm. Thôi không chịu ra. Văn công sai đốt núi để buộc Thôi phải ra, nhưng Thôi cũng không ra, đành chịu chết cháy. Trong khi lưu vong có khi Văn công đói, Thôi từng cắt thịt đùi mình cho ăn. Núi Miên-sơn từ đấy được gọi là Giới-sơn.

629. Chỉ việc Khoảnh-tương vương tin bọn gian nịnh theo Tần mà đến mất nước.
632. *Sàm nịnh*: Gièm pha và nịnh hót.
634. Tức là bảo người hiền không thê dưng.
637. *Táy Thi*: Người đẹp ở nước Việt xưa. Sau khi nước Việt bị Phù-ta nước Ngô đánh bại, vua Việt là Câu Tiễn sai Phạm Lãi đem Tây Phi sang hiến cho Ngô để cầu hòa.
640. *Không phải cố*: Không phải là cố ý. Chữ Hán là « bất ý ».
641. Tự bộc bạch để cho tình oan ức được rõ ra.
643. *Cởi kỳ kỳ*: Cởi kỳ ký mà không có cương hàm, cứ mặc cho nó chạy bay thì sao cũng sinh tai họa, cũng như đi bờ máng mà không có chèo có lái, cứ mặc cho nó trôi. Tỷ dụ người cầm quyền mà không theo pháp độ cứ tự ý mình mà làm việc.
651. Câu này tỏ rằng bài « Tích vãng nhật » là bài cuối cùng viết trước khi tự trầm.
652. *Chúa hôn*: Vua hôn ám, tối tăm.

VI. THIÊN VẤN

1. *Thiên vấn*: Khuất Phục (*Sổ từ tán chú*) giải là Ngưỡng thiên nhi vấn: ngửa mặt lên trời mà hỏi, tức hỏi trời. Theo lời tựa Vương Dật: « Khuất Nguyên khi bị đi

đầy, thơ thần nơi núi chằm, thấy trong miếu thờ tiên-vương và từ đường công khanh nước Sở, có vẽ hình-tượng trời đất, núi sông, thần linh, thánh hiền, quái vật, cùng các sự việc thời xưa, nhân viết vào vách tường, hà hơi miệng mà cất lời chất vấn, đề tiết bớt nỗi phần uất ».

Nguyên văn thiên này, có nhiều câu và nhiều đoạn, sự việc lộn xộn, nhất là nhân vật các triều đại, gần đây, ông Quách Mạt Nhược có chỉnh lý lại, qui thành từng điều, từng đoạn, đề văn nghĩa toàn thiên được hệ thống, mạch lạc dễ hiểu, nên ở đây, chúng tôi đề theo bản chỉnh lý của Quách Mạt Nhược (Trước Khuất phục cũng có bản chỉnh lý, nhưng văn nghĩa không được quán triệt, rành rẽ, như bản của Quách Mạt Nhược).

Trong các tác phẩm Khuất Nguyên, thi Thiên văn riêng một thể tài, tác giả thường dùng những từ, những câu, cổ áo khó hiểu, lại nhiều điển cổ từ đời Chiến quốc về trước (khi sách vở chưa bị mất mát do nạn đốt sách của Tần Thủy Hoàng), khó bề tra cứu, nên các bản chú cũ, có nhiều ý kiến phụ hội, mâu thuẫn nhau. ở đây, chúng tôi cũng tham khảo cả các bản, nhưng lấy hai bản « Sơn đời các chú Sở từ » của Trương Ký (đời Thanh) và « Sở từ đăng » của Lâm Văn Minh (cũng đời Thanh) làm chính.

2. *Toại cổ* : như nói văng cổ, chỉ đời thái cổ.

3. *Truyền đạo* : đạo là nói, truyền đạo là truyền lại, nói lại.

4. *Thượng hạ* : trên dưới, chỉ trời đất. *Vị hình* : chưa hình thành. Câu này nói trời đất chưa phân.
5. *Mình chiếu* : tối sáng, chỉ ngày đêm. *Mông (mộng) ám* : mờ昧, sáng tối lẫn lộn. Câu này nói ngày đêm chưa phân.
6. *Bằng dục* : cái khí chuyển vận, luân đúc, khi còn hỗn độn, chưa phân trời đất, ngày đêm.
7. *Mình mình ám ám* : sáng lại sáng, tối lại tối, cũng như nói sáng rồi lại tối, tối rồi lại sáng. Đây nói trạng thái sáng tối đang khi phân chia và đáp đối.
8. *Thời* : cái đó, như thế. *Hà vi* : để làm gì? (có sách giải là ai chủ trì việc ấy, hay vật gì làm ra như thế).
9. *Tam hợp* : chữ « tam » đọc là « tham » tham hợp có nghĩa là xen lẫn, hòa hợp.
10. *Bán, hóa* ; nguồn gốc và chuyển hóa của hai khí âm dương. Đây nói trạng thái âm dương đang khi hòa hợp và chuyển hóa.

Đoạn thứ nhất, hỏi về nguồn gốc vũ trụ, khí hóa, sáng tối, âm dương, trước khi trời đất chưa hình thành.

11. *Viên tắc* : tắc là phép, khuôn, viên tắc là khuôn tròn, chỉ hình thể trời. *Cửu trùng* : chín tầng trời. *Thái huyền kinh* : Trời có chín tầng : 1 trung thiên, 2 tiện thiên, 3 tông thiên, 4 canh thiên, 5 tối thiên, 6 khuếch thiên, 7 giảm thiên, 8 trầm thiên, 9 thành thiên.
12. *Doanh đạc* : tru hoạch, xây dựng, ý nói trời có cái khuôn tròn và chín tầng như thế, do ai xây dựng qui thức.
13. *Duy* : nghĩ. *Hà công* : công sức thế nào.

đầy, thơ thần nơi núi chằm, thấy trong miếu thờ tiên-vương và từ đường công khanh nước Sở, có vẽ hình-tượng trời đất, núi sông, thần linh, thánh hiền, quái vật, cùng các sự việc thời xưa, nhân viết vào vách tường, hà hơi miệng mà cất lời chất vấn, đề tiết bớt nỗi phần uất ».

Nguyên văn thiên này, có nhiều câu và nhiều đoạn, sự việc lộn xộn, nhất là nhân vật các triều đại, gần đây, ông Quách Mạt Nhược có chỉnh lý lại, qui thành từng điều, từng đoạn, đề văn nghĩa toàn thiên được hệ thống, mạch lạc dễ hiểu, nên ở đây, chúng tôi đề theo bản chỉnh lý của Quách Mạt Nhược (Trước Khuất phục cũng có bản chỉnh lý, nhưng văn nghĩa không được quán triệt, rành rẽ, như bản của Quách Mạt Nhược).

Trong các tác phẩm Khuất Nguyên, thì Thiên văn riêng một thể tài, tác giả thường dùng những từ, những câu, cò áo khó hiểu, lại nhiều điển cò từ đời Chiến quốc về trước (khi sách vở chưa bị mất mát do nạn đốt sách của Tần Thủy Hoàng), khó bề tra cứu, nên các bản chú cũ, có nhiều ý kiến phụ hội, mâu thuẫn nhau, ở đây, chúng tôi cũng tham khảo cả các bản, nhưng lấy hai bản « Sơn đối các chú Sở từ » của Tưởng Kỳ (đời Thanh) và « Sở từ đăng » của Lâm Văn Minh (cũng đời Thanh) làm chính.

2. *Toại cổ* : như nói văng cò, chỉ đời thái cổ.

3. *Truyền đạo* : đạo là nói, truyền đạo là truyền lại, nói lại.

14. Sơ tác : sơ là đầu tiên, trước nhất, tác là khởi công, ý nói khởi công từ tầng trời nào trước nhất (hoặc giải sơ tảo là sáng tác đầu tiên).
15. Oát duy : oát là xoay chuyển, oát duy là dây buộc cái vòng xoay chuyển của trời. Ý nói: hình thể trời là một cái vòng xoay tròn, và đã là vòng xoay, thì phải có dây buộc, mới được vững chắc, nên gọi là oát duy (có sách giải chữ « oát » đọc là « quán », quán là cái vòng sắt ghép sát mé trong vòng gỗ nhỏ ở giữa bánh xe, để trục xe luồn qua, dùng ví với cái vòng xoay của trời).
16. Thiên cực : hai cực nam bắc của trời, ví như cái trục Gía : gác, ý nói trục trời phải có chỗ gác, mới không rơi được.
17. Bát trụ : tám cột. Truyền thuyết : bầu trời có tám cái cột để chống lên, tức tám quả núi ở tám phương, mỗi quả núi có tên gọi riêng (Đông : núi Đông cực, đông nam : núi Ba mầu, nam : núi Nam cực, tây nam : núi Biên câu, tây : núi Tây cực, tây bắc : núi Bất chu, bắc : núi Bắc cực, đông bắc : núi Phương thổ). Đương : chống đỡ, « hà đương » nói tám cột núi chống vào chỗ nào trên bầu trời ?
18. Đông nam : vùng đất đông nam. Liệt tử : « Đất trung vùng đông nam, nên trăm sông dồn nước về đó » (địa bất mãn đông nam, cổ bách xuyên thủy lạo qui yên). Khuy : khuyết, hụt, « hà khuy » nói đông nam cũng có cột chống trời, sao vùng đất ấy lại khuyết hụt (hàm ý cột trời dựng vào đâu) ?

19. Cửu thiên : tức « cửu trùng » nói trên. Tế : đường ven, biên giới.
20. Phòng : tới đến. Chúc : phụ vào.
21. Đáp : hội hợp, chỉ chỗ trời tiếp giáp với đất.
22. Thập nhị : mười hai khu vực trên vòng trời. Các nhà thiên văn thời cổ chia vòng trời làm mười hai khu vực theo mười hai chi (tý, Sửu, dần, Mão, Thìn, tỵ, Ngọ, vị, thân, Dậu, Tuất, Hợi), mỗi khu vực đặt một tên gọi làm ký hiệu cho sự hội hợp tại khu vực ấy, của mặt trời, mặt trăng và 28 vì sao trong mười hai tháng mỗi năm.
- 23, 24. An chúc, an trần : nối mặt trời, mặt trăng phụ vào chỗ nào và các hàng sao bầy vào chỗ nào trên bầu trời (đây nói về bầu trời, chứ không phải nói mặt trời, mặt trăng và các hàng sao)? Mười sáu câu trên đây, hỏi riêng về « trời » (từ hình thể, vòng xoay, trục gác, cột chống đường ven, cạnh góc, mười hai khu vực, đến những chỗ phụ, chỗ bầy mặt trời, mặt trăng và các hàng sao).
25. Dương cốc : nơi mặt trời mọc (chữ « dương » nguyên văn là « thang », nhưng đọc là dương):
26. Mông ti : bến nước Mông thủy (hoặc giải Mông là Mông cốc. Mông ti là bến nước bên núi Mông cốc), nơi mặt trời lặn. Hoài nam tử : « Mặt trời mọc ở hàng Dương cốc, lặn ở bến Mông thủy ».
27. Bốn câu trên đây, hỏi riêng về mặt trời.
28. Dạ quang : biệt danh của mặt trăng. Đức : tính chất, bản chất.

29. Tử, đục : chết, sống, chỉ sự mờ đi và sáng ra của mặt trăng.
30. Cổ thỏ : quyển luyến con thỏ (hoặc giải « cổ thỏ » là tên con thỏ trong mặt trăng). Truyền thuyết : trong mặt trăng có con thỏ ngọc giã thuốc. Bốn câu trên đây, hỏi riêng về mặt trăng.
31. Nữ Kỳ : tên một thần nữ trên trời, không có chồng mà một lần sinh chín con.
32. Bá Cường : tức Ngung Cường, tên một thiên thần (hoặc giải là tên quí ôn dịch). Sơn hải kinh : Phương bắc có thần Ngung Cường, mặt người, mình chim, tai đeo hai răn xanh, chân đạp hai răn vàng.
33. Huệ khí : như nói « thụy khí », tức mây diễm, là những áng mây đẹp, nhiều màu sắc, hình thái, xuất hiện trên bầu trời, khi quốc gia hưng thịnh. Nữ Kỳ, Bá Cường, với mây diễm, đều những hình vẽ phụ vào hình vẽ của trời trên vách miếu thờ tiên vương nước Sở, nên tác giả nhân hỏi trời mà hỏi luôn cả (hoặc giải huệ khí là hòa khí, không đúng, vì hòa khí vô hình, không vẽ được).
34. 35. Hạp, khai : đóng mở, chỉ sự lặn, mọc của mặt trời.
36. Giác tú : sao giác. Người xưa chia 28 vì sao trên vòng trời, theo bốn phương đông tây nam bắc, mỗi phương bảy sao (Phương đông : giác, kháng, đê, phòng, tâm, vị, ky, phương nam : tinh, quí, liễu, tinh, trưong, đục, chần, phương tây : khuê, lâu, vị, mao, tất, chủy, sâm, phương bắc : đầu, ngư, nữ, hư, nguy, thất, bích)

Giác là một sao đứng đầu bảy sao phương đông, nên dùng để chỉ chung các ánh sao phương đông. Vị giác : chưa sáng, còn ánh sao.

37. Diệu linh : sáng láng và linh thiêng, một từ nói bóng về mặt trời. Câu này tiếp ý câu trên, nói khi trời chưa sáng, phương đông còn ánh sao, thì mặt trời ẩn náu ở đâu ? Bốn câu trên đây, hỏi về tối sáng, ngày đêm.
38. Bình : tức Bình Đế, thần Mưa. Hào : gào, hô lên (hoặc giải Bình tức Bình Đế, Hào tức Hào Bình, đều là tên thần Mưa).
39. Hưng : dấy mưa.
40. Soạn thê : toàn thân thê. Hiệp lộc : chữ « hiệp » đọc là hiệp, đồng nghĩa với chữ « hiệp » là hợp, hiệp lộc là hợp thành hình con hươu. Truyền thuyết, thần gió tên là Phi Liêm, thân hình giống con hươu thần, tám chân hai đầu.
41. Ứng : chịu, mang lấy, nói Phi Liêm cũng là một thiên thần, sao lại mang cái thân hình con hươu như thế ?
42. Ngao : con rùa biển to lớn. Biện : vỗ tay. Liệt tiên truyện : con ngao thần to lớn, lưng cõng núi Bồng lai, vỗ tay mà mưa » (Cụ lĩnh chỉ ngao, bồi phụ Bồng lai chỉ sơn nhi biện vũ).
43. An : yên ổn, chỉ tiên thánh trên năm quả núi ngoài biển đông (xem chữ thích ở dưới).
44. Thích chu : bỏ thuyền, mất thuyền. Lãng hành : núi trôi đi. Liệt tứ : « Biền đông có năm quả núi (Đại dư, Viên kiệu, Phương hồ, Doanh châu, Bồng lai), cách

nhau bầy vạn dặm, thường theo nước triều lên xuống, không được tạm dừng, làm các tiên thánh ở đó phải lao đao, thượng đế bèn sai thần Ngung Cường bắt 15 con ngao lớn cắt đầu đội lên, năm quả núi mới được đứng yên, nhưng không bao lâu, nước Long bá có một người thật to lớn, đến cầu con ngao lên, một lần được sáu con, cõng về, do đó, hai núi Đại dự, Viên kiều trôi lên bắc cực, rồi chìm xuống biển cả, các tiên thánh phải phiêu bạt xa khơi». Đây ví con ngao, đội núi như chiếc thuyền chở vật, nay mất con ngao đội lên, cũng như mất chiếc thuyền chở, thì quả núi tức cái vật trên thuyền, tất phải trôi dạt.

45. Thiên : lệnh đêngh, phiêu bạt, cũng chỉ tiên thánh nói trên. Đây nói : đã là tiên thánh, sao phải có ngao đội núi mới được yên ổn, và sao mất ngao lại bị lệnh đêngh ? Tám câu trên đây, hỏi về thần Mưa, thần Gió và tiên thánh trên núi biển đông.

Đoạn thứ hai, hỏi về trời, mặt trời, mặt trăng, ngày đêm, cùng các quì thần, tiên thánh, sau khi trời đất đã hình thành.

46. Cửu châu : chín châu, thời xưa, nước Trung quốc chia làm chín châu, tức Ký, Duyện, Thanh, Từ, Dương, Kinh, Dự, Lương, Ung, An thổ : đặt vào chỗ nào ?
47. Ô : trứng, sáu.
48. Bốn câu trên đây, hỏi chín châu, sông biển, tức là hỏi về « đất » (lời hỏi đất mào đầu).
49. Thỏa ; hẹp mà dài, ý nói chiều nam bắc dài hơn chiều đông tây.

50. Diển : số dư ra, chỉ số dài hơn ra của chiều nam bắc. Bốn câu trên đây, hỏi về « đất bằng ».
51. Côn lôn, Huyền phố : Thủy kinh chú : núi Côn lôn (ở tây bắc Trung quốc) có ba cấp, dưới là Phàn đồng, giữa là Huyền phố, trên cùng là Tăng thành (Huyền phố và Tăng thành trên thông với trời). Tương Ký nói : Huyền phố là vườn treo, một vườn của thần nhân, dưới không bám vào đâu, treo lủng lơ giữa trời.
52. Khao : chỗ tận cùng của xương sống, chỗ móng ngồi của người, dùng chỉ nơi bám rễ của Huyền phố. Tương Ký nói : Đây hỏi Huyền phố treo lủng lơ như thế thì chỗ ngồi là chỗ nào ?
53. Tăng thành : có sách chép là « Tăng thành », chon núi trên cùng của núi Côn lôn. Hoài nam tứ : chon núi Tăng thành có chín tầng, cao hơn một vạn dặm.
54. Tứ phương môn : cửa bốn phía của núi Côn lôn. Hoài nam tứ : Núi Côn lôn có 440 cửa, cửa cách nhau bốn dặm, và cửa phía bắc thường mở để đón gió bất chu (tên gọi riêng của luồng gió tây bắc — Bất chu còn là tên núi ở tây bắc núi Côn lôn, nên hoặc giải là ngọn gió từ núi ấy đưa tới).
55. Tòng : do cửa đó mà ra vào (hoặc giải là do cửa nào mà vào).
56. Tám câu trên đây, hỏi về « núi cao ».
57. Chúc long : rồng đuốc. Truyền thuyết : xứ tây bắc tối tăm, không có mặt trời, thường có con rồng ngâm ngọn đuốc để chiếu sáng, gọi là « chúc long » (Sơn

hải kinh : Núi Chương vĩ ở ngoài biên tây bắc, có thần chúc long, nhắm mắt thì trời tối, mở mắt thì trời sáng). Đây nói mặt đất có nơi ban ngày thường tối.

58. Hy Hòa : thần đánh xe cho mặt trời (Đại hoang đông kinh : Hy Hòa là thần chủ cả về mặt trời, mặt trăng, giữ việc mọc, lặn, để làm sáng tối).

59. Nhược hoa : hoa cây nhược mộc, một cây thần sinh ở phía tây núi Côn lôn, lá xanh, hoa đỏ. Sự văn ngọc tiết : Nước tây bắc, khi mặt trời chưa mọc, có cây nhược mộc, hoa màu đỏ, chiếu sáng cả mặt đất. Đây nói mặt đất có nơi ban đêm thường sáng.

60. 61. Hà sở : xứ sở nào. Đông noãn hạ hàn : mùa đông trời ấm, mùa hè trời rét, chỉ khí hậu đặc biệt của một xứ sở nào. Hoài nam tử : Phương nam có loài cỏ không chết, phương bắc có làn băng không tan (Nam phương hữu bất tử chi thảo, bắc phương hữu bất thịch chi băng). Đây nói mặt đất có những nơi khí hậu lạ thường.

62. Thạch lâm : rừng cây bằng đá. Thập di ký : Tầng thứ sáu núi Tu di, có cây ngọc năm sắc (cây đá màu như ngọc), che rợp năm trăm dặm. Theo Lời chú Hải ngoại ký của Lý Trường Cát : Một núi ở phía đông biển đông, có những tảng đá đứng sừng như hình cây, cao vài chục thước, nở hoa màu đỏ, đầy đặc cả núi, lại có con thú trắng, chín đuôi, biết bay, biết nói.

63. Thú năng ngôn : loài thú biết nói, xem chú thích 62 trên. Kinh Lễ có câu : « Tinh tinh năng ngôn » con, tinh tinh (một loài vượn) biết nói. Rừng mọc cây đá

thú học tiếng người, nói có những loài vật mượn thể chất, tài năng của vật khác làm của mình.

64. Cầu : rằng không có sừng (có sừng gọi là « long », không sừng gọi là « cầu »).

65. Phụ hùng : công con gấu : Sơn hải kinh : Núi Hùng sơn có hang, thường xuất hiện một thần nhân, cuối cầu long đi chơi, đó là loài gấu thần. Du : đi chơi rong (hoặc giải chữ du này đồng nghĩa với chữ du là bơi lội, đây nói con cầu long dưới biển công con gấu mà bơi rong). Rong công gấu đi chơi, nói có những loài vật kết hợp giống khác với giống mình, diễn thêm ý « rừng mọc cây đá », « thú học tiếng người » trên.

66. Hùng húy : hùng là giống đực, húy là loài rắn độc. Hải ngoại bắc kinh : « Bầy tôi Cung Công là Tướng Liễu, chín đầu, mặt người, mình rắn, tìm ăn khắp chín châu, đi đến chỗ nào, khoét thành chằm lạch, vua Vũ giết đi ». Tướng Kỳ nói : Loài hùng húy đây, chỉ Tướng Liễu.

67. Thúc hốt : phút qua phút lại, chỉ con hùng húy.

68. Bất tử : không chết, trường sinh. Sơn hải kinh : Dân ở phía đông nước Giao hình, người đen, sống lâu không chết.

69. Trường nhân : người dài, tức người cao. Truyền thuyết : Vua Phòng Phong mình dài ba tấc. Thù : trấn giữ. Lỗ ngữ : Phòng Phong, vua nước Uông mang (chư hầu đời Hạ), trấn giữ hai núi Phong, Ngung (hai núi ở gần đó thành nước Uông mang). « Bất tử » « trường

nhân » và « hùhng hùh », nói có những giống người sống lâu, cao lớn và kỳ quái.

70. Mỹ bình : bình là bèo, mỹ bình là bèo mọc lan.
Cừu cù : chín cánh, nói cánh bèo khía thành chín cái.
71. Tỳ hoa : hoa gai, nói bèo có hoa, giống hoa gai. An cư : ở đâu, nơi nào có. Bèo hoa gai, diễn thêm ý « cây đá » trên.
72. Linh xà : rắn thiêng (chữ « linh » có sách chép là « nhất »). Sơn hải kinh : Biển nam có con ba xà (loài rắn to, hoặc giải ba xà tức « mãng xà »), mình dài tám trăm thước, nuốt được cả con voi, ba năm mới nhả xương ra.
73. Linh xà là loài rắn dài, diễn thêm ý « trường nhân » (người dài) trên.
74. Hắc thủy : tên sông, ở phía tây bắc núi Côn lôn. Huyền chi : tên núi, ở phía tây Trung quốc (hoặc giải « huyền chi » là ngón chân đen, nói nước sông Hắc thủy làm đen da người, nên lợi nước sông ấy thường bị đen chân)
75. Tam nguy : tên núi, cũng ở phía tây Trung quốc. Hoài nam tứ : « Rau rong sông Hắc hà, ăn có thể sống nghìn tuổi, giọt móc núi Tam nguy, uống nhẹ người, có thể bay lên được » Thập di ký : người nước Bột địa, ăn rau rong sông Hắc thủy, thọ nghìn tuổi. Mục thiên tử truyện : Eo sông Hắc thủy, có giống lúa, ăn sống lâu.
76. Hà sở chi : đâu là giới hạn. Hắc thủy, Tam nguy, diễn thêm ý « sống lâu không chết » (hà sở bất tử) trên.
77. Lãng ngư : cá lãng. Sơn hải kinh : Biển tây, gần núi Liệt cô dạ, có giống cá lãng, mặt, tay người, mình cá,

thường gây sóng gió. Nam Việt chí : cá lăng, là loài cá chép, hình rắn, bốn chân, ở nước ở cạn đều được cá. Lâm hải dị ngư tán : Giống cá nuốt thuyền, tán gọi cá lăng, lưng bụng có gai, như hình củ ấu.

78. Kỳ đôi : theo Dương Vạn-Lý, « Kỳ đôi » tức chim « Kỳ tước » (chữ « đôi » là chữ « tước » chép lầm). Sơn hải kinh : Núi Bắc hiệu có loài chim, giống như gà, đầu trắng, chân chuột, móng cọp, ăn thịt người, gọi là « kỳ tước ». Cá lăng, chim kỳ, đều những quái vật « pha loài giống », tiếp thêm ý « cây đá » và « bèo hoa gai » trên (trên nói khoáng vật, thực vật, đây nói động vật).
79. Nghệ : tên một người giỏi bắn, làm xạ quan (quan giữ việc săn bắn) thời vua Nghiêu (khác với Hậu Nghệ là vua nước Hữu cũng đời Hạ, cũng giỏi bắn). Tắt : bắn.
80. Ô : chim quạ trong mặt trời. Thế kỷ : Trên hang Dương cốc có cây phù tang, chín mặt trời ở cạnh dưới, một mặt trời ở cạnh trên, trong đều có con quạ. Hoài nam tử : Thời vua Nghiêu, trên trời có mười mặt trời, làm cây cỏ cháy khô, vua Nghiêu sai Nghê bắn trúng chín mặt trời, chín con quạ trong đó đều chết, lông cánh rơi rụng cả xuống đất (theo lời chú Vương Dật). Nghê là người « tài nghệ », tiếp thêm ý những người « sống lâu », « cao lớn » và « kỳ quái » trên.

Đoạn thứ ba, hỏi về « đất », từ sông, biển, núi, chín châu, khí hậu, đến người và loài vật khác thường, xa lạ trên mặt đất, sau khi trời đất đã hình thành.

81. Đế : ngôi vua của Nữ Oa.

82. Đạo thượng : đạo là nói lên, hàm ý đề xướng, thượng là tôn phù, ý nói ai đã đề xướng việc tôn phù Nữ Oa làm vua.
83. Nữ Oa : em gái vua Phục Hy đòi thượng cồ, khi Phục Hy chết, Nữ Oa lên kế ngôi vua. Hoài nam tử : Nữ Oa luyện đá năm sắc để vá trời, chặt chân con ngao, để lập bốn cực. Thê : thân hình Nữ Oa, hàm ý dị hình. Hà đồ đình tá phụ : Nữ Oa đầu trâu, mình rắn, một ngày biến hóa bảy chục lần.
84. Chẽ tượng : cấu tạo, tạo nên. Bốn câu trên đây, hỏi việc Nữ Oa.
85. Can : xem chú thích ở dưới. Theo Kinh Thư : Thời vua Thuấn, nước Hữu Miêu (dân tộc Miêu, ở khu vực tây nam Trung quốc) không thần phục, Thuấn sai Vũ đi đánh, Hữu Miêu chống lại, Vũ kéo quân về, Thuấn lại mở rộng nền văn đức, múa can, vũ (hai khí cụ dùng để múa nhạc, can là lá chắn làm bằng da, vũ là cái ngù làm bằng lông đuôi chim trĩ cắm trên một cán gỗ) ở trước bệ, ít lâu sau, Hữu Miêu tự đến qui thuận.
86. Hoài : mền phục, chỉ nước Hữu Miêu.
87. Bình hiệp, mận phụ : sườn mập, da mịn.
88. Phi : béo tốt, ý nói nhân dân thời vua Thuấn được no ấm, yên vui, nên người nào cũng sườn mập, da mịn, thân hình béo tốt. Bốn câu trên đây, hỏi việc vua Thuấn.
89. Cốt hồng : cốt là trị, hồng tức hồng thủy, nước lụt, cốt hồng như nói trị thủy.
90. Sư : chúng, mọi người, chỉ quần thần thời vua Nghiêu. Thượng : đề cử. Thời vua Nghiêu, bị nạn nước lụt lớn

vua muốn cầu người có tài trị thủy, quần thần cử Cồn, Cồn đi trị thủy chín năm, không thành, vua Thuấn đẩy đi núi Vũ sơn rồi giết chết ở đó.

91. Thiêm : cũng nghĩa như chữ « su » trên.
92. Khóa : khảo sát, ý nói dùng thứ.
93. Chi, qui : chỉ là loài chim cú (cú mèo) qui là rùa.
Duệ hãm : thả đuôi nối tiếp nhau, nói khi Cồn trị thủy, đắp đê theo hình cú rùa thả đuôi nối tiếp nhau để ngăn nước lụt. Thông chí và Hoài nam tử nói Cồn xây thành cao để ngăn nước.
94. Thính : làm theo hình cú rùa nói trên (Lâm Văn Minh giải « thính » là nghe theo, nói Cồn đắp đê hình cú rùa như thế, là nghe theo mưu kế của người đồng sự).
95. Thuận dục thành công : thuận theo phương pháp đắp đê ấy, cũng là có cái ý chỉ muốn được nên công (Lâm Văn Minh giải là : thuận theo ý người đồng sự, cũng muốn được nên công).
96. Hình : hình phạt, chỉ việc Thuấn đẩy Cồn đi núi Vũ rồi giết chết ở đó.
97. Tây chinh : đường sang phía Tây, chỉ vực Vũ (Vũ uyên) ở phía tây núi Vũ. Tà truyện : Cồn bị giết ở núi Vũ, hóa làm con gấu vàng, lặn vào vực Vũ.
98. Nham : sườn núi, chỉ núi Vũ. Ý nói : Cồn bị giam cầm ở núi Vũ, đã đứt đường sang tây, sao có thể vượt khỏi núi đó mà lặn vào vực Vũ được.
99. Vu : thầy cúng, thầy mo. Hoạt : làm sống lại, ý nói Cồn đã bị giết chết, sao thầy cúng có thể làm sống lại

mà hóa ra gấu vàng được (thời xưa, thầy cúng thường có thể chiêu hồn người chết làm cho sống lại, ở đây, Cồn đã được sống lại rồi mới hóa làm gấu vàng).

100. Cự, thừ : thừ là loại lúa nếp, cự là lúa nếp đen, đây dùng chỉ chung các giống lúa.
101. Bồ hoàn : hai loài có nước, như cói sậy. Cồn đập đập ở những bãi cói sậy để nhân dân trồng cấy lúa mạ.
102. Tỉnh dầu : cùng bị đi đầy.
103. Tật : tội lỗi. Tu doanh : dài, đầy, chồng thêm, ý nói tội nặng gấp bội. Cồn là một trong số « tứ hung » (bốn hung phạm thời Nghiêu, Thuấn, tức Cung Công, Hoan Đâu, Tam Miêu và Cồn) cùng bị đầy đi xa, mà Cồn chịu tội nặng hơn ba hung phạm kia.
104. Ất : cấm cố. Vũ sơn : một núi thuộc tỉnh Sơn đông Trung quốc ngày nay.
105. Bất thi : thi là tha, bất thi là không tha tội chết, nghĩa là vẫn giết đi (hoặc giải « thi » là thi hình, « bất thi » là không thi hành tử hình, chỉ cấm cố thôi).
106. Bá Vũ : con Cồn. Sau khi Cồn trị thủy không thành, Vua Thuấn cử Vũ kế tục sự nghiệp Cồn, Vũ đã trừ được nạn hồng thủy kéo dài hai mươi năm, thành công rất to lớn. Phúc : ôm ấp, nói Bá Vũ là con, thường được Cồn ôm ấp, nuôi dưỡng.
107. Biến hóa : biến đổi phương pháp trị thủy, trước Cồn « đắp đê ngăn nước », nay Vũ « khơi sông thông nước đi »
108. Toàn tụ : nối theo. Tự : sự nghiệp.
109. Kháo công : công cha. Vũ kế tục sự nghiệp của cha, nhưng khéo biến đổi phương pháp, nên đã thành công.

110. Mưu bất đồng : trù hoạch khác nhau, nói thêm ý biến đổi phương pháp trên.
111. Hồng thuyên : chữ «tuyền» đồng nghĩa với chữ «uyên», hồng thuyên là vực lớn, ví làn nước lụt móng mênh và thăm thẳm như một cái vực lớn mà sâu (hoặc giải hồng thuyên tức hồng thủy, nước lụt).
112. Điền : đồng nghĩa với chữ điền, lấp bằng.
113. Cửu tặc : chín bậc. Theo thiên Vũ cống kính Thư : Vũ chia ruộng đất chín châu làm chín bậc : thượng thượng, thượng trung, thượng hạ ; trung thượng, trung trung, trung hạ ; hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.
114. Phần : phân chia.
115. Ưng long : loài rồng có cánh (chữ 應 đọc là ưng — có vảy là «giao long», có cánh là «ưng long»). Truyền thuyết : Khi Vũ trị thủy, có con ưng long, lấy đuôi vạch đất thành ngòi lạch, nước do đó lưu thông.
116. Lịch : kinh qua, chỉ Vũ, nói những nơi sông biển xa xôi, Vũ đều kinh qua cả.
117. Hai câu này, tổng kết sự việc Cồn, Vũ trên.
118. Khang Hối : tên của Cung Công. Liệt tử : Cung Công tranh ngôi đế với Chuyên Húc, không được, giận, húc đầu vào núi Bất chu, cột trời gãy, giềng đất đứt, trời nghiêng vùng tây bắc, đất sụt vùng đông nam.
119. Đông nam khuynh : vùng đất đông nam bị sụt xuống. Đoạn thứ tư, hỏi về người và sự nghiệp của người, sau khi trời đất đã hình thành và sinh ra loài người,

trước là việc Nữ Oa, Thuấn, sau là việc Cồn, Vũ trị thủy (Nữ Oa vá trời, Vũ trị thủy và phân định chín châu, là những người có công lao với trời đất, ngược lại, Khang Hối làm gãy cột trời, đứt giềng đất, là người phá hoại trời đất, nên hỏi liền sau việc Cồn, Vũ).

120. Lực hiển công : Cần cù hiển công sức.
121. Giáng tinh : xuống xem xét tại các địa phương, chỉ việc đi trị thủy của Vũ. Hạ thổ phương : bốn phương cõi đất.
122. Đồ sơn nữ : con gái đất Đồ sơn (thuộc tỉnh An huy Trung quốc ngày nay).
123. Thông : kết hôn. Thai tang : tên đất, ở tây nam Đồ sơn. Thế kỷ : Vũ lấy con gái Đồ sơn, kết hôn ở nội Thai tang. Đây nói Vũ đang mãi miết lo việc trị thủy còn thì giờ nào kết hôn với gái Đồ sơn tại Thai tang ?
124. Mân : lo. Phối thất (chữ phi đọc là phối) : đòi lúa, vợ chồng. Hợp : kết hợp.
125. Thân : bản thân. Kể : nối dõi, kế tự, nói Vũ lo việc hôn nhân để có người nối dõi cho mình.
126. Bất đồng vị : món ăn không nhất mực, có nghĩa là đổi chác món ăn.
127. Triều bảo : bữa ăn no buổi sớm. Theo Kinh Thư và Lễ thị xuân thu : Vũ lấy con gái Đồ sơn được bốn ngày, từ ngày tân đến ngày giáp (tân, nhâm, quý, giáp), lại đi trị thủy ngay. Đây nói Vũ lấy vợ là muốn lo việc kế tự, sao chỉ ở nhà bốn ngày, rồi lại đi ngay, ví như ăn cơm, vội đổi món ăn, chỉ cầu khoái một bữa sớm mai. Tám câu trên, nói việc Vũ cầu hôn.

128. Khái : con Vũ. Ích : hiền thần của Vũ.
129. Ly nghiệt : ly là trừ bỏ, nghiệt là yêu nghiệt, họa hại.
130. Ưu : lo nghĩ, mưu toan.
131. Cẩu : giam cầm. Đạt : thông đạt, thoát ra được. Trước thư ký niên : Ích thay Vũ lên làm vua, bắt Khái giam cầm, sau Khái giết Ích, nối lại việc thờ tự Vũ (theo Thông thích). Đây nói Khái đã mưu toan thế nào mà thoát khỏi giam cầm, lại giết Ích, thay làm vua, trừ được kẻ thù địch trong phút chốc.
132. Xạ cúc : xạ là bắn, cúc là khảo tội, xạ cúc hàm nghĩa bài xích, đá kích.
133. Cung : bản thân Khái. Ý nói khi Khái bị giam cầm, vây cánh đều lại Ích bài xích, mà không làm hại được bản thân Khái.
134. Tác cách : làm cuộc thay đổi quyền chính (như ngày nay nói đảo chính).
135. Bá giáng : truyền xuống, đổi truyền về sau. Ý nói Ích đã lên ngôi, thay đổi quyền chính nhà Hạ, sao dòng vua của Vũ vẫn truyền mãi đời sau.
136. Khái cúc tân thương : câu này khó giải nghĩa, theo Chu Hy, chữ « cúc » và chữ « thương » là chữ « mộng » và chữ « thiên » chép lẫn, vì mấy chữ này, viết theo lối triện thời xưa, hình dạng giống nhau. « Khái mộng tân thiên » là Khái mộng lên châu trời. Theo Khương Lăng Phu, chữ « thương » hình giống chữ « đế », nên chép lẫn, đế là thượng đế, « tân đế » cũng nghĩa như « tân thiên » của Chu Hy.

137. Cửu biện, cửu ca : tên hai khúc nhạc. Truyền thuyết : Khái mộng lên chầu trời, được hai khúc nhạc « cửu biện » và « cửu ca » đem về.
138. Cẩn từ : không rõ nghĩa, có bản giải là người con cặn lao (chỉ Khái). Đồ mẫu : phá vỡ bụng mẹ. Hoài nam từ : Khi Vũ trị thủy, đường núi Hoàn viên (thuộc tỉnh Hà nam Trung quốc ngày nay) rất hiểm trở, khó thông. Vũ tự hóa làm con gấu, để chui thông đường ấy, vợ đang có thai, trông thấy, xấu hổ, liền hóa làm tảng đá Vũ báo : « Trả lại con ta », thế là tảng đá phá toang mặt phía bắc mà sinh ra Khái, tảng đá này còn ở núi Tung sơn (cũng thuộc tỉnh Hà nam).
139. Cảnh địa : cõi đất cực xa. Mười hai câu trên đây, nói việc Khái kế nghiệp.
- Đoạn thứ năm, hỏi về việc truyền kế của cha con Vũ, Khái (đoạn trên hỏi việc Vũ trị thủy), đoạn này hỏi việc Vũ cầu hôn, đề tiếp xuống việc kế nghiệp của Khái)
140. Đế : thượng đế. Di nghệ : Di là họ, Nghệ là tên, Di Nghệ có tài bắn cung, nguyên là vua chư hầu nước Hữu cùng đời Hạ, sau cướp ngôi vua Tương nhà Hạ mà tự lập.
141. Cách nghịet : trừ hại. Kinh Thư : Thái Khang (vua nhà Hạ, con Khái, cháu Vũ) vui chơi vô độ, đi săn bắn xa, mười tuần (một trăm ngày) không về, Hậu Nghệ đem quân chống cự ở sông Hà. Đây nói : Nghệ chống cự Thái Khang như thế, là thượng đế sai xuống trừ hại cho nhân dân nhà Hạ.
142. Lạc tần : nữ thần sông Lạc, truyền thuyết : Phục Phi, con gái vua Phục Hy đời cổ, chết đuối ở sông Lạc, hóa

làm thần sông ấy. Theo lời chú Vương Dật : Thần Hà bá hóa làm rồng trắng, dạo ở bên sông, Nghê trông thấy, bắn mù một mắt bên trái, lại năm mộng giao hợp với nữ thần sông Lạc.

143. Bằng : kéo căng. Diêu : cái cung khảm vỏ trai. Lợi : thuận lợi, nhậy. Quyết : cái bao bằng xương voi, đeo ở ngón cái tay phải, dùng để kéo dây cung.
144. Phong hy : con lợn to.
145. Chung nhục : thịt nấu của con lợn to. Cao : béo, chỉ thịt nấu.
146. Hận đế : như nói thượng đế. Nhược : thuận, ưng ý. Đây nói Nghê ham săn bắn, vui chơi, bỏ bê chính sự, nên tế thịt lợn to, mà thượng đế không ưng ý.
147. Xác : cũng gọi Hàn Xác, con vua chư hầu nước Hàn đời Hạ. Thuần Hồ : tên vợ Nghê.
148. Huyền thê : say mê vợ Nghê. Mưu : mưu hại Nghê. Lộ sù : khi Nghê cướp ngôi nhà Hạ, dùng Xác làm tướng, Xác thông tình với vợ Nghê là Thuần Hồ, rồi âm mưu giết chết Nghê.
149. Xạ cách : bắn thùng da áo giáp, chỉ tài bắn cung của Nghê.
150. Giao : hợp lực thông mưu. Thôn quí : thôn là trừ diệt, quí là mưu đồ, thôn quí hàm nghĩa âm mưu trừ diệt đi (hoặc giải « quí » cũng nghĩa là trừ diệt). Đây nói Nghê tài bắn như thế, sao Xác với Thuần Hồ lại thông mưu nhau mà trừ diệt được.
151. Nghê : cẩu vồng, màu đỏ trắng gọi là « hồng », xanh trắng gọi là « nghê ». Phất : áng mây hình con rắn,

«anh phát» là áng mây rần lượn quanh, câu này tả cái xiêm mầu cầu vồng và nếp mây lượn của Hằng Nga. Đường đặt sử : La công Viễn nhiều thuật lạ, từng đưa vua Đường Minh hoàng lên chơi cung trăng, thấy tiên nữ mấy trăm người mặc áo nghề trắng, múa hát ở trước sân, hỏi khúc gì? Nói là khúc «nghê thường vũ y» (xiêm nghề áo lông), Minh hoàng về, dựa theo âm điệu, chế ra khúc nhạc «nghê thường vũ y» của nhà vua.

152. Đường : như nghĩa chữ «đường đường», rạng rỡ, lộng lẫy, chỉ phục sức.

153. Lương dược : thuốc quý, chỉ thuốc trường sinh bất tử. Hoài nam tử : Hậu Nghệ xin được thuốc bất tử ở Tây Vương Mẫu, vợ là Hằng Nga lấy trộm rồi chạy trốn lên cung trăng. Linh hiển : Hằng Nga lấy trộm thuốc tiên của Hậu Nghệ, chạy lên cung trăng, hóa làm con thiềm thừ (cóc).

154. Cố tàng : chữ «tàng» đồng nghĩa với chữ «tàng» cố tàng là giấu kín, ý nói Hằng Nga không giấu kín được hình ảnh mình trong cung trăng. Bốn câu trên đây, nói về Hằng Nga, Hằng Nga là vợ Nghệ, nhân hỏi việc Nghệ, mà bói phụ theo.

155. Thiên thức : qui luật thiên nhiên, chỉ các nguyên tắc sinh ra và mất đi của âm dương, sống chết. Tung hoành : dọc ngang, nói quyền lực chế ngự của qui luật thiên nhiên, không ai chống lại được.

156. Dương ly : dương thần lìa thoát. Dương ly viên tử : dương thần đã thoát thì người phải chết, chỉ rõ các qui luật của thiên nhiên.

157. Đại điều : một giống chim lớn. Sơn hải Ninh : Thần núi Chung sơn có con tên là Cồ, cùng Khâm Phi giết Bảo Giang ở phía nam núi Côn lôn, thượng đế giận, sai giết đi, cồ và Khâm Phi cùng hóa làm hai loài chim lớn, tiếng kêu vang.

158. Yên táng quyết thề : thề xác có tiêu mất đâu ? nói cồ và Khâm Phi hóa làm chim lớn, chỉ là từ thề xác này biến ra thề xác kia, chứ không tiêu mất. Bốn câu trên đây, nói về hai thần cồ và Khâm Phi.

Đoạn thứ sáu, hỏi về việc Nghê, Xác làm loạn nhà Hạ, phụ việc Hằng Nga và hai thần cồ, Khâm Phi.

159. Ngáo : con Hàn Xác, do Xác lấy Thuần Hồ mà sinh ra.

160. Thiệu Khang : vua trung hưng nhà Hạ. Tả truyện : Hàn Xác giết vua Tương nhà Hạ, vợ Tương đang có thai, phải chạy trốn, sau sinh ra Thiệu Khang, lánh nạn ở nước Hữu Ngụ (chư hầu nhà Hạ), nhân gây cơ sở, mưu diệt Xác, Ngáo, khôi phục lại nhà Hạ.

161. Nữ Kỳ : tên chị dâu Ngáo. Theo lời chú Trúc thư của Thâm Ước : Hàn Xác lấy Thuần Hồ, sinh con đầu, chết sớm, vợ là Nữ Kỳ, ở góa ; con thứ là Ngáo, tính hoang dâm, đến chơi nhà Nữ Kỳ, có ý gạ gẫm, Nữ Kỳ thuận tình, may xiêm cho Ngáo, rồi ở chung phòng với nhau ; khi ấy, Thiệu Khang sai bảy tôi là Nhữ Ngải đến dò xét Ngáo, đêm vào phòng, lên cất đầu Ngáo, nhưng lăm phách đầu Nữ Kỳ ; sau nhân cuộc đi săn, Ngải, suýt chó cắn ngã Ngáo, rồi chém lấy đầu.

162. Thân : chính mình, chỉ Ngáo. Phùng đái : gặp hại, nói tuy Ngái cắt làm đầu Nữ Kỳ, nhưng sau này, chính Ngáo vẫn bị chém chết trong cuộc đi săn.
163. Thang : chữ này, Chu Hy cho là chữ « Khang » chép lầm. Khang tức Thiếu Khang. Lữ : một đơn vị quân đội thời xưa, gồm năm trăm người. Tả truyện : Khi Thiếu Khang ở nước Hữu Ngụ, mới có đội quân một lữ, sau tập hợp được dân chúng hai nước Châm quán, Châm tầm, rồi khởi binh diệt Ngáo. Đây nói Thiếu Khang mưu đổi địa vị làm chủ một lữ tiến lên làm vua cả thiên hạ.
164. Hậu : đầy sức, đông đảo, chỉ sự tập hợp dân chúng.
165. Phúc Châu : úp thuyền (hàm nghĩa diệt vong). Tả truyện : Vua Tương nhà Hạ mất nước, đến nương tựa hai nước chư hầu cùng họ là Châm quán và Châm tầm. Xác sai Ngáo diệt Châm quán, Châm tầm, giết vua Tương. Trúc thư : Ngáo tiến đánh Châm tầm ở sông Duy, làm úp thuyền Châm tầm, rồi diệt nước ấy.
166. Thù : thu phục, nói Châm tầm đã bị diệt rồi, cách nào mà thu phục được ?
- Đoạn thứ bảy, hỏi về việc hưng vong của Ngáo và Thiếu Khang (một hưng, một vong, hai sự việc có liên quan mật thiết với nhau).
167. Kiệt : bạo chúa nhà Hạ, tên chính là Lý Quí, Mông sơn : tên nước chư hầu đời nhà Hạ.
168. Muội Hỷ : Vợ chúa Kiệt, Sứ ký, Hán thư và Liệt nữ truyện đều chép là Mạt Hỷ. Quốc ngữ : Hạ Kiệt đánh

nước Hữu Thi, nước ấy dâng con gái là Muội Hỷ. Liệt nữ truyện : Kiệt ngày đêm cùng Mạt Hỷ uống rượu, Hỷ nói gì cũng nghe, ai trái ý Hỷ là vua giết ngay. Tứ : dâm loạn (Trúc thư : « Đế Quí năm thứ 4, đánh Mân Sơn, được hai gái đẹp, là Uyển và Diễm, vua yêu đương, bỏ vợ chính là Muội Hỷ ở đất Lạc, Muội Hỷ mới giao thiệp với Y Doãn, làm nhà Hạ diệt vong ». Đế Quí tức chúa Kiệt, Mân sơn còn tên là Hồng môn, tức Mông sơn. Có sách lấy sự việc trong Trúc thư giải vào đây, « đặc » là được hai gái Uyển, Diễm, « tứ » là Muội Hỷ. làm sự giống can, giao thiệp với Y Doãn để diệt Kiệt).

169. Thang : tức Thành Thang, vua sáng nghiệp nhà Thương. Cức : đầy đi một nơi, an trí. Sử Ký : chúa Kiệt dâm ngược vô đạo, Thành Thang khởi quân đánh đuổi, đầy tại đất Nam sào, rồi chết ở đó.

170. Duyên học sức ngọc : duyên, sức đều nghĩa là trang sức, học là gọt dũa đồ ngà, ý nói dùng ngọc, ngà trang sức cho khí cụ tế lễ.

171. Hường : cúng lễ, nói dùng đồ tế ngọc ngà để cúng lễ thượng đế.

172. Thừa mưu : nối dõi mưu mô, kế nghiệp.

173. Đây nói Kiệt thừa kế gia nghiệp, cũng cúng tế thượng đế như các tiền vương, sao trọn bị diệt vong.

174. Đế, vua Thang. Giảng quan : xuống địa phương quan sát phong tục, chính sự. Giảng quan tức sự việc « đông tuần » (Thành Thang đông tuần) nói ở đoạn dưới.

175. Chí : tên Y Doãn, hiền tướng của vua Thang.

176. Điều phóng : Điều tức Minh điều, tên đất (thuộc tỉnh Sơn tây Trung quốc ngày nay), Điều phóng là đây tại đất Minh điều. Theo Kinh Thư và Thư tỵ: Thành Thang đánh Kiệt ở Minh điều, Kiệt thua, chạy đi Nam sào, Thang nhân đây ở đó cho đến chết (Kiệt tuy bị đẩy tại Nam sào, nhưng coi như bị đẩy từ nơi thua quân, vì sau khi Kiệt thua tại Minh điều, thì chạy Nam sào ngay; nên đây nói đây tại Minh điều).
177. Lê : tức là dân, dân chúng. Phục : tin theo, phục tình. Đây nói Thang được Y Doãn phụ tá, tu sửa đức chính, nên tuy đây chưa Kiệt, diệt nhà Hạ, mà nhân dân phục tình, vui mừng.
178. Giản Dịch : con gái nước Hữu Nhung, vợ thứ Đế Cốc.
179. Cốc : tức Đế Cốc, hiệu là Cao Tân thị, một vua thời thượng cổ, cha Đế Nghiêu. Nghi : hợp, ưng ý.
180. Huyền điều : chim yến, có thuyết cho huyền điều là chim phượng. Trí di : đưa sinh lễ. Lã thị xuân thu : « Nước Hữu nhung có hai gái đẹp (chị là Giản Dịch, em là Kiến Tỳ), ở trên đài chín tầng, Đế Cốc sai chim yến đến thăm, chim yến đẻ trứng để lại, rồi bay đi ». Sử ký : Giản Dịch lấy Đế Cốc, sinh ra Tiết, Tiết giúp Vũ trị thủy, có công, được phong ở nước Thương, là thủy tổ nhà Thương sau này. Tương Ký nói : Thiên văn và Tư mã nhân (cửu chương) đều có câu « Huyền điều trí di », xét kỹ văn nghĩa, chỉ là Đế Cốc sai chim Yến đến đưa sinh lễ để kết hôn với Giản Dịch, chứ không có chuyện nuốt trứng chim yến rồi có thai mà

sinh ra Tiết, như chép ở các sách Sử ký, Liệt nữ truyện đời sau (Lã thị xuân thu cũng chỉ nói chim yến đẻ trứng để lại, không nói nuốt trứng sinh ra Tiết).

181. Hỷ : vui mừng, chữ này, có bản chép là gia, tiếp nhận sinh lễ. Trên nói việc Thành Thang, đây nhân nói tới việc Đổ Cốc và Giản Địch, gốc tích tổ tiên của nhà Thương.

Đoạn thứ tám, hỏi việc hưng vong của Kiệt và Thang (hai sự việc hưng vong, có quan hệ mật thiết với nhau).

182. Thuấn : vua nhà Ngu, tính chí hiếu, vua Nghiêu cử ra nhiếp chính, rồi nhường ngôi cho. Mẫn : lo, nói lo việc hiếu dưỡng ở gia đình.

183. Phụ : cha Thuấn, tên là Cồ Tâu. Quan : người không vợ. Kinh Thư : « Hữu quan tại hạ viết Ngu Thuấn » : ở dưới dân chúng, có người không vợ, gọi là Ngu Thuấn.

184. Điều : họ Thuấn. Bất Điều cáo : không báo cho họ Điều, tức không báo cho cha mẹ Thuấn.

185. Nhị nữ : hai con gái Nghiêu, tức Nga Hoàng và Nữ Anh. Theo kinh Thư và Sử ký, Nghiêu muốn cầu người hiền đức để nhường ngôi, tứ nhạc (bốn trưởng chư hầu ở bốn phương). cử Ngu Thuấn, Nghiêu bèn gả hai con gái cho Thuấn.

186. Phục : chữ này, mỗi bản giải một nghĩa (hòa thuận, phục tòng, phục sự), không thống nhất, theo chúng tôi, có lẽ giải là cảm hóa, thì thuận nghĩa câu văn hơn (kinh Thư nói cha Thuấn chuông ngành, mẹ ngu độn, Tượng ngạo mạn, Thuấn đều lấy đạo hiếu để mà cảm hóa). Đệ : em Thuấn, tên là Tượng.

187. Hại : mưu hại. Theo Sử ký, mẹ Thuấn chết, Cồ Tâu lấy vợ kế, sinh ra Tạng, Tạng thường mưu giết Thuấn.
188. Bất nguy hại : nói Tạng được thoát tội, không nguy hại đến tính mạng.
189. Huyền : mê loạn, huyền đệ là người em mê loạn. Dâm : dâm dục, chỉ việc Tạng muốn giết Thuấn để chiếm lấy chị dâu (con gái Nghiêu).
190. Hậu tự : con cháu sau. Sau khi Thuấn làm thiên tử, phong Tạng làm vua nước Hữu ty (chư hầu), và con cháu được nối nghiệp mãi.

Đoạn thứ chín, hỏi về việc Thuấn và Tạng (Đây nói việc Nghiêu gả con gái cho Thuấn là muốn nói cuộc « thiện nhượng » của đời Đường Ngu, tiếp ý cuộc « chinh tru » của Thành Thang đời Thương đoạn trên ; còn việc Tạng, một người em dâm ác như thế đã không gia tội, lại phong làm vua hầu, nói lên đức hiếu để cao cả của Thuấn, cũng tiếp ý tu sửa văn đức, cảm hóa nước Hữu Miêu ở đoạn thứ tư).

191. Cai : không rõ nghĩa, Chu Hy cho là chữ « Khái » chép lầm, Khái tức vua Khái nhà Hạ. Quí : tuổi trẻ.
192. Phụ : cha Khái, tức Vũ. Tang : cho là tốt, khen ngợi.
193. Tệ : mệt sức. Hữu hồ : nước chư hầu đời nhà Hạ (cùng họ với vua Hạ).
194. Mục phu ngư dương : tức ngư dương mục phu (tác giả đặt đảo câu), kẻ chăn trâu dê, mục thụ. Sở từ bỏ chú : Vũ truyền ngôi cho Khái, nước Hữu hồ cho là bất nghĩa, chống lại Khái, Khái thân chinh diệt đi, phế

làm dòng mục thụ. Đây nói : Khái từ tuổi trẻ, đã giữ được đức tốt, Vũ thường khen ngợi, thì kẻ ngồi Vũ, cũng là xứng đáng, sao Hữu hồ lại không phục, để Khái một sức chinh phạt, mới ổn định được cái ngôi của mình. Lâm Văn Minh nói : Nghiêu, Thuấn « nhường ngôi », Vũ Khái « kẻ ngồi », sự việc đổi thay mới lạ, khó phục được lòng người. (Vũ Khái biến « nhường ngôi » làm « kẻ ngồi », đến Thang, Vũ, lại biến làm cuộc « Chinh tru », đều những sự kiện đặc biệt trong lịch sử, nên tác giả hỏi nhiều về đó).

195. Phòng : gặp tai nạn, chỉ việc Hữu hồ bị Khái tới đánh.
196. Kích sàng : tới đánh tận giường nằm. Tiên xuất : thoát ra trước.
197. Hà tòng : trốn nơi nào.
198. Hằng : thường như thế, nói sự giữ đức tốt của Khái, trước sau không biến đổi, tiếp ý câu « cái bình quý đức » trên.
199. Phác ngư : trâu to.
200. Doanh : cầu. Vãng doanh ban lộc : đi tế trời cầu ban phúc lộc, nói việc tế giao (tế trời) của các đế vương thời xưa.
201. Hoàn lai : tế giao trở về. Đây nói : sau khi diệt Hữu hồ, Khái vẫn giữ được đức tốt, nên mới có thể dùng trâu to tế trời mà cầu được phúc lộc, chứ không phải lễ tế giao bình thường, tế xong rồi về thôi.
202. Hôn vi : mờ ám, ăn vi. Tích : dấu vết, hành vi.

203. Định : đi định, hữu định là có tính hạnh man rợ. Ninh : yên ổn, bảo toàn thân danh.
204. Phồn điều : như nói chúng điều, bày chim. Tụ cực : đậu trên bụi gai.
205. Phụ tử : công con. Tử tình : buông tình, trêu ghẹo. Đòi Xuân thu, Giải Cự Phủ, đại phu nước Tấn, đi sứ nước Ngô, khi qua nước Trần, gặp người phụ nữ công con, muốn thông dâm, người đó đọc câu thơ trong kinh. Thi « Một môn hữu cực, hữu hảo tụ chi » (cửa mộ có bụi gai, con chim cú tới đậu, đó là câu thơ ở Trần phong kinh Thi, chê người có hành vi bất lương, ví như chim cú đậu bụi gai) để chế nhạo. Đây nói : Giải Cự Phủ muốn thông dâm với người phụ nữ công con, đó là con người có tính hạnh ám muội, man rợ, thân danh không thể bảo toàn được. Bốn câu trên, văn nghĩa rất khó hiểu, không rõ tác giả nói sự việc gì ? các nhà chú giải, có nhiều ý kiến khác nhau, Vương Dật cho là nói Giải Cự Phủ, Lâm Văn Minh cho là nói Giản Định (Hữu Định tức Giản Định), Khuất Phục cho là nói chúa Trụ..., đều không có bằng cứ chính xác, nhưng lời chú Vương Dật, tương đối thuận nghĩa câu văn hơn, nên trên đây, chúng tôi tạm chú theo lời Vương Dật, cả từ ngữ và sự tích Giải Cự Phủ. Và cũng vì sự việc chưa được xác minh, chúng tôi vẫn theo Quách Mạt Nhược, để sau việc Khải, Hồ.

Đoạn thứ mười, hỏi về việc Khải, Hồ, (đoạn này hỏi việc « Kế ngôi », tiếp ý « nhường ngôi » đoạn trên).

Tướng Ký nói : Triều đại nhà Hạ, có nhiều cuộc biến cố về thế đạo thăng giáng, nên tác giả hỏi nhiều hơn các triều đại khác.

206. Đông tuần : đi tuần hành phía đông (tức ý « giáng quan » ở đoạn trên).

207. Hữu Sần : nước chư hầu đời nhà Hạ (thuộc tỉnh Hà-nam Trung quốc ngày nay). Cục : tới đến. Hữu Sần ở bên đông đất Bạc, nơi Thành Thang đóng đô, nên trên nói « đông tuần ».

208. Tiểu thần : bề tôi nhỏ, chỉ Y Doãn, khi ấy Y Doãn là bề tôi nhỏ của nước Hữu Sần.

209. Cát phi : như nói hiền phi. Thế kỷ : Thang mộng thấy một người mang đồ vạc, thớt (đỉnh trổ) đứng trước mặt mà cười, tỉnh dậy, đi tìm, được Y Chí ở nội Hữu Sần, nhưng vua Hữu Sần giữ lại. Thang mới cầu hôn với nước ấy, vua nước ấy bèn gả con gái cho, và cho Y Chí đi theo hầu cô dâu. Sử ký : Y Doãn muốn hành đạo, giúp vua Thang, nhân làm người nấu bếp theo hầu cô gái Hữu Sần, liền khi dâng món ăn, được gần vua Thang, nói vua làm nhân chính, gây dựng vương nghiệp (Y Doãn làm người nấu bếp, nên Thế Kỷ nói mang « vạc thớt », đồ dùng nấu và thái thịt). Liệt nữ truyện : Cô gái Hữu Sần, khi về với vua Thang, giáo hóa được các phi tần, không ai ghen tương, giúp vua gây nên nghiệp lớn, nên đây nói là « cát phi ».

210. Mộc : cây dâu.

211. Tiểu tử : đứa bé mới sinh. Lễ thị xuân thu : Mẹ Y Doãn trú trên bờ sông Y, khi có mang Y Doãn, mộng thấy

thần báo rằng : « Lúc nào lỗ cối gạo có nước, phải chạy tránh ngay về phía đông », ngày mai, thấy lỗ cối gạo có nước, vội chạy về phía đông mười dặm, ngoài trông lại, nước sông dâng ngập cả làng, rồi tự hóa làm cây dâu rừng lông, khi ấy, có người con gái đi hái dâu, bắt được đũa bé trong lòng cây dâu, đưa về hiến vua Hữu Sần, vua sai người nấu bếp nuôi dưỡng, đặt tên là Y Doãn.

212. Dăng : theo hầu cô dâu. Thời xưa, con gái các vua chư hầu, khi lấy chồng, thường bắt một số người đi theo phục dịch, gọi là « dâng thần ».
213. Trùng tuyền : tên đất (thuộc tỉnh Thiểm tây Trung quốc ngày nay). Thái công kim quí : Kiệt giặc Thang, bắt Thang giam ở quân đài (tên nhà ngục đời Hạ), rồi đầy đi Trùng tuyền, Thang phải dùng kế hối lộ, Kiệt mới tha ra. Sứ ký : Kiệt giết Quan Long Bàng (một trung thần nhà Hạ), Thang sai người đến khóc lóc, Kiệt giận, bắt giam ở hạ đài (tức quân đài).
214. Bất thẳng tâm : không phải bản tâm. Đế : chúa Kiệt.
215. Khiêu : khêu gợi, bày mưu kế. Ý nói Thang đánh Kiệt, không phải bản tâm, do có người bày mưu kế, ám chỉ : Y Doãn.
216. Thần Chi : dùng Y Chi tức Y Doãn làm bề tôi.
217. Hậu tự : như nói hậu thủ, sau đó. Thừa phụ : thừa là tiến, phụ là phụ tá, nói Thang tiến Y Doãn làm phụ tá cho chúa Kiệt.
218. Quan Thang : lại làm tôi vua Thang. Theo sử ký : Thang được Y Doãn, tiến lên Kiệt. (trước sau năm lần), Y Doãn

lấy đạo Nghiêu, Thuấn khuyên bảo, Kiệt không nghe, sau cùng, Y Doãn lại trở về với Thang.

219. Tôn thực : tôn là tôn sùng, thực là phẩm vật tế tự, nói dùng lễ tế một cách tôn sùng, chỉ lễ tế của thiên tử. Tông tự : tổ tông và dòng dõi. Đây nói : Thang tông tiên Y Doãn cho chúa Kiệt, nhưng cuối cùng, Y Doãn lại về giúp Thang, gây dựng nghiệp lớn, nên Thang được lấy lễ thiên tử tế tổ tiên và truyền mãi còn cháu sau.

Đoạn thứ mười một, hỏi việc Thang cầu được hiền thần Y Doãn mà dựng nên cơ nghiệp nhà Thương (Thành Thang nhà Thương cũng như Văn vương, Vũ vương nhà Chu, đều do cầu được hiền thần mà hưng thịnh, ngược lại, Kiệt cũng như Trụ, đều do sát hại hiền thần mà diệt vong).

220. Trụ : bạo chúa nhà Ân, Trụ là tên thụy, tên chính là Thụ Tân (có khi gọi tắt là Thụ hoặc Tân).
221. Loạn hoặc : càn loạn, mê hoặc. Câu này cũng như câu « Ân hữu hoặc phụ » (nhà Ân có dân bà làm mê hoặc vua) dưới đây, đều chỉ Đát Kỷ. Đát Kỷ là con gái nước Hữu Tô (chư hầu nhà Hạ), vợ chúa Trụ, được Trụ yêu, thường xúc xiểm Trụ làm việc tàn bạo, Đát Kỷ yêu ai thì Trụ phong quan tước cho, ghét ai thì Trụ giết đi (theo Sử Ký).
222. Phụ bật : chỉ người phụ tá trung thành, như Tỷ Can Cơ tử.
223. Sàm siểm : chỉ bọn gièm nịnh Lôi Khai. Phục : dùng.
224. Mạnh : măm mống xa xỉ.

225. Ưu : ước đoán.

226. Hoàng đài : hoàng là thứ ngọc quý, hoàng đài như nói dao đài, đài ngọc. Thành : trùng, tăng. Lời chú cũ : Đời Ân, Cơ Tử thấy Trụ làm đĩa ngà, than rằng : Người làm đĩa ngà, tất làm chén ngọc, chén ngọc tất đựng bàn tay gấu, bao tử báo, như thế, tất làm cung rộng điện cao, quả nhiên sau đó Trụ làm đài ngọc mười tầng, rồi bị diệt vong. Thế Kỳ : Trụ làm quỳnh thất (nhà ngọc), trang sức bằng các thứ ngọc quý, bảy năm mới thành, rộng mười dặm, cao nghìn trượng, trong chứa nhiều mỹ nữ.

227. Cực : suy đến cùng. Đây nói : khi Trụ làm đĩa ngà, mới có cái mầm mống xa xỉ, ai đã suy đoán đến cùng mà biết được sau này Trụ sẽ làm đài ngọc.

228. Tỳ Can : chủ, bác chúa Trụ, làm quan thiếu sư. Sứ Kỳ : Trụ dâm loạn vô đạo, Tỳ Can can gián luôn ba ngày, Trụ cá giận, nói : Tỳ Can tự cho là thánh nhân, ta nghe nói trái tim thánh nhân có bảy khiêu (lỗ), không biết có thật không ? rồi giết Tỳ Can, mổ xem trái tim. Nghịch : trái ý; chỉ việc can gián.

229. Ưu trầm : dìm giập, hàm ý tàn sát.

230. Lôi Khai : gian thần của chúa Trụ. Đại Kỳ : Lôi Khai tiến lời nịnh bót, Trụ ban vàng bạc, lại phong quan tước và đất đai nữa. Thuận : chiều ý, chỉ việc nịnh bót.

231. Nhất đức : đức hạnh thuần nhất.

232. Phương : kế chước, chỉ việc làm.

233. Mai bá : tức Ngạc hầu, vua chư hầu nhà Hạ. Sứ Ký : Cừ hầu có con gái đẹp, tiến cho Trụ, con gái không thích dâm dục, Trụ giết đi, và giết cả Cừ hầu, ướp thịt làm mắm, Ngạc hầu cố can ngăn, Trụ lại giết luôn, lấy thịt làm nem chạo. Hải : ướp thịt làm mắm.
234. Cơ tử : chú, bác chúa Trụ, chính tên là Tư Dư, làm quan thái sư, được phong tước tử nước Cơ, nên gọi Cơ tử. Sứ Ký : Trụ vô đạo, Cơ tử can không nghe, bèn xòa tóc, giả điên dại, làm người nô bộc. Đây nói : cùng là bậc thánh nhân, có một đức hạnh thuần nhất, sao đến việc làm, mỗi người lại theo một đường, Mai bá cố can gián mà bị giết, còn Cơ tử thì giả điên dại mà làm nô bộc. Mười sáu câu trên đây, nói việc chúa Trụ mê hoặc, xa xỉ, tin dùng sàm nịnh, sát hại trung lương.
235. Hội triệu : một buổi sớm hội quân. Sứ Ký : Vũ vương đánh Trụ, khi qua sông Hà, các nước chư hầu không ước hẹn mà đến hội ở bến Mạnh Tân, có hơn tám trăm nước.
236. Thương điều : cũng như thương ung, chim ung xanh, chim cắt, ví với các tướng tá giỏi đánh trận. Đây nói tướng sĩ của Vũ vương, đều dũng cảm tranh nhau tiến lên, như đàn chim ung bay ào tới.
237. Tụ hội, tập hợp.
238. Liệt kích : nhất tề hội chiến.
239. Thúc Đán : Đán là tên Chu công, em Vũ vương, nên gọi là thúc. Bất gia : cho là chưa thuận lợi, nói việc tiến đánh quân Trụ khi ấy. Lục thao : Vũ vương cùng Chu công Đán xem trận thế của Trụ, liền cho quân dừng lại.

Thái công (Lã Vọng) nói : Sao không ruổi tới, Chu công nói : Thiên thời chưa thuận lợi, chưa thể ruổi tới được.

240. Quí : trù hoạch, bày mưu lược. Phát : tên Vũ vương, vua sáng nghiệp nhà Chu.
241. Tư ta : than thở. Lã thị xuân thu : Sau khi thắng Ân, Vũ vương sợ hãi, trào nước mắt, sai Chu công mời các bô lão nhà Ân đến, hỏi nguyên vọng của nhân dân. Hàn thi ngoại truyện : Sau khi thắng Trụ, Thái công nói : Nên giết hết quân địch, đừng để sót lại, Vũ vương nói : Than ôi ! như thế thì thiên hạ chưa yên định ! Chu công nói : Nên làm sao cho nhân dân được nhà ai người ấy sửa, ruộng ai người ấy cày, Vũ vương nói : Than ôi ! như thế thì thiên hạ mới yên định ! Hai chữ « tư ta » đây, chỉ việc Vũ vương trào nước mắt và than thở ở trên, ý nói : Vũ vương biết thương xót nhân dân, lo yên định vận mệnh nhà Chu, với những lời than thở đã thốt ra.
242. Thi : cho, « an thi » nói trời thấy nhà Ân có đức gì mà trao cho ngôi vua như thế !
243. Phán thành : phản lại sự tác thành (trao cho ngôi vua).
244. Tội : chỉ tội ác của chúa Trụ.
245. Khiên : điều khiển, sử dụng. Phạt khí : khí giới đánh nhau, như nói vũ khí.
246. Hà dĩ hành : vì sao mà tự làm ? Hai câu này tiếp ý hai câu « Hội triệu tranh minh » trên, nói sao không ai cưỡng bách mà các nước chư hầu lại tự tranh nhau cầm vũ khí đánh địch ?
247. Dục : hai cánh quân tả hữu.

248. Hà di tương : tương là phụng mệnh, thừa hành, nói vì sao mà tự thừa hành ? Hai câu này tiếp ý hai câu « Thương điều quân phi » trên, nói sao không ai mệnh lệnh, mà các tướng sĩ chư hầu lại tự thừa hành, đột công hai cánh quân địch ? Mười sáu câu trên đây, nói việc Vũ vương diệt Trụ.

Đoạn thứ mười hai, hỏi việc hưng vong của Trụ và Vũ vương (hai sự việc hưng vong, có liên quan mật thiết với nhau). « Chính tru » là cuộc biến đổi lớn trong lịch sử, nên tác giả hỏi nhiều về việc Thành Thang cũng như Vũ vương.

249. Tắc : tức Hậu Tắc, thủy tổ nhà Chu, chính tên là Khí, thời vua Nghiêu, Thuấn, làm quan hậu tắc (nông quan), nên gọi là Hậu Tắc. Sứ ký : Khương Nguyên, vợ cả vua Đế Cốc, ra chơi ngoài nội, thấy có vết chân người to lớn, nhân giẫm đạp lên vết chân đó, rồi có thai, sinh ra Hậu Tắc, cho là điềm không-lạnh, liền vớt ra ngõ hẻm, trâu ngựa không giẫm lên, lại đem vớt trên vầng lạnh, có con chim đến lấy cánh ấp ủ, Khương Nguyên cho là thần, mới đưa về nuôi, đặt tên là Khí (hàm ý vớt bỏ). Nguyên tử : con cả, Tắc là con đầu lòng của Đế Cốc, nên gọi nguyên tử.

250. Đế : thượng đế. Trúc : đọc là đốc, đồng nghĩa với chữ « đốc » là hậu, ý nói thượng đế sao lại hậu tình với Tắc ?

251. Ưc : ấp cho ấm nóng.

252. Bằng cung : kéo căng cánh cung.

253. **Thù năng** : tài năng đặc biệt. **Tương** : vâng nhận. **Trúc sử** : **Quý Lịch** (cha **Văn vương**) có nhiều công lao, vua nhà **Ân** (**Đế Ất**, cha **Trụ**) phong làm chức hầu bá vùng **Mân Kỳ**, và ban cho cung đồ tên đen (thứ cung tên dành cho người có công lớn). Đây nói **Quý Lịch** có đặc tài, nên được nhận các thứ cung tên mà vua **Ân** ban cho.
254. **Kinh động** : làm vua **Ân** kinh sợ. **Thiết khích** : áp sát và khích động.
255. **Phùng trường** : truyền lâu dài. Đây nói **Quý Lịch** là người nhiều công lớn, quyền vị áp bên vua, làm vua kinh động, có thể có nguy cơ bất trắc, thế mà tước lộc và đất phong vẫn truyền kế lâu dài.
256. **Bá Xương** : bá là Tây bá, **Xương** là tên **Văn vương** (cha **Vũ vương**), **Văn vương** làm hầu bá phương tây, nên gọi Tây bá. **Hiệu suy** : giữ hiệu lệnh thời nhà **Ân** suy vi (**Lâm Văn Minh** giải là **Văn vương** hiệu triệu những nước chư hầu phản chúa **Trụ** trở lại theo **Trụ** trong lúc nhà **Ân** suy vi). **Sử ký** : **Chúa Trụ** phong **Văn vương** chức hầu bá, ban cho cung tên và bữa dĩa (phủ việt, hình cụp trong quân), giữ đặc quyền việc chinh phạt trong thiên hạ.
257. **Bình tiên** : cầm roi. **Mục** : chức mục, người chăn dân. **Văn vương** làm hầu bá, giữ chức chăn dân, ví như người cầm roi chăn trâu, nên dùng chữ « bình tiên » (nghĩa bóng).
258. **Triệt** : phá bỏ đi. **Kỳ xã** : nền xã đất **Kỳ** (**Kỳ** là đất dựng nước của nhà **Chu**, xem chú thích 260 ở dưới, xã

là nền tế thần đất). Sau khi diệt Trụ, Vũ vương phá bỏ nền xã đất kỳ, làm một nền xã lớn ở kinh đô Cao (kinh đô mới của Vũ vương). Cấp trùng Chu thư : nhà Chu đắp một nền xã lớn trong kinh thành, phía đông đất xanh, nam đất đỏ, tây đất trắng, bắc đất đen, chính giữa đất vàng, khi phong đất cho vua chư hầu ở phương nào, thì đào lấy đất ở phương ấy, ngoài bao đất vàng, gói bằng cỏ trắng, gọi là gói đất phong (« thờ phong »).

259. Ân quốc : nước Ân, tức thiên hạ của nhà Ân. Đây nói : Văn vương làm chức mục, giữ hiệu lệnh, chỉ là một chư hầu của nhà Ân, sao sau này Vũ vương lại có thể phá bỏ nền xã đất kỳ, lấy được cả thiên hạ nhà Ân ?

260. Tạng : kho tàng. Kỳ : tức Kỳ sơn, chính là tên núi, ở phía tây Trung quốc, dưới núi có vùng đất Chu nguyên, nơi Cỗ công dựng nước. Sứ Kỳ : Đán Phủ, hiệu Cỗ công (cha Quý Lịch, ông Văn vương), trước ở đất Mân, bị người địch (dân tộc phương bắc) xâm lấn, mới rời sang đất Kỳ sơn, đặt quốc hiệu là Chu (lấy tên đất Chu nguyên).

261. Y : nương tựa, nói Cỗ công là người được nhân dân nương tựa mà theo về với mình. Ngô Việt xuân thu : Cỗ công bỏ đất Mân, người Mân giã trẻ dất nhau, mang xách cả nôi chõ đi theo ông.

262. Hoặc phụ : người đàn bà làm mẹ hoặc vua, chỉ Đất Kỳ.

263. Đây nói : nhà Chu hưng thịnh, cũng do công gây dựng của Cỗ công, mà nhà Ân diệt vong, cũng do sự mê hoặc của Đất Kỳ.

264. Thụ : tên chúa Trạ (xem chú thích 220). Hải : mắm thịt, chỉ mắm thịt Mai bá (xem chú thích 233).
265. Tây bá : tức Văn vương. Lã thị xuân thu : Trạ giết Mai bá, ướp thịt làm mắm, đưa cho Văn vương, Văn vương ngoài mặt vờ nhận, rồi truyền báo với các nước chư hầu. Chương cú : Trạ đưa mắm thịt Mai bá cho các vua chư hầu, Văn vương đem tế các thượng đế (theo lời chúa Khuất Phục : Trạ giết Bá Ấp Khảo, con Văn vương, lấy thịt nấu canh, đưa cho Văn vương, vương ăn, Trạ nói : si bảo Tây bá là thánh nhân, ăn thịt con mà không biết).
266. Sư Vọng : Vọng tức Lã Vọng, Văn vương tôn làm sư phụ, Vũ vương lại tôn làm sư thượng phụ, nên gọi là Sư Vọng (có sách giải sư là thái sư, chức phong của Lã Vọng). Tứ : chợ. Truyền thuyết : Lã Vọng trước làm nghề mò trâu ở đất Triều ca, nên đây nói Sư Vọng ở chợ.
267. Xương : tên Văn vương. Chi : nhận xét và biện biệt được.
268. Cờ đao : khía đao, tức vận dụng con dao để mổ thịt. Dương thanh : phát âm thanh, con dao mổ thịt thời xưa, chỗ đầu chuôi có đeo cái nhạc con, khi đưa dao qua lại, thì nó phát ra những tiếng kêu leng keng.
269. Hậu : vua Văn vương. Chương cú : Lã Vọng khía đao trong quán chợ, Văn vương tới hỏi, Lã Vọng nói : Người mổ thịt bậc dưới thì mổ trâu bò, người mổ thịt bậc trên, thì mổ quốc gia (« Hạ đồ đồ ngu, thượng đồ đồ quốc »), Văn vương mừng, liền đón về.

270. Vũ Phát : tức Vũ vương Phát. Ân : chúa nhà Ân, chỉ Trụ. Cấp trùng Chu thụ : Trụ thua quân, tự thiêu chết, Vũ vương đến chỗ Trụ chết, bần ba phát, chặt lấy đầu, treo trên cờ thái bạch.
271. Ấp : không vui, uất giận. Đây nói : Trụ đã chết rồi, Vũ vương còn chặt đầu treo trên ngọn cờ, là có sự uất giận gì ?
272. Thi : mộc chủ, thần chủ. Sứ ký : Vũ vương hội quân ở bến Mạnh tân, đem cả thần chủ Văn vương chở xe đi theo (khi ấy, Văn vương mới chết, chưa làm lễ táng, nên đem thần chủ đi theo. Thời xưa, thiên tử bảy tháng mới làm lễ an táng, chư hầu năm tháng, khi mới chết, còn để quan ở trong nhà). Tập chiến : như nói hội chiến.
273. Bá lâm : nghi là tên đất, hoặc nói là tên tự Thân Sinh. Thân Sinh là con thái tử vua Hiến công nước Tấn đời Xuân Thu, Hiến công yêu vợ thiếp là Ly Cơ, muốn giết Thân Sinh, lập con Cơ làm thái tử, em Thân Sinh là Trùng Nhĩ khuyên nên lánh ra nước ngoài, Sinh không nghe, rồi thất cổ chết. Trĩ kinh : thất cổ chết. Quốc ngữ : « Thân Sinh trĩ kinh ư Tân thành chi miếu » : Thân Sinh tự thất cổ chết ở miếu Tân thành.
274. Cảm thiên ức địa : cảm động trời đất.
275. Đây nói : nỗi oan ức của Thân Sinh, trời đất cũng cảm động, còn sợ gì mà không tự biện bạch để phải thất cổ chết ? Đoạn này đang nói việc Ân, Chu, bỗng xen vào việc Thân Sinh nước Tấn đời Xuân thu, xét ra, không hợp thể, nhưng bốn câu trên đây, vận nghĩa không rõ,

nhất là hai chữ « bá lâm », nên chúng tôi cũng như một số nhà chú giải, hãy tạm theo thuyết Vương Dật, cho là việc Thân Sinh (như đã chú ở trên).

276. Tập mệnh : tập hợp mệnh trời.

277. Giới : răn sợ, nói những người được mệnh trời tập hợp, thường phải răn sợ.

278. Thụ lễ : hưởng thụ lễ tôn sùng của thiên hạ, chỉ sự được ở ngôi vua.

279. Chí đại : đến thay thế. Ý nói một vị vua đang được thiên hạ tôn sùng, bỗng trời lại khiến người khác đến thay thế, như Thang thay Kiệt, Vũ vương thay Trụ (Hạ bị Ân diệt, Ân lại bị Chu diệt).

Đoạn thứ mười ba, hỏi về việc tổ tiên nhà Chu, từ Hậu Tắc, Cỗ công đến Quý Lịch, nhất là Văn vương, và sự phụ Lã Vọng, đều những người có công lao xây dựng cho sự nghiệp diệt Ân hưng Chu của Vũ vương sau này. Bốn câu « Hoàng thiên tập mệnh » nói lên ý « thiên mệnh vô thường », phải thường răn sợ, đề phòng kết những sự việc hưng vong của cả ba triều đại Hạ, Ân, Chu.

280. Chiêu hậu : Chiêu vương nhà Chu, (cháu tăng tôn Vũ vương). Thành du : thành ra cuộc đi chơi, ý nói không phải đi tuần thú, xem xét chính sự địa phương, chỉ là đi chơi thôi.

281. Nam thổ : đất miền nam, miền Chiêu vương đi chơi. Đề : dừng lại đấy, chỉ cuộc đi chơi (hàm ý Chiêu vương chết ở đấy không về được).

282. Bạch trĩ : trĩ trắng, loài chim quý. Trúc thư kỷ niên : Cuối đời Chiêu vương, người nước Kinh (Sở) dâng thư nói với vua rằng : « Nguyên hiền chim bạch trĩ », rồi mật sai người bến sông Hán (thuộc nước Kinh) làm chiếc thuyền gắn keo, chèo ở đó, Chiêu vương không biết mưu người Kinh, bèn đi tuần thú (mượn danh tuần thú) phương nam, tới sông Hán, xuống chiếc thuyền gắn keo, đến giữa sông, keo rữa, thuyền rời ra từng mảng, Chiêu vương liền chết đuối.
283. Mục vương : vua nhà Chp, con Chiêu vương. Mỗi : tham, ham muốn, xáo mỗi là khéo tham cuộc vui chơi.
284. Hoàn lý : dạo xem quanh khắp. Sử ký : Mục vương được tám con tuần mã, lại có Tào Phủ giỏi lái xe, nên vua muốn thả lỏng vui chơi, chu du khắp thiên hạ, chỗ nào cũng có dấu bánh xe, vết chân ngựa. Lời chú Trúc thư : Mục vương bắc tới miền biển cát, tây đến núi Côn lôn, dạo xem khắp thiên hạ, đi mười chín vạn dặm đường.
285. Yêu phu : người yêu quái. Duệ huyện : huyện là bán rong, duệ huyện là dắt nhau đi bán rong.
286. Hào : rao vác lên (tiếng rao hàng).
287. Chu U : U vương nhà Chu. Tru : tội, bắt tội.
288. Bao Tự : vợ thiếp yêu của U vương. Theo Quốc ngữ và Sử ký : Cuối đời Hạ, có hai con rồng hiện ở trước sân vua, nói : « Ta là hai vua nước Bao » (chư hầu đời Hạ), vua Hạ nhân xin nước dãi hai rồng đó, dựng vào một hòm kín, qua đời Ân đến Chu, không ai dám mở

ra, cuối đời Lệ vương, mới mở xem, nước dãi chảy ra sân, hóa làm con giải đen, bỏ vào hậu cung, một người thiếp, tuổi còn nhỏ, gặp con giải, rồi tự nhiên có thai, đến đời Tuyên vương (con Lệ vương), sinh một đứa con gái, sơ, vớt ra đường. Trước đó, Tuyên vương thường nghe có câu đồng dao : « Yêm hồ cơ phục, thực vong Chu quốc » : cung gỗ dẫu, túi tên có sậy, thực làm mất nước nhà Chu, một hôm, thấy hai vợ chồng người mang cung gỗ dẫu, túi tên có sậy đi bán rong, vua sai bắt giam, định giết đi, đêm, hai vợ chồng người ấy trốn ra được, nghe tiếng khóc đứa con gái bị vớt ở đường, liền âm về, rồi chạy đến ở nước Bao. Qua đời U vương (con Tuyên vương) nước Bao có người bị tội, bèn dâng con gái đó, tức Bao Tự, dề chuộc tội. U vương yêu Bao Tự, rồi phế Thân hầu và thái tử Nghi Cửu, lập Bao Tự làm hoàng hậu, và con là Bá Phục làm thái tử, sau vua bị Thân hầu và dân tộc Khuyển nhung giết chết.

289. Phạt, hựu : hình phạt và phù trì. Hai câu này nói mệnh trời tráo trở không thường, có đức thì phù trì, có tội thì giáng phạt, hiệp ý bốn câu « Hoàng thiên tập mệnh » đoạn trên.

290. Tề Hoàn : Hoàn công nước Tề, một vua bá hùng cường nhất trong năm vua bá (ngũ bá) đời Xuân thu. Cửu hợp : do chữ « cửu hợp chư hầu », nói Hoàn công chín lần hội hợp chư hầu, làm bá chủ thời ấy (Hai chữ « cửu hợp », Quốc ngữ, Sử ký và Luận ngữ đều có chép, nhưng ở Quốc ngữ và Sử ký, thì nói cụ thể chín lần

hội hợp, còn ở Luân ngữ, theo lời chú chu Hy, thì chữ «cửu» đồng nghĩa với chữ «cử», «cử hợp» chỉ là tập hợp, hội hợp thôi).

291. Thân sát : bản thân bị giết, hoặc giải chữ «sát» đọc là chỉ, đồng nghĩa với chữ «thỉ», bầy tôi giết vua gọi là «thỉ». Quán tử: Sau khi Quán Trọng chết, Hoàn công tin dùng bọn Dịch Nga, Thụ Điều, Khai Phướng, được một năm, bọn này làm loạn, vây nơi ở của Hoàn công, đói không cho ăn, khát không cho uống, cuối cùng, Hoàn công phải kéo một tấm da tự bọc lấy đầu mà chết (Hoàn công chết như thế, tuy không ai giết, nhưng cũng coi như bị bọn bầy tôi là Dịch Nha giết chết, nên nói là «thân sát» hay «thân thỉ»). Hoàn công trước tin dùng Quán Trọng, mà dụng nên bá nghiệp, sau tin dùng bọn Dịch Nha, Thụ Điều mà chết đói khát, thì thế không được khâm liệm (Hoàn công chết, các con tranh ngôi, đánh nhau, để thi thê ông nằm đó 67 ngày, bỏ bỏ ra ngoài cửa), trước sau chỉ là một người, mà vừa hưng, vừa vong, đã được mệnh trời phù trì, lại bị mệnh trời giáng phạt, thật là một sự việc đặc biệt trong lịch sử, nên tác giả nêu ra ở đây.

Đoạn thứ mười bốn, hỏi việc Chiêu vương, Mục vương, U vương, thời Tây Chu suy vi, và đặc biệt là việc Tề Hoàn công, thời ngũ bá cường thịnh.

292. Bành Khanh : tức Bành Tồ, họ Tiên, tên Khanh. Thần tiên truyện : Bành Tồ giỏi phép đạo dẫn, đời vua Nghiêu, được phong ở đất Đại bành, đến cuối đời Ân,

đã 767 tuổi mà chưa suy yếu. Thế bán : Đồi Ân, Bành Tồ làm chức thủ tạng sử, đồi Chu, làm trụ hạ sử, thọ 800 tuổi. Châm trị : châm là điều hòa món ăn, châm trị là điều hòa canh thịt chim tri. Truyền thuyết ; Bành Tồ khéo nấu món ăn, từng dâng thượng đế canh thịt chim tri, được thượng đế hưởng, rồi cho tuổi thọ.

293. Trương ; bảo dưỡng, nói Bành Tồ bảo dưỡng cách nào mà giữ được tuổi thọ như thế. Bốn câu trên, tác giả có ý thương mình tuổi đã già, mà còn bị đầy ải, chưa về để giúp nước được.

294. Trung ương ; như nói trung thổ, chỉ nước Trung quốc. Mục ; chăn dân, trị dân.

295. Hậu ; vua các nước (chỉ bảy nước thời chiến quốc).

296. Phong nghị ; ông kiến.

297. Cô ; bền vững. Ý nói : ông, kiến là loài vật nhỏ, còn có sức giữ vững tổ, hang, không để vật gì xâm phạm đến, hưởng chỉ một quốc gia. Bốn câu trên, tác giả có ý đau thương về việc nước Sở thường bị thua quân, cắt đất với nước Tần.

298. Kinh nữ ; hoảng sợ về lời nói người phụ nữ. Thái vi ; hái rau vi (thứ rau giống rau đậu nhỏ, thường dùng nấu canh ăn), chỉ Bá Di, Thúc Tề.

299. Hựu ; giúp đỡ, nuôi dưỡng. Sử ký : Bá Di, Thúc Tề là hai con vua nước Cô trúc (chư hầu đời Ân), khi cha chết, dần lập Thúc Tề, nhưng Thúc Tề nhường Bá Di, Bá Di nói : Phải theo mệnh cha, rồi bỏ trốn đi, Thúc Tề cũng không lập mà trốn đi theo ; khi Vũ vương đi

đánh Chúa Trục, Di, Tề giảng cương ngựa mà can ngăn, sau Vũ vương thắng Trục, diệt nhà Ân, lập nên nhà Chu, Di, Tề không thêm ăn thóc lộc nhà Chu, tới ăn ở núi Thú dương, hái rau vi mà ăn, rồi chết đói ở đó. Tiêu Doãn Nam Cỗ sử khảo : Bá Di, Thúc Tề hái rau vi ở núi Thú dương, có người phụ nữ bảo rằng : Các người không ăn thóc lộc nhà Chu, nhưng rau này cũng là cây cỏ của nhà Chu, hai ông liền nhịn đói mà chết. Liệt sĩ truyện và Quảng bác vật chí : Bá Di, Thúc Tề nhịn đói ở núi Thú dương, trời sai con hươu trắng tới cho bú.

300. Bắc chí : phía bắc tới, núi Thú dương ở phía bắc, nên nói « bắc chí ». Trang tử có câu : « Bắc chí Thú dương chison » : bắc tới núi Thú dương. Hồi thủy : dòng nước bắt gảy khúc, tức Hà khúc, chỗ sông Hà bắt gảy khúc, khi chảy qua chân núi Thú dương. Đây nói hồi thủy, tức nói Thú dương.
301. Tụy : trú ở đấy. Hi : ưa thích : Bốn câu trên, tác giả có ý thương mình sẽ lâm đến bước đường cùng như Bá Di, Thúc Tề.
- 302, 303. Huynh, đệ : anh em vua Cảnh công nước Tần Phê khuyển : con chó hay cắn, chó dữ. Chương cú : Tần. Cảnh công có con chó dữ, em là công tử Châm muốn xin, không cho, muốn đổi trăm cỗ xe, cũng không nghe, rồi đuổi Châm chạy ra nước Tấn, mà cướp lấy tước lộc.
304. Bách lượng : trăm cỗ xe.
305. Vô lộc : mất hết tước lộc. Bốn câu trên, tác giả có ý đau thương về việc Hoài vương bị Tần dụ sang Vũ

quan, bắt phải cắt đất, không biết Tần vốn là một nước khi trá, tình anh em cốt nhục, còn không dung nhau, huống chi Sở với Tần, chỉ là nước hôn nhân, không thể tin cậy được.

306. Ngô : tên một nước đời Xuân thu, ở phía đông nam Trung quốc. Hết cỏ : như nói chung cỏ, hàm ý truyền đời.

307. Nam nhạc : tức Hành sơn, một trong năm núi lớn (ngũ nhạc) của Trung quốc. Hành sơn ở phương Nam, nên gọi Nam nhạc chi : tới đó. Ngô Việt xuân thu: Thái Bá, Trọng Ung (có sách chép là Ngu Trọng), hai con vua Cỗ công, biết ý cha muốn truyền ngôi cho con út là Qui Lịch, nhân khi Cỗ công bị bệnh, hai người nói thác là đi hái thuốc ở Hành sơn, rồi tới mãi miền Kinh Man (gần Sở, Việt), dựng nước ở đấy, gọi là Câu Ngô (nước Ngô mới từ Thái Bá, trước chưa có). Đây nói : danh hiệu nước Ngô được truyền đời, là do có Thái Bá đi hái thuốc Hành sơn rồi tới đó mà lập quốc.

308. Khử tự : bỏ nơi đó, chỉ Nam nhạc, Ý nói Thái Bá, Trọng Ung có tới Nam nhạc, nhưng rồi lại bỏ đi Kinh Man.

309. Lương nam tử : hai chàng nam tử, hàm ý hai người hiền đức, chỉ Thái Bá, Trọng Ung.

310. Huân Hạp : Hạp tức Hạp Lu, vua nước Ngô, Hạp Lu có nhiều công lao, nên đặt là « huân Hạp ». Mộng : tức Thọ Mộng, ông nội Hạp Lu. Sử ký : Khi vua Ngô Thọ Mộng chết, thái tử Chư Phần kế ngôi, rồi truyền cho

hai em là Dư Tế và Di Muội, tiếp đến con Di Muội là Liêu, khi ấy, Hạp Lư, con Chư Phàn, là đích tôn, không được lập, bèn ngầm khiến Chuyền Chư đâm chết Liêu mà tự lập, rồi dùng Ngũ Tử Tư, đem quân phá Sở, tiến vào kinh đô Rinh, lại chinh phục các miền Ty Lư, Ba Thục, uy danh chấn động cả nước Trung quốc. Sinh : theo Tướng Ký, chữ «sinh» đây có thể giải như chữ «tính» là cháu, (Kinh Thi có chữ «công tính» chỉ cháu Văn vương), «Mộng sinh» là cháu Thọ Mộng, chỉ Hạp Lư.

311. Tán vong : như nói lưu vong, chỉ khi Hạp Lư chưa được làm vua.
312. Tráng : tuổi trưởng thành (sóng với chữ «thiếu» là tuổi nhỏ ở trên). Vũ lệ : như nói vũ dưng.
313. Nghiêm : uy nghiêm, uy phong, Tám câu trên, nói việc nước Ngô, tác giả có ý đau thương cho Hoài vương không biết tự cường, làm được công nghiệp hiển hách như Hạp Lư.
314. Quang : tên Hạp Lư, thường gọi công tử Quang. Tranh quốc : tranh nước, chỉ sự Hạp Lư giết Liêu mà tự lập.
315. Hoàn xuyên : đào bời quanh khắp. Lư xã, khấu lãng : làng xã, gò núi.
316. Từ Văn : tên tự của Đẩu Cầu Ô Đờ, lệnh doãn nước Sở, Từ Văn là con Đẩu Bá Tị, khi mới sinh, người nhà đem vứt bỏ ngoài nội, hồ đến cho bú, nên lại đưa về nuôi, sau làm lệnh doãn (tả tướng), giúp Thành vương sửa đổi chính sự, chấn hưng uy thế nước Sở, Ý nói :

muốn đào bới khắp nước Sở, từ trong làng xã, đến ngoài gò núi, để tìm kiếm cho được người hiền tài như Tử Văn xưa. Bốn câu trên, tác giả thương cho nước Sở khi ấy, đang bị Tần áp bức, xâm lăng, có thể có cuộc đánh vào kinh đô Rình, như Ngô phá Sở khi xưa (nhắc lại việc Ngô Quang), mà bọn chấp chính Tử Lan lại là bọn hủ bại, gian tà, làm lầm lỡ việc nước, nên muốn tìm được người như Tử Văn để sửa đổi nội trị, chống giữ ngoại hoạn, làm cho nước Sở cường thịnh lên.

317. **Đồ ngao** : hiệu của Hùng Gian, con Văn vương Hùng Ti nước Sở. Văn vương chết, Hùng Gian lên kế ngôi được ba năm, bị em là Hùng Uân (tức Thành vương) giết chết mà tự lập. Người Sở gọi những vua bị giết, không thành vua, và không có tên thụy là « ngao », đây Hùng Gian bị giết, không đặt tên thụy, nên gọi là « Đồ ngao » (Hùng Ti, Hùng Uân đều có tên thụy là Văn vương, Thành vương, còn Hùng Gian không có, chỉ đặt cho một cái hiệu như thế thôi). Đây mượn việc Đồ ngao để ám chỉ Hoài vương.
318. **Bất trường** : không dài, không được bao lâu, nói thời gian làm vua của Đồ ngao. Hai câu trên, tác giả thương cho Hoài vương bị Tần dụ vào Vũ quan, sẽ chết ở đó.
319. **Thị thượng** : thị là dùng, thượng là vua, nói dùng sự can gián đối với vua Sở, Tự du : tự mình.
320. **Trung danh** : cái danh trung trực, chỉ sự can gián. Hai câu trên, tác giả thương cho Hoài vương không nghe

lời can gián, làm cho đề nước Sở suy bại, có nguy cơ diệt vong, nên thốt ra một ý nghĩ : không muốn mình được tỏ danh trung trực là cái hư danh, mà quốc gia phải chịu họa diệt vong là cái thực họa, lời nói thật phần uất, đau thương !

321. Bạc mộ : chiều tà, lúc mặt trời sắp lặn. Bạc mộ lời diện : tả cảnh trời khi ấy đã xế chiều lại có sấm chớp.
322. Qui : đường về. Ý nói : nếu được trở về phụng sự vua, thì dù hành trình gian trở, trời chiều, sấm chớp, cũng quyết ra về, không quản ngại gì.
323. Nghiêm : uy nghiêm, đây dùng chỉ vua. Phụng : phụng sự.
324. Đế : thượng đế. Cầu : trách phạt. Bỏ cầu trên, tác giả thương mình không được trở về phụng sự nhà vua.
325. Phục nặc : nấu núp. Huyệt xư : ở nơi hang hốc, chỉ cánh đi đây ở Giang nam.
326. Văn : nói năng. Hai câu trên, tác giả thương mình bị đẩy đi một nơi hoang vắng, không còn nói năng, can gián gì được nữa.
327. Kinh huân : nước Sở trước gọi là « Kinh », huân là cầu cống. Tác sự : dấy quân, như nói động binh. Ý nói nước Sở thường dấy quân mà cầu cống. Sử ký : Tần sai Trương Nghi sang Sở, ước Hoài vương tuyệt giao với Tề, sẽ hiến đất cho Sở, khi vương tuyệt giao với Tề rồi, Tần không cho đất, vương căm giận, đem đại binh đánh Tần ở Đan chiết, lại đánh ở Lam điền, đều bị thua lớn.

328. Hà trưởng : sao được lâu dài, nói sẽ bại vong. Hai câu trên, tác giả thương cho Hoài vương thường phần nộ mà động binh với Tần, làm cho nước Sở gây một suy nhược, dẫn đến bại vong.

329. Hai câu trên, tác giả hy vọng vua Sở mau chóng hối lỗi, sửa đổi chính sự, cứu vãn tình thế nguy vong của nước nhà.

Đoạn thứ mười lăm, hỏi việc nước Sở và bản thân. Tác giả thương cho nước Sở khi ấy, chính sự hủ bại, đen tối, có nguy cơ diệt vong, mà mình thì tuổi đã già, lại bị đày đi nơi xa, không còn nói năng, can gián gì được nữa, chỉ mong vua Sở biết hối quá tự tân, mau biến nước Sở nguy vong trở thành nước Sở cường thịnh.

屈原著

楚

辭

楚辭

歌九

東皇

吉日愉劍鳴席把蒸酒抱節以寒
將長鏘將青桂揚競字權菲五欣
穆撫璆
畫慈莫
疏陳靈芳
君

東君

出極馬
將吾余
瞰熙撫

良皇珥琅璆芳播競鼓歌倡服堂會康
辰上玉琳玉璫蘭椒附安浩蛟滿繁樂
分分分分分分分分分分分分分分分分

明雷蛇上懷人歸

給

4

震狼降雙翔行

雲中君
浴蘭湯兮沐芳

英留與宮光 章降中餘窮息慙
 若就來壽齊服周既雲有焉太慙
 分分分分分分分分分分分分分分
 衣蜨照蟾月分游皇舉州海君心
 采連昭將日駕翔皇遠冀四夫勞
 華靈爛寒與龍聊靈哉覽橫思極

湘 君
 猶洲修舟波流來思征
 夷中宜桂無安來誰北
 分分分分分分分分分分分分分分
 行留眇來湘水君差龍
 不誰要吾沅江夫參飛
 君蹇美沛令使望吹駕

庭綢 浦臺 余恩 溪側 中未 勞絕 長余 朋舉 諸
洞 遂旌 極揚 極病 大澤 辭世 雲水 木樛 輕澆 翻怨 告不 江北 上
兮兮 蘭兮 兮兮 未兮 兮兮 蘭積 兮兮 兮兮 淺翻 兮兮 以兮 兮屋
道 帖兮 陽江 兮媛 涕君 兮兮 蕸蓉 同甚 兮兮 忠信 蕸節 兮
吾 荔桃 岑大 靈婢 流恩 櫻冰 祥笑 不不 潏龍 不不 騁珥 次
遠 祥蘇 望橫 揚女 橫隨 桂野 衆寡 心恩 石飛 交期 施夕 鳥

中浦若女得與
下江豐杜下再客
堂兮兮兮兮兮
兮玖佩洲遺可遙
周余余兮以不遙
水捐遺采將時聊

人 清子 下 蘭言 皋
北愁風木驕夕嶺木灋未望潺庭水兮
夫 兮兮秋兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
降眇兮波嶺期萃為望子兮水食為余
湘子眇媚庭白佳何有公忽流何何馳
帝日媚洞登與為曾沅思荒觀康蛟朝

余遊
經召信中蓋壇威標約爲既鎮爲屋街實處並如江澄杜遠駱容
西分分水倚紫分蘭分爲分荷杜分分分分分分分分分分分分
今人駕分分分分分分分分分分分分分分分分分分分分分分
濟佳騰室之壁苦棟夷薛蕙玉石葦之百芳疑之余余汀以不道
夕闕時繁并孫攜桂車周解白疏芷縹合建九靈捐遺舉將時聊

為

人 虧當為
愁何無有何
兮索兮兮兮
思兮今命合
愈人若人離
羌愁願國孰

命其下枝製有慈青笠人兮出載生新帶忽邨
司廣堂素兮自兮青紫美余兮兮兮兮兮兮兮
少蘭生葉維人何蘭葉堂獨不回其其衣而宿
秋羅綠兮大蘇秋綠滿忽入乘悲樂荷餘夕

際阿星父正
之池之來歌
雲咸陽未浩
分分分分分
須浴髮人恍
誰女女美風
君與睇望臨
登疎疎疎疎

波歸魚渚
河揚蓋蟾望
伯九水荷騎
分分分分分
河遊起車龍
女風水兩荒
與衝乘駕登
心小惟魚紫
靈乘與
游起車龍
女風水兩荒
與衝乘駕登
心小惟魚紫
靈乘與
游起車龍
女風水兩荒
與衝乘駕登
心小惟魚紫
靈乘與

下
來行浦迎子
時東南來膝
分分分分分
紛手人忘鱗
漸交美臨鱗
流子送波魚

阿羅笑宛裡
之女宜密文
結帶道分
鬼山帶又善
分分分分分
山人荔賜余
有薛含慕亦
若被既子乘
車被折余
天來上下晦
兩歸子
見後之在靈
獨山而先神
分分分分分
難立容冥風
險獨容冥風
路表雲青東
留歲

問菱歸閒片柏作冥鳴薪憂
山菱忘得柱松疑冥夜薪離
於萬悵不芳蔭然兩彼木徒
分分分分分分分分分分分
秀嘉子我人象我填填賦子
三茲公恩中石思填填賦公
東石怨君山飲君當復風思

甲接雲先行傷馬鼓怒野反
屏兵若爭余刀四鳴靈原不
殤被短敵士躍右繫擊威素在
國兮兮兮兮兮兮兮兮兮兮
戈數日墜陣瑣輪抱慙盡八
吳錯蔽交余驂兩玉時殺不
操車旌矢凌左霍援天巖出

遠兮懋武凌靈雄
起秦不以可以鬼
路扶心又不神爲
分分分分分分分
忽劍離勇強死教
原長身既剛既魄
平帶首誠終身魂

魂鼓舞容菊終古
會代分秋分
禮分分倡分絕
禮分分倡分絕
咸傳姁春長

卜居
復讒往所
得於乃有
不障從余
年蔽所曰之
三而知尹次策
放忠不磨生瑞
既盡亂鄭先乃
原知慮卜因尹
屈竭煩太願磨
見心見疑

將	何	以	教	之	寧	惘	惘	故	款	朴
以	屈	原	曰	吾	送	往	勞	來	斯	無
窮	乎	乎		將						
將	寧	誅	鋤	草	茅	以	力	耕	乎	
將	遊	大	人	以	咸	名	乎	身	乎	
將	寧	正	言	不	諱	以	危	生	乎	
將	從	俗	富	貴	以	媼	保	真	事	
將	寧	超	然	高	舉	以	中	儒	以	
婦	吸	皆	栗	斯	喔			兒	事	
將	人	乎		正	直	以	自	清	乎	
將	寧	康	潔	橋	如	脂	如	韋	以	
極	突	梯	滑							
將	寧	昂	昂	若	千	里	之	駒	上	
下	記	如	全	水	中	之	竟	與	波	
萬	偷	以	與	吾	軀	軀	軀	乎	將	
萬	寧	與	之	驢	元	比	翼	乎	將	
萬	馬	與	之	跡	乎	比	翼	乎	將	
萬	寧	與	之	黃	食	孰	孰	孰	孰	
萬	驚	孰	孰	食	孰	孰	孰	孰	孰	
萬	此	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	
萬	世	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	
萬	蟬	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	孰	

鳴名。雷無。金士。无賢。棄張。委高。鍾人。黃讒。
貞曰：長不所之事。康謝所所有君此。之而有有神行知。吾策寸智達心能。知釋短足不之不能。乃所不所者誠。尹有所有用策。庶尺有數通龜。夫物明不意。

漁父

漳水之故。江憐問何。於憐而歎。遊色見夫。故顏父大。既畔漁父。屈原三闕。原澤橘。行吟。屈行客子。至。我醒。獨醒。濁。皆我。不。世。醉。人。舉。聖。與。不。原。家。見。父。而。濁。物。皆。人。獨。是。於。人。

不故、沐振受魚之乎、世水浪足。
何何爲新必察江浩瑛鼓之滄吾。
解醕故之者察於浩瑛笑浪縷濯言。
皆其令聞浴之乎、並以之而滄吾以與。
人歟自吾新身者流能倦而曰濯可復。
衆而舉曰冠以汶湘安世先歟以兮不。
波糟高原彈能汶赴中蒙父乃可濁去。
其其思屈必安之寧腹而漁去兮水遂。
揚鏞深者衣物之白而清之。

驤 齋 分
苗伯孟以於嘉則 分
文曰於吾余以正 分
離 陽考員寅揆余曰 度
高皇提吏覽錫余 分
帝朕攝惟皇肇名

分步樂分
披窳偷隘跌績後武中慙之也正故期路言他離化九故車並茂
揭以之險憚敗先踵之齋塞舍爲之爲改成有夫數之百樹芳此
之徑人以之之以余而塞能以脩以而余而難之蘭之與與之
紂援靈昧身與走王察護知不天靈昏道與造不脩滋慙夷街葉
梁唯夫幽余皇奔前不信固而九唯黃中既悔既靈既樹留杜枝
何夫惟路豈恐忽及荃反不忍指夫曰羌初後余傷余又毗離集

分 羈 分
 分 職 分
 分 悔 分
 分 眉 分
 分 錯 分
 分 度 分
 分 時 分
 分 也
 分 亡 分
 分 然 分
 分 安
 涕 報 以 替 環 茫 苦 末 蕩 心 蛾 苦 巧 錯 曲 度 僚 此 亡 態 分 然 周 相
 掩 多 珍 夕 蕙 攬 所 猶 浩 民 之 以 工 改 迫 爲 侏 乎 流 此 群 固 能 而
 以 之 情 而 以 以 之 其 之 夫 余 余 之 而 以 以 余 因 以 爲 不 而 之 道
 息 生 好 卒 余 之 心 死 情 察 嫉 謂 俗 矩 墨 容 邑 窮 死 忍 之 世 園 異
 太 氏 雖 朝 替 中 余 九 靈 不 女 詠 時 規 繩 周 鬱 獨 溘 不 烏 前 方 孰
 長 哀 余 寧 既 又 亦 雖 然 終 求 謠 固 偈 背 競 恍 吾 寧 余 驚 自 何 夫

志兮 直兮
抑攘以之 所厚
而而白聖
心尤清前
屈忍伏周

察反路遠舉止尤初衣裳已苦歲離糶未目號
不將復未蘭焉離吾為為亦信歲陸難猶游四繁
之吾以之於且以脩以其其之其其以乎其
道乎車迷馬丘八復荷落知其情冠佩澤質顧觀紛
相侍朕行余概不將笑笑吾余余與昭反往續
悔延回及步馳進退製集不啻高長苦惟忽將佩

芳菲各好解心
其有錯吾之
嬋所所以猶可
章樂爲未憊
今常變分

女中曰然汝紛
黃判衆孰世夫
依喟濟就啓夏
之其婢妖博有
苑離可察舉覺
昭心湘華辯娛
嬋譽直乎寒此
以而嬌盈不說
之好而節歷南
陳九自
媛余以顧而嬌
盈不說之好而
節歷南陳九自
忘之好節室服
今中朋不中茲
征詞歌縱
身野修分
情分余分
分分
聽

兮卷兮兮兮兮
後家破孤終家困志願兮
國乎佚封鮮厥忍自願達達醢不祇其授不阿錯以下後計
而失以失其夫服不而乎常而道之而而而私焉哲此願之
難用遊射流貪被而娛用之焉之用饒道才墨無德聖用而民
顧子法好亂又身欲康昔桀遂幸桑禹論噴繩天民惟得前觀
不五彈又固泥澆繖日厥夏乃后跋湯周舉槍皇覽夫苟瞻桐

行兮

分

桑日羊驅屬我未騰
離御合下關予能併
分妙白鳥涕女宮
秋拂相先奔先以飛
夜相來離上開望將
延不嫉於蝶流無春

乎以以使使余余島日其而其其闔而其而其而而濟而以之此
變木逞舒康爲告厥以屯電總離帝閨峻蘭濁美將風顧丘遊

余若遙望飛皇師，
今之風雲總陸令。
闔閭反高吾纓折，
即前後驚雷吾繼組。
師紛班吾倚時結，
世好朝登忽哀溢。

纔折却前後驚雷。吾纔却。帥紛班。吾倚時結世好。朝登忽哀遠。

佩落詔雲在言爲合遷石盤傲遊禮求極乃寒女兮好兮巧疑
繼末可來所結以離難竊消驕淫無改四余僮僕媒不逝桃狐
以之隆之以脩其於乎以以而而於天之爲以鳴其而
枝華女豐妃懷蹇總續次髮美娛美素觀乎臺娥鵲余之惡豫
瓊榮下令空佩令總緯歸濯厥康信達相流瑤有令告鵲猶
折及相吾求解吾紛忽夕朝保日雖來覽周望見吾鵲離余心

可分我止分
所遣家執分
無遺未二拙分
詔先無道未二拙分
而受之而以之謀之而而以不而忍
適既幸集遊康虞而吉濁美統又情能
自皇高遠浮少有弱導洞蔽中王朕焉
欲鳳恐欲聊及留理恐世好閨哲懷余

分之分分
有之大女無女
寡占必慕博有而釋
筮余必慕博有而釋
筮余必慕博有而釋
以爲其而之其遊而
牙氣美情州是遠美
雙靈兩信九惟勉求
索命曰孰思豈口孰

精爲難何吾遠路揚鳴朝鳳高忽遵麾詔路騰路指屯齊駕
瓊余瑤雖將吾倚雲玉發余皇翺吾赤蛟兩脩衆不西余玉八
應駕衆心遠道遠霓驚輒至翼翔行水龍皇遠車周海車軌龍
以飛以之逝夫以之之於其之此而渠使以使以以其而之
爲龍爲可以崑周曉嗽天西承翼流容津涉多徑左爲十並
輟分車同自崑流揭嗽津極祈翼沙與分予觀待轉期乘馳
分疏分分分分分分分分分分分分分分分分分分分分分

此兮遙韶樂戲御懷行哉知都美政所居
委節邀舞愉赫舊馬不矣我故爲成
之緝之而以之夫余而已其乎與彭
旗而馳歌日皇晚悲顧人懷足從
雲志高九假陞臨夫高曰無何莫將
載抑神奏聊陟忽懷蜷亂園又既吾

九章

橘頌

分兮分兮喜兮
服國志可耕
秣南壹其果
橘性更紛園
樹遷徙榮棘
嘉不難素刻
皇命固葉枝
后受深緣會

[illegible]

分分分分分分分分分分
請也達白傑中結路余吾感恍
離也 不之枕之可無莫煩忙
以釋而莫余余不而又之之
尤可却而邑察余志默號傑臂
達不沉凝鬱莫煩陳靜呼忙悶
紛塞情又心又固願退進中中

分分分分分分分分分分
今杭之無異不金殆整也天
天無古而離而鏢逢吹志登
登而神極以思其而而此而
夢道屬志獨可口是美變階
余中使有危君衆若於不釋
昔魂吾口終日故初戀何欲

人言期畔志好嬌信怒察敢進懔辭閨媚忠耿之寒光燁儀至
美成爲回他美修不造自不冀懔陳不爲之庸之可爲爲不
夫我以而此其其而而而之以而之我陳其斯之以以而
道與昏道有以以言余間憚猶傷情聲人以所今樂美五咸極
以君黃中既吾余爲永震夷怛茲佯切果吾至獨蓀三彭何
矯昔曰美反矯覽與蓋願心悲心歷蓀固哀初豈何願望指夫

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

兮

虧分作報復分思正分好聽
 難來虛有有抽無美不分
 而外以而而之而其而分
 聞由可施植曰人夜以辭分
 遠不不無不歌美日吾朕曰分
 故善名孰孰少與并愉教侶有來好脾既又道願望臨望何惟分

逝曲星得誓直吾通從
 尤之列未嘗信與不之
 而路與而之之不媒吾
 夕知月逝路魂心而知
 一不指徑識靈之弱不曰
 魂曾南願魂何人理尚亂
 長狂軫超低煩愁路道憂
 潭娛願赴姪姐恩行自誰
 江以吾隱北涕遙無以言
 流聊蹇行宿寶靈又聊斯
 流行寬度猶容神幽頌遂
 湍南歲忘夷替苦處作不
 瀨顧石回徊亮散遠思心
 分分分分分分分分分分
 直分分分分分分分分分

思美人兮
思美人兮

詒兮兮兮兮兮情達雲將辭當兮詒俗志慙化考爲
 昭兮而覺發中其淳不致難盛致從屈離未壽可
 辭阻結煩不舒而於而而而靈而而而而而而而
 而路可之而以訖言隆鳥高之鳥節初年心閑易
 涕絕不蹇滯旦沉寄豈歸迅車玄變易歷馮隱變
 孽媒言蹇陷申志願過因羌高遭欲媿獨羌寧何

分兮 遂顯路
不馬異
之度而此
轍此覆懷
前改旣獨
知未車震

勒造遷聊指與
騏父遠板喘鱗
驥爲次日家黃
而我而以之以
更操勿須西爲
駕之驅時限期
兮兮兮

開白吾遵孽蹇惜吾解備佩遂吾觀竊揣
春日將江大長吾誰爲以續姜且南快取
發出湯夏薄洲不與薄爲紛絕儼人在德
歲之志以之之及玩與交以而徊之中而
兮悠而娛芳宿古此雜佩繚離以變心不
樂兮兮兮兮兮
憂兮兮

分 分 分 分 分 分 分 分 分 分
 蒸 保 章 理 木 媒 是 分 服 疑
 遠 揚 可 聞 爲 緣 爲 濡 說 能 不 抓
 其 外 信 而 以 而 而 不 之 而
 郁 而 質 蔽 弱 趾 容 囊 吾 吾 形 與
 郁 內 與 居 辟 舉 笑 褰 高 下 朕 容 曰
 紛 滿 情 羌 令 憚 固 憚 登 入 固 然 亂
 廣 未 命 願 獨 思
 遂 改 則 及 莞 彭
 前 此 處 白 莞 咸
 分 也 吾 之 南 故
 將 未 行 也
 罷 暮 分 分

悲 回 風 搖 蕙 傷
 回 風 結 而 內
 悲 心 冤

分 思 蓋 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分
性保造忘可長群皆別章故著都既及羊惡明
隕先之不豈可號不自文同獨永自所相所
而而感而情之以而以其不而之以之之之
微隱彭會其偽鳴叱鱗隱薜幽人世志雲志詩
有有何志覺虛默直羊龍茶陸佳統遠浮眇賦
物聲夫鯁萬孰烏草魚蛟故蘭惟更眇憐介竊

分 分 分 分 分 分 分 分 分 分
懷處嗟慮淒淒
獨自嗟思淒淒
之以之而而
人椒教伏交
佳若殿隨涕
惟折曾獨泣

曙曼去流情情可懷膺光仍見滿志行顏將離比可憊聊兮愁兮
至曼不周自慙不爲爲故所不若素遂若其節不不流之杖
以之而以之以之以之以之以之以之以之以之以之以之以
眠夜哀容遠息邑心苦木風髣髴離憫憫習冉稿敬心言死爲嗟
不長此從道太於思愁若飄髣髴離憫憫習冉稿敬心言死爲嗟
思終掩寐聊傷氣亂編折隨存心撫超歲昔煩苦憐證寧不孤

遂	儻	忽	而	捫	天	分
吸	湛	露	之	浮	涼	分
漱	凝	霜	以	零	零	分
依	風	穴	以	自	息	分
忽	傾	竅	以	憚	透	分
馮	崑	崑	以	瞰	露	分
墜	屹	山	以	清	江	分
憚	涌	滿	之	礧	礧	分
聽	波	聲	之	沟	沟	分
紛	容	容	之	無	經	分
周	芒	芒	之	無	紀	分
軋	洋	洋	之	無	從	分
馳	委	移	之	焉	止	分
漂	翻	翻	其	上	下	分
翼	遙	遙	其	左	右	分
記	滿	滿	其	前	後	分
伴	張	弛	之	估	期	分
觀	炎	氣	之	相	仍	分
窺	煙	液	之	所	積	分
悲	霜	雪	之	俱	下	分
聽	潮	水	之	相	擊	分
借	光	景	以	往	來	分
施	黃	棘	之	枉	策	分
求	介	子	之	所	存	分

見	伯	夷	之	放	迹	分
心	調	康	而	弗	去	分
刺	著	志	之	無	通	分
渡	大	波	而	流	風	分
託	彭	咸	之	所	居	分
亂	曰					
吾	怨	往	昔	之	所	冀
憚	來	者	之	逝	逝	分
浮	江	淮	而	入	海	分
從	子	胥	而	自	通	分
望	大	河	之	洲	渚	分
悲	申	徒	之	抗	迹	分
驟	諫	君	而	不	聽	分
任	重	石	而	何	益	分
心	難	結	而	不	解	分
思	蹇	產	而	不	釋	

涉江

余	幼	好	此	奇	服	分
年	旣	老	而	不	哀	分
帶	長	之	陸	在	離	分
冠	切	雲	之	佩	荒	分
被	明	月	兮		璐	

分
知顧蟠之圓
余不白兮玉壽光吾湘
其而駭遊食同齊其江
而馳兮華兮兮之乎
濁高此重寄地月莞濟
湘方青與寬天日南余
世吾駕吾登與與哀且

分
顧風皋林沅沅兮
反緒山方上擊不凝兮端何
而之兮兮余以而而渚其之
渚冬馬車船榜與水枉心遠
鄂秋余余舲吳容回發余憊
衆欽步邨東齊船淹朝苟雖

分
何所如
儻之
余吾
浦知
漱不
入迷

分兮
冥居日兮
冥所蔽兮
以之以此
青扶高晦
林援峻幽
深乃山下
雲霧哀幽
吾固
樂中而終
樂中而終
從俗兮
窮

兮
首行用兮
鬢羸必以
興麾不子
接桑忠賢
伍叱
然兮
皆乎而而
然兮
今不終
之豫身
人兮
身

兮
遠兮
日以遠兮
皇日
鳳皇
曰
鸞

分分分分分分
壇薄得當吾
堂林不乎
巢死若時忽
鵲夷御位餘
烏車並易使
花中膝陽信
燕露腥陰懷

哀郢

命愆失遠達亡懷行閭極與再息霰浮見懷
純震相東就流軫以去焉察不若而不傷
不之而而而以而吾而其以而而其而而
之姓數春都夏門龍都忽楊君歎淫首門媛
天百離什故江國之郢荒齊見長淫夏龍婢
皇何氏方去遵出甲發昭構哀望涕過顧心

眺不其所以所蹤
順風波以從流兮
焉洋候而爲客兮
凌陽翔之記濫兮
忽翔結而焉蕩兮
心結產而解兮
思運舟而下釋兮
將上庭而下浮兮
去終古而所江兮
今遵邈邈來東兮

羌何靈魂之欲歸兮
背煩更而忘反兮
哀故鄉之思遠兮
登大壑而遠望兮
聊舒吾心樂兮
哀以土之樂風兮
憑江介之樂風兮
當隴陽之樂風兮
曾不之爲可燕兮
孰東門之爲可燕兮

兮 兮 兮 兮 兮 兮
久接遠可兮不通感
長相遠不倍而不舍
之其之之午而而
怡愁路夏去九鬱條
不與郢與若今鬱條
心憂惟江忽至慘塞

兮 兮 兮 兮 兮 兮
約持進之兮夫妒偽美慨進道
汨難願郵行遠嫉之情悅日踰
之而而而抗而之憊之之而而
嶽弱湛離之香人不愉人蹀遠
承往湛被舜香讒以慍夫蹀起曰余壹
外堪忠妒亮瞭衆被憎好家美亂憂冀

鄉丘而忘
故首罪而
反必吾夜
飛死非日
鳥孤信何

運兮

之

懷沙
孟夏
草木
懷永
抱南
香幽
紆而
初而
屈

兮

兮

兮

兮

兮

園兮
為替
迪鄙
墨改
以未
本所
志未
方度
初子
畫圖
列常
易君
章前

固庸態也
文質不疏
才朴如余
其知余積之
吳有

重仁襲義
護厚以爲
重華不遺
孰如余之
古固何其
豈知其久
湯而不遠
邈而達心
德懌懌志
抑離之北
顧路昧娛
近日憂之
舒限曰浩
汎分汎分

情懷伯民定曾世人知明
 路質樂生心傷湖心死告將
 無地既東廣爰濁不可君以
 敵情沒命志哀莫可讓子為
 道獨驥各余永吾謂願類
 遠無焉有何嘆知分勿愛分
 忽區程所所喟分
 分分分分分分分分分分

惜往日

惜往日之曾信分
 受命詔以昭時分
 奉先功以照下分
 明法度強而法立分
 國富臣而日娛心分
 屬密事之載治分
 祕過失靡而泄分
 心純讓人而嫉之

分 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分 分
 位否明欺實惡濁之辜九信之淵流名昭察幽信聊隱由處
 侍然聰以考弗溺過無見誠備玄沉絕不弗數袖不蘇無為
 而其之又以而之而之而之而之而之而之而之而之而之
 怒激君誤驗臣欽志臣諱景隱湘忍身君度草情亡聖法里
 舍清晦惠參遷謖氣貞離光幽沉自沒壘無苦舒死障貞百
 君不淑虛弗遠信盛何被慙身臨遂卒恐君使焉怙獨使聞伊

兮
移兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮
兮

歌牛桓之味憂枯求禁游身之節疑寶辭難之妖或蔽得賢可
朝飯與知帶後立進之優親哭死不按虛雜別卑不而日嫉不
於而武而而而而爲之之而而而文其而之而明而之其
屬歌湯云讒死忠竊山德故素信護察人澤旦草降聰諛世若
望威遠孰信胥子君介大父編忠訑省謗與申芳霜不謹前蕙
呂賓不世吳子介文封報恩因或或弗聽芳孰何微諫使自謂

•

今

1

今

;

八

3

—

分

今

今

1

公

2

八

2

4

分

1

型

今

佩

今

今

佩

14

妙
 佳
 治
 之
 芳
 芳
 分
 慕
 母
 而
 自
 好
 客
 雖
 有
 施
 之
 美
 分
 謾
 拓
 以
 旬
 代
 客
 願
 陳
 以
 白
 行
 分
 得
 罪
 之
 不
 意
 分
 情
 寬
 之
 日
 明
 置
 分
 如
 列
 之
 錯
 馳
 分
 衆
 騏
 而
 自
 載
 分
 無
 嚙
 而
 下
 流
 分
 棄
 泥
 以
 自
 備
 分
 無
 舟
 而
 心
 治
 分
 苟
 法
 其
 無
 吳
 分
 辟
 與
 此
 而
 有
 再
 亂
 曰
 死
 之
 而
 分
 寧
 渣
 跌
 而
 分
 恐
 禍
 辭
 而
 分
 不
 華
 君
 之
 識

天 初形 闇像 之未 管惟 古下 昭翼 遂上 冥馮 曰	問 誰何 誰何 傳由 能以 道考 極識 之文 之之
闇合 闇三 明陽 明陰	為化 何何 時本 唯何
重功 九何 則茲 圓惟	之之 度作 營初 孰孰
繫當 為何 維往 幹八	加虧 焉何 極南 天東
際有 之多 天之 九陽	屬數 安其 放知 安誰
皆屬 所安 何月 天日	分隙 為安 二星 十列
谷晦 德何 鴻及 何維 自明 光利 出自 夜殿	記里 育在 蒙幾 又冕 于行 則顧 次所 元而

子九取焉夫
在安氣惠
合處無何岐
女伯

明職而安開
何曜靈
晦旦而未闕
何角宿

之之興膺以
何何
起甕而鹿
號體

之之安遷以
何何
山陵林行
戴舟

考故何其谷
川孰
錯溢安不
州流

多何孰幾脩
其其
北機南順
東西

在里安幾凡
其其
圓重縣九
崑崙

焉焉從通誰
其何
門啓之辟
方北

日安不到	頓龍何照
羲和之未揚	若華何光
何所冬煖	何所夏寒
焉有石林	何獸能言
焉有龍虬	負熊以遊
雄龜九首	儻忽焉在
何所不死	長人何守
靡薢九衢	象華安居
靈蛇吞象	厥大何如
黑水玄趾	三危安在
延年不死	壽何所止
鯀魚何所	魋堆焉處
翠焉蹕日	烏焉解羽
登立爲帝	孰道尚之
女媧有體	孰制匠之

干竭時舞
平荷曼膚

何以懷之
何以肥之

不任汨鴻
食日何憂

師何以尚之
何不課而行之

竭龜曳衡
順欲試功

鮪何聽焉
帝何刑焉

阻窮西征
化爲黃熊

巖何越焉
巫何活焉

咸播秬稌
何由并殺

蒲崔是營
而鮪疾脩盈

永遏在羽山
伯禹腹鮪

夫何三年不施
夫何以變化

纂就前緒
績初繼業

遂成厥功
而厥謀不同

洪泉極深
地方九則

何以寘之
何以墳之

應龍何畫

河海何歷

鯀何所營
康回憑怒

禹何所成
墜何故以東
南頓

禹之力獻功
得彼兪山女

降省下土方
而通之于台桑

閼妃匹合
胡爲嗜不同味

厥身是繼
而快蕝飽

啓化益作后
啓啓惟憂

卒然離孽
而能拘吳達

皆歸歟
何后益作華

而無害厥躬
而禹播降

啓棘室商
何勤子屠母

九辯九歌
而死分竟地

帝降夷羿
胡歟夫河伯

革孽夏民
而妻彼雄嬪

馮珖利決

封飾是歟

何獻燕內之音 而名帝不若

況娶純孤 眩妻爰謀
何翠之敷草 而交吞撥之

白蛻嬰弟 胡爲此堂
安得夫良藥 不能固戕

天武從橫 陽離爰死
大鳥何鳴 夫焉喪厥體

惟澆在戶 何求于搜
何少康逐大 而顛隕厥首

女歧維裳 而館同爰止
何顛易厥首 而親以達殆

湯謀易旅 何以厚之
覆舟斟尋 何道取之

桀伐蒙山 何所得焉
妹嬉何肆 湯何殛焉

緣鵲飾王
何承謀夏桀

后帝是饗
終以滅喪

帝乃降觀
何條放致罰

下達伊摯
而黎服大說

簡扶在臺
玄鳥致貽

饗何宜
女何喜

二

爵閭在家
亮不姚告

父何以鯁
二女何親

絳服厥第
何肆犬豕

終然爲害
而厥身不危敗

眩弟並淫
何變化以作詐

危害厥兄
而後嗣遂長

二

該秉季德
胡終弊于有扈

厥父是臧
牧夫牛羊

有扈牧豎
擊牀先出

云何而達
其命何從

恒秉孝德 焉得夫朴牛
何往營班祿 不但還來

昏微遵迹 有狄不富
何繁鳥萃棘 負子肆情

成湯東巡 有羊腹極
何乞彼小臣 而吉妃是得

水濱之木 得彼小子
夫何惡之 勝有羊之婦

湯出重泉 夫何皋尤
不勝心伐帝 夫誰使挑之

初湯臣摯 後茲承輔
何年官湯 尊食宗緒

彼王紂之躬 孰使亂惑
何惡輔弼 諂諂是服

厥萌在初 何所意焉
璜臺在十 所極焉

比干何逆
雷聞何順

而柳沉之
而賜封之

何聖人之德
梅伯受醢

辛其異方
箕子伴狂

會龍寧盟
蒼鳥群飛

何踐吾期
孰使萃之

列擊紂躬
何親撥發

叔旦不嘉
定周之命以嗟

授殷天下
反威乃亡

其位安施
其罪伊何

爭遺伐器
並驅擊翼

何以行之
何以將之

稷維元子
授之於冰上

帝何望之
烏何燠之

何馮弓挾矢
旣覽帝切激

疎能將之
何逢長之

伯昌既哀	東鞭作牧
何令徽彼岐社	命有殷國
天藏就岐	何能依
殷有燕娣	何所讎
受賜茲醢	西伯上告
何親就上帝罰	殷之命以不救
師望在肆	昌何識
鼓刀揚聲	后何喜
武發殷	何所悒
載尸集戰	何所急
伯林雉經	維其何故
何憾天抑墜	夫誰畏懼
皇天集命	惟何戒之
受禮天下	又使至代之
昭后成遊	南土爰底
厥利維何	逢彼白雉

穆王巧梅
環理天下

夫何周流
夫何索求

妖夫曳術
周幽誰誅

何號於帝
焉得夫寢如

天命反側
齊桓九合

何罰何祐
卒然身歿

彭鏗斟短
壽命永多

帝何饗
夫何長

中央共牧
蟲蛇徽命

后何怒
力何固

驚女采薇
北至白水

鹿何祐
羊何喜

兄有噬犬
易之以百兩

弟何欲
辛無祿

吳獲進古
孰期去斯

南戴是止
得兩男子

勲閨夢生 少離散亡
何壯武屬 能流厥嚴

吳光爭國 久余是勝
何環穿自閩社 丘陵爰出子文

吾告堵敖 以不長
何試上自予 忠名彌章

薄暮雷電 歸何憂
厥嚴不奉 帝何求

伏匿次處 爰何云
別勲作師 夫何長
悞過改更 我又何言

Mục lục

	Trang
<i>KHUẤT NGUYỄN và tác phẩm của ông</i>	5
<i>Lời người dịch</i>	20
1. CỬU CA	21
— Đông hoàng thái nhất	21
— Đông quân	22
— Văn trung quân	23
— Tương quân	24
— Tương phu nhân	26
— Đại tư mệnh	27
— Thiếu tư mệnh	29
— Hà bá	30
— Sơn quí	31
— Quốc thương	33
— Lễ hồn	34
	463

II. BỐC CỬ	61
III. NGƯ PHỦ	68
IV. LY TAO	74
V. CỬU CHUÔNG	139
— Quất tụng	139
— Tích tụng	141
— Trừu tư	144
— Tư mỹ nhân	148
— Bi hỗi phong	151
— Thiệp giang	156
— Ai sính	158
— Hoài sa	161
— Tích vãng nhật	164
VI. THIÊN VẤN	228
<i>Chú thích</i>	290
<i>Nguyên văn chữ Hán</i>	389

Số Từ của KHUẤT NGUYỄN. Nhà xuất bản Văn học
 In lần thứ nhất 15.200 cuốn, tại nhà máy in Tiến bộ
 Hà-nội — Khổ 13×18,8 — Số xuất bản: 31 — Số in: 755
 Xong ngày 20-11-1974 — Gửi lưu chiểu tháng 11-1974.

Bìa: VĂN CAO

Giá : 2 d.60